NĂM THỨ MƯỜI SÁU • #185 • SEPTEMBER 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

Số
Đặc Biệt
về

PHAN THANH GIẢN

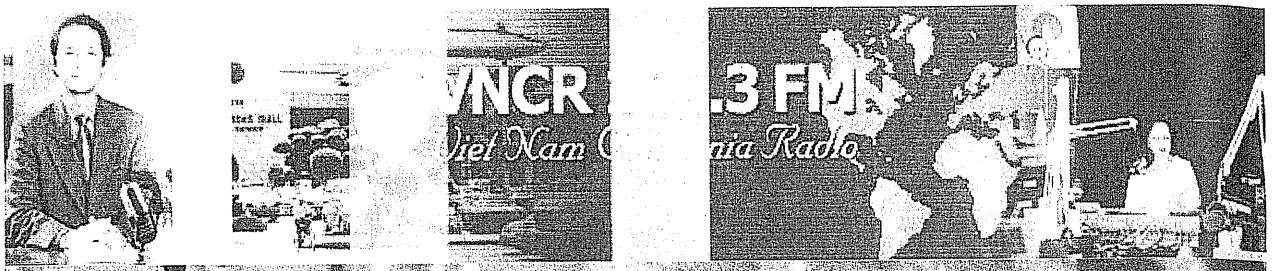

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

Windows Media Player 9 Series

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

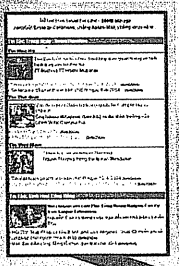

Email miễn phí

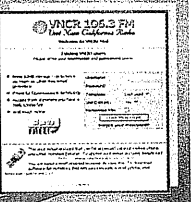

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

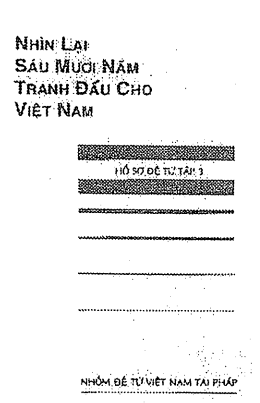

NHÌN LẠI SÁU MƯỜI NĂM TRANH ĐẤU CHO VIỆT NAM
của Nhóm Đệ Tứ Việt Nam tại Pháp
Sách, còn gọi là "Hồ sơ Đệ Tứ Tập 3," gồm bài viết của nhiều tác giả, trong đó quan trọng nhất là tác giả Hoàng Khoa Khôi, phanh phui nhiều sự thật lịch sử. Ông Hoàng Khoa Khôi và nhóm bạn cộng sản Đệ Tứ quốc tế của ông ở Pháp, vẫn kiên trì tranh đấu trong 60 năm qua, nhưng mục tiêu bây giờ là dân chủ, nhân quyền cho Việt Nam, chống lại chế độ độc tài của đảng CSVN, vốn thuộc Đệ Tam quốc tế. **Giá 20 Mỹ kim.**

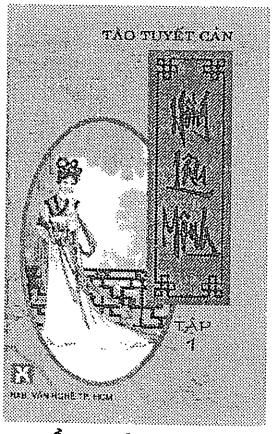

HỒNG LÂU MỘNG
của TÀO TUYẾT CẦN, do Vũ Bội Hoàng, Nguyễn Doãn Địch, Nguyễn Thọ dịch
Cuốn tiểu thuyết lớn có tên Hồng Lâu Mộng, đã tạo ra cả một ngành học mới tại Trung Quốc, gọi là Hồng Học. "Nó là một cuốn bách khoa sinh động về xã hội Trung Quốc thời xưa. Về mặt thi pháp nghệ thuật, thì đó là một bước tiến mới trong nghệ thuật tiểu thuyết của thế giới. Hồng Lâu Mộng xứng đáng đứng ngang với các kiệt tác của nhân loại." **Giá trọn bộ hai cuốn: 49 Mỹ kim.**

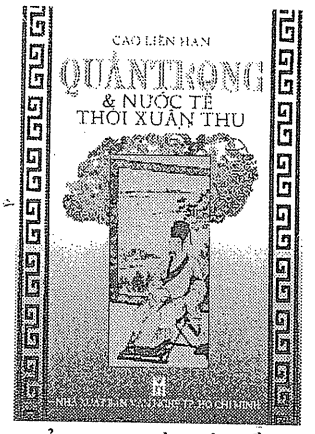

QUẢN TRỌNG VÀ NƯỚC TỀ THỜI XUÂN THU
CAO LIÊN HÂN, bản dịch của Ông Văn Tùng, Nguyễn Đắc Thanh.
Quản Trọng là nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà quân sự, nhà cải cách lỗi lạc của Trung Hoa từ thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên. Tất cả những chủ trương về các mặt trên của ông, đến nay vẫn còn nguyên giá trị, trở thành một di sản quý báu cho đời sau, và được trình bày lại một cách sinh động trong sách này, gây nhiều hứng thú cho người đọc. **Giá 18 Mỹ kim.**

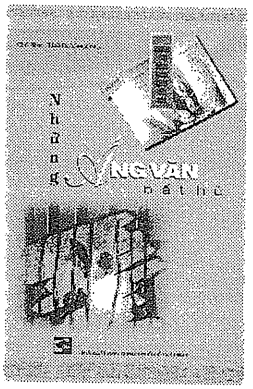

NHỮNG ÁN VĂN BẤT HỦ
TÀO DƯ CHƯƠNG chủ biên; bản dịch: Trần Kiết Hùng, Thái Văn Nam.
Đây là những mẩu chuyện thật và nhân chứng thật tiêu biểu trong sách sử Trung Hoa, được soạn giả sắp xếp theo các nội dung khác nhau: khí tiết anh hùng, tu thân tích đức, khổ luyện thành tài, gương sáng trong văn học nghệ thuật, trí tuệ hơn người v.v... Mỗi sự kiện đều được mô tả một cách sinh động và chân thật. **Giá 7.50 Mỹ kim.**

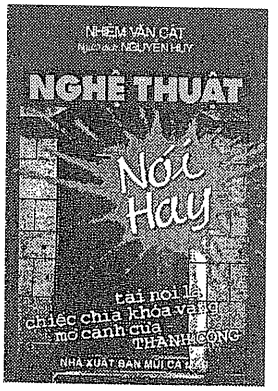

NGHỆ THUẬT NÓI HAY
NHIỆM VĂN CẬT. Người dịch: Nguyễn Huy.
"Lời nói không mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau." Nói sao cho hay, nghĩa là gây ấn tượng tốt cho người khác, đó là tất cả nội dung của bộ sách gần 1400 trang này. Sách nghiên cứu, đề cập đến mọi phương pháp giúp chúng ta có thể trình bày bằng lời nói một cách mạch lạc, rõ ràng, thuyết phục những gì chúng ta muốn diễn đạt cho người khác. Chỉ cần chúng ta nắm vững được một số những kỹ xảo quan trọng thì nói năng sẽ thành một việc đơn giản, thú vị. **Giá 33 Mỹ kim.**

ĐIỆU SÁO MÊ HỒN
NGỌA LONG SINH
Đây là một tiểu thuyết kiếm hiệp trường thiên, dài gần ba ngàn trang, chứa đựng một cốt truyện vô cùng hấp dẫn, với một bút pháp cực kỳ lôi cuốn của Ngọa Long Sinh, một tên tuổi nổi tiếng trong làng sách võ hiệp. Giải trí bằng sách kiếm hiệp rất thú vị, vì qua nhiều tình huống gay cấn nhưng tâm hồn vẫn nhẹ nhàng, không quá bị bức xúc như những phương tiện giải trí hiện đại.
Giá toàn bộ tám cuốn: 67 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel: (714) 585-4666 - (714) 839-8746

Email:tapchitheky@aol.com (trị sự) theký@kicon.com (biên tập

Tạp chí THẾ KỶ 21*: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa*

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Air Mail)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
	US $90.00	**US $170.00**	Mới (New)
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	
	US $106.00	**US $196.00**	Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC

SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

- Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
- Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
- Chữa trị và phòng ngừa đau nhức từ chi, đau nhức toàn cơ thể.
- Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
- Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
- Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,

* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

- Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
- Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
- Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
- Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOÀI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi

- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO
Chỉ được bán tại:
12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA
Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.
Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn k hông tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu qui vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.

Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy,ọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

TIN BUỒN

Trong tháng Tám 2004 có hai tin buồn lớn
Đó là sự ra đi của hai anh

TRƯƠNG PHÚ

Pháp danh THANH TUỆ

giám đốc nhà xuất bản An Tiêm; và

NGÔ MẠNH THU

Pháp danh TÂM HÒA

Nguyên thành viên Hội Đồng Quản Trị báo Thế Kỷ 21.

Anh **Thanh Tuệ**, từ Pháp qua Mỹ để lo công việc in sách và xuất bản, bị xuất huyết bao tử một cách đột ngột, và đã qua đời tại bệnh viện Garden Grove, thuộc thành phố Garden Grove, Nam California, vào lúc 7 giờ 30 tối ngày 16 tháng Tám 2004, nhằm ngày mồng Một tháng Bảy năm Giáp Thân, thọ 69 tuổi. Thân xác anh đã được hỏa thiêu vào ngày 21 tháng 8, và phần tro cốt đã được gia đình đem về Pháp ngày 26 –8-2004.
Nhà xuất bản An Tiêm do anh Thanh Tuệ sáng lập tại Việt Nam vào năm 1965, và suốt 40 năm qua, ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại, anh Thanh Tuệ đã kiên trì in ấn và phổ biến những tác phẩm có giá trị. Từ lâu, sách của nhà xuất bản An Tiêm đã nâng sách xuất bản của Việt Nam lên một trình độ cao hơn. Ông Giám đốc nhà xuất bản An Tiêm đúng là một nhà văn hóa đích thực của chúng ta.

Anh **Ngô Mạnh Thu** cư ngụ tại Quận Cam, California, qua đời vì đứt mạch máu não vào lúc 8 giờ 53 phút tối ngày 17 tháng Tám 2004 nhằm ngày mồng Hai tháng Bảy Giáp Thân tại bệnh viện UCI, hưởng thọ 67 tuổi.
Là một nhạc sĩ tốt nghiệp Quốc Gia Âm Nhạc, trước kia anh làm việc tại đài phát thanh Sài Gòn, và là một huynh trưởng của Phong trào Du Ca Việt Nam từ giữa thập niên 1960. Anh còn là một Phật tử thuần thành, hoạt động lâu năm trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Ra hải ngoại vào thập niên 1990, anh cùng các bạn làm sống dậy Phong trào Du Ca, làm Tổng thư ký hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, là thành viên sáng lập và hoạt động kiên trì với đài phát thanh VNCR cho đến giờ phút chót, trong khi vẫn gắn chặt với các hoạt động của Gia Đình Phật Tử hải ngoại. Ngoài Trường Ca Lửa viết năm 1964, Ngô Mạnh Thu còn là tác giả hàng trăm ca khúc đủ thể loại, từ tình cảm đến các bài sinh hoạt cho Phong trào Du Ca và những bài có tính cách giáo dục dành cho thiếu nhi.
Tang lễ anh Ngô Mạnh Thu đã được cử hành vào ngày 23-8-2004 tại Westminster, Nam California.

Tạp chí Thế Kỷ 21 đau buồn báo tin này đến bạn đọc và thân hữu xa gần. Cùng tất cả các bạn, chúng tôi xin gửi lời chia buồn đến gia đình hai anh Thanh Tuệ và Ngô Mạnh Thu.
Cầu chúc Hương Linh hai anh an nghỉ nơi cõi Vĩnh Hằng.

Tạp chí THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt Phạm Phú Thiện Giao, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Phan Thanh Giản*, tranh của họa sĩ **Nguyễn Đồng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họ: **Ba Bui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 185 – Tháng Chín 2004

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
13. Lạm phát tại Việt Nam – **Nguyễn Quốc Khải**
18. Tiến trình bang giao Việt-Mỹ và các vấn đề hiện tại – **Nguyễn Mạnh Hùng**

ĐẶC BIỆT VỀ PHAN THANH GIẢN
8. Thư tòa soạn – **Thế Kỷ 21**
10. Bi kịch lịch sử - **Ngô Nhân Dụng**
27. Vàng và lửa – **Trần Gia Phụng**
38. Tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử đã viết những gì về vị Tiến sĩ đầu tiên của Miền Nam? – **Phạm Cao Dương**
43. Nhận định bài tổng kết về Phan Thanh Giản của "Người Anh Cả" giới Sử học Hà Nội – **Phan Thanh Tâm**
67. Thử đi tìm nguyên nhân cụ Phan Thanh Giản bị Cộng sản Bắc Việt kết tội – **Trần Đông Phong**
82. Thử đọc lại mấy bài thơ quốc âm của cụ Phan Thanh Giản – **Lưu Khôn**
86. Góp ý cùng GS Nguyễn Phú Thứ về cụ Phan Thanh Giản và cụ Nguyễn Đình Chiểu – **Nguyễn Trung Quân**
89. Nhơn dịp du xuân, may gặp kho tàng quý giá về cụ Phan Thanh Giản – **Lê Văn Ngôn**
91. Công đạo vẫn chưa sáng tỏ – **Hoàng Lê**
95. Về một ngôi trường – **Trần Hoài Thư**
97. Thương nghị trong thế yếu – **Hoàng Lại Giang**
101. Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản – **Trần Huy Liệu**

NHỮNG BÀI KHÁC
104. Vầng trăng xưa đã chết rồi sao? – **Lê Văn Lân**
106. Buổi sáng qua sông, Chuyển mùa – (Thơ) **Cổ Ngư**
107. Nghề mới – **Hồ Phú Bông**
111. Mùa hạ của tôi – (thơ) **Cao Thị Nguyệt Lãng**
113. Học làm gì? – **Nguyễn Bách Việt**
116. Bằng không – (thơ) **Phương Mỹ Hoa**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Thư Trị sự
47. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
53. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
58. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Xin chịu thua Mật Mã

Xin chịu thua! Tôi đã tốn khá nhiều thì giờ cố đọc bức thư ngắn Lệ Hằng gửi cho Đoan Hùng trong bài Mật Mã của ông Nguyễn Đức Tường, đăng trên Thế Kỷ 21 số 181, nhưng vô hiệu. Thế Kỷ 21 vẫn an toàn, không bị thiệt hại một năm báo. Tôi đoán chắc Vigenère là mật mã đã dùng và đã thử mãi.

Bài Mật Mã là một biên khảo công phu, không dễ đọc; chú ý đọc, người đọc không những sẽ thu lượm được một số kiến thức khoa học mới lạ, mà còn biết thêm được một khía cạnh về sinh hoạt dân chủ trong xã hội Mỹ, một luồng nước ngầm rất năng động, lý do đã khiến cho nước Mỹ giàu mạnh như ta thấy ngày nay. Xin thành thật cảm ơn Thế Kỷ 21 và tác giả.

Nguyên Hồng
(Toronto 25 July 2004)

Viết như chuyện thật

Đọc Thế Kỷ 21 số 183 tháng 7, 2004 có truyện ngắn "Trên Một Dòng Sông" viết rất hay. Nhiều chi tiết rất thú vị. Tác giả đã viết như chuyện thật. Tôi đã đọc, và đọc lại lần thứ hai mà vẫn thấy tích thú. Cám ơn nhà văn Nguyễn Lê Hồng Hưng đã cho độc giả thưởng thức truyện ngắn rất hay nầy.

Tràm Cà Mau
(Oakland CA)

Giữa sự thật và hư cấu

Đọc Thế Kỷ 21 số 183 (tháng 7 năm 2004), tôi cảm thấy thích thú với truyện "Bức Tranh" của Xuân Đỗ, vì tôi cũng sinh tại Hội An và biết chuyện liệt sĩ La Hối cùng các đồng chí của ông bị hiến binh Nhật hãm hại.

Tôi biết tên những người ấy, cùng những người khác đồng thời bị bắt nhưng sau được thả về. Nhưng tôi không nghe có tên Vưu Tuyết Anh.

Theo tác giả, Vưu Tuyết Anh là bà con thân thuộc của La Hối, nhưng theo tôi hiểu, La Hối không có bà con nào họ ấy cả, và ở Hội An cũng chẳng có ai (Hoa kiều lẫn Việt Nam) họ ấy cả.

Vì thế tôi dám nghĩ rằng tác giả dựa trên chuyện liệt sĩ La Hối bị bắt giết mà tạo ra một cô gái có cơ hội tiếp xúc với người Nhật Moru Ashahito (cũng là tên giả tạo?) để giàn dựng thành một câu chuyện tả sự đau khổ của một cặp tình nhân thuộc dân tộc khác nhau và có bối cảnh chính trị thù nghịch nhau.

Dù sao đi nữa, mong tác giả truyện "Bức Tranh" trả lời cho tôi biết để giải tỏa sự thắc mắc của tôi về nhân vật Vưu Tuyết Anh. Tôi tin rằng những người Hội An tại Mỹ khi đọc truyện "Bức Tranh" đều thắc mắc như tôi.

L. N. A.
(Santa Ana 26-7-2004)

Trả lời của tác giả Xuân Đỗ

Thưa ông/bà L.N.A.,

Tòa soạn báo Thế Kỷ 21 có chuyển đến cho tôi thư của ông (bà) về truyện ngắn Bức Tranh. Tôi chân thành cám ơn ông (bà) đã đọc, chia xẻ và cho ý kiến về câu chuyện và hai nhân vật Vưu Tuyết Anh, Moru Ashahito. Đúng như ông (bà) nghĩ, truyện được dựa trên những sự kiện lịch sử có thật, như việc liệt sĩ La Hối và các đồng chí bị hiến binh Nhật thảm sát, và từ đó dựng nên mối tình nhẹ nhàng nhưng đầy khổ lụy giữa Vưu Tuyết Anh và Moru Ashahito, thuộc hai dân tộc khác nhau, trong bối cảnh chiến tranh thù nghịch nhau. Cuối cùng TÌNH YÊU chân thật đã thăng hoa, hóa giải được sợi dây oan trái do bạo lực chiến tranh tạo nên.

Tôi xin xác nhận, hai nhân vật Vưu Tuyết Anh và Moru Ashahito hoàn toàn chỉ là hư cấu trong văn chương mà thôi.

Riêng về lời khẳng định "... *ở Hội An cũng chẳng có ai (Hoa kiều lẫn Việt Nam) họ ấy cả*" thì tôi có thể cả quyết rằng: ở Hội An có họ Vưu.

Kính thư,
XuânĐỗ

Vẫn chuyện Bức Tranh

Truyện ngắn Bức Tranh của tác giả Xuân Đỗ trong Thế Kỷ 21 số 183 thật xuất sắc. Không biết đây là chuyện thật hay hư cấu, nhưng dù sao thì tác giả đã thể hiện một kỹ thuật dựng truyện rất vững chắc với sự phối hợp các diễn biến lịch sử cũng như nhân vật thật khéo léo. Đây là một chuyện tình lãng mạn, thật đẹp diễn ra ở thành phố Hội An với hai nhân vật chính là một nhà ngoại giao trẻ tuổi người Nhật và một thiếu nữ mang hai dòng máu Hoa và Việt trong bối cảnh những năm cuối cùng của đệ nhị thế chiến. Nhưng cuộc tình ấy đã bị vùi dập bởi những biến động kinh hoàng của giai đoạn lịch sử đầy bi thảm đó. Đọc truyện này chúng ta liên tưởng đến tác phẩm *Temps d'aimer et Temps de mourir* ngày xưa (đã được dịch là *Một thời để yêu và một thời để chết*), nhưng truyện Bức Tranh của Xuân Đỗ mang đậm tinh thần văn hóa Đông phương và gần gũi với chúng ta hơn. Cảm ơn tác giả nhiều.

Cũng mạo muội đề nghị Thế Kỷ 21 gửi truyện này cho anh Đỗ Thông Minh ở Tokyo, nhờ anh ấy dịch ra tiếng Nhật và gửi cho các báo và các hãng phim Nhật. Biết đâu có hãng dựng thành phim thì hay biết bao!

Nguyễn Đình Cường

Xin đa tạ ý kiến của anh Nguyễn Đình Cường. Anh Đỗ Thông Minh cũng là một độc giả của Thế Kỷ 21, khi đọc bức thư này của anh, thế nào cũng thấy đây là một gợi ý rất hấp dẫn. Nhưng không biết anh Đỗ Thông Minh, vốn rất bận bịu với nhiều dự án khác nhau, có đủ thì giờ để làm công việc "gạch nối" này

không?

Ngôn ngữ và hạnh phúc

Không biết rành ngôn ngữ của nhau có thật là chìa khóa để giữ hạnh phúc như trong truyện "Bí quyết hạnh phúc gia đình" (Thế Kỷ 21 số 184) nói không? Cũng có thể như vậy, nhưng cũng có thể không phải như vậy. Tác giả đã trưng nhiều bằng cớ để chứng minh trường hợp thứ nhất, "cũng có thể như vậy." Ông Marquenez đã tâm sự "*Thực ra trong nhiều chuyện, tình cảm quan trọng hơn ngôn ngữ. Chúng tôi hiểu nhau, nhưng may mắn nhất là khi quá tức giận vì hạn chế ngôn ngữ nên chúng tôi cũng không bao giờ xúc phạm nhau quá mức được.*" Chưa hết, trường hợp những người bạn Việt Nam của tác giả: "*Nhiều bạn bè tôi khi cãi nhau, vì cùng ngôn ngữ nên họ xúc phạm nhau. Sau mỗi lần như vậy, vô tình hay cố ý người chồng và vợ đã làm tổn thương người kia rất nhiều. Những vết thương lòng rất khó xóa, nhiều người mang theo những tổn thương do bị xúc phạm như vậy suốt đời, và không quên được.*"

À thì ra chính ngôn ngữ là thủ phạm gây ra nhiều vết thương như thế. Điều đó đúng quá, không cãi được, vì mọi người ai cũng phải có kinh nghiệm, hoặc của chính bản thân, hoặc quan sát thấy. Nhưng phải chăng ngôn ngữ chỉ đóng có một vai trò tiêu cực thôi? Nó là công cụ của con người, nếu người ta "phun" ra được những rắn rít thì cũng chính họ phải có khả năng "nhả" ra châu ngọc chứ?

Hãy nói riêng trong quan hệ vợ chồng. Đâu phải cặp nào cũng sử dụng tiếng nói để xúc phạm nhau? Khi giận, thì dĩ nhiên lời qua tiếng lại, nhưng khi yêu thương thì... ôi, biết bao nhiêu điều ngọt ngào, âu yếm, nựng nịu... nói sao cho hết! Cuộc sống mà, lúc thế này, lúc thế nọ, cái này hòa giải cái kia, chế ngự cái kia, tạo ra sự thăng bằng.

Có thật những người không hiểu ngôn ngữ của nhau sống hạnh phúc hơn những người cùng tiếng nói không? Họ có thể có cái lợi khỏi nghe những điều ác độc, nhưng lại bị thiệt thòi lớn là không hiểu những câu hay ho. Lời lẽ yêu thương mang lại hạnh phúc lớn lắm chứ! Ngay cả những trao đổi bình thường hàng ngày – không đặc biệt yêu hay ghét – mà cũng không hiểu nhau thì cuộc sống tự nó què quặt đi rất nhiều, bởi vì thiếu chữ "thông." Phải nhận *thông tin*, phải được *truyền thông* thì mới *thông hiểu*, *thông suốt* và tới *thông cảm* được. Ngay bước đầu là thông tin đã tắt tị thì mong gì đạt đến những trình độ cao hơn?

Câu chuyện ngụ ngôn của Hy Lạp cổ, "món ngon nhất là cái lưỡi, món dở nhất cũng là cái lưỡi" cho thấy đây là một vấn đề muôn thuở của con người, xưa đã vậy, bây giờ cũng vậy, và mãi mãi sẽ như vậy. Ngôn ngữ là công cụ đa dạng, trơn tuột và... hữu ích. Tùy người sử dụng thôi. Mọi sự do tâm trí điều khiển, chứ ngôn ngữ tự nó có lỗi gì đâu? Bảo đảm với quý vị, nếu quý vị có được tấm lòng hiền lành và đầy tình thương yêu thì tiếng nói của quý vị chắc khó mà làm tổn thương người khác được, trong đó gần gũi nhất là vợ hay chồng của mình.

***Lê Yên** (Toronto)*

Chuyện nước Pháp

Mục Chuyện Nước Pháp trên Thế Kỷ 21 cho nhiều chuyện cũng hay hay. Vừa rồi chuyện cái chị Marie LeBlanc trong số vừa rồi thật tức cười, khi khổng khi không dựng đứng câu chuyện lừa được hết cả nước. Rồi chuyện Cách-to Jui-dê, chuyện đi nghỉ hè, sao tôi thấy chuyện nước Pháp lại gần gũi với mình hơn là đời sống ở Mỹ, mặc dầu mình đang sống ở đây. Có thể tại tôi là một người Nam Kỳ hơi lớn tuổi rồi, từ hồi nhỏ đã nhiễm nhiều ảnh hưởng Pháp. Tôi thấy đời sống Pháp có tình hơn đời sống Mỹ. Nội cái chuyện giúp dân nghỉ hè tui đã thấy quá hay. Ở Mỹ thì ai muốn đi thì đi, không muốn đi thì cứ ở nhà, mà thiếu phương tiện đi thì cũng... mặc kệ, ai hơi đâu mà lo săn sóc ba cái chuyện đó!

***Phạm Văn Hồng** (Internet)*

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Nguyen Van Hai PA – Thomas Nguyen CA – Thu Doan TX – Nguyen Quang Hien NY- Nguyen Xuan Cao TX – Nguyen Nguyen Phuong CO – Vo Van Bay MD – Luong Minh Duc CA – Luu Dong Hai CA – Phan Duc Loi France – Nguyen Quy Bong Canada – Hoang Thi Trang CA – Dam Dung CA- Chu Vuong Mien CA – Truong Van Manh VA – Le Nguyen LA – Phan Thuong V CA – Nghiem Xuan Hy Hong CA – Truong Van Thanh CA – Le Ngoc Minh CA – Tran Van Quang CA – Tran Huynh Minh CA – Nguyen Tuong Gian VA – Le Van Duc CA – Joseph Luan Nguyen CA - Nghiem Xuan Khuyen CA – Pham Tien CA – Nguyen Phi Phung France – University of California Berkeley CA – Nguyen M Thanh TX – Ngo Van Tuyen WA – Do Xuan Cung CA – Tran Nhu CA – Dang Trung Chinh Australia – Tran Bien CA – Thuy Armstrong Belgium – Ton That An MA – Vo Trong Diec CA – Pham Thi Hao VA – Nguyen Tu Dau CA – Le Khanh Hoang TX – Nguyen Phuong England – Lam Huu Ung OR. Nguyen Kim Lien, MN.

ĐỘC GIẢ MỚI

Phan Dinh Cong OR – Ly Van Giao Long VA – Quang Duc VA.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Hoang Giang IL – Nguyen Quang Hien NY – Vo Van Bay MD – Columbia Library WA – Le Huong Canada. Milpitas Comm Lib, San Jose CA.

PHAN THANH GIẢN LUÔN LUÔN SỐNG TRONG SỰ KÍNH TRỌNG VÀ THƯƠNG YÊU CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Thế lực đế quốc Tây phương thế kỷ 18, 19 với ưu thế tuyệt đối về khoa học kỹ thuật và quân sự, tràn ra thế giới đi tìm thuộc địa đã tạo một bộ mặt khác trên địa cầu: chỉ trừ một vài trường hợp ngoại lệ, hầu hết các nước lớn nhỏ ở châu Phi, châu Á phải bị lệ thuộc một trong những nước thực dân Tây phương.

Cũng như nhiều nước khác, vào giữa thế kỷ 19, nước ta đã bị người Pháp xâm chiếm trong tương quan lực lượng của một con thỏ dưới móng vuốt của một con cọp. Cả một triều đình chỉ trông cậy vào sức chống đỡ của hai ông già, Nguyễn Tri Phương về quân sự, Phan Thanh Giản về ngoại giao. Cả hai, và sau này Hoàng Diệu cùng nhiều người khác nữa, đều thua trận và không còn con đường nào khác là lấy cái chết để trả nợ cho núi sông. Nhưng cái chết của những nhà quân sự giữa trận tiền thì được nhà cầm quyền cho là dũng lược, trong khi cái chết của nhà chính trị và ngoại giao, sau biết bao lao tâm khổ trí, đem hết sức lực ra mà tranh đấu, lại bị lên án nặng nề.

Sự kiện triều đình Tự Đức đặt một bản án kinh khủng cho ông có thể coi là một biện pháp hành chánh của một guồng máy cai trị phong kiến, sự thưởng phạt đã thành định chế, và cứ thế thi hành một cách máy móc cho một nhân vật "không làm tròn nhiệm vụ đã được vua giao phó." Mặt khác có thể xem đó như là một hành vi tự rửa mặt mình, biết là mình quá yếu không thể nào đương đầu được với địch, thì phải hy sinh một người để giữ thể diện cho cả một vương triều. Nhưng lòng dân thì không chia sẻ chút nào với bất cứ sự lên án bất công nào đối với ông, vì dân biết tất cả kết quả ngoại giao thảm hại mà ông đạt được với Pháp đều chỉ do lòng ông thương dân, không muốn ném dân vào một cuộc tàn sát mà rốt cuộc cũng chẳng đem lại được điều gì tích cực. Vì ông là người biết rõ nhất, không mang một chút ảo tưởng nào về tương quan lực lượng giữa ta với địch vào tình thế lúc đó. Trước giây phút nguy nan nhất của đất nước trước miệng hùm, một mình ông đã lặng lẽ uống chén đắng cho cả dân tộc – cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Mười mấy năm sau, chính triều Nguyễn phải phục hồi tất cả danh dự cho ông, điều đó coi như một chuyện tất nhiên phải có, vì không biết thẩm định giá trị của một nhân vật như ông thì không xứng đáng gọi là một chính quyền, dù là chính quyền bù nhìn. Nhưng điều không ai ngờ là đến giữa thế kỷ 20, tên tuổi, thân thế của ông lại bị đem ra dập vùi một lần nữa, lần này quyết liệt, tàn bạo gấp mấy lần thời trước. Nếu triều Tự Đức chỉ làm một biện pháp hành chánh thì lần này chính quyền cộng sản miền Bắc Việt Nam lại đem ông ra trước một thứ tòa án do họ tự đặt ra để thẩm định với những tiêu chuẩn không thuộc dân tộc Việt Nam mà là "trong việc bình luận nhân vật lịch sử, nhất là những nhân vật như Phan Thanh Giản, chúng ta cần dựa vào quan điểm của chủ nghĩa Mác."* *Quan điểm của chủ nghĩa Mác ở đây có nghĩa là bất chấp sự thật lịch sử như thế nào, miễn là có lợi cho đảng cộng sản hoặc cá nhân của những người lãnh đạo đảng là được. Một lần nữa ông lại là nạn nhân, thành một cái cớ để đảng cường quyền đạp lên mà đi, phục vụ cho mục tiêu riêng của họ.*

Số phận ông Phan Thanh Giản thật là lạ lùng. Ông đã đóng vai trò bi hùng của ông đối với lịch sử, nhưng lại luôn luôn bị kẻ cầm quyền tàn bạo dùng như một cái thớt để băm vằm những thứ của riêng họ. Những loại hành xử độc ác đó dân chúng đều biết và vô cùng khinh rẻ. Phan Thanh Giản là một trường hợp lương tâm dân tộc đối đầu với những thế lực đen tối chỉ biết đến quyền lợi của phe nhóm. Dân tộc chúng ta biết những giá trị của chính mình, không cần dựa vào những "lên án" hay "xét lại" của những kẻ dùng một lý thuyết ngoại lai nào đó làm tiêu chuẩn để mà "đánh giá" những nhân vật lịch sử của chúng ta. Những màn kịch tàn bạo hay giả dối trong lâu dài sẽ bị lịch sử vứt bỏ, nhưng Phan Thanh Giản luôn luôn nằm trong lòng kính trọng và thương yêu của cả dân tộc Việt Nam.

Chúng tôi làm số báo Phan Thanh Giản này là dựa trên tinh thần dân tộc đó.

THẾ KỶ 21

* Lời Tòa soạn Nghiên Cứu Lịch Sử của đảng CSVN

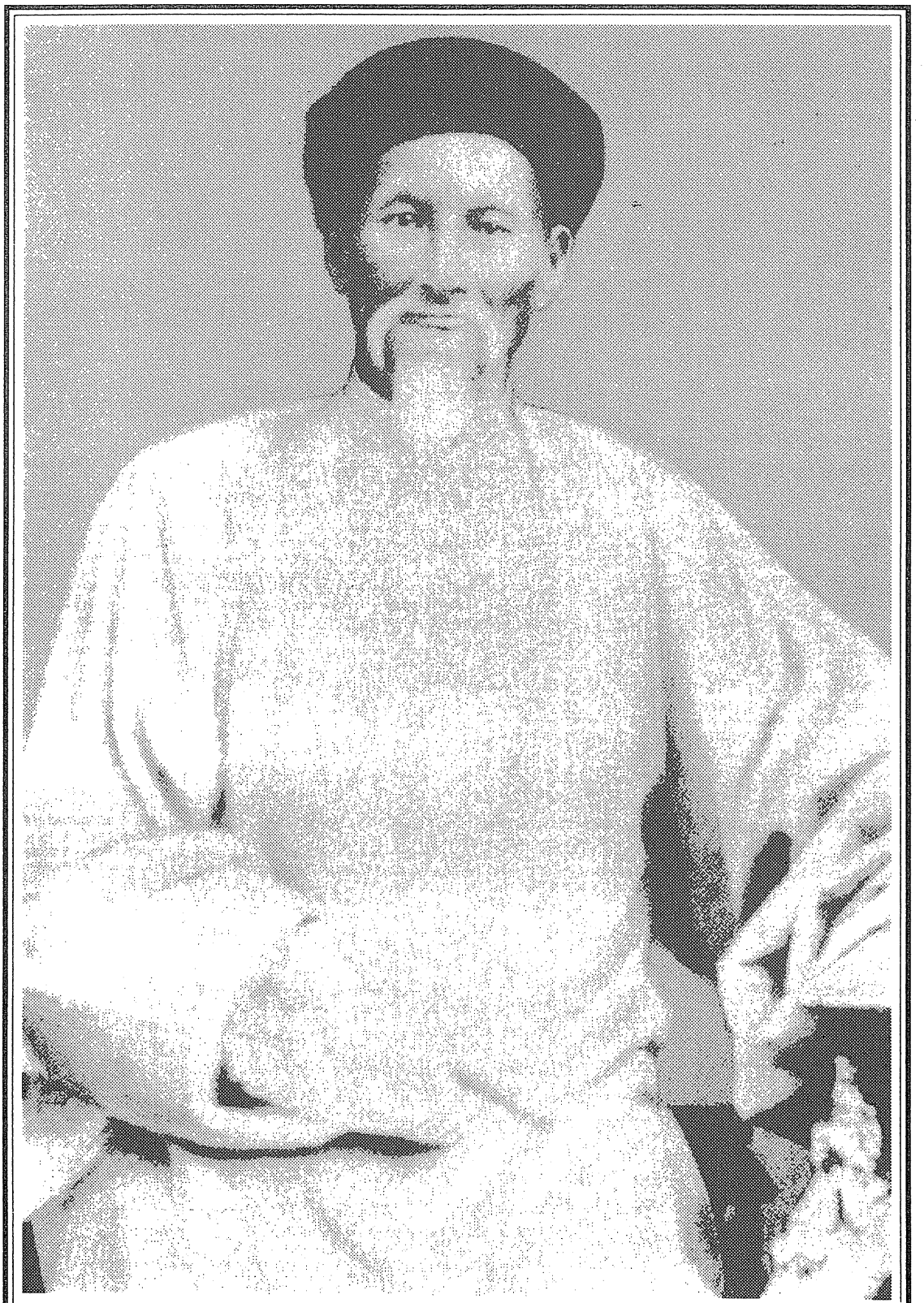

Phan Thanh Giản (1796-1867)

Bi kịch lịch sử

NGÔ NHÂN DỤNG

Phan Thanh Giản

Sử gia Phan Huy Lê viết về Phan Thanh Giản dưới tựa đề "... Bi kịch lịch sử." Có thể mượn mấy chữ đó để mô tả những vụ "đấu tố" Phan Thanh Giản diễn ra ở miền Bắc Việt Nam từ thập niên 1960, và những cố gắng phục hồi danh giá của nhà Nho tuẫn quốc đó trong mươi năm gần đây. Đó mới là một bi kịch lịch sử và bi kịch về sử học, thứ thiệt.

Câu hỏi là: Sử học làm việc gì? Nhiệm vụ đầu tiên của nhà nghiên cứu sử học là tìm hiểu rõ các việc xẩy ra trong quá khứ; nếu có thể thì tìm cách giải thích các biến cố này bằng những sự kiện, biến cố khác. Công việc của nhà sử học không nhất thiết phải là phê phán các nhân vật lịch sử, dù họ được tự do làm việc đó nếu muốn. Những lời phê phán có sắc bén đến mấy mà không dựa trên những sự kiện lịch sử đáng tin cậy thì cũng không làm cho một nhà sử học có giá trị thêm. Ngược lại, một sử gia tìm tòi được những chứng tích lịch sử mới, nối kết được các sự kiện rời rạc thành một số hiểu biết có đầu đuôi, thì không cần đưa ra một lời nhận xét, phê phán nào về các nhân vật lịch sử, sử gia đó vẫn đáng kính trọng. Khi một sử gia coi việc đánh giá lịch sử là việc chính, mà lại đánh giá theo một khuynh hướng đã được quyết định trước, thì người đó đã làm sai nhiệm vụ của mình. Khi người ta muốn chứng minh một hành động nào đó trong lịch sử là tốt hay là xấu đối với xã hội, với đất nước, thì việc đi tìm các chứng cớ để biện minh cho lời phê phán của mình không phải là việc khó khăn lắm. Điều đó đúng, không những với các nhân vật lịch sử, mà đúng cả với người đương thời. Những ông, bà biện lý bao giờ cũng có thể tìm ra các bằng chứng để kết tội nghi can, cứ có thời giờ là tìm được. Trong tòa án ở các nước tự do, người ta không để cho phe công tố độc quyền biện luận cho các quan tòa nghe, mà đòi phải có các luật sư đứng về phía bênh vực cho bị cáo, chính vì chúng ta biết rằng muốn kết tội một người bị nghi ngờ không phải là chuyện khó khăn. Cho nên phải có những người làm công việc đi tìm các bằng cớ để chứng minh ngược lại.

Ở miền Bắc Việt Nam trong thời nội chiến vừa qua, nhiều sử gia đã đứng ra đóng vai trò công tố đối với nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản, đem ông ra trước "tòa án nhân dân" xử, theo mệnh lệnh của đảng Cộng Sản. Ông biện lý cao cấp nhất là Trần Huy Liệu, làm chức viện trưởng và được Viện Sử học phong làm người "anh Cả," như trong đình làng có chiếu trên, chiếu dưới. Tuy nhiên, trong cái đình làng ở Hà Nội thời đó thì cái chiếu của Viện Sử học được trải ra ở chỗ thấp bậc nhất, cho nên người "Anh Cả" của các sử gia cũng chỉ líu ríu nghe theo cấp trên để giữ được phần xôi của mình. Một người chuyên môn nghề tuyên truyền mà đi làm công việc bôi nhọ lịch sử cũng là việc không khó khăn.

Công việc tuyên truyền khác với công việc của khoa học về lịch sử. Sử gia có thể đưa ra những cách giải thích các biến cố lịch sử, do đó mà phê phán các nhân vật. Nhưng phải thực hiện điều đó trong tinh thần khoa học. Một đặc điểm của phương pháp khoa học, như Karl Popper đã nêu lên từ thế kỷ trước, là người ta phải đưa ra các giả thuyết có thể được đem ra thử thách bằng các dữ kiện có thể quan sát được. Giả thuyết khoa học phải có tính "khả dĩ phủ

nhận," falsifiability; chứ không phải là những giả thuyết khả dĩ xác minh, verifiability. Nhà biện lý làm việc theo phương pháp khác, bắt đầu làm việc với giả thuyết "nghi can có tội," rồi tìm các chứng cớ để xác định lời buộc tội là phù hợp. Các sử gia Mác xít đã kết tội nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản rồi đi tìm bất cứ mẩu chứng cớ nào để kết tội, chẳng hạn những câu "Phan, Lâm mãi quốc" lưu truyền trong dân gian. Nếu người ta cũng đi tìm cách câu lưu truyền trong dân gian nói về nhân vật Hồ Chí Minh thì còn dễ kết tội ông hơn là đấu tố Phan Thanh Giản.

Nhưng tại sao họ phải đấu tố Phan Thanh Giản? Như chúng ta có thể hiểu được, lúc đó ông Liệu mở tòa án nhân dân đấu tố Phan Thanh Giản chỉ vì ông được đảng Cộng Sản ra chỉ thị, theo nhu cầu chính trị nhất thời là phải tấn công miền Nam, tấn công thẳng vào một khuôn mặt sĩ phu lớn nhất vốn được người miền Nam kính ngưỡng. Cuộc đấu tố Phan Thanh Giản cũng nhắm tấn công một số người ở miền Bắc có chủ trương ôn hòa, không muốn đánh miền Nam. Những người chủ chiến muốn bôi nhọ Phan Thanh Giản vì cụ đã bị coi là chủ trương hòa hoãn với quân Pháp để chờ thời, khi biết nước mình không đủ thực lực để chống cự. Đấu tố cụ Phan cũng là một cách giằn mặt những người trong hàng ngũ lãnh đạo đảng Cộng Sản lúc đó nhưng không thấy việc xâm nhập để phá hoại miền Nam là điều cần thiết. Sau các chiến dịch kết án Phan Thanh Giản, chắc hẳn những người bị coi là phe "chủ hòa" phải im lặng. Những nhà sử học không đồng ý với cảnh đấu tố cũng phải im lặng.

Nhưng khi chúng ta giải thích việc đấu tố Phan Thanh Giản bằng nhu cầu chiến tranh thì đó cũng chỉ là lý do nổi trên bề mặt mà thôi. Nước Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh kể cả nội chiến, nhưng không phải bao giờ cũng đem các nhân vật lịch sử ra làm bung xung để đập theo nhu cầu chiến thuật. Có thời cả nước ta đã phải chống lại những cuộc xâm lăng của người phương Bắc nhưng không triều đại nào đem các tượng Quan Vũ ra phá, mà ai cũng vẫn coi Nhạc Phi là bậc trung nghĩa đáng phục. Các vị chúa họ Trịnh, họ Nguyễn cũng không đem tổ tiên, ông bà của phe bên địch ra bêu riếu, không ai đụng tới mồ mả tiền nhân của bên kia. Hành động bêu riếu một nhân vật lịch sử theo nhu cầu chính trị giai đoạn bắt đầu từ lúc thi hành chủ nghĩa cộng sản ở nước ta. Nếu không phải một chế độ cộng sản thì không triều đại nào dùng lịch sử vào mục tiêu chính trị một cách có hệ thống như vậy.

Chế độ cộng sản có tính cách toàn trị, như các chế độ thần quyền. Khởi đầu, họ tự nhận là một chủ nghĩa khoa học, theo cái nghĩa thô thiển nhất của hai chữ này. Họ tuyên dương một cách nhìn thế giới theo lối "khoa học" của họ, đem áp dụng vào việc xếp đặt cách ăn ở trong xã hội loài người. Marx tiên đoán xã hội loài người sẽ đi qua một trình tự nhiều giai đoạn. Lenin với Stalin muốn đưa xã hội chung quanh họ bước ngay sang giai đoạn sắp tới của lịch sử nhân loại, không cần theo đúng trình tự mà Marx mô tả. Muốn lôi kéo người ta đi theo giấc mộng đó thì chỉ có cách là biến phong trào quần chúng của mình thành một tôn giáo muốn biến đổi loài người theo hình ảnh một thiên đường. Nhưng đồng thời họ cũng phát động một phong trào cách mạng, lập một đảng chính trị và khi bắt tay vào việc cai trị thì buộc mọi người dân coi cách xếp đặt đời sống mà họ đặt ra có giá trị thiêng liêng như một tôn giáo. Trong một tổ chức thần quyền như thế, không có chỗ đứng cho những tư tưởng dị giáo.

Những người học theo chủ nghĩa Marx tập được thói quen muốn giải thích tất cả mọi việc trên thế gian theo cùng một mớ kiến thức căn bản mà Stalin đã tóm tắt trong các sách giáo khoa về Lịch sử đảng Cộng Sản. Trong việc cai trị quốc gia thì họ muốn cả xã hội phải theo cùng một thứ nền nếp do đảng và nhà nước đặt ra. Không có chỗ nào cho một Xã hội công dân. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí cũng phải gò theo quy thức chung một cách chặt chẽ. Chủ nghĩa Cộng Sản không phân biệt phạm vi xã hội với phạm vi chính trị. Cho nên chính trị chi phối tất cả các hoạt động trong xã hội, dù là những hoạt động nhỏ bé gồm hai, ba người với nhau. Muốn lập một nhóm ca hát, một đội banh hay nhóm chơi hoa lan cũng phải được một ông, bà bí thư nào đó duyệt xét. Ngay cả việc dựng vợ gả chồng người ta cũng muốn xã hội phải can thiệp vào cho đúng đường lối. Và tất nhiên, môn học lịch sử phải đồng nhất, rập khuôn theo cùng một lối. Các nhà lãnh tụ cộng sản coi việc sửa chữa sách vở, chứng tích theo nhu cầu giai đoạn là chuyện tự nhiên, vì tất cả đều là phương tiện.

Chính trong trạng thái tinh thần đó mà các nhà sử học ở nước ta đã bị gò ép phải viết lại lịch sử theo nhu cầu của từng giai đoạn. Chuyện

phê phán Phan Thanh Giản chỉ là một thí dụ nhỏ. Tất cả các sách vở viết về liên hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam trong vài ngàn năm cũng phải thay đổi theo nhu cầu chính trị từng thời. Có lúc các sử gia và các nhà văn, nhà thơ phải cùng viết về một đề tài: Phong kiến Trung Quốc xâm lược. Rồi tới một giai đoạn sau thì tất cả những cuốn sách đó lại biến mất.

Câu hỏi quan trọng thứ hai nên đặt ra là: tại sao các sử gia lại ngoan ngoãn vâng lệnh như vậy? Giải thích bằng nhu cầu miếng cơm manh áo cũng đúng nhưng chưa đủ. Tất nhiên trong một chế độ mà nhà nước quản lý hạt cơm, manh áo của từng người và không ai thấy một khoảng trống "tư" nào để lách ra thì nhiều nhà sử học cũng đành phải sản xuất theo dự án nhà nước. Nhưng ngay cả khi một số kẽ hở được hé ra, có những khoảng trống riêng tư cho người ta trú ẩn, vẫn có những người tiếp tục muốn tiếp tục sống và làm việc theo chỉ thị. Sau hai ba hội nghị về Phan Thanh Giản, nhất là ở các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre đã nêu lên các ý kiến bênh vực Phan Thanh Giản, trong một cuộc hội thảo ở thành phố Sài Gòn vẫn còn nhiều người nhắc lại những câu "Phan Lâm mãi quốc, Triều đình khí dân" như là chân lý không thể chối cãi được. Ông chủ tịch tỉnh Bến Tre đến hội nghị rồi chán ngán bỏ ra ngoài.

Tại sao có những người trí thức vẫn không dám suy nghĩ độc lập, từ chối đường lối của chính thức của đảng? Hiện tượng này cũng giống như tình trạng xảy ra nơi các nhà văn và nhà phê bình văn nghệ. Phạm Thị Hoài đã mô tả "một lăng kính nghệ thuật sơ lược và méo mó mà cho đến nay tiếp tục là lăng kính nghệ thuật chủ đạo của nhiều người hơn ta tưởng." Đó là thời văn nghệ "hậu đổi mới" mà theo Phạm Thị Hoài thấy là "thời của những khoảng trống kì lạ của những thẩm quyền không có mặt, của những toa tầu không có đầu máy và (không) người lái." Không còn uy tín chính thống nữa, nhưng cũng không còn uy quyền nào phản bác cái chính thống đó. Tại sao các người làm văn hóa lại "nhát" đến như vậy?

Có một cách giải thích tình trạng này là dùng hiện tượng "tập khí tuyệt vọng." Tính tuyệt vọng được huấn luyện lâu ngày mà có, tiếng Anh trong khoa Tâm lý học gọi là "Learned Helplessness." Khi người ta đã tập được thói quen sống trong tuyệt vọng thì họ chấp nhận mình vô giá trị, có cố gắng cũng chẳng thay đổi được cái gì, thà rằng chấp nhận số phận cho yên thân.

Hồi đầu thập kỷ 1970 giáo sư Martin Seligman ở Đại học Pennsylvania đã đặt ra từ này sau những cuộc thí nghiệm về tập khí của những con chó, rồi có người đem thí nghiệm với chuột và người. Người ta cho điện giật một số con chó, và chúng có thể nhẩy qua hàng rào để thoát. Một số con chó khác thì không thể nào thoát được, chạy đâu cũng vẫn bị điện giật. Sau một thời gian thí nghiệm, lập đi lập lại như vậy thì những con chó chạy không thoát đã tập được thói quen là chịu đựng, không tìm cách chống đối hay chạy trốn số phận tuyệt vọng của chúng nữa. Có hàng ngàn cuộc thí nghiệm về hiện tượng tâm lý này, ngoài ra có cả những thí nghiệm dành cho các nhóm người hành động chung. Ba nhóm được đưa vào hoàn cảnh bị tiếng ồn rất khó chịu và họ tìm ra cách phối hợp các hành động để chấm dứt các tiếng động đó. Có nhóm thì sau khi thử đã tìm ra cách nhấn nút kẻ trước người sau theo một trình tự nào đó thì tiếng động ngưng. Có nhóm thì dù thử cách nào cũng vô hiệu quả, tiếng động tiếp tục hay ngừng một cách độc lập. Còn một nhóm thứ ba thì không nghe tiếng động nào hết nhưng được tập nhấn các nút theo trình tự phối hợp với nhau. Sau, người ta đem các người ở những nhóm khác nhau cho thí nghiệm chung, kết quả là những người ở nhóm vô vọng trở thành vụng về kém cỏi nhất trong hành động tập thể để tránh nghe tiếng động.

Có thể nói là nhiều nhà trí thức, người làm văn nghệ cũng như người nghiên cứu sử học ở nước ta đã lâm vào tình trạng "tập khí tuyệt vọng" đó. Họ cần phải tập sống tự do lâu rồi mới tập được thói quen suy nghĩ độc lập.

Các phiên tòa án nhân dân kết tội Phan Thanh Giản đã chấm dứt từ lâu. Điều đáng lo là nhiều người thấy đảng Cộng Sản bắt đầu "đánh giá lại" Phan Thanh Giản thì cũng cúi đầu chạy theo trào lưu mới. Cụ Phan Thanh Giản không cần đời sau đánh giá. Chúng ta chỉ cần nghe Nguyễn Đình Chiểu đánh giá cũng biết lòng người dân miền Nam thời đó nghĩ gì. Mà gia đình, con cháu cụ Phan cũng không phải lo giải tỏa mặc cảm. Lúc ở Sài Gòn mỗi lần đến nhà Luật sư Phan Thanh Hy tôi vẫn thấy ông treo tấm hình Phan Thanh Giản mặc triều phục với lòng hãnh diện. Những người cần giải tỏa mặc cảm chính là các sử gia và giới trí thức ở nước ta./.

Lạm Phát Tại Việt-Nam
Giá Cả Nhẩy Vọt Trong Năm 2004

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Mức lạm phát hàng năm ở Việt-Nam đột nhiên nhẩy vọt lên 8.3% trong 6 tháng đầu của năm 2004 ngoài tầm ước đoán 3.5% - 4.5% của nhà nước và các cơ quan tài chánh quốc tế như Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (ADB), và Ngân Hàng Thế Giới (1). Chỉ số giá tiêu thụ (CPI) tiếp tục tăng trong bảy tháng của năm 2004. CPI tăng tới 9.1% vào cuối tháng 7, 2004 so với một năm về trước. Nếu giá cả tiếp tục theo chiều hướng này, mức lạm phát có thể lên tới 12% cho trọn năm 2004. Bài nghiên cứu này sẽ thảo luận về hiện tượng trên. Nhưng trước hết chúng ta duyệt lại tình trạng giá cả ở Việt-Nam trong hơn hai thập niên vừa qua.

Lạm Phát và giảm phát trong giai đoạn 1980-2003

Trong thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, Việt-Nam trải qua một nạn lạm phát phi mã. Mức lạm phát gia tăng từ 125% vào năm 1980 lên đến 487% vào năm 1986. Sau khi chính sách "đổi mới" và thả lỏng giá cả được thi hành, mức lạm phát giảm xuống 4.2% vào năm 1999. Nạn lạm phát phi mã trong gần hai thập niên gây ra bởi một lý do chính là nhà nước tài trợ ngân sách thiếu hụt bằng cách in thêm tiền. Ngoài ra nhu cầu của dân chúng, nhất là về thực phẩm thì nhiều mà hàng hoá sản xuất ra thì quá ít. Ngân sách thiếu hụt vì phải nuôi khoảng 200,000 quân đóng ở Kampuchia trong khi không nhận được một đồng viện trợ nào của Tây phương (2). Còn viện trợ của cựu Liên Bang Sô Viết và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bị giảm nhanh chóng rồi chấm dứt vào cuối thập niên 1980.

Trong khoảng thời gian từ 1992 trở về sau lạm phát ở mức thấp dưới 10%. Ba yếu tố chính ảnh hưởng đến hiện tượng lạm phát trong giai đoạn này là mức sản xuất thực phẩm nội địa, giá thực phẩm trên thị trường quốc tế đặc biệt là giá gạo, và giá xăng dầu và ảnh hưởng của nó trên chi phí chuyên trở. Mức lạm phát ở mức 4.0% và 3.6% lần lượt vào 2002 và 2003.

Đặc biệt vào đầu thập niên thứ nhất của thế kỷ 21 Việt-Nam trải qua giảm phát nhẹ ở mức -1.6% vào năm 2000 và -0.4% vào năm 2001. Giảm phát là trường hợp ngược lại với lạm phát, có nghĩa là giá cả hạ thấp, và kết quả là làm tăng giá trị của đồng tiền so với hàng hoá và dịch vụ. Một hậu quả của sự giảm phát là mức thất nghiệp gia tăng. Mức tiêu thụ suy giảm vì người mua có khuynh hướng đình hoãn chi tiêu để chờ đợi cho giá cả xuống thấp hơn nữa.

Lạm phát tăng vọt trong bẩy tháng đầu của 2004

Mức lạm phát dựa trên chỉ số giá tiêu thụ (CPI) theo dự đoán của Quỹ Tiền Tệ QuốcTế (IMF) sẽ là 3.5% trong cả hai năm 2004 và 2005 (3). Một báo cáo chung mới nhất của Ngân Hàng Thế Giới (Work Bank) và IMF vào tháng 3, 2004 cũng đã tiên đoán rằng mức lạm phát có thể được tiếp tục duy trì ở mức 3 – 4% hàng năm trong các năm sắp tới nếu nhà nước có chính sách quản trị tiền tệ thích hợp (4). Hai phúc trình của Economist Intelligence Unit xuất bản vào tháng Tư và tháng Năm vừa qua đã sớm báo động rằng mức lạm phát hằng năm tăng vọt trong những tháng vừa qua và lên tối 6% trong tháng Tư (5).

Thông thường sau Tết Nguyên Đán, năm nay rơi vào cuối tháng 1, 2004, giá cả hạ thấp xuống. Tuy nhiên trong năm nay giá tiếp tục lên cao. Riêng trong tháng Hai, giá gia tăng 3% / tháng. Lần lượt trong hai tháng Ba và tháng Tư mức tăng của CPI là 0.8% / tháng và 0.5% / tháng (6). Con số mới nhất của Sở Thống Kê Việt Nam cho biết mức lạm phát trong nửa năm đầu của 2004 là 8.3% /năm. Nếu kể cả số liệu của tháng Bảy chỉ số giá tiêu thụ (CPI) lên đến 9.1% so với một năm trước, cao nhất trong

năm năm vừa qua. Một viên chức cao cấp của Bộ Tài Chánh Việt-Nam nói rằng vào cuối năm nay mức lạm phát có thể lên đến 9% nhưng chỉ một tháng sau dự đoán này đã được điều chỉnh thành 12% để phản ảnh sát hơn với thực tế (7). Như vậy, Việt Nam sẽ không thể kềm chế được mức lạm phát dưới 5% trong năm 2004 như đã dự trù.

Những chuyên viên kinh tế trong và ngoài nước đều biết trước những nguyên nhân hiện hữu có thể làm tăng mức lạm phát tại Việt-Nam như cán cân thương mại thiếu hụt, ngân sách quốc gia gặp khó khăn, mức tiêu thụ trong nước mạnh, số lượng tiền tệ và tín dụng tăng, giá dầu hỏa, vàng, và thực phẩm trên thị trường quốc tế lên cao. Tuy nhiên những chuyên viên này vào cuối năm 2003 và đầu năm nay đã không tiên đoán được sự nhẩy vọt của mức lạm phát hiện nay.

Những nguyên nhân trực tiếp của lạm phát

1. Giá thực phẩm gia tăng, một phần do dịch cúm gà vào đầu năm. Chúng ta nên nhớ rằng thực phẩm chiếm 48% trong công thức tính chỉ số giá tiêu thụ dùng làm căn bản để đo lường mức lạm phát (8). Từ tháng Sáu 2003 đến tháng Sáu 2004 giá thực phẩm đã tăng 14.5% (9). Ngoài giá thực phẩm, công thức tính giá tiêu thụ còn dùng giá của một số sản phẩm tiêu thụ và dịch vụ (10).

2. Mức cầu nội địa gia tăng. Mức cầu này gồm có hai phần chính: tiêu thụ tư nhân và đầu tư. Kể từ năm 2002, mức cầu nội địa vừa là sức mạnh đáng kể nhất, hơn cả xuất cảng, đã đẩy kinh tế đi lên. Tuy nhiên mức cầu nội địa cũng làm tăng áp lực lạm phát.

3. Hoạt động kinh tế gia tăng. Độ phát triển của Việt-Nam đã dần dần phục hồi, từ 5.5% trong năm 2000 lên 6% trong năm 2003, và ước đoán khoảng 7% trong năm 2004 tuy rằng vẫn thua con số 9.5% của năm 1995 trước khi có cuộc khủng hoảng tài chánh Á châu. Theo IMF, tín dụng đã gia tăng thái quá trong các năm 2002 và 2003 ở mức 45% và 28%. Đây là điều đáng ngại cho sự hoạt động an toàn của hệ thống ngân hàng Việt-Nam. Năm ngân hàng thương mại của nhà nước hiện nay kiểm soát 80% thị trường tài chánh của Việt-Nam (11). Những ngân hàng này lại được lệnh của nhà nước ưu tiên cho các xí nghiệp quốc doanh vay.

4. Nhà nước tăng lương cho nhân viên trong năm 2003. Chi phí về lương bổng nhân viên tương đương với 3.5% của tổng sản phẩm nội địa (GDP) trong năm 2002, tăng lên đến 4.1% của GDP trong năm 2003 và 3.9% trong năm 2004. Ngoài ra kế hoạch cải tổ lương bổng và an sinh xã hội cho nhân viên trong khu vực dịch vụ công cộng và hành chánh mới bắt đầu vào tháng Tư năm 2004 cũng làm tăng áp lực lạm phát (12).

5. Chi phí sản xuất tăng vì giá nguyên liệu và thuế tăng. Kể từ đầu năm 2004, việc tu chính thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế trị giá gia tăng đã tăng giá xe hơi và bia hộp lần lược là 20% và 10% (13). Cũng bắt đầu từ đầu năm 2004, chính phủ Việt Nam bãi bỏ bao cấp đối với dầu hỏa và các biến chế phẩm và đồng thời cho phép các công ty dầu tự ấn định giá bán, nhưng không

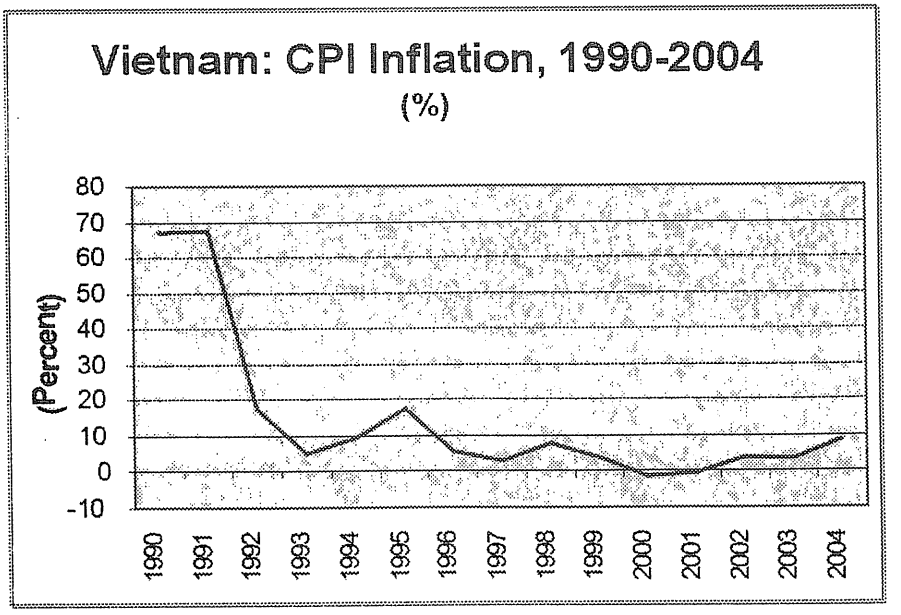

được cao hơn giá căn bản của nhà nước 10% và đối với dầu Kerosene là 5% (14). Vào giữa tháng Sáu, chính phủ Việt Nam quyết định tăng giá dầu hỏa và các sản phẩm chế biến 17.2%. Trong khi đó giá thép tăng 15.4% (15). Giá vàng, dầu hỏa, phân bón, vật liệu xây cất, gạo và nói chung là nông phẩm trên thị trường quốc tế đều gia tăng trong nhiều tháng vừa qua.

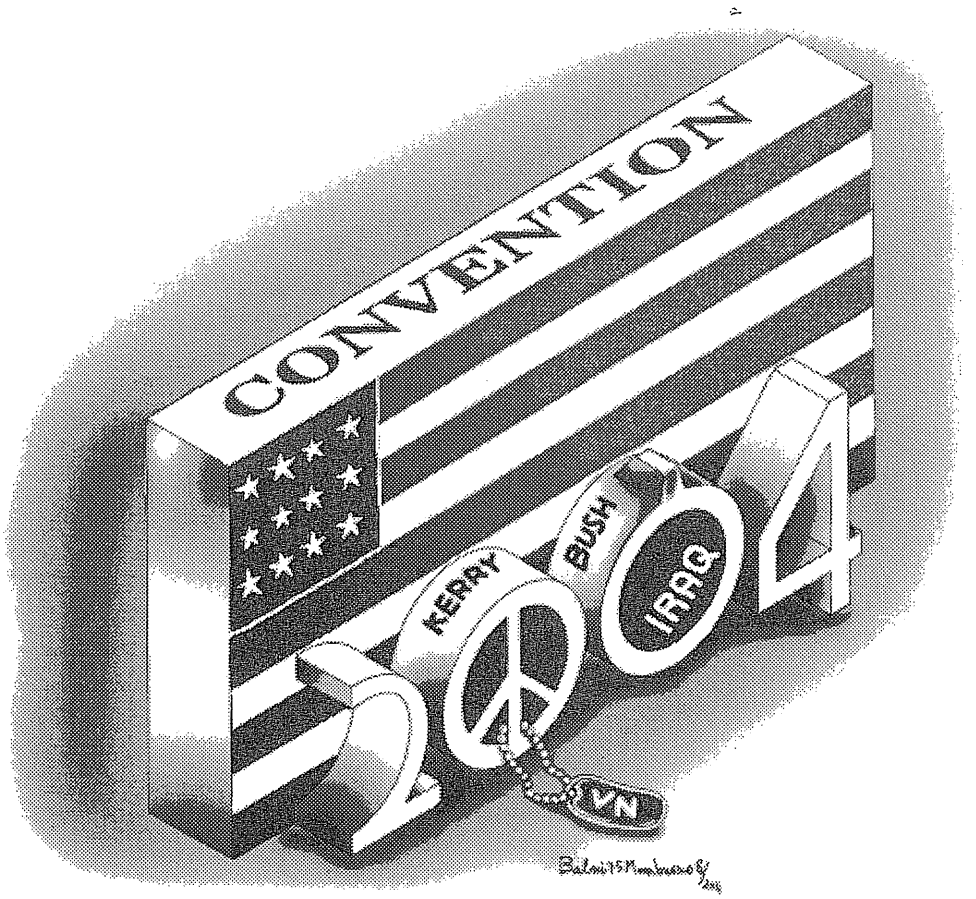

Giá dầu hỏa tiếp tục lên cao kể từ cuối năm 2003. Hiện nay giá dầu cao hơn cả trong thời gian quân Mỹ đánh mạnh ở Iraq. Giá dầu thô vào giữa tháng 5 lên đến gần 42 Mỹ kim một thùng (16). Kinh tế thế giới, đặc biệt là tại Hoa Kỳ, Nhật Bản và Âu châu phục hồi kể từ giữa năm 2003 đã làm gia tăng mức tiêu thụ dầu. Trong khi đó tổ chức OPEC lại hạn chế sản xuất dầu và tình hình bất ổn tiếp tục ở Trung Đông. Đây cũng là những nguyên nhân làm cho giá dầu tăng. Việt-Nam tuy xuất cảng dầu thô, nhưng lại nhập cảng dầu lọc với một trị giá tương đương nên Việt-Nam không hưởng lợi lộc gì đặc biệt cả khi giá dầu thế giới lên cao. Trái lại Việt-Nam còn chịu ảnh hưởng lạm phát vì chi phí về xăng dầu chiếm 30-40% giá chuyên chở (17). Do đó giá hàng nhập cảng và giá hàng sản xuất nội địa phân phối đi các nơi trong nước cũng chịu ảnh hưởng của giá xăng dầu.

6. Đồng tiền Việt-Nam mất giá ít so với đồng Mỹ kim nhưng mất giá đáng kể so với các ngoại tệ khác (Euro, Yen, v.v.). Mức sụt giá của đồng Việt-Nam so với Mỹ kim là khoảng 3% trong năm 2004 và 4% trong năm 2005. Trong tháng Ba vừa qua lần đầu tiên giá của đồng Mỹ kim vượt lên trên 16,000 đồng VN (18). Sự mất giá của đồng tiền Việt Nam sẽ khiến cho giá hàng Việt Nam nhập cảng tăng Tuy nhiên, ảnh hưởng tích cực của nó là làm cho giá hàng xuất cảng của Việt-Nam rẻ hơn và dễ cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế và đây là ưu tiên số một của Việt-Nam.

Một nghiên cứu của IMF cho thấy rằng thay

đổi của hối suất ảnh hưởng lớn trên hàng nhập cảng tuy nhiên không ảnh hưởng đến giá hàng tiêu thụ vì công thức tính CPI gồm nhiều sản phẩm và dịch vụ không hoán đổi (có nghĩa là chỉ tiêu thụ được tại chỗ).

Những guyên nhân gián tiếp của lạm phát

1. Khu vực quốc doanh là một gánh nặng về ngân sách quốc gia và cản trở cho sự phát triển kinh tế: Vào cuối năm 2003, tổng số vốn của 4,800 xí nghiệp quốc doanh là 12.1 tỉ Mỹ kim so với số nợ là 13.6 tỉ Mỹ kim (20).

Nhà nước có bốn ngân hàng thương mại chính và hai ngân hàng thương mại nhỏ. Vào cuối năm 2000, tổng số nợ xấu của các ngân hàng này là 23 ngàn tỉ đồng, tương đương với 5% của tổng sản lượng nội địa (GDP). Tỉ lệ vốn trên tài sản của các ngân hàng thương mại nhà nước là 3% so với chỉ tiêu quốc tế là 8%-12%. Ngân Hàng Trung Ương của nhà nước đã phải bơm vào các ngân hàng thương mại nhà nước 9.25 ngàn tỉ đồng (21). Tỉ lệ tín dụng trên GDP tăng từ 19% trong năm 1995 lên đến 45% trong năm 2002 do sự cho vay bừa bãi.

2. Cán cân thương mại thiếu hụt gia tăng. Con số cho năm 2003 là 5.1 tỉ Mỹ kim kể cả chi phí chuyên chở (fob-cif), tương đương với 13% cuả GDP. Lý do là Việt-Nam nhập cảng nhiều máy móc và nguyên liệu dùng trong kỹ nghệ chế biến. Khuynh hướng này sẽ tiếp tục trong các năm tới.

3. Ngân sách thâm thủng gia tăng. Một mặt lợi tức thuế sẽ giảm vì nhiều thuế suất về xuất nhập cảng giảm theo hiệp định thương mại AFTA và ba năm sắp tới (2005-2007) theo BTA, và việc hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Lợi tức về dầu thô và thu nhập của các xí nghiệp quốc doanh sẽ giảm. Mặt khác nhà nước lại phải tiêu nhiều hơn vì chi phí cho việc cải tổ các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại nhà nước, tăng lương cho nhân viên chính phủ và xây dựng hạ tầng cơ sở.

Biện pháp giảm lạm phát của nhà nước

Để giảm bớt sự gia tăng của mức lạm phát nhà nước đã cho thi hành một số biện pháp tài chánh và tiền tệ sau đây: 1. Cắt giảm ngân sách chi tiêu 10% trong 5 tháng còn lại của năm 2004; 2. Cấm tăng giá của một số hàng và dịch vụ do các xí nghiệp quốc doanh sản xuất hay kiểm soát như viễn thông, chuyên chở, vàng, gạo, xi măng, thuốc, dầu xăng, điện và thép; 3. Tiếp tục biện pháp giảm thuế nhập cảng dầu lọc (22). Ngoài ra Nhân Hàng Nhà Nước Việt Nam (NHNNVN) ra lệnh theo dõi sát việc cung cấp tín dụng mà trong thời gian vừa qua đã vượt quá xa tiêu chuẩn quốc tế – một trong những nguyên nhân làm tăng mức lạm phát.

Trước áp lực về giá cả gia tăng đột ngột, NHNNVN đã cho rằng giá cả gia tăng hiện nay không đồng nghĩa với mức lạm phát cao và không đồng ý gia tăng lãi suất trong lúc này, có lẽ vì sợ làm cản trở đầu tư và phát triển kinh tế (23). Lý do này xem ra hợp lý vào cuối tháng Sáu vừa qua vì lạm phát ở 8.3% chưa phải là cao so với thập niên 1980 và ngay cả thập niên 1990. Thật vậy, mức lạm phát trung bình hàng năm của Việt-Nam từ 1993 đến 2003 là 6% (24). Tuy nhiên trong tháng Bảy vừa qua, tình hình đã rõ hơn. Đã đến lúc NHNNVN cần áp dụng biện pháp tăng lãi suất và giảm mức cho vay. Các biện pháp này sẽ làm kinh tế phát triển chậm lại, nhưng Việt-Nam sẽ không có chọn lựa nào khác hơn là ưu tiên ngăn chặn nạn lạm phát.

Kết Luận

Khi giá cả tăng khoảng một vài phần trăm một năm, mức lạm phát này không đáng ngại. Trái lại lạm phát giá cả ôn hòa còn kích thích nền kinh tế phát triển thêm vì làm cho mức tiêu thụ gia tăng nhờ vào gia tăng lợi tức giả tạo, việc đầu tư vào nhà cửa cũng tăng vì giá nhà sẽ tăng trong tương lai. Việc đầu tư vào máy móc và cơ sở thương mại sẽ bành trướng giá thị trường tăng nhanh hơn chi phí sản xuất. Mức lạm phát lý tưởng bằng từ 1/2 đến 2/3 độ phát triển kinh tế. Nếu mức lạm phát hàng năm lên cao trên mức lạm phát lý tưởng là một điều đáng ngại vì nó sẽ làm xáo trộn các hoạt động kinh tế và xã hội. Hiện nay với độ phát triển kinh tế dự đoán cho năm 2004 là 7%, mức lạm phát lý tưởng tối đa là 4.7% theo công thức vừa kể. Trên thực tế mức lạm phát giữa năm 2004 đã vượt quá mức tăng trưởng kinh tế. Những người nghèo hoặc có lợi tức cố định bị thiệt thòi nhiều nhất vì nạn lạm phát. Hưu bổng mất giá. Giới tiêu thụ mua sắm vội vàng vì sợ giá cả sẽ tiếp tục tăng lại càng làm cho vật giá

leo thang thêm. Hậu quả là mức tiết kiệm, việc mua bảo hiểm và trái phiếu dài hạn bị giảm mạnh. Ngoài ra lạm phát còn tạo ra nạn đầu cơ tích trữ.

Theo hai kinh tế gia Loungani và Swagel, có bốn nguồn gốc ảnh hưởng đến hiện tượng lạm phát tại các nước đang phát triển như Việt-Nam. Thứ nhất ngân sách thiếu hụt. Sự kiện này đưa đến việc in thêm tiền để tài trợ ngân sách hoặc khủng hoảng cán cân vãng lai (balance of payments) và đồng tiền mất giá. Nguồn gốc thứ hai là mức cung không đủ thỏa mãn mức cầu. Nguồn gốc thứ ba là chi phí sản xuất đột ngột gia tăng. Nguồn gốc thứ tư làm trì hoãn lạm phát là khế ước lương bổng (25). Đối với Việt Nam, nguồn gốc của tình trạng lạm phát hiện nay là ngân sách thiếu hụt và chi phí sản xuất đột ngột gia tăng.

Khu vực quốc doanh tiếp tục xử dụng hoang phí tài nguyên quốc gia. Cán cân thương mại thiếu hụt và ngân sách nhà nước thâm thủng ngày càng lớn. Những điều kiện kinh tế này có triển vọng đưa đến mức lạm phát đáng kể tại Việt-Nam vào năm 2004 và 2005 trong lúc Việt-Nam đang cố mở mang nền kinh tế và tranh thủ để xin vào Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO).

Lạm phát là một vấn đề kinh tế có ảnh hưởng quan trọng tới đời sống của dân chúng, đến guồng máy xã hội và chính trị. Sự thiếu ăn thiếu mặc, đặc biệt là nạn lạm phát đã làm cho dân nghèo vô cùng điêu đứng tại Trung Quốc. Yếu tố này một phần nào đã dẫn đến cuộc nổi dậy tại Thiên An Môn của nhân dân Trung Quốc vào năm 1989. Những nhà lãnh đạo Hà-Nội dư biết điều này. Ông Mark Sidel của Ford Foundation từng làm việc tại Trung Quốc và Việt-Nam đã đưa nhận xét như vậy (26).

10.08.2004

Chú Thích

1. Asian Development Bank, "Vietnam Economic Growth to Remain Strong in 2004 and 2005," April 28, 2004.

2. Stanley Karnow, "Vietnam A History," Penguin Books, New York, 1997, p.56.

3. IMF, "Vietnam: 2003 Article IV Consultation," IMF Country Report No. 03/380, December 2003, pp. 35.

4. IMF, "Vietnam: Joint Staff Assessment of the Poverty Reduction Strategy Paper Progress Report," IMF Country Report No. 04/57, March 2004.

5. Economist Intelligence Unit, "Vietnam at a Glance," Country Risk Service, London, April 2004, p.5.

6. Economist Intelligence Unit, "Vietnam at a Glance," Country Report, London, May 2004, p.4.

7. Reuters, "Vietnam Undicided On Rate Rises Despite Inflation," June 25, 2004.

8. Trước tháng 7, 2001 thực phẩm chiếm 60% trọng lượng để tính chỉ số tiêu thụ (CPI).

9. Reuters, "Vietnam Undicided On Rate Rises Despite Inflation," June 25, 2004.

10. IMF, "Vietnam: Selected Issues and Statistical Annex," IMF Staff Country Report No. 98/30, Washington, DC: April 1998, p. 6 (Statistical Annex).

11. Reuters, "Vietnam holds rates - IMF Urges Inflation Vigilance," June 28, 2004.

12. Asia Pulse, "Vietnam Tries to Keep Prices Down," Hanoi: March 18, 2004.

13. Vietnam Investment Review, "Tax Increases Fuel Car, Beer Price Hikes," March 24, 2004 from website www.vir.com.vn.

14. Financial Times, "Vietnam Allows Petrol Firms to Set Prices Ends Subsidies," December 20, 2003.

15. Financial Times, "Vietnam Fails to Keep Inflation Below 5%," April 23, 2004.

16. Vietnam News Brief, "Gasoline Prices Raise Transport Fees in Vietnam," May 18, 2004.

17. Vietnam News Brief, "Vietnam Moves to Address Local Currency Depreciation," March 16, 2004.

18. Vietnam News Brief, "Vietnam Moves to Address Local Currency Depreciation," March 16, 2004.

19. IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, Washington, DC: December 2003, pp. 4-11.

20. IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, Washington, DC: December 2003, pp.43.

21. Anh Minh, "Reform of SOCBs Proves Difficult," the Financial Times - the Saigon Times, December 22, 2003.

22. AFP, "Vietnam Orders Budget Cut to Halt Rising Inflation," August 9, 2004.

23. Reuters, "Vietnam holds rates – IMF Urges Inflation Vigilance," June 28, 2004.

24. IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, Washington, DC: December 2003, pp.4-11.

25. Loungani, P and Swagel, P, "Sources of Inflation in Developing Countries," IMF Working Paper 01/198, Washington, DC.

26. The Economist, "Vietnam Beats China at Its Own Game," November 5, 1994.

TIẾN TRÌNH BANG GIAO VIỆT-MỸ VÀ CÁC VẤN ĐỀ HIỆN TẠI

NGUYỄN MẠNH HÙNG

LTS. *Bài sau đây được Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng soạn để đọc tại Đại hội Toàn cầu của cựu học sinh trường Bưởi – Chu Văn An tổ chức tại Nam California vào ngày 31-7-2004. Tuy nhiên, vì một lý do kỹ thuật, bài đã không được đọc.*

I. TIẾN TRÌNH BANG GIAO MỸ VIỆT

Bang giao Mỹ-Việt từ khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt có thể được chia làm nhiều giai đoạn.

1. Tính lầm và hờ hững, 1975-76

Tính lầm và hờ hững là đặc tính của mối quan hệ giữa hai nước trong hai năm đầu sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt. Việt Nam hiểu lầm, đồng hóa phong trào chống chiến tranh ở Mỹ với sức mạnh của những thành phần ủng hộ chính quyền cộng sản Việt Nam, cho rằng Mỹ cần bang giao với mình. Vì thế, họ đòi điều kiện Mỹ phải bồi thường chiến tranh mới chịu thiết lập quan hệ bình thường với Mỹ. Đòi hỏi này căn cứ vào văn thư của Nixon ngày 1 tháng 2 năm 1973 gửi cho Phạm Văn Đồng nói đến "nguyên tắc" Mỹ sẽ đóng góp vào việc tái thiết Bắc Việt sau khi hòa bình được vãn hồi, và ước tính số tiến cần để tái thiết Việt Nam là 3.25 tỷ Mỹ kim.

Trong khi đó, chính quyền Mỹ lúc bấy giờ, đang cay cú vì thua trận, đã lên án Bắc Việt vi phạm hiệp định Paris cho nên không có quyền đòi Mỹ thi hành lời hứa viện trợ một khi hòa bình được tái lập. Mỹ đòi ngược lại, là Việt Nam phải cung cấp trọn vẹn tin tức (full accounting) về số phận những người Mỹ bị mất tích trong chiến tranh và phải chứng tỏ không có tham vọng bành trướng ở Đông Nam Á. Thêm vào đó, chính quyền Mỹ còn phong tỏa các tích sản của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cũ không trả lại cho chính phủ mới, và nới rộng chính sách phong tỏa kinh tế đối với Bắc Việt để áp dụng cho toàn thế lãnh thổ Việt Nam. Từ 1975 đến 1976, Mỹ đã ba lần phủ quyết đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc của Việt Nam.

2. Cơ hội bỏ lỡ, 1977-78

Năm 1977, nước Mỹ có chính phủ mới. Jimmy Carter chống chiến tranh Việt Nam. Khi lên cầm quyền, Tổng Thống Carter muốn "hàn gắn vết thương chiến tranh." Ông chỉ định lãnh tụ nghiệp đoàn Leonard Woodcock hướng dẫn một phái đoàn sang thăm Việt Nam. Trong chuyến thăm này, Việt Nam trao trả 11 hài cốt lính Mỹ tử trận cho phái đoàn Woodcock. Woodcock tuyên bố không còn người Mỹ sống sót nào ở Việt Nam và cho rằng đòi Việt Nam phải "cung cấp trọn vẹn" tin tức về người Mỹ mất tích trong chiến tranh là điều không hợp lý. Mỹ còn tuyên bố sẽ không phủ quyết đơn xin gia nhập LHQ của Việt Nam, nhờ đó đến tháng 7/1979, Việt Nam được thu nhận vào LHQ . Tuy chính quyền Carter không chịu bồi thường chiến tranh cho Việt Nam, nhưng không loại bỏ khả năng viện trợ cho Việt Nam.

Những hành động hòa hoãn này dọn đường cho cuộc thảo luận giữa đại diện hai nước ở Paris vào tháng 5/1977 nhằm đi đến bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Sợ chính quyền Carter nhân nhượng quá đáng, một số chính khách Mỹ lên án chính sách "đổi hài cốt lấy đô-la" (bones for dollars) của Việt Nam; cả Thượng Viện lẫn Hạ Viện Mỹ đều biểu quyết cấm chính quyền viện trợ cho Việt Nam.

Mùa Thu năm 1978, trong phiên họp cuối cùng với đại diện Mỹ, Richard Holbrooke, Ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch vẫn bắt đầu buổi họp bằng đòi hỏi Mỹ phải viện trợ như một điều kiện để bình thường hóa quan hệ ngoại giao, đến khi ông chịu bỏ điều kiện này thì quá muộn. Lúc ấy mâu thuẫn Hoa-Việt đã trở nên căng thẳng và Mỹ đã chọn thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc, vì thế cắt đứt cuộc thương thuyết Mỹ-Việt.

3. Giai đoạn thù nghịch, 1978-81

Mùa Xuân năm 1978, Việt Nam mở chiến dịch đánh tư sản mại bản nhắm vào giới thương mại Hoa Kiều ở Chợ Lớn đồng thời tạo ra cuộc khủng hoảng thuyền nhân và căng thẳng trong quan hệ Việt-Hoa. Trước nhu cầu tìm đồng minh, Việt Nam gia nhập khối tương trợ kinh tế do Nga Xô lãnh

đạo (COMECON), rồi ký hiệp ước thân hữu dài hạn với Nga Xô (tháng 11/1978). Cuối tháng 12, Việt Nam đưa quân vào Cam Bốt, loại Khmer Đỏ, dựng lên chính quyền Heng Samrin-Hun Sen. Tháng 2 năm 1979, quân Trung Quốc tràn sang đánh phá miền giới Việt Nam nhằm mục đích mà Đặng Tiểu Bình rêu rao là "dạy cho Việt Nam một bài học."

Cuộc xâm lăng của Việt Nam vào Cam Bốt đe dọa nền an ninh của các quốc gia khác trong vùng Đông Nam Á. Trung Quốc lên án Việt Nam là một "Cuba ở Đông Nam Á" (ý nói Việt Nam là một dụng cụ của Nga Xô để bành trướng ảnh hưởng tại Đông Nam Á cũng như vai trò của Cuba ở Phi Châu). Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN) nương vào Trung Quốc, giúp phe kháng chiến Cam Bốt chống Việt Nam. Mỹ cũng toa dập với Trung Quốc để ngăn chặn Nga Xô ở Á châu, chống lại Việt Nam. Lúc ấy, Mỹ tuyên bố chính sách "ba không": không buôn bán với Việt Nam, không viện trợ cho Việt Nam, không bang giao với Việt Nam.

Đây là giai đoạn đoạn tuyệt bang giao, Mỹ và Việt Nam đứng vào thế đối đầu trong cuộc chiến tranh ở Cam Bốt.

4. Thương thuyết bắt đầu, 1982-86

Năm 1981, Reagan lên nắm quyền tại Hoa Kỳ. Reagan có thái độ cứng rắn với Cộng Sản. Nhân dịp khánh thành Đài Kỷ Niệm Chiến Tranh Việt Nam, ông tuyên bố cuộc chiến tranh mà người Mỹ tham dự ở Việt Nam là chiến tranh có chính nghĩa (a noble cause), và cam kết sẽ đòi Việt Nam phải cung cấp tin tức về người Mỹ mất tích trong chiến tranh.

Trong khi đó, Việt Nam lâm vào tình trạng khó khăn kinh tế. Cuộc xâm lăng Cam Bốt và sự chống đối của Hoa Kỳ, Trung Quốc, và ASEAN dồn Việt Nam vào thế cô lập về cả kinh tế lẫn ngoại giao. Để phá thế cô lập ngoại giao, Việt Nam mở chiến dịch ngoại giao thật sớm để vận động thế giới tham dự vào lễ kỷ niệm 10 năm ngày "giải phóng" Sài Gòn.

Tháng 2 năm 1982, Mỹ gửi một phái đoàn chính thức sang thăm Việt Nam. Khác với thời Carter, đây là lúc Mỹ ở thế thượng phong, đặt điều kiện cho việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao hai nước. Lập trường của Mỹ là:

Thứ nhất, phải tách rời các vấn đề nhân đạo (tù binh chiến tranh/người Mỹ mất tích, con lai, tù cải tạo, ra đi trật tự) với các vấn đề chính trị (bình thường hóa quan hệ ngoại giao, trao đổi mậu dịch, và viện trợ). Vấn đề nhân đạo phải được thương thuyết riêng và thương thuyết trước.

Thứ hai, việc thương thuyết để bình thường hóa quan hệ ngoại giao chỉ bắt đầu sau khi Việt Nam rút quân khỏi Cam Bốt và thành thật cộng tác để đạt được giải pháp cho cuộc chiến tranh ở Cam Bốt. Nhịp độ nhanh chậm và phạm vi bình thường hóa ngoại giao sẽ tùy thuộc vào các tiến bộ trong việc giải quyết các vấn đề nhân đạo.

Thứ ba, trong khi chờ đợi, Mỹ vẫn duy trì chính sách "ba không" đối với Việt Nam: không buôn bán, không viện trợ, không bang giao.

5. Những tiến bộ chậm chạp, 1987-92

Để chứng tỏ quyết tâm trong việc tìm kiếm người Mỹ mất tích, Tổng Thống Reagan bổ nhiệm tướng Vessey làm đại diện Tổng Thống Mỹ trong vấn đề tìm kiếm người Mỹ mất tích và tù binh chiến tranh. Đây là giai đoạn có trao đổi, tương nhượng thật sự giữa hai bên.

Về phía Việt Nam, sau khi Gorbachev thi hành chương trình tái cấu trúc kinh tế (perestroika) và cởi mở chính trị (glasnost), Việt Nam cũng phát động chính sách đổi mới — cải cách kinh tế và đổi mới tư duy. Khủng hoảng kinh tế và nhu cầu phải phá vỡ thế cô lập ngoại giao và kinh tế khiến Hà Nội có thái độ mềm mỏng hơn trong cuộc mặc cả với Mỹ. Năm 1986, Việt Nam đồng ý phối hợp với Mỹ để tìm kiếm hài cốt người Mỹ mất tích ở Việt Nam (joint searches). Năm 1987, Việt Nam mở cửa đón đầu tư ngoại quốc. Năm 1988, Việt Nam bắt đầu rút quân khỏi Cam Bốt. Năm 1989, Việt Nam tuyên bố hoàn tất việc triệt thoái quân đội khỏi xứ này.

Mỹ đáp ứng bằng cách bỏ bớt các hạn chế du lịch đối với Việt Nam, cho phép các thương gia Mỹ thăm viếng Việt Nam nhưng chưa được phép đầu tư. Năm 1990, cuộc gặp gỡ cao cấp lần đầu tiên giữa các ngoại trưởng James Baker của Mỹ và Nguyễn Cơ Thạch của Việt Nam diễn ra ở New York, và lệnh hạn chế đi lại của các nhà ngoại giao Việt Nam được tạm ngưng để Nguyễn Cơ Thạch có thể từ New York xuống Washington, DC gặp gỡ các nhà lãnh đạo Mỹ. Chính phủ Mỹ còn gửi một phái đoàn sang Việt Nam để nghiên cứu những vấn đề nhân đạo của Việt Nam và khuyến khích các tổ chức phi chính phủ trợ giúp nhân đạo cho Việt Nam.

Tháng 4/1991, lần đầu tiên một phái đoàn thương mại của chính quyền Mỹ viếng thăm Việt Nam. Cũng trong tháng ấy, chính phủ Mỹ trao cho Việt Nam một "lộ đồ" (road map) bốn giai

đoạn, ấn định rõ những điều mà Việt Nam phải thực hiện để đổi lấy các tương nhượng đáp ứng của chính phủ Mỹ, từng bước tiến đến bình thường hóa hoàn toàn quan hệ ngoại giao, đồng thời cấp cho Việt Nam 3 triệu Mỹ kim viện trợ nhân đạo. Tháng 10 năm ấy, Việt Nam tuyên bố ủng hộ kế hoạch hòa bình của Mỹ ở Cam Bốt, Ngoại trưởng James Baker tuyên bố sẵn sàng tiến tới bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Tháng 12, Mỹ cho phép các hãng du lịch Mỹ tổ chức các chuyến đi thăm viếng Việt Nam. Tháng 4/1992 Mỹ cho phép hãng buôn Mỹ bán hàng hóa cho Việt Nam để đáp ứng các nhu cầu căn bản của con người, bãi bỏ mọi hạn chế đối với các dự án giúp Việt Nam của những tổ chức phi chính phủ và bất vụ lợi, và tái lập liên lạc viễn thông với Việt Nam.

6. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao, 1993-98

Năm 1993, Mỹ có Tổng Thống mới. Bill Clinton hồi trẻ là một sinh viên phản chiến. Cũng như Carter, ông muốn nhanh chóng bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam nhưng, để tránh gặp phản ứng bất lợi như thời Tổng Thống Carter, ông phải hành động thận trọng. Chính quyền Clinton tuyên bố ủng hộ "lộ đồ" bình thường hóa quan hệ ngoại giao của chính quyền Bush. Tháng 4/1993 công ty tư vấn Vatico là công ty Mỹ đầu tiên mở văn phòng ở Việt Nam. Cuối tháng 5, đúng ngày tưởng niệm chiến sĩ trận vong (Memorial Day), Thượng nghị sĩ John Kerry hướng dẫn một phái đoàn nghị sĩ lưỡng đảng sang thăm Việt Nam. Khi trở về, một số nghị sĩ lên tiếng khuyến cáo chính phủ nên xúc tiến việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Ngày 2/7/1993 Tổng Thống Clinton tuyên bố Mỹ sẽ không phủ quyết việc các định chế tài chính thế giới viện trợ cho Việt Nam, nhấn mạnh rằng "những bước tiến kế tiếp trong việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào sự cộng tác của Việt Nam trong vấn đề tìm kiếm người Mỹ mất tích, những tiến bộ hiện nay chưa đủ để chúng ta cần thay đổi chính sách cấm vận Việt Nam và đi thêm bước nữa trong việc bình thường hóa bang giao" với Việt Nam. Tháng 9 năm đó, chính quyền Clinton tái tục chính sách cấm vận, nhưng cũng nới lỏng chi tiết để cho phép các công ty Mỹ tham dự đấu thầu các dự án đầu tư ở Việt Nam, nhưng chưa được thực hiện những dự án ấy.

Sau nhiều lần trì hoãn, cuối cùng Ủy ban Kerry cũng hoàn tất được một phúc trình. Một nhóm nghị sĩ thuộc cả hai đảng (trong đó của Thượng nghị sĩ Cộng Hòa John McCain) viết thư yêu cầu Tổng Thống Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận Việt Nam. Ngày 24/1/1994, Thượng Viện Mỹ chấp thuận một tu chính án trong đạo luật chuẩn chi ngân sách của bộ Ngoại giao đòi hỏi chính phủ phải chấm dứt lệnh cấm vận. Nương vào đó, ngày 3/2/1994 Tổng Thống Clinton bãi bỏ cấm vận Việt Nam, lập luận rằng đó là cách tốt nhất để giải quyết việc tìm kiếm tin tức về số phận những người Mỹ mất tích.

Tiếp sau đó, hai bên tiến hành thương thuyết về vấn đề tích sản của Việt Nam bị Mỹ phong tỏa. Cuối tháng 1/1995, hai bên đạt thỏa thuận giải quyết tranh chấp tài sản và trao đổi văn phòng liên lạc. Tháng 5, Việt Nam trao cho Mỹ một mớ tài liệu liên quan đến người Mỹ mất tích, mớ tài liệu mà bộ Quốc phòng Mỹ công nhận là chứa đựng nhiều tin tức và chi tiết nhất từ trước đến nay. Tháng 6, hai bên ký kết biên bản trao đổi văn phòng liên lạc. Tháng 7, Tổng Thống Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vì theo ông, đây là lúc phải đi tới để "hàn gắn vết thương chiến tranh." Ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher được cử sang Việt Nam để khánh thành tòa Đại sứ Mỹ ở Hà Nội.

Tháng 4/1997, Mỹ trao cho Việt Nam một văn kiện liệt kê các điều kiện để bình thường hóa quan hệ thương mại. Cuộc thương thuyết lần đầu tiên về trao đổi mậu dịch giữa hai nước được khai diễn ở Hà Nội hồi tháng 9/1996. Ngày 7/4/1997, Hà Nội bằng lòng trả cho Mỹ khoản nợ cũ của Việt Nam Cộng Hòa, khoảng $145 triệu Mỹ kim. Mười hôm sau, hai bên ký với nhau hiệp ước bảo vệ tác quyền. Tháng 5, hai bên trao đổi đại sứ, hoàn tất việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

7. Tiến tới việc xây dựng một mối quan hệ bền vững, 1998 —

Tháng 3/ 1998, Tổng Thống Clinton quyết định miễn áp dụng tu chính án Jackson-Vanik để cho phép Cơ Quan Đầu Tư Tư Nhân ở Ngoại Quốc (OPIC) và Ngân Hàng Xuất-Nhập Cảng của Mỹ được phép liên hệ với Việt Nam. Tháng 10, Phó Thủ Tướng Việt Nam, Nguyễn Mạnh Cầm đến thăm Ngũ Giác Đài. Ông là viên chức chính phủ đầu tiên cao cấp nhất của Việt Nam đến Hoa Kỳ trong một cuộc viếng thăm chính thức.

Tiến bộ trong bang giao Việt-Mỹ sau đó xảy ra dồn dập. Tính đến đầu năm 1999, Việt Nam

đã trao trả cho Mỹ 506 bộ hài cốt. Tháng 7/1999 Việt Nam ký với Hoa Kỳ một nghị định thư cam kết mở rộng thị trường Việt Nam cho hàng ngoại quốc để đổi lấy việc Mỹ mở rộng cửa nhận hàng xuất cảng từ Việt Nam.

Sau nhiều lần trì hoãn, tháng 3/2000, Việt Nam bằng lòng tiếp đón Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ William Cohen trong một cuộc viếng thăm chính thức. Ba tháng sau, Mỹ cam kết viện trợ nhân đạo cho Việt Nam một ngân khoản 1 tỷ 7 Mỹ kim để giúp Việt Nam tìm và phá hủy những mìn bẫy còn lại trên đất Việt từ thời kỳ chiến tranh. Tháng 7, một hiệp định thương mại quan trọng được ký kết giữa hai nước. Tháng 11, Clinton tới Việt Nam trong một cuộc thăm viếng chính thức. Đây là lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh chấm dứt, một vị Tổng Thống Hoa Kỳ đương nhiệm đến Việt Nam. Chuyến viếng thăm của Clinton được tiếp nối bởi chuyến viếng thăm Việt Nam của Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ Colin Powell, một người đã trực tiếp tham chiến ở Việt Nam (tháng 7/2001) và chuyến đi công tác Mỹ của Phó Thủ Tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng (tháng 1/2002) sau khi quốc hội hai nước phê chuẩn hiệp ước thương mại song phương (tháng 10 và 11/2001).

Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao đã được nối tiếp bằng việc tăng cường quan hệ thương mại giữa hai nước. Bước kế tiếp là phát triển mối quan hệ quân sự và chiến lược qua những cuộc viếng thăm qua lại. Tháng 2/2002 Đô Đốc Dennis Blair, Tư Lệnh Lực Lượng Thái Bình Dương của Mỹ sang Việt Nam để thảo luận với các nhà lãnh đạo quân đội Việt Nam. Tháng 11/2003, Bộ Trưởng Quốc Phòng Việt Nam, Trung Tướng Phạm Văn Trà, sang thăm Mỹ. Ông là nhà lãnh đạo quân sự cao cấp nhất của Việt Nam tới Mỹ kể từ khi chiến tranh chấm dứt. Cùng trong tháng ấy, chiến hạm Hoa Kỳ Vandegrift cập bến Sài Gòn, đánh dấu lần đầu tiên quân nhân Mỹ trở lại Việt Nam trong một sứ mệnh hòa bình.Chuyến viếng thăm của tướng Trà được đáp lễ bằng chuyến viếng thăm Việt Nam tháng 2/2004 của Đô Đốc Thomas Fargo, tân Tư lệnh Lực Lượng Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, rồi cuộc viếng thăm Đà Nẵng ngày 28/7/2004 của chiến hạm Mỹ USS Curtis Wilbur, 39 năm sau khi Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ lên hải cảng này để tham chiến tại Việt Nam.

Chỉ một tháng sau chuyến thăm Mỹ của Tướng Trà, Phó Thủ Tướng Việt Nam Vũ Khoan dẫn một phái đoàn thương mại đi vòng quanh nước Mỹ để

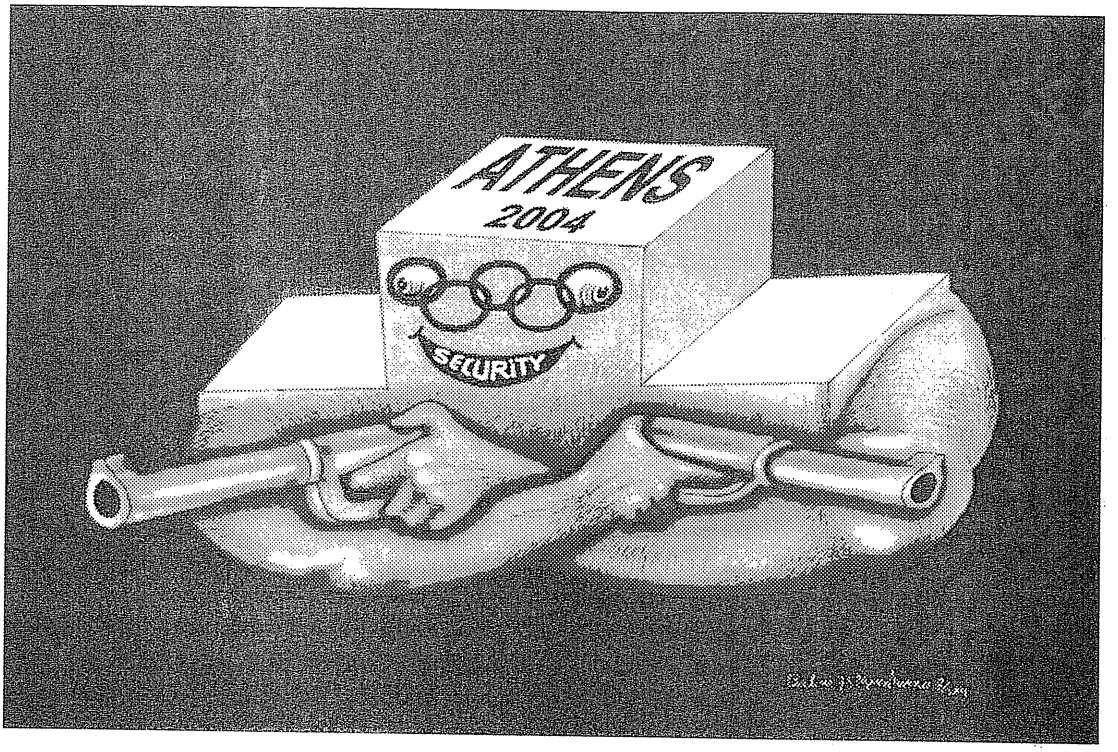

cổ võ đầu tư và trao đổi thương mại (tháng 12/2003). Tuyên bố với báo giới Mỹ, cả Tướng Trà lẫn Phó Thủ Tướng Khoan đều nói mục đích của họ là đến Mỹ để thảo luận với các nhà lãnh đạo Mỹ nhằm "đặt căn bản cho một mối quan hệ bền vững" giữa Việt Nam và Mỹ trên căn bản tương kính và lưỡng lợi. Bang giao Mỹ-Việt bắt đầu đi vào một giai đoạn mới.

II. CÁC VẤN ĐỀ TRONG BANG GIAO VIỆT-MỸ

Có sáu loại vấn đề chính trong quan hệ Việt-Mỹ hiện nay.

1. Vấn đề kinh tế/thương mại

Hiện nay, quan hệ kinh tế là nền tảng của bang giao Việt-Mỹ, ít nhất là trên quan điểm của Việt Nam. Mối quan hệ này đặt trên căn bản lưỡng lợi và có thể dùng làm viên đá lót đường cho việc xiết chặt mối bang giao tổng quát giữa hai nước.

Dưới mắt giới thương gia Hoa Kỳ, Việt Nam là một thị trường quan trọng với 81 triệu nhà tiêu thụ, và một nguồn cung cấp nhân công rẻ và chịu khó. Đối với Việt Nam, Mỹ là một thị trường lớn nhất thế giới và là nguồn cung cấp kỹ thuật và vốn đầu tư lớn lao.

Vấn đề nóng hiện nay là tranh chấp giữa hai bên về vấn đề nhập cảng cá tra và tôm từ Việt Nam vì các nhà sản xuất Mỹ lên án Việt Nam bán phá giá ngư phẩm của họ vào thị trường Mỹ, gây thiệt hại cho ngư dân Mỹ. Tuy nhiên, đây chỉ là một vấn đề khó chịu, nó không phải là một trở ngại lớn cho việc tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa hai nước. Bất đồng ý kiến và tranh chấp thương mại là sự kiện bình thường trong thương mại quốc tế. Tranh chấp thương mại đã từng xảy ra giữa Mỹ với Nhật, với Trung Quốc, và với các quốc gia trong Liên Hiệp Âu Châu. Tranh chấp thương mại gây ra căng thẳng nhưng rồi ra sẽ được giải quyết ôn hòa vì việc trao đổi thương mại làm cho hai bên đều có lợi. Vì thế, hai quốc gia Việt Mỹ sẽ phải tìm cách tương nhượng lẫn nhau để duy trì quan hệ kinh tế và thương mại.

Phần lớn các vấn đề trong quan hệ thương mại giữa Mỹ và Việt Nam bắt nguồn từ việc Mỹ xếp nền kinh tế Việt Nam vào loại "không phải là kinh tế thị trường" (non-market economy) do đó đã, một cách máy móc, áp dụng những thủ tục khác biệt trong việc trao đổi thương mại với Việt Nam. Vấn đề đặt hạn ngạch (quota) giới hạn số hàng nhập cảng từ Việt Nam sang Mỹ sẽ chấm dứt một khi Việt Nam được chấp nhận vào Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Mỹ đã hứa sẽ ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO và đã xúc tiến dự án START cố vấn kỹ thuật cho Việt Nam để Việt Nam nhanh chóng thỏa mãn những điều kiện của WTO.

Bất kể những khó khăn và mâu thuẫn kể trên, từ khi hiệp ước thương mại song phương được phê chuẩn, quan hệ kinh tế giữa hai nước đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Hai năm sau khi hiệp định thương mại Mỹ-Việt được phê chuẩn, trị giá hàng hóa trao đổi giữa hai nước đã tăng từ 1.5 tỷ Mỹ kim năm 2001 lên đến 2.3 tỷ Mỹ kim năm 2002, rồi 5 tỷ Mỹ kim năm 2003 khi Mỹ đã vượt Nhật để trở thành thị trường lớn nhất cho hàng xuất cảng từ Việt Nam.

Cuộc viếng thăm Hoa Kỳ cuối năm 2003 của Phó Thủ Tướng Việt Nam Vũ Khoan cũng đem lại một số kết quả cụ thể: hai bên đã ký kết với nhau một hiệp ước hàng không quan trọng, cho phép các hãng hàng không của hai nước thực hiện các chuyến bay trực tiếp giữa hai nước. Ngay sau đó, American Airlines đã mở văn phòng bán vé đầu tiên ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, và đang xin chính phủ Mỹ cứu xét đơn xin chia xẻ các chuyến bay với Air Vietnam. Mỹ cũng đồng ý là, trong tương lai, Việt Nam sẽ được phép xuất cảng sản phẩm cao-su sang thẳng Mỹ mà không cần phải qua trung gian như trước.

Ngay trong hai tháng đầu năm 2004, hai phái đoàn thương mại Mỹ đã đến Việt Nam. Cuộc viếng thăm tháng 1/2004 của 14 nhà đầu tư lớn của Mỹ trong chương trình "Khuyến khích đầu tư Mỹ tại Việt Nam" được nối tiếp bằng chuyến viếng thăm tháng 2/2004 của một phái đoàn 12 hãng lớn của Mỹ dưới sự hướng dẫn của chủ tịch Hội đồng Thương Mại Mỹ-Đông Nam Á. Phái đoàn này hứa sẽ ủng hộ Việt Nam trong vụ kiện phá giá tôm, giúp Việt Nam xuất cảng vải vóc và quần áo sang Mỹ, và ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO.

Nguyên nhân trực tiếp gây ra tranh chấp thương mại Mỹ-Việt bắt nguồn từ việc hai nước, nước này bất mãn với chính sách thương mại của nước kia. Việt Nam không hài lòng về các biện pháp bảo vệ thị trường của Mỹ trong khi đó thì Mỹ lại bất mãn với những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và sự thiếu trong sáng trong tiến trình quyết định về các dự án đầu tư ngoại quốc của Việt Nam. Nhân chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của ông Phó Thủ Tướng Việt Nam Vũ Khoan, Mỹ đã đưa cho

ông một danh sách các khiếu nại của giới đầu tư Mỹ, kể cả những hạn chế trong việc sử dụng đất thuê, chính sách phân biệt đối xử, và sự mù mờ trong tiến trình quyết định của Việt Nam.

Để vượt thắng những chống đối này, Việt Nam cần định chế hóa những nỗ lực vận động hành lang tại Mỹ. Những nỗ lực này ngoài việc vận động chính phủ và quốc hội Hoa Kỳ còn phải nhắm vào chính quyền địa phương và các tổ chức tư nhân, như các kỹ nghệ nhập cảng của Hoa Kỳ, các nhà đầu tư cũng như các nhóm nghiệp đoàn Mỹ. Trong vụ kiện tôm, Việt Nam đã khởi sự làm công tác này.

2. Trao đổi văn hóa và giáo dục

Đây là một lãnh vực mà cả hai bên đều ủng hộ, cho rằng nó sẽ đem đến sự hiểu biết lẫn nhau và tăng cường sự hợp tác giữa hai quốc gia. Trong quá khứ, các cuộc thăm viếng Hoa Kỳ của các phái đoàn văn nghệ Việt Nam đã gặp phải sự chống đối của người Việt tại Hoa Kỳ. Sự tham dự của người Mỹ gốc Việt vào việc trao đổi văn hóa giữa hai nước có thể gây ra vấn đề vì chính quyền Việt Nam thường dị ứng với sự hiện diện của họ.

Việc trao đổi giáo dục giữa hai nước cũng không xảy ra một cách bình đẳng, bắt nguồn từ sự khác biệt giữa Mỹ và Việt Nam trong nhu cầu giáo dục cũng như trong phẩm chất của nền giáo dục. Hiện nay có khoảng 2,500 sinh viên Việt Nam du học tại Mỹ nhưng có rất ít sinh viên Mỹ du học ở Việt Nam.

Ngoài học bổng cho sinh viên Việt Nam do các nhóm và hiệp hội tư cung cấp, chính phủ Mỹ cũng đã có những cố gắng đáng kể để giúp Việt Nam về phương diện này. Chương trình Fulbright choViệt Nam và Quỹ Giáo Dục Việt Nam (Vietnam Education Foundation), mỗi chương trình đã dành ra 5 triệu Mỹ kim một năm để đem sinh viên Việt Nam sang Mỹ du học trong các ngành khoa học và kỹ thuật. Chỉ với ngân khoản do hai cơ quan này cung cấp, Việt Nam là nước nhận được ngân khoản viện trợ giáo dục của Mỹ lớn nhất so với bất cứ quốc gia nào trên thế giới.

3. Vấn đề nhân đạo

Trong khi chương trình tìm kiếm người Mỹ mất tích vẫn tiếp tục, kết quả đạt được trong chương trình này gần như đã đến mức tối đa. Chính quyền Mỹ đã bày tỏ sự hài lòng và cám ơn sự hợp tác của Việt Nam. Đây không còn là một vấn đề gây khó khăn cho bang giao Việt-Mỹ như trong quá khứ và sẽ giảm dần tính cách quan trọng.

Việt Nam cũng đã yêu cầu Mỹ giúp tìm kiếm quân nhân Việt Nam mất tích trong chiến tranh (con số có thể lên đến nhiều trăm ngàn) và muốn Mỹ nhận "trách nhiệm tinh thần" đối với nạn nhân của chất độc da cam mà Mỹ đã giải ở Việt Nam trong thời chiến, tuy chính phủ Việt Nam chưa bao giờ đòi Mỹ phải bồi thường tổn hại. Lập trường hiện nay của chính phủ Mỹ là không có bằng chứng nào cho thấy có một liên hệ trực tiếp giữa chất dioxin và các bệnh trạng của những người trước kia sống trong vùng bị rải chất khai quang này. Cuối tháng 1/2004 ba nạn nhân Việt Nam bắt đầu thủ tục khởi tố 10 công ty Mỹ tại tòa án quản hạt Brooklyn, New York. Liên tiếp trong hai tháng 7 và 8/2004 Việt Nam, với sự cộng tác của một số cựu chiến binh Mỹ, đã phát động chiến dịch kêu gọi "nhân dân Mỹ" tỏ cảm tình và ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam. Chiến dịch này cần phải được thi hành một cách khéo léo, nếu không có thể mắc vào trường hợp "già néo đứt giây" như trường hợp điều đình bình thường hóa quan hệ ngoại giao trong những năm ngay sau khi chiến tranh chấm dứt.

Một mối quan tâm nhân đạo khác của Việt Nam là sự hiện diện của đạn chưa nổ trên lãnh thổ Việt Nam. Giới quân sự Việt Nam ước tính có từ 350 đến 850 nghìn tấn đạn chưa nổ (unexploded ordnance) và ba triệu mìn chôn rải rác trên lãnh thổ Việt Nam. Tháng 2/2003, Sáng hội Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ ký với Bộ Quốc Phòng Việt Nam một thỏa ước để vẽ bản đồ các đạn dược chưa nổ nhằm giúp Việt Nam biết rõ vị trí mìn và đạn chưa nổ trong các tỉnh có nhiều vấn đề nhất là Quảng Bình, Quảng Trị và Hà Tĩnh.

4. Vấn đề nhân quyền

Đây là vấn đề nổi cộm nhất trong mối quan hệ Việt-Mỹ. Vì lý do an ninh, Việt Nam đàn áp và bắt giữ các thành phần đối lập chính trị và tôn giáo. Hạ Viện Mỹ đã biểu quyết dự luật nhân quyền chỉ trích hành vi xâm phạm tự do chính trị và tôn giáo của chính phủ Việt Nam. Đầu năm nay, phúc trình về "Tình hình nhân quyền" của bộ Ngoại Giao Mỹ cũng phàn nàn về những vi phạm quyền tự do ngôn luận, báo chí, tín ngưỡng, và quyền tự do lập hội ở Việt Nam đồng thời đả kích chính quyền Việt Nam giam giữ các phần tử chống đối chính trị và tôn giáo. Việt Nam phản ứng bằng cách lên án phúc trình nhân quyền của bộ Ngoại Giao và dự luật nhân quyền cho Việt Nam của Hạ viện Mỹ là những hành động can thiệp vào nội bộ Việt Nam và làm hại cho mối giao hảo giữa hai nước.

Dù đây là một vấn đề gây ra nhức nhối cho Việt Nam, trong một tương lai có thể thấy được nó sẽ vẫn còn đó, và Việt Nam có lẽ sẽ phải tìm cách thích ứng với nó và tránh không để mâu thuẫn trong vấn đề này làm cản trở tiến bộ trong các lãnh vực bang giao khác giữa hai nước.

Có nhiều lý do khiến chính phủ Hoa Kỳ phải làm áp lực Việt Nam trong vấn đề nhân quyền. Thứ nhất, chính phủ Mỹ phải đáp ứng với những đòi hỏi của Quốc Hội, các cơ quan công quyền lập ra để theo rõi những vi phạm nhân quyền (như Ủy Ban Bảo Vệ Tự Do Tôn Giáo), và các tổ chức phi chính phủ quan tâm đến vấn đề nhân quyền ở Việt Nam (như Human Rights Watch, và các tổ chức của người Mỹ gốc Việt). Thứ hai, luật pháp Mỹ đòi hỏi bộ Ngoại Giao mỗi năm phải nộp phúc trình về tình trạng nhân quyền tại nhiều nước trên thế giới. Vì thế, Sứ quán Mỹ tại Việt Nam không có chọn lựa nào khác hơn là phải phúc trình về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam đồng thời cố gắng vận động với chính phủ sở tại để tình trạng nhân quyền ở đó mỗi năm một sáng sủa hơn. Sau hết, như đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam, ông Burghart, đã phát biểu trong bài diễn văn đọc tại Asia Society ngày 21/1/2003, nhân quyền là một "vấn đề mà dân chúng Mỹ thật sự hết sức quan tâm đến. Đây không phải là một âm mưu mờ ám nhằm gây ra 'diễn biến hòa bình' mà chỉ là sự biểu thị của lịch sử và đặc tính của người Mỹ."

5. Vấn đề người Mỹ gốc Việt

Chính phủ Việt Nam đã nhận thức rõ được tiềm năng đóng góp của cộng đồng người Mỹ gốc Việt trong việc xây dựng quốc gia, tăng uy thế và làm hậu thuẫn cho Việt Nam trong các vận động quốc tế. Nhưng họ cũng buồn phiền và bối rối trước các hoạt động chống đối, nhất là đối với tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam, của các nhóm người Mỹ gốc Việt, đôi khi gây thêm căng thẳng trong bang giao Việt Mỹ. Gần đây, việc vận động để các quận hạt và ngay cả một vài tiểu bang Mỹ công nhận lá cờ cũ của Việt Nam Cộng Hòa là "lá cờ di sản" của người Mỹ gốc Việt đã gây nhức nhối không ít cho nhà cầm quyền Việt Nam.

Trong bang giao Việt-Mỹ, cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ có thể là một vấn đề khó khăn cho nhà cầm quyền Việt Nam, nhưng họ cũng có thể là một nguồn hậu thuẫn tiềm tàng cho Việt Nam trong mọi khía cạnh của bang giao Việt-Mỹ, từ chính trị, nhân quyền đến đầu tư và viện trợ kinh tế. Muốn có sự ủng hộ của họ, chính quyền Việt Nam cần phải có một chính sách can đảm, vượt lên trên những lời tuyên bố trống rỗng để đưa ra những biện pháp táo bạo nhằm giải tỏa sự phân chia quốc-cộng kéo dài suốt 80 năm qua và đang gây trở ngại cho tình đoàn kết và sự hòa giải dân tộc thật sự.

6. Quan hệ chiến lược

Quan hệ quân sự và chiến lược là vấn đề tế nhị và nhạy cảm nhất trong mối bang giao Việt-Mỹ. Đối với Mỹ, Việt Nam không còn chiếm vị trí chiến lược quan trọng như trong thời chiến tranh lạnh. Tuy Việt Nam chỉ có một vai trò khiêm tốn trong chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ, nhất là sau biến cố ngày 9/11/2001, nói chung chính phủ Mỹ vẫn muốn cải thiện mối liên hệ quân sự giữa hai nước. Trở ngại chính cho việc cải thiện mối quan hệ quân sự Việt-Mỹ là sự cách biệt giữa quan điểm của Mỹ về tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam (thấp) và quan điểm của chính Việt Nam về tầm quan trọng của mình (cao). Một mối quan hệ quân sự lành mạnh không thể xây dựng trên sự cách biệt quan điểm như kể trên. Hiện nay, có hai yếu tố có ảnh hưởng quyết định đối với mối liên hệ chiến lược giữa hai nước: sự nghi ngờ của Việt Nam đối với ý định của Mỹ và yếu tố Trung Quốc.

Việt Nam nghi ngờ ý định của Mỹ

Rõ ràng là Việt Nam e ngại, nếu không nói là bất bình trước ảnh hưởng hay sự can thiệp của Mỹ vào chuyện mà Việt Nam coi là vấn đề nội bộ của mình, những can thiệp mà Việt Nam coi như có nguy cơ đưa đến "diễn biến hòa bình," thay đổi chế độ," hay tình trạng "mất chủ quyền." Với thời gian, khi tình hình Việt Nam đã ổn định, khi chính quyền Việt Nam tự tin hơn thì bang giao giữa hai nước tự nhiên sẽ được cải thiện. Vấn đề đặt ra là: ngay bây giờ, vì quyền lợi của chính mình liệu Việt Nam có nên đẩy mạnh tiến trình cải thiện bang giao quân sự giữa hai nước hay không?

Trong khi chính phủ Mỹ, vì luật lệ đòi hỏi, vì áp lực của Quốc Hội và của các nhóm quyền lợi ở trong nước (kể cả những người Mỹ gốc Việt), và vì bản chất của chế độ chính trị Hoa Kỳ, luôn luôn phải quan tâm và muốn cổ võ cho nhân quyền và tiến trình dân chủ hóa, nhưng họ không có lợi gì trong việc lật đổ chính quyền Việt Nam. Một khi nhà cầm quyền Việt Nam hiểu được rằng tại Mỹ "chính trị bắt nguồn từ nhu cầu tranh cử địa phương" và chính quyền liên bang Mỹ ít có

khả năng ảnh hưởng đến những vấn đề của địa phương, và biết chú tâm đến khung cảnh lớn thì họ sẽ bớt nhạy cảm trước những vấn đề thứ yếu và trở nên thoải mái và đối phó hữu hiệu hơn với những quan tâm của Mỹ.

Đành rằng đôi lúc người Mỹ có thể hành động một cách thiếu tế nhị và kiêu căng, nhưng với bản chất thiếu kiên nhẫn của công luận Hoa Kỳ, chế độ kiểm soát hỗ tương giữa các cơ quan công quyền, các cuộc bầu cử thường xuyên ở Hoa Kỳ, và chiều hướng chính trị quốc tế ngày nay, Mỹ không có ý định mà cũng không có khả năng theo đuổi chính sách đế quốc trong một thời gian dài. Việt Nam không cần phải sợ tham vọng đế quốc của Hoa Kỳ.

Yếu tố Trung Quốc

Một yếu tố khác ảnh hưởng đến việc cải thiện bang giao Việt-Mỹ là Việt Nam không muốn làm mếch lòng Trung Quốc, trong khi đó thì Mỹ tương đối có nhiều tự do chọn lựa hơn.

Một số các học giả và chiến lược gia Hoa Kỳ lo ngại Trung Quốc có thể trở thành địch thủ của Hoa Kỳ trong tương lai, đã đề nghị Hoa Kỳ phải tìm cách quân bằng thế lực đang lên của Trung Quốc tại Á châu. Trong bối cảnh ấy, Việt Nam là một trong số các quốc gia có thể đóng vai trò hữu ích trong chiến lược của Hoa Kỳ. Nhưng, Ngoại trưởng Mỹ, Colin Powell, gần đây đã tuyên bố rằng không có gì "không tránh được" trong mối bang giao Hoa-Mỹ, nó tùy thuộc vào việc hai quốc gia muốn gì trong mối bang giao ấy. Những người bi quan về tương lai quan hệ Hoa-Mỹ có thể đúng nếu Trung Quốc tiếp tục duy trì chế độ cộng sản và theo đuổi một ý thức hệ đối nghịch với những giá trị của Mỹ. Nhưng, ngược lại, cũng có thể Trung Quốc tiếp tục cải tổ, đi dần đến chỗ bỏ hẳn ý thức hệ cộng sản trong lý thuyết cũng như trong thực tế. Trong trường hợp đó, không có lý do gì khiến Mỹ phải đối đầu với Trung Quốc. Giữa hai nước ấy có thể có bất đồng ý kiến và tranh chấp, nhưng sẽ không có thù nghịch và chiến tranh. Trong trường hợp ấy, Mỹ không có nhu cầu phải tìm đối lực với Trung Quốc; hòa bình và ổn cố ở Á châu có thể được bảo đảm bởi sự cộng tác giữa hai nước trong thế đồng lãnh đạo, và mối bang giao Việt-Mỹ sẽ tiếp tục phải đóng vai thứ yếu trong mối quan hệ Mỹ-Hoa.

Đối với Việt Nam, Trung Quốc luôn luôn là một đe dọa tiềm tàng, một căn nguyên của tâm trạng bất an ninh. Trung Quốc đã thắt buộc Việt Nam vào một mớ liên hệ chằng chịt trên mọi bình diện —từ kinh tế, văn hóa, sang chính trị, ý thức hệ đến quân sự— và ở mọi cấp —từ tỉnh với tỉnh, quốc gia với quốc gia, đảng với đảng, tổ chức quần chúng với tổ chức quần chúng. Những mối liên hệ này đôi khi có thể làm cho Việt Nam nghẹt thở.

Mối quan tâm trung hạn của Việt Nam là tranh chấp chủ quyền tại Trường Sa và khả năng Trung Quốc chế ngự vùng biển Đông. Nếu điều này xảy ra, Việt Nam sẽ vĩnh viễn sống dưới cái bóng của Trung Quốc, một viễn tượng không có gì là vui vẻ, nhất là khi Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì chế độ độc tài. Lúc ấy, thì Nhật Bản, Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á và ngay cả Liên Hiệp Âu Châu nữa, chẳng ai có thể là đối thủ của Trung Quốc. Chỉ Hoa Kỳ mới có khả năng ngăn chặn không cho điều này xảy ra mà thôi.

Thử đặt câu hỏi là, trong lúc này, nếu Trung Quốc chiếm thêm một hòn đảo nào trong quần đảo Trường Sa, nước Mỹ sẽ phản ứng ra sao? Câu trả lời là, có lẽ Mỹ sẽ chẳng làm gì hơn là đưa ra một lời phản đối. Trong khi đó, dường như Trung Quốc đang tìm cách chia rẽ tình đoàn kết ASEAN để giải quyết vấn đề trên căn bản mặc cả song phương. Gần đây chính phủ Phi tỏ ý lưu tâm đến đề nghị tạm gạt ra một bên tranh chấp về vấn đề chủ quyền để hợp tác trong việc khai thác các tài nguyên trên đảo. Ngoài ra cũng có tin là một công ty dầu hỏa Trung Quốc có thể đến Phi Luật Tân để để nghị một dự án khai thác chung. Nếu Trung Quốc đạt được thỏa thuận loại ấy với Phi thì Mã Lai Á có thể cũng làm theo. Việt Nam, cũng như Trung Quốc, tuyên bố mình có chủ quyền trên toàn thể quần đảo Trường Sa và vùng biển kế cận. Việt Nam hiện chiếm được một số đảo lớn cho nên hẳn không muốn chấp nhận đề nghị khai thác chung của Trung Quốc, nhưng chính sách "chia để trị" và "tằm ăn gửi" Trung Quốc có thể cô lập hóa Việt Nam và đẩy Việt Nam vào một thế khó khăn. Liệu Việt Nam có phải quan tâm đến viễn tượng này và tìm giải pháp đối phó trước khi quá muộn?

Trong khi việc Trung Quốc kiểm soát được quần đảo Trường Sa và chế ngự được vùng biển phía nam Trung Quốc có ảnh hưởng tai hại cho quyền lợi chiến lược của Mỹ, nhưng trong tình thế hiện nay, người ta khó có thể tưởng tượng Mỹ sẽ tuyên chiến với Trung Quốc nếu Trung Quốc cứ chiếm dần từng hòn đảo một. Lý do dản dị nhất chính quyền Mỹ có thể đưa ra để tránh không phải hành động là cho rằng đó là xung đột giữa "các nước cộng sản anh em." Nhưng Mỹ sẽ hành

động khác hẳn nếu Trung Quốc tấn công Đài Loan.

Bài học Đài Loan

Cuối thập niên 1970's chính quyền Carter giảm mọi liên lạc với Đài Loan và gần như bỏ rơi đảo quốc này. Người Mỹ chê chế độ Đài Loan độc tài và tham nhũng. Cải tổ chính trị đã biến Đài Loan thành một chế độ dân chủ, do đó khiến lập luận của những người chống Đài Loan ở Mỹ không đứng vững. Giữa Đài Loan và Trung Quốc là một khác biệt lớn lao: một bên là một chế độ dân chủ với một nền kinh tế vững mạnh của một quốc gia kỹ nghệ tiền phong, một bên là một chế độ độc tài với một nền kinh tế đang mở mang chưa thoát hoàn toàn khỏi những ràng buộc của xã hội chủ nghĩa. Sự khác biệt này làm cho sự chọn lựa của Mỹ trở thành hiển nhiên. Hiện nay, khuynh hướng ủng hộ Đài Loan là khuynh hướng trội yếu trong Quốc Hội cũng như trong quần chúng Mỹ. Đạo Luật về Đài Loan năm 1979 trở thành một dụng cụ tiện lợi để Mỹ lấy cớ bảo vệ Đài Loan khi nền an ninh của xứ này bị Trung Quốc đe dọa. Vì thế, ngay trong thời Clinton khi Trung Quốc được coi là một "cộng sự viên chiến lược" của Mỹ, chính phủ Mỹ đã cử một lực lượng hải quân lớn nhất kể từ khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt vào vùng biển Đài Loan để biểu dương lực lượng, cảnh cáo Trung Quốc khi nước này có hành động đe dọa Đài Loan nhân dịp nhân dân hòn đảo này đang chuẩn bị bầu cử Tổng Thống trong một cuộc bầu cử dân chủ và tự do nhất ở Đài Loan. Việt Nam không phải là Đài Loan, nhưng trường hợp Đài Loan có thể là một bài học hữu ích.

Hiện nay, so với Việt Nam, Mỹ có mối quan hệ quân sự quan trọng và mật thiết hơn đối với Trung Quốc. Chiến hạm Mỹ đã cập bến Trung Quốc nhiều lần và ngược lại. Hai bên đã trao đổi nhiều phái đoàn quân sự, các chiến lược gia Trung Quốc hàng năm được cấp học bổng sang nghiên cứu tại trường Đại học Quốc Phòng Mỹ, lãnh đạo chính trị hai quốc gia thăm viếng, gặp gỡ và trực tiếp thảo luận với nhau trên nhiều vấn đề quan tâm chung. Điều này chưa xảy ra trong quan hệ Việt-Mỹ.

Tuy nhiên, có vài chỉ dấu cho thấy mối quan hệ quân sự èo uột và đầy nghi kỵ giữa Việt Nam và Mỹ đang bắt đầu thay đổi. Ba diễn biến trong hai tháng cuối năm 2003 phản ánh sự thay đổi này. Diễn biến thứ nhất là chuyến thăm viếng chính thức của tướng Trần Văn Trà, Bộ trưởng Quốc Phòng Việt Nam, tại Mỹ từ 8/11 đến 12/11. Đây là lần đầu tiên kể từ khi cuộc chiến tranh Việt Nam chấm dứt, một nhà lãnh đạo quân sự cao cấp nhất của Việt Nam đặt chân lên đất Mỹ. Cuộc thăm viếng chính thức của tướng Trà đánh dấu một giai đoạn mới trong sự cộng tác trong lãnh vực quốc phòng đầy nhạy cảm giữa hai quốc gia từ xưa vốn thù nghịch nhau, đồng thời là một bước cuối cùng trong tiến trình phục hồi hoàn toàn mọi liên hệ giữa hai nước. Sau chuyến viếng thăm của tướng Trà là việc cập bến Sài Gòn của chiến hạm Vandegrift trong một cuộc thăm viếng thân hữu kéo dài bốn ngày. Đây là một cuộc viếng thăm có nhiều ý nghĩa tượng trưng vì đó là lần đầu tiên, 30 năm sau khi quân Mỹ rút khỏi Việt Nam, các thủy thủ Mỹ đã trở lại Việt Nam trong tinh thần hòa bình và thân hữu. Diễn biến thứ ba là cuộc viếng thăm chín ngày, qua năm thành phố lớn của Mỹ, của một phái đoàn thương mại do Phó Thủ Tướng Việt Nam Vũ Khoan hướng dẫn nhằm mục đích mời chào các nhà đầu tư Mỹ, và để ông Khoan có dịp gặp gỡ và thảo luận với lãnh đạo chính trị Mỹ hầu tìm ra các biện pháp thiết lập một cái "khung cho sự hợp tác bền vững và lâu dài" giữa Việt Nam và Mỹ.

Những diễn biến kể trên là kết quả của sự tính toán thực tiễn của các nhà lãnh đạo Việt Nam về vai trò mà Hoa Kỳ có thể đóng góp cho việc phát triển Việt Nam cũng như trong việc bảo vệ hòa bình và an ninh Á châu và Đông Nam Á. Trong một bài diễn văn đọc trước cuộc hội thảo Việt-Mỹ ở trường đại học Johns Hopkins ngày 2/10/2003, Ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Dy Niên đã nhận xét như sau về vai trò của Mỹ:

"Ngày nay Mỹ là siêu cường duy nhất trên thế giới, đóng một vai trò quan trọng và có ảnh hưởng lớn lao trong mọi khía cạnh của bang giao quốc tế ở cấp toàn cầu cũng như ở cấp khu vực. Mối liên hệ đặc biệt giữa Mỹ với các quốc gia Á Châu-Thái Bình Dương, nói chung, và với Đông Nam Á, nói riêng, đã có từ nhiều thế kỷ trước. Sự phát triển kỳ diệu của những tiểu long Đông Á không thể nào xảy ra nếu không có sự hợp tác của Mỹ."

Tuy còn cần có nhiều cố gắng nữa mới có thể mang mối quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ lên tới mức độ của mối liên hệ Mỹ-Hoa, nhưng cái nhìn mới này của các nhà lãnh đạo Việt Nam là một triệu chứng tốt cho tương lai bang giao giữa hai nước.

VÀNG và LỬA

TRẦN GIA PHỤNG

Phan Thanh Giản

Đỗ thứ nhì kỳ thi hương (cử nhân) tại trường thi Gia Định năm 1825 (ất dậu), đỗ thứ ba kỳ thi đình (tiến sĩ) tại kinh đô Phú Xuân năm 1826 (bính tuất, nhằm năm Minh Mạng thứ bảy), Phan Thanh Giản (1796-1867) là người đỗ đại khoa Nho học đầu tiên của các tỉnh miền Nam dưới thời nhà Nguyễn. Cuộc đời làm quan của ông thật lắm thăng trầm. Trước khi lên đến chức thượng thư trong triều đình nhà Nguyễn, ông đã nhiều lần bị giáng chức.

I.- NHỮNG LẦN BỊ GIÁNG CHỨC

Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, dưới triều vua Minh Mạng (trị vì 1820-1840), khi từ Hiệp trấn [phó trấn thủ] Ninh Bình (1) vào Quảng Nam làm việc năm 1831 (tân mão), Phan Thanh Giản đem quân đánh dẹp người miền núi nổi dậy ở Chiên Đàn (gần Tam Kỳ). Quân triều đình bị thua. Phan Thanh Giản bị cách lưu, nghĩa là bị cách chức (không còn giữ chức vụ cũ), nhưng phải lưu lại nhiệm sở ở Quảng Nam để lập công chuộc lỗi.

Năm 1836 (bính thân), đang làm bố chánh (phó tỉnh) tỉnh Quảng Nam, (1) nhận được chiếu chỉ của vua Minh Mạng thông báo nhà vua sẽ tuần du Quảng Nam vào tháng 5 (âm lịch), Phan Thanh Giản dâng sớ xin nhà vua tạm đình cuộc viếng thăm, viện cớ rằng mùa màng Quảng Nam đang gặp khó khăn, nếu dân chúng phải lo việc tiếp rước nhà vua thì dân chúng không có thời giờ lo việc đồng ruộng. Vua Minh Mạng tuy nghe theo ý kiến nầy, nhưng lại không bằng lòng, cử ngự sử Vũ Duy Tân đến Quảng Nam xét hỏi. Sau cuộc điều tra, Vũ Duy Tân trình rằng dân Quảng Nam rất mong nhà vua đi tuần du, chê bai quan lại địa phương tham nhũng. Phan Thanh Giản liền bị giáng chức lần thứ nhì.

Ông bị giáng chức lần thứ ba vào năm 1838 (mậu tuất) vì lúc đó đang làm việc ở triều đình, lại vào phiên trực mà quên đóng dấu vào lời phê của vua Minh Mạng trong một chương sớ của địa phương thuộc bộ Hộ, rồi ông bị đổi đi xa.

Năm sau, ông được đưa về triều làm thị lang bộ Hộ. (2) Lúc bấy giờ xảy ra vụ Vương Hữu Quang trình sớ tâu vua với lời lẽ phạm thượng. Triều đình muốn phạt nặng, nhưng Phan Thanh Giản xin giảm khinh vì Vương Hữu Quang là bạn

cùng quê và đồng khoa cử nhân ở Gia Định với Phan Thanh Giản. Vua Minh Mạng cho rằng Phan Thanh Giản đã che chở cho Vương Hữu Quang, nên nhà vua giáng chức Phan Thanh Giản, giao ông làm thông chính phó sứ, giữ việc ở kho tàng trong triều.

Làm phó chủ khảo kỳ thi hương trường Thừa Thiên năm 1840 (canh tý), Phan Thanh Giản lại bị giáng một cấp vì khi duyệt bài, ông bỏ qua lỗi trùng vần trong bài phú của thí sinh Mai Trúc Tùng.

Qua thời vua Thiệu Trị (trị vì 1841-1847), đường hoạn lộ của Phan Thanh Giản không còn trở ngại. Ông dần dần thăng lên thượng thư bộ Hình, sung cơ mật viện đại thần năm 1847.

Năm 1852 (nhâm tý), dưới triều vua Tự Đức (trị vì 1848-1883), đang làm Kinh lược phó sứ Nam Kỳ dưới quyền Chánh sứ Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản cùng Nguyễn Tri Phương đứng tên viết chung sớ dâng lên vua Tự Đức đề nghị nhà vua thực hiện tám việc như sau: "*Thanh khiết ngọc thể, điều hành tốt công việc, bỏ nghiện ngập thái quá, tiết kiệm và điều độ, giảm số người hầu hạ trong triều đình, chăm lo cho quan chức, điều động vừa phải nhân lực công ích, tăng lương bổng.*" (3)

Lần nay, vua Tự Đức bảo rằng hai ông là người trung ái (trung quân ái quốc), không thể chê được, vậy có mưu tốt gì thì tâu lên. Hai ông xin đem trả lại sứ tiết, xin từ nhiệm lui về hưu trí, nhưng vua Tự Đức từ chối, lưu hai ông tiếp tục công việc ở Nam Kỳ và khen thưởng hai ông. Riêng Phan Thanh Giản được thưởng một kim khánh hạng lớn, trên đề bốn chữ "LIÊM BÌNH CẦN CÁN". (4) Năm sau (1853), Phan Thanh Giản được gọi về triều thăng thượng thư bộ Binh. Tuy lên đến tột đỉnh danh vọng của một đời làm quan, nhưng sự nghiệp của ông kết thúc một cách vừa bi đát vừa hùng tráng.

II.- PHAN THANH GIẢN TỰ TIẾT

Tình hình nước Việt càng ngày càng sôi động khi quân Pháp xuất hiện và tấn công Đà Nẵng rồi Gia Định vào giữa thế kỷ 19. Sau khi Pháp chiếm Kỳ Hòa (Gia Định) ngày 25-2-1861 và Mỹ Tho ngày 12-4-1861, đầu tân Khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi (thay Nguyễn Tri Phương bị thương trong trận Chí Hòa) dâng sớ xin nghị hòa, triều đình bối rối, nhưng vẫn chưa có đối sách cụ thể. Vua Tự Đức ra lệnh cho Nguyễn Bá Nghi "*tùy tiện mà làm*" và mật lệnh cho thân sĩ Nam Kỳ nổi lên kháng Pháp. Trương Định được vua Tự Đức phong làm Quản cơ, cầm đầu lực lượng chống Pháp ở Biên Hòa. Tại Gia Định, Phan Văn Đạt và Lê Cao Dõng đứng ra hô hào kháng chiến chống ngoại xâm.

Pháp tiếp tục chiếm Biên Hòa ngày 15-12-1861, rồi chiếm Bà Rịa ngày 8-1-1862, chiếm Vĩnh Long ngày 22-3-1862. Tổng đốc Trương Văn Uyển bỏ chạy. Lúc bấy giờ hai bên đều muốn thương thuyết. Triều đình Huế càng ngày càng lúng túng vì trong khi Pháp tấn công và chiếm đất tại Nam Kỳ, chận đứng nguồn cung cấp lúa gạo cho cả nước, thì tại Bắc Kỳ, Lê Phụng nổi dậy và bành trướng mạnh. Phần người Pháp, từ ngày 1-12-1861, Phó đô đốc Louis Bonard (1805-1867) thay Phó đô đốc Joseph Charner (1797-1869) cầm đầu quân đội viễn chinh Pháp. Bonard nhận thấy rằng Pháp thiếu lực lượng để chiếm đóng một vùng đất rộng lớn hơn, do đó, ông cử trung tá hải quân Simon ra Thuận An (Huế) bàn chuyện thương thuyết. Cuối cùng, triều đình Huế cử Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp làm chánh phó sứ toàn quyền đại thần vào Gia Định để nghị hòa.

Cuộc thương lượng kéo dài trong 20 ngày, đi đến kết quả là hai bên ký kết hòa ước ngày 5-6-1862, đúng 60 năm sau khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất đất nước, thường được gọi là hòa ước *Nhâm tuất*, gồm 12 điều khoản, với những điểm chính như sau: Ở Việt Nam, giáo sĩ Pháp và Tây Ban Nha được tự do truyền đạo và dân Việt Nam được tự do theo đạo (điều 2); Việt Nam nhượng cho Pháp ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn, tàu buôn Pháp và Tây Ban Nha được tự do đi lại trên sông Cửu Long (điều 3); Việt Nam chỉ được nhượng đất cho nước khác với sự ưng thuận của hoàng đế Pháp (điều 4); người Pháp và Tây Ban Nha được quyền đến buôn bán ở Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng Yên, ngược lại người Việt Nam được tự do buôn bán ở hải cảng hai nước đó (điều 5), Việt Nam phải trả cho Pháp và Tây Ban Nha 4 triệu đồng chiến phí trong vòng 10 năm. Mỗi đồng được tính bằng 72% lượng bạc (điều 8) ...

Sau hòa ước *Nhâm tuất*, Nam Kỳ chỉ còn ba tỉnh miền Tây thuộc triều đình Việt Nam. Đặc biệt ba tỉnh nầy hoàn toàn bị cách ly về đường bộ với lãnh thổ Việt Nam, vì nếu đi từ bắc xuống Nam, qua khỏi tỉnh Bình Thuận, tỉnh cuối cùng của miền Trung, là ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ vừa mới bị mất vào tay Pháp, rồi mới đến ba tỉnh

miền Tây. Triều đình chỉ có thể liên lạc với ba tỉnh miền Tây bằng đường biển mà thôi.

Hòa ước *Nhâm tuất* không được triều đình Huế hoan nghinh. Hai sứ giả bị khiển trách, nhưng cuối cùng vua Tự Đức vẫn phê chuẩn. Lâm Duy Hiệp bị cách chức và từ trần sau đó không lâu. Phan Thanh Giản bị cách lưu, xuống làm tổng đốc Vĩnh Long để tiếp tục thương lượng với Pháp. Điều nầy chứng tỏ lúc đó triều đình Huế tự cảm thấy không đủ khả năng sử dụng lực lượng quân sự tái chiếm ba tỉnh đã mất. Tiếp tục thương lượng với Pháp là việc làm vô ích vì lúc đó chính phủ Pháp cương quyết tiến chiếm toàn bộ Nam Kỳ.

Thấy vận động ở Gia Định không được, theo đề nghị của Trương Đăng Quế, (5) vua Tự Đức gởi một phái đoàn gồm 60 người qua Pháp và Tây Ban Nha thương thuyết. Phái đoàn do Phan Thanh Giản làm chánh sứ, Phạm Phú Thứ làm phó sứ và Ngụy Khắc Đản là bồi sứ, khởi hành ngày 4-7-1863 và đến Paris cuối tháng 8. Mãi đến ngày 7-11-1863, phái đoàn mới được Pháp hoàng Napoléon III (1808-1873, hoàng đế Pháp 1852-1871) tiếp kiến. Triều đình Pháp không bác bỏ ý kiến bàn lại các điều khoản trong hòa ước 1862 nhưng hứa sẽ trả lời trong vòng một năm. Phái đoàn tiếp tục sang Tây Ban Nha yết kiến nữ hoàng Isabella II (1830-1904, trị vì 1833-1868), rồi trở về vào tháng 3-1864.

Việc thương lượng không có kết quả nhưng cả Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ đều đã học hỏi được nhiều điều mới lạ trong chuyến đi nầy. Chính vì vậy, khi về nước, Phan Thanh Giản cũng như Phạm Phú Thứ, mỗi người đều dâng sớ lên vua Tự Đức và triều đình đề nghị canh tân xứ sở nhưng không được chấp thuận. Phan Thanh Giản đã than rằng:

"Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giật mình.
Kêu rủ đồng bang mau thức dậy,
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin." (6)

Sau đó, triều đình Pháp gởi trung tá hải quân Gabriel Aubaret (1825-1894) sang làm lãnh sự Pháp tại Huế. Aubaret đã từng ở Việt Nam, biết nói tiếng Việt, rất yêu chuộng văn hóa Việt Nam, và ông có khuynh hướng muốn cho Việt Nam chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ. Cuộc thương lượng giữa Phan Thanh Giản và Aubaret đi đến một thỏa ước mới ngày 22-6-1864, gồm các điều chính: Pháp trả ba tỉnh nhưng bảo hộ cả sáu tỉnh Nam Kỳ; Pháp giữ và đóng quân ở Sài Gòn, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một; mỗi năm Việt Nam trả cho Pháp 2 triệu quan trong vòng 40 năm; và các giáo sĩ được tự do truyền đạo. (7)

Thỏa ước nầy bị phản đối ở Việt Nam cũng như ở Pháp. Triều đình Việt cho là quá nặng, nhưng vẫn chấp thuận, trong khi Pháp lại nói rằng họ bị thiệt thòi nên bác bỏ, và dứt khoát giữ lại hòa ước cũ.

Trong khi đó, Phan Thanh Giản xin hưu trí năm 1865. Năm nầy ông được 69 tuổi. Chẳng những không chấp thuận, vua Tự Đức còn cử ông làm Kinh lược đại thần ở Nam Kỳ, đóng trụ sở ở Vĩnh Long. Phan Thanh Giản xin vua trả lại huân công cho bạn đồng nghiệp là Lâm Duy Hiệp cũng bị cách chức như ông. Vua phê chuẩn và truy phong lại các sắc phong cũ cho Lâm Duy Hiệp. Vào Vĩnh Long một thời gian, Phan Thanh Giản lại xin hưu trí lần nữa vì lý do sức khỏe. Ông cũng bị vua Tự Đức từ chối, xuống chiếu trách cứ, và yêu cầu ông tiếp tục sứ mạng được giao phó.

Tình hình bang giao Việt Pháp càng ngày càng căng thẳng. Phó đô đốc Pierre Paul Marie de la Grandière (1807-1876) thay thế Louis Bonard vào giữa năm 1863. De la Grandière gởi người ra Huế vào tháng 3-1866 nói rằng *"ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên địa thế xa cách, bọn trộm cướp thường qua lại, điều đó không tiện cho cả hai chính phủ. Vậy xin để cho Pháp cai trị luôn cả ba tỉnh đó để trừ diệt kẻ cướp và sẽ bỏ hết bồi khoản."* (8) Những người bị Pháp gọi *"bọn trộm cướp"* là những kháng chiến quân đóng bản doanh ở ba tỉnh miền Tây, rồi tung quân đánh Pháp ở ba tỉnh miền Đông đã mất vào tay Pháp. Ở thế yếu, triều đình Huế tiếp tục thương lượng.

Tháng 3-1867, De la Grandière gởi người ra Huế lần nữa, lập lại yêu cầu nầy và đòi tiền bồi thường niên khoản chưa trả. Triều đình Huế không trả bồi khoản, không nhượng ba tỉnh miền Tây, và còn yêu cầu chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Trong khi đó, tại Paris, Rigault de Genouilly (1807-1873) lên làm Bộ trưởng Hải quân. De Genouilly đã từng cầm quân đánh Việt Nam, rất có tham vọng đánh chiếm Nam Kỳ, hết sức nâng đỡ kế hoạch của De la Grandière, quyết chiếm ba tỉnh miền Tây.

Ngày 20-6-1867. De la Grandière đem theo 1200 quân đến Vĩnh Long. Khi chiến thuyền *Ondine* của y đậu cách thành Vĩnh Long khoảng 100 m, De la Grandière sai một sĩ quan mang tối hậu thư cho Phan Thanh Giản, buộc phải giao ba tỉnh miền Tây, viện cớ rằng kháng chiến quân Việt Nam đặt bản doanh tại ba tỉnh nầy để tấn

công Pháp tại ba tỉnh miền Đông.

Trước sự việc bất ngờ, Phan Thanh Giản xuống thuyền của viên Phó đô đốc Pháp thương lượng. Khi biết y cương quyết dùng võ lực cưỡng chiếm đất đai, Phan Thanh Giản đành nhượng bộ để tránh đổ máu vô ích. Ông chỉ yêu cầu Pháp đừng giết hại dân lành và để của trong kho lại cho triều đình Huế. Khi Phan Thanh Giản trở về thành, thì thành đã bị Pháp chiếm. Sau đó An Giang và Hà Tiên cũng rơi vào tay Pháp.

Sau khi ba tỉnh miền Tây lọt vào tay Pháp, Phan Thanh Giản viết biểu trần tình dâng lên vua Tự Đức, tuyệt thực và uống thuốc độc tự kết liễu đời mình. Ông qua đời ngày 15-7-1876. (9) Đại ý lời biểu của Phan Thanh Giản được *Liệt truyện* ghi lại như sau:

"*Nay gặp nạn lớn, những việc hung bạo bày ra trên đất. Ác khí tràn đến biên cương. Việc Nam Kỳ đã đến lúc không sao ngăn được. Thần nghĩ phải chết, không dám sống để làm nhục Hoàng thượng. Xin Hoàng thượng, là người bác lãm cổ kim, lo đến việc trị loạn, đồng tâm hiệp lực với các bậc thân hiền trong ngoài, và cẩn thận đến ý Trời. Xin thương kẻ khốn cùng, lập một dự án đầy đủ trước sau; xin hãy đổi dây, thay bánh! Như thế, thế lực may ra còn cứu vãn được. Thần lúc lâm chung lòng đau đớn, không biết nói gì hơn, chỉ biết lau nước mắt, hy vọng rằng cái ao ước kia được thành tựu.*" (10)

Trước khi từ trần, Phan Thanh Giản hội họp gia đình, dặn con cháu không được cộng tác với Pháp và viết những lời trăn trối sau cùng về tang lễ của ông: "*Minh sinh thỉnh tỉnh, nhược vô, ưng thư: Hải nhai lão thư sinh tính Phan chi cửu.*" (11) (Hãy bỏ tấm triệu đi không cần có, nếu không bỏ, chỉ nên đề: linh cửu người học trò già ở góc biển họ Phan.)

Được tin Phan Thanh Giản tuyệt thực tự tử, bác sĩ Le Coniat của Hải quân Pháp được gởi đến giúp cấp cứu nhưng vô hiệu. Phó đô đốc Da la Grandière viết thư chia buồn cùng gia đình với những lời lẽ hết sức kính cẩn và hứa sẵn sàng giúp đỡ con cháu cụ Phan trong phạm vi khả năng của y. De la Grandière ra lệnh cho một pháo hạm kéo chiếc ghe trên đặt quan tài nhà ái quốc Việt Nam, về tận nơi ông sinh trưởng, làng Bảo Thạnh (Vĩnh Long), gần cửa Ba Lai (một trong chín cửa của sông Cửu Long); đồng thời cử một toán quân danh dự tiễn đưa người đối thủ anh hùng đến nơi an nghỉ cuối cùng rất trọng thể. Trên bia mộ của Phan Thanh Giản, theo lời dặn của ông, con cháu chỉ ghi những dòng chữ đơn giản: "*Lương Khê Phan lão nông chi mộ.*" (12)

Những lời trên tấm triệu và trên mộ chí Phan Thanh Giản chẳng những biểu lộ tánh tình khiêm tốn giản dị của ông, mà còn chứng tỏ ông đã tiên liệu những gì sẽ xảy đến cho ông sau khi qua đời, và ông đã biết cách tự xử để tránh cho triều đình và con cháu khỏi phải gặp khó khăn trong việc lo lắng hậu sự cho ông.

III.- CHẾT VẪN CHƯA HẾT CHUYỆN

Cái chết của Phan Thanh Giản mang nhiều ý nghĩa. Ý nghĩa rõ nét đầu tiên là ông nhận hết trách nhiệm để mất ba tỉnh miền Tây thay cho vua Tự Đức. "*Thần nghĩ phải chết, không dám sống để làm nhục Hoàng thượng.*" Thế mà Phan Thanh Giản vẫn bị vua Tự Đức ra lệnh "*tước hết quan tước và đục xóa tên trong bia tiến sĩ.*" (13)

Việc làm nầy của vua Tự Đức chẳng qua là để tránh lỗi, chứ Phan Thanh Giản hoàn toàn theo đúng đường lối của triều đình. Trước hết, công việc ngoại giao cần phải có sức mạnh quân sự mới dễ thành công. Trong khi đó, nước ta vào giai đoạn nầy so với Pháp về mặt lực lượng quân sự, chiến thuyền cũng như võ khí, hoàn toàn ở thế yếu. Không đủ lực lượng đối kháng, vua Tự Đức phải nghĩ đến chuyện nghị hòa, cử Phan Thanh Giản đi thương thuyết. "Bí quyết" duy nhất để nghị hòa trong thế yếu là nhượng bộ, và chắc chắn triều đình Huế cũng như vua Tự Đức muốn Phan Thanh Giản nhượng bộ tối thiểu mà thành công tối đa. Đó là điểm khó của Phan Thanh Giản.

Cử Phan Thanh Giản làm đại diện Việt Nam thương thuyết với Pháp về vấn đề Nam Kỳ, vua Tự Đức còn có **một ẩn ý kín đáo** là Phan Thanh Giản là nhà đại khoa bảng Nam Kỳ, được dân chúng miền Nam trọng vọng. Nếu Phan Thanh Giản có nhượng bộ gì thì đó là do một người miền Nam quyết định và dân chúng miền Nam đỡ trách cứ triều đình Huế. Sự phân công nầy giúp cho nhà vua tránh trách nhiệm trước triều đình và dân chúng, nhất là dân chúng Nam Kỳ. Cũng như trường hợp vua Tự Đức mật lệnh cho sĩ phu Nam Kỳ chống Pháp, nhưng nhà vua không chịu trách nhiệm về ngoại giao với Pháp, và trước công luận, đó chỉ là những cuộc kháng chiến tự phát của dân chúng.

Điều nầy rõ ràng nhất trong thỏa ước năm 1864 giữa Phan Thanh Giản với Aubaret. Aubaret đến Huế để thương lượng. Huế là kinh đô, nơi sinh

hoạt của triều đình và hoàng cung nhà Nguyễn. Chắc chắn trong quá trình bàn thảo giữa hai bên, Phan Thanh Giản phải nhiều lần trực tiếp tham khảo ý kiến với vua Tự Đức, có thể còn phải tường trình và tham khảo hàng ngày. Như thế Phan Thanh Giản không thể tự ý nhượng bộ Aubaret trong thỏa ước nầy mà không có ý kiến của nhà vua. Một trong những điều khoản quan trọng của thỏa ước *Aubaret* là Pháp trả ba tỉnh miền Đông nhưng bảo hộ cả sáu tỉnh Nam Kỳ. Thỏa ước nầy đã bị triều đình phản đối chiếu lệ và cuối cùng đã được vua Tự Đức chấp thuận. Như thế, ý tưởng về việc Pháp bảo hộ Nam Kỳ đã có ngay tại triều đình Huế.

Sau khi thỏa ước *Aubaret* bất thành, vua Tự Đức cử Phan Thanh Giản vào Nam làm Kinh lược sứ năm 1865. Phan Thanh Giản đã hai lần xin nghỉ hưu vì tuổi già, trước cũng như sau khi vào Nam lần nầy, nhưng không được. Sử sách không viết ra, nhưng có thể lúc đó chẳng có vị quan nào chịu nhận một trách nhiệm nặng nề mà họ biết sẽ không thành công, và còn chuốc họa vào thân. Ngoài ra, chắc chắn ai cũng biết rằng trong thế yếu, người thương thuyết không thể làm gì khác hơn là phải nhượng bộ, mà nhượng bộ thì chắc chắn sẽ bị khiển trách.

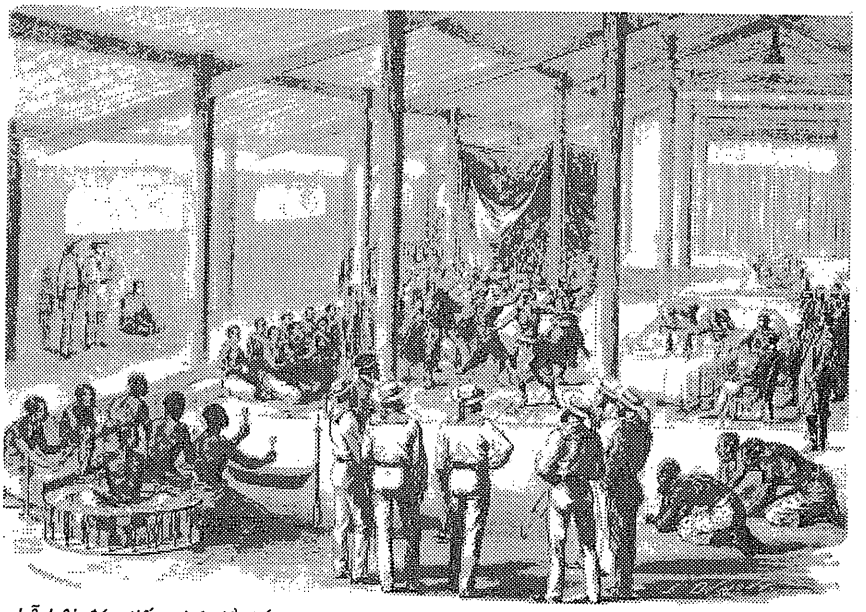

Lễ hội đón tiếp phó đề đốc Bonard tại Vĩnh Long - Tranh vẽ của người Pháp.

Phan Thanh Giản đã qua Âu Châu, đã tận mắt chứng kiến sức mạnh quân sự của Pháp. Ông biết có chống cự cũng thất bại nên ông chấp nhận nhượng bộ, để tránh đổ máu binh sĩ và dân chúng một cách vô ích. Trong việc nhượng bộ nầy, có một chi tiết cần chú ý: khi Phan Thanh Giản từ pháo thuyền Pháp trở về thành Vĩnh Long, thì người Pháp đã chiếm thành rồi. Vậy câu hỏi đặt ra là phải chăng trong lúc đang thương thuyết, người Pháp đã dùng võ lực chiếm thành rồi, và Phan Thanh Giản được tin nầy nên đành nhượng bộ, chứ thật sự ông không trực tiếp giao cho Pháp thành Vĩnh Long?

Dầu sao, miền Tây đã mất và quan Kinh lược đại thần phải trực tiếp chịu trách nhiệm. Ông chọn phần thiệt hại nặng nhất cho mình và lấy cái chết để đền nợ núi sông. Phan Thanh Giản là nhà Nho thể hiện chữ "trung" cả hai nghĩa, nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

Chữ "trung" nghĩa hẹp là trung với vua, trung với người mà mình đang phục vụ. (14) Thế mà như trên đã viết, chính vua Tự Đức đã đổ lỗi hoàn toàn cho Phan Thanh Giản và ra lệnh đục tên ông khỏi bia tiến sĩ, để làm giảm bớt sự tức giận của dân chúng. Có thể vua Tự Đức cũng khổ tâm lắm, nhưng nhà vua ở thế bắt buộc phải lên án Phan Thanh Giản để giữ thể diện triều đình.

[*Nghĩ mình phương diện quốc gia, /Quan trên ngắm xuống, người ta trông vào. Truyện Kiều* câu 2591-2592.]

Ngoài ra, dựa vào Nho giáo, học giả Trần Trọng Kim (1882-1953) đã giải thích chữ "trung" một cách rộng rãi hơn: "*Hai chữ trung quân không nên theo như người ta thường vẫn hiểu là chỉ trung với người làm đế làm vương mà thôi, nhưng có thể theo nghĩa rộng là trung với cái quân quyền trong nước. Theo nghĩa rộng ấy thì bất cứ vào thời đại nào, hai chữ trung quân vẫn có nghĩa chính đáng. Có lòng trung ấy thì dân mới yên và nước mới trị, miễn là quân quyền không trái với lòng dân.*" (15) Quân quyền ở đây tượng trưng chế độ đang giữ việc cai trị đất nước, dân chúng, và "*quan hệ đến vận mệnh của một xã hội, một dân tộc*". (15) Chủ trương chính trị trên đây của Đức Khổng Tử (551-478 TCN), vị Vạn thế sư biểu

của Nho giáo, còn được Đức Mạnh Tử (372-289 TCN), vị Á thánh Nho giáo, đưa đi xa hơn: "*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.*" (Dân là quý, xã tắc là thứ, vua là nhẹ). (16) Theo chủ trương "dân vi quý", thì trung với dân mới đúng là trung.

Vậy khi chọn cái chết sau khi ba tỉnh miền Tây lọt vào tay Pháp năm 1867, Phan Thanh Giản đã thực hiện cả hai mục tiêu cùng một lúc: thứ nhất ông làm "*Lê Lai liều mình cứu chúa,*" chịu trách nhiệm thay cho vua Tự Đức; thứ nhì ông bảo vệ nhân mạng và tài sản dân chúng miền Tây. Ông đã hết sức cố gắng điều hòa sự khác biệt về quan điểm chính trị của nhà vua và triều đình với quyền lợi thiết thực của dân chúng, nhưng cuối cùng thất bại, nên ông đã hy sinh thân mạng để triều đình và dân chúng, cũng như hậu thế chứng giám cho lòng trung của ông với vua, với dân với nước, chứ không phải ông "tham sinh úy tử" (ham sống sợ chết). Đó là ý nghĩa cao cả của việc Phan Thanh Giản tử tiết. Đó cũng là lý do sâu xa mà dân chúng Nam Kỳ nói riêng và dân chúng Việt Nam nói chung đời đời biết ơn Phan Thanh Giản. Trong bài "Văn tế lục tỉnh sĩ dân trận vong," Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), một nhà trí thức yêu nước nổi tiếng cương trực miền Nam, đã ca tụng Phan Thanh Giản: "*Ít người đặng xem tấm bảng phong thần, Phan học sĩ hết lòng mưu quốc...*" (17) Ngoài ra, Nguyễn Đình Chiểu còn làm bài thơ khóc Phan Thanh Giản như sau:

"*Non nước tan tành hệ bởi đâu?*
Rầu rầu mây trắng đất Ngao châu.
Ba triều công cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu.
Trạm Bắc ngày chiều tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu." (18)

Sau cơn biến loạn, triều đình nhà Nguyễn cũng thấy rõ nỗi oan của Phan Thanh Giản nên năm 1886, dưới thời vua Đồng Khánh (trị vì 1885-1888), triều đình đã quyết định khai phục nguyên hàm và ghi lại tên ông trên bia tiến sĩ đặt ở Văn miếu Huế. Trong bộ *Liệt truyện* (soạn xong năm 1889), các sử quan nhà Nguyễn đã nhận xét về Phan Thanh Giản, người đã từng làm tổng tài Quốc sử quán, như sau: "*Phan Thanh Giản ăn ở chính hậu, luôn luôn liêm khiết. Khi tại chức, ông chăm chú và khôn ngoan, có can đảm nói sự thật. Thờ ba đời vua* [Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức], *được tôn kính, Khi ông vào làm kinh lược Nam Kỳ trong một thời thế vô cùng khó khăn, ông đã có can đảm nhận sai lầm* [?] *rồi tự tử; việc đó kẻ khác không dám làm. Xét theo lời sớ cuối cùng, ông rất có lòng trung ái. Hơn nữa, ông học rộng biết nhiều. Những lúc nhàn rỗi, khi vua Tự Đức phê bình các triều thần, vua đã cho văn của họ Phan là cổ, nhã. Các quan Nam Kỳ sau ông, không ai sánh được với ông...*" (19)

IV.- LẠI BỊ XUYÊN TẠC

"*...Các quan Nam Kỳ sau ông, không ai sánh được với ông...*" Phan Thanh Giản chẳng những là nhà đại khoa bảng đầu tiên của miền Nam, mà ông còn tượng trưng cho hào khí miền Nam. Vì vậy, khi cần tiêu diệt hào khí miền Nam, khi cần đánh sập giới trí thức miền Nam để buộc họ đi vào khuôn khổ độc tài đảng trị, đảng Lao Động Việt Nam (LĐVN), tiền thân của đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN), lại một lần nữa kết tội Phan Thanh Giản. Việc CSVN kết tội Phan Thanh Giản trải qua ba thời kỳ tùy theo chủ trương chính trị giai đoạn của cộng sản.

1. Thời kỳ năm 1945

Khi cướp quyền từ tay nhà Nguyễn năm 1945, đảng LĐVN tìm tất cả các cách mạ lỵ nhà Nguyễn để biện minh cho cuộc đảo chánh của họ, cực lực lên án nhà Nguyễn đã đầu hàng Pháp, làm mất Việt Nam và làm tay sai cho Pháp, đồng thời kết tội tất cả những ai cộng tác với nhà Nguyễn. Một trong những đại quan dưới triều vua Tự Đức liên hệ đến việc sáu tỉnh Nam Kỳ mất vào tay Pháp là Phan Thanh Giản. Việc đả kích trở thành cao trào khi đảng LĐVN phát động cuộc kháng chiến chống Pháp vào ngày 19-12-1946, để kích động lòng yêu nước của dân chúng. Đây là chủ trương chung của đảng LĐVN. Việc tập trung chỉ trích riêng vào cá nhân Phan Thanh Giản nổi bật vào thời kỳ sau năm 1954 ở miền Bắc.

2. Thời kỳ sau năm 1954

Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* ở Hà Nội vào các năm 1962, 1963 đã mở cuộc thảo luận về Phan Thanh Giản. Trong số 55 xuất bản vào tháng 10-1963, ông Trần Huy Liệu (20) viết bài tổng kết, đã nhận định về Phan Thanh Giản như sau: "*Phan* [Thanh Giản] *trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân.*" (21)

Không kể cách sử dụng từ ngữ lạ lùng "thất bại chủ nghĩa" (vì có ai ưa thích hay chủ trương thất bại đâu mà lập ra hay theo chủ nghĩa thất

bại?), câu hỏi đặt ra là tại sao đến lúc đó lại xảy ra cuộc tranh luận về Phan Thanh Giản trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, và Trần Huy Liệu đã kết luận như trên?

Để giải mã câu hỏi nầy, có lẽ cần trở lại hoàn cảnh chính trị Bắc Việt sau năm 1954. Hiệp định *Genève* (20-7-1954) tạm thời chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Đảng LĐVN cai trị ở phía Bắc và chính phủ Quốc gia cầm quyền ở phía Nam. Lúc đó nước ta xảy ra cuộc xáo trộn dân số hai chiều ngược nhau: Khoảng một triệu người từ miền Bắc (gồm cả công chức) **di cư** vào Nam, và khoảng dưới 500.000 người từ miền Nam (gồm cả cán bộ cộng sản) **tập kết** ra Bắc.

Trong khi chính phủ miền Nam ổn định được việc định cư đồng bào miền Bắc vào Nam, thì đảng LĐVN lúng túng trong việc sắp đặt đời sống đồng bào miền Nam chuyển ra Bắc, vì nói chung đời sống kinh tế Bắc Việt khó khăn hơn ở Nam Việt, nhất là vì Bắc Việt bị áp đặt nền kinh tế chỉ huy cộng sản. Học sinh, cán bộ, thương binh, cả binh sĩ và sĩ quan Nam bộ bất mãn chính sách chuyên chế của đảng LĐVN, đã nổi lên phản đối ở nhiều nơi, khoảng từ năm 1956 đến 1958. Chế độ Hà Nội phải nhờ những nhân vật uy tín của miền Nam ra Bắc như Nguyễn Văn Trấn, Tô Ký đến xoa dịu, thuyết phục và dẹp yên. (Về vấn đề nầy, xin đọc quyển sách của người trong cuộc: *Viết cho Mẹ & Quốc hội* của Nguyễn Văn Trấn, Nxb. Văn Nghệ, California, 1995.)

Lúc đó, tại Liên Xô xảy ra sự thay đổi lãnh đạo. Joseph Stalin (1879-1953), bí thư thứ nhất đảng Cộng Sản Liên Xô (từ 1924-1953), qua đời ngày 5-3-1953. Nikita Khrushchev (1894-1971) lên thay (từ 1953-1964). Trong ngày bế mạc (25-2-1956) Đại hội thứ 20 đảng CSLX tại thủ đô Moscow, Khrushchev trình bày đề tài "Về sự sùng bái cá nhân và hậu quả" (On the Cult of Personality and its Consequences), đã kịch liệt tố cáo Joseph Stalin là một tên độc tài tàn ác giết người, phạm nhiều sai lầm trong thế chiến thứ nhì cũng như trong chính sách nội trị và ngoại giao, nhất là Khrushchev đả kích mạnh mẽ chủ trương sùng bái cá nhân của Stalin. Bài phát biểu nầy làm cho toàn thể thế giới sửng sốt. Bài viết được giữ mật, không được công bố ra ngoài, nhưng chỉ vài ngày sau, báo chí Tây phương đăng tải những nét chính của bài nầy, và vài tuần sau thì bộ Ngoại giao Hoa Kỳ có đầy đủ bản dịch ra Anh văn bài nầy. Về phương diện ngoại giao, Khrushchev đưa ra chủ trương "sống chung hòa bình" (peaceful coexistence) giữa các nước không cùng chế độ chính trị, giải tán Văn phòng Thông tin Cộng sản (Cominform) ngày 17-4-1956.

Chủ trương của Khrushchev gây ra cuộc khủng hoảng trầm trọng giữa hai nước lớn trong khối cộng sản là Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đồng thời gây ra những tranh cãi trong đảng LĐVN. Trong hội nghị Uỷ ban Trung ương đảng LĐ họp từ ngày 19 đến 24-4-1956 tại Hà Nội để nghiên cứu nghị quyết Đại hội 20 đảng CSLX, nhóm cứng rắn do Lê Duẩn (1907-1986), Lê Đức Thọ (tên thật là Phan Đình Khải, 1911-1990) đứng đầu, không tán thành lập trường mềm mỏng của Liên Xô. Tiếp theo hội nghị nầy, là cuộc họp các cán bộ cao cấp và trung cấp tại Câu Lạc Bộ Quân Nhân ở Hà Nội từ 28-4 đến 3-5-1956 để nghiên cứu nghị quyết Đại hội 20 đảng CSLX, và nghiên cứu những ý kiến của Ủy ban Trung ương đảng LĐVN vừa mới họp xong. Từ hai cuộc họp nầy đưa đến sự hình thành hai khuynh hướng mâu thuẫn nhau trong nội bộ đảng LĐVN.

Khuynh hướng thứ nhất gồm những người chủ trương cứng rắn, cương quyết chống chủ nghĩa xét lại và cho rằng khối xã hội chủ nghĩa phải tận dụng bạo lực cách mạng đánh đổ khối tư bản và đế quốc. Nói rõ hơn, khuynh hướng nầy quyết tâm thực hiện chuyên chính vô sản, sẵn sàng sử dụng bạo lực cách mạng để chiếm chính quyền, nghĩa là phải tiến hành chiến tranh tấn công miền Nam để thống nhất đất nước dưới sự cai trị của cộng sản.

Khuynh hướng thứ nhì gồm những người tán thành quyết nghị của Đại hội 20 của đảng CSLX, cổ võ việc sống chung hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau, khuyến khích phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của nhân dân, mở rộng tự do dân chủ, tôn trọng pháp luật, công bằng xã hội, hạnh phúc của nhân dân. Như thế, theo khuynh hướng nầy, Bắc và Nam Việt Nam có thể cùng nhau sống chung, và cùng nhau thi đua phát triển kinh tế, thực hiện dân chủ, để từ đó đấu tranh một cách ôn hòa thống nhất đất nước. Nói cách khác, nhóm nầy chủ trương không nên tiến đánh miền Nam.

Khuynh hướng thứ nhất gọi tất cả những ai chống lại quan điểm của họ là theo chủ nghĩa xét lại, theo Khrushchev hoặc theo Tito (1892-1980, lãnh tụ Nam Tư). Khuynh hướng thứ nhì gọi nhóm thứ nhất là bảo thủ, giáo điều, Stalinit, Maoit. Hai khuynh hướng nầy chống nhau, tranh chấp

với nhau trên quan điểm đường lối của đảng LĐ, chứ đây không phải là vấn đề chống đảng LĐ, chống chủ nghĩa Mác-Lê, chống cộng sản để thay thế bằng chế độ tự do dân chủ. Đặc biệt không có sự phân chia thành từng nhóm chính danh rõ rệt, hoặc có cương lĩnh riêng, mà chỉ tranh luận, vận động, tố cáo lẫn nhau.

Khuynh hướng thứ nhất do Lê Duẩn cầm đầu, gồm đa số ủy viên trong Bộ chính trị đảng LĐ sau Đại hội 3 của đảng nầy tại Hà Nội từ ngày 5 đến 10-9-1960. Khuynh hướng thứ nhì gồm những nhân vật trong Uỷ ban Trung ương đảng và đa số gốc miền Nam tập kết ra Bắc như Bùi Công Trừng (nguyên quán Huế, 1905-1986), Tôn Thất Tùng (nguyên quán Huế, 1912-1982), Tạ Quang Bửu (nguyên quán Nghệ An, 1910-1986), Ung Văn Khiêm (nguyên quán An Giang, 1910-1991), Dương Bạch Mai (nguyên quán Bà Rịa, 1905-1964). Trong số nầy, sôi nổi và nổi bật nhất là Ung Văn Khiêm và Dương Bạch Mai vì hai ông đang giữ những vị trí chính trị trọng yếu trong chế độ Hà Nội. Hai ông nầy là những lãnh tụ Nam bộ tập kết ra Bắc sau năm 1954.

Như thế, sau vụ phản đối năm 1955-1956 của những người miền Nam tập kết ra Bắc, nay hiện tượng Nam bộ lại tái phát ở một mức độ chính trị cao cấp hơn, nên đảng LĐVN rất lo ngại. Do đó, để chận đứng ảnh hưởng của các nhân vật miền Nam, thì cần phải tìm cách triệt hạ uy tín của họ, triệt hạ cái hào khí miền Nam qua biểu trưng lịch sử. Phải chăng vì vậy mà Lê Duẩn và nhóm cứng rắn trong đảng LĐVN cố tình đặt lại vấn đề Phan Thanh Giản để chuẩn bị dư luận và cảnh cáo giới trí thức miền Nam? Phải chăng đó là lý do sâu xa đưa đến việc tranh luận về Phan Thanh Giản trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* tại Hà Nội trong hai năm 1962-1963, và đi đến bài bản đã được soạn sẵn cho Trần Huy Liệu trên số báo tháng 10-1963?

Cần chú ý là dưới chế độ CSVN, cho đến năm 2004, "*mọi cơ sở truyền thông đều nằm trong sự sở hữu hoặc kiểm soát của đảng Cộng Sản, các cơ quan nhà nước, hoặc quân đội và nhiều nhà báo thực thi việc kiểm duyệt...*" (22) Do đó, các cuộc hội thảo hay tranh luận dưới chế độ cộng sản đại loại như cuộc tranh luận về Phan Thanh Giản năm 1963 trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* không phải tình cờ ngẫu nhiên mà có, mà phải có lịnh của Ban Văn hóa tư tưởng Trung ương đảng thì Trần Huy Liệu mới dám đưa ra, và đương nhiên bản tổng kết phải luôn luôn theo sát chủ trương đường lối của đảng LĐVN tức đảng CSVN.

Kết quả sơ khởi của cuộc tranh chấp trên đây trong nội bộ đảng LĐVN vào thập niên 60 thế kỷ trước ở Bắc Việt là ông Ung Văn Khiêm bị mất chức bộ trưởng ngoại giao tháng 1-1963 và ông Dương Bạch Mai bị đầu độc chết ngay trong một cuộc họp tại Quốc hội Hà Nội năm 1964. Cuối cùng ai cũng biết là nhóm cứng rắn đã mở ra "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài" để dẹp yên nhóm ôn hòa trước khi tiến hành cuộc cưỡng chiếm miền Nam. (23)

3. **Thời kỳ sau 1975**

Câu chuyện về Phan Thanh Giản tiếp tục sau năm 1975. Khi cai trị miền Nam, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội xóa tên Phan Thanh Giản ở tất cả các tỉnh thị miền Nam, tên đường hay tên trường. Tại Đà Nẵng, trường tư thục Phan Thanh Giản bị tịch thu và đổi tên thành trường Lê Hồng Phong. Tại Cần Thơ, cộng sản cũng đổi tên trường lớn nhất miền Tây mang tên Phan Thanh Giản thành trường Châu Văn Liêm và thủ tiêu ngay bức tượng cụ Phan. Việc làm nầy mang một ý nghĩa đặc biệt ở miền Nam.

Ai cũng biết Cần Thơ là một trung tâm văn hóa lớn của miền Tây nam Việt Nam. Lúc bấy giờ, trung tâm văn hóa Cần Thơ đối với miền Tây giống như trung tâm văn hóa Sài Gòn đối với miền Đông, Huế đối với miền Trung và Hà Nội đối với miền Bắc. Đa số nhân tài và trí thức miền Tây, trong giới trí thức Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975, đều xuất thân từ trường Phan Thanh Giản Cần Thơ. Do đó, đập tan danh tiếng Phan Thanh Giản, cũng như đập tan danh tiếng trường Phan Thanh Giản Cần Thơ là việc làm cần kíp của CSVN để chận đứng hẳn ảnh hưởng cũng như xóa tan hẳn tâm tình liên đới giữa những trí thức miền Nam qua ngôi trường thân yêu mà họ đã trải qua trong tuổi thanh xuân.

Tuy nhiên, cộng sản đã không đạt được mục tiêu nầy. **Cộng sản có thể đập tượng Phan Thanh Giản, có thể xóa tên trường Phan Thanh Giản ở Đà Nẵng, ở Cần Thơ, nhưng cộng sản không thể và không bao giờ có thể trục xuất tên và hình ảnh Phan Thanh Giản ra khỏi trái tim của các cựu học sinh trường Phan Thanh Giản Đà Nẵng và trường Phan Thanh Giản Cần Thơ nói riêng, cũng như người miền Nam và người Việt Nam nói chung.** (24)

Sau vụ kết án Phan Thanh Giản trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* năm 1963 ở Hà Nội, và sau vụ

xúc phạm và đập phá tượng cụ Phan năm 1975 tại Cần Thơ, vào thời đổi mới lúc ông Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư (từ 1986 đến 1991), CSVN mở cuộc hội thảo "khoa học" tại Bến Tre, nguyên quán của cụ Phan, năm 1987, đưa đến kết quả là yêu cầu nhà nước "phục hồi danh dự" lại cho Phan Thanh Giản. (25)

Tiếp theo là cuộc hội thảo tại Vĩnh Long vào tháng 11-1994 trong đó có 15 bản tham luận của Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre, của nhiều nhà nghiên cứu địa phương cũng như thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn) và Hà Nội. Ông Phan Huy Lê đã "*thay mặt Ban chỉ đạo và Đoàn chủ tịch*" tổng kết cuộc hội thảo nầy như sau: "*Qua cuộc hội thảo nầy, chúng ta thấy rõ những mặt hạn chế và bế tắc của Phan Thanh Giản, nhưng đồng thời chúng ta cũng trân trọng ghi nhận những cống hiến tích cực của ông trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp, đánh giá cao nhân cách và phẩm chất cao quý của ông.*" (26)

Chín năm sau, vào ngày 16-8-2003, tại Sài Gòn (đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh từ sau năm 1975), tạp chí *Xưa và Nay* cùng Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam và Hội Đồng Khoa Học Xã Hội TPHCM đã phối hợp tổ chức cuộc tọa đàm "Thế kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản."

Trong cuộc hội thảo nầy, với sự hiện diện của ông Võ Văn Kiệt, cựu thủ tướng CSVN, đại biểu các tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre "*nêu nguyện vọng là nhà nước nên xem xét và cho phép đặt lại tên đường Phan Thanh Giản, trường học Phan Thanh Giản, sửa chữa bổ sung kiến thức về Phan Thanh Giản trong các sách giáo khoa, giáo trình để đông đảo đồng bào, nhân dân ta hiểu Phan Thanh Giản hơn và đặt ông vào đúng vị trí trong lịch sử, trong đời sống văn hóa của nhân dân ta.*" (27)

Trước năm 1975 ở miền Nam và trước năm 1954 trên toàn quốc, Phan Thanh Giản luôn luôn được vinh danh một cách trân trọng. Vậy việc yêu cầu nhà nước cộng sản "phục hồi danh dự" lại cho Phan Thanh Giản có nghĩa là việc hạ nhục Phan Thanh Giản chỉ do nhà nước cộng sản chủ trương và chủ trương nầy lộ rõ ngay từ việc bày ra cuộc tranh luận trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* trong các năm 1962-1963. Việc yêu cầu nầy lại phải lập đi lập lại nhiều lần, chứng tỏ nhà nước CSVN rất "chú tâm" đến trường hợp Phan Thanh Giản. Nói cho cùng, nhóm lãnh đạo CSVN ở Hà Nội chẳng mấy quan tâm đến vai trò Phan Thanh Giản trong lịch sử bằng việc lo ngại hào khí miền Nam và sự phục hưng của giới trí thức miền Nam, mà biểu tượng là nhà khoa bảng tiết tháo Phan Thanh Giản.

Trước những đòi hỏi của dân chúng miền Nam, Bộ chính trị đảng CSVN vẫn giữ im lặng, tránh né vấn đề. Chỉ có Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre đã xây dựng một ngôi đền thờ Phan Thanh Giản, kích thước 7m X 7m tại ấp Thạnh Nghĩa, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Đền thờ nầy được khánh thành ngày 4-5-2004 cùng với một bức tượng Phan Thanh Giản bằng đồng nói rằng phục chế từ bức tượng cũ đã có từ trước năm 1975. (28)

Chắc chắn việc nầy phải được sự chấp thuận của Hà Nội. Đây là một động tác giả để chứng tỏ nhà cầm quyền đã cố gắng sửa sai theo dư luận dân chúng, tạm thời xoa dịu nhân tâm miền Nam. Ngoài ra, xây dựng một ngôi đền thờ nhỏ tại sinh quán Phan Thanh Giản còn nhắm mục đích hạ thấp giá trị của nhà yêu nước đại khoa bảng miền Nam, chứ nhà cầm quyền cộng sản nhất quyết không phục danh trường trung học đã từng mang tên ông ở Cần Thơ, để cắt đứt ảnh hưởng truyền thống văn hóa trước đây của trường nầy, nghĩa là của cả miền Tây Nam Việt, vì đảng CSVN luôn luôn lo sợ hào khí ngùn ngụt của đất phương Nam, một miền đất giàu có về của cải vật chất cũng như tấm lòng nhân hậu hào hiệp mà tượng trưng là Phan Thanh Giản.

KẾT LUẬN

Phan Thanh Giản là nhà đại khoa bảng đầu tiên của miền Nam, suốt đời LIÊM BÌNH CẦN CÁN, phụng sự đất nước, phụng sự dân tộc. Sống dưới chế độ quân chủ, ông phụng sự quân quyền nhằm trị nước yên dân, chứ không phải chỉ phụng sự cá nhân nhà vua, và ông luôn luôn đặt quyền lợi của dân chúng lên trên hết. Tuy bị giáng chức nhiều lần, nhưng Phan Thanh Giản vẫn tận tụy phục vụ dân chúng dưới ba triều vua và dần dần được trọng dụng. Biết thế nước suy yếu, không có cách gì cưỡng chống lại ngoại xâm, ông vẫn can đảm nhận nhiệm vụ ngoài biên cương, và cuối cùng ông đã chọn phương cách giải quyết lợi nhất cho dân và chấp nhận phần thiệt thòi nhất cho mình, từ danh vọng cho đến thân mạng của ông.

Nói cho cùng, ba tỉnh miền Tây, hoặc sáu tỉnh miền Nam nói chung lọt vào tay Pháp, cũng chỉ mới là giai đoạn đầu của cuộc đụng độ Việt Pháp. Trước cường địch xâm lăng, nhà Trần đã hai lần

bỏ ngỏ kinh đô Thăng Long cho quân Mông Cổ vào thế kỷ 13, lực lượng Tây Sơn cũng đã bỏ ngỏ thành nầy vào cuối thế kỷ 18 cho quân Thanh, để rồi sau đó quật ngược thế cờ, giành lại đất đai đã bị tạm chiếm. Nếu quả thật triều Nguyễn có kế sách lâu dài chống quân Pháp xâm lăng, thì mất sáu thành miền Nam chưa phải là mất kinh đô (như Thăng Long thời nhà Trần), chưa phải là mất tất cả, và còn có cơ hội tổ chức chiến đấu chống ngoại xâm. Tuy nhiên, vào thế kỷ 19, người Việt đã đi từ thất bại nầy đến thất bại khác, từ Nam ra Bắc, rồi từ Bắc vào tận kinh đô Huế. Điều nầy không thể tránh khỏi vì lúc đó nước ta còn trong tình trạng lạc hậu, trong khi nước Pháp đã rất tiến bộ sau cuộc Cách mạng kỹ nghệ vào cuối thế kỷ 18.

Vậy đặt việc Phan Thanh Giản chịu nhượng ba tỉnh miền Tây để tránh đổ máu trong toàn cảnh cuộc chiến Việt Pháp vào thế kỷ 19, so sánh với hành động của nhà Trần và của lực lượng Tây Sơn trước đây, thì việc làm của Phan Thanh Giản chứng tỏ ông rất sáng suốt, nhất là ở chỗ ông bảo toàn tính mạng và tài sản của dân chúng, để nếu triều đình có phương cách thâu hồi lại miền Tây thì miền Tây vẫn nguyên vẹn quy hoàn về triều đình. Đặc biệt hơn nữa, dù Phan Thanh Giản chỉ là một nho sĩ, ông đã chứng tỏ cái hùng khí và hào khí của vị tướng lãnh ngoài mặt trận, đó là thành mất thì chết theo thành.

Vào cuối thế kỷ 20, nhà cầm quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã **âm thầm ký kết hai hiệp ước nhượng đất và nhượng biển** cho Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Đó là *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* ký kết tại Hà Nội ngày 30-12-1999, và *Hiệp ước phân định lãnh hải*, phân chia quyền lợi trên vịnh Bắc Việt tại Bắc Kinh ngày 25-12-2000. Trên đất liền, số diện tích đất đai nước ta mất vào tay CHNDTH chưa được xác định rõ, còn trên mặt biển, nước ta mất khoảng 8% diện tích vịnh Bắc Việt, tương đương với khoảng 10.000 km2.

Thử so sánh hai sự việc: trong thế yếu, và để cứu dân vô tội, **một vị tướng cô đơn ngoài biên ải** như Phan Thanh Giản, chỉ huy một quân lực yếu ớt, chịu mất ba tỉnh miền Tây, với việc cả **một tập thể Bộ chính trị đảng CSVN và cả bộ máy cầm quyền Hà Nội**, những người thường tự hào đã từng chiến thắng hai đế quốc sừng sỏ trên thế giới là Pháp và Mỹ, lại âm thầm ký kết nhượng đất và nhượng biển cho ngoại bang để bảo toàn quyền lợi và quyền lực độc tài phe nhóm, thì **bên nào có tội trước quốc dân và trước lịch sử?** Ngoài ra, Phan Thanh Giản ý thức được rằng mất ba tỉnh miền Tây là nỗi đau to lớn của dân tộc, nên ông lấy cái chết của chính mình để đền nghĩa đồng bào. Trong khi đó, tập thể Bộ chính trị đảng CSVN làm mất biết bao nhiêu diện tích đất đai và biển cả, nhất là làm mất vùng Nam Quan lịch sử (một ngọn đèo chiến lược để ngăn chận Bắc phương), lại giấu nhẹm tin tức cho đến khi bị phát hiện, rồi kiếm cách thanh minh, chối cãi và chống chế.

Trở lại việc Phan Thanh Giản với ba tỉnh miền Tây, cuối cùng, triều đình nhà Nguyễn và đảng CSVN đều phải trả công đạo lại cho Phan Thanh Giản. Bởi vì bên cạnh nhà cầm quyền luôn luôn có dân chúng. Nhà cầm quyền có thể thay đổi, nhưng lòng dân Việt Nam trước sau là một, không bao giờ thay đổi. Đời nào, khi nào, dân chúng Việt Nam cũng luôn luôn tôn trọng đạo lý, tôn trọng sự thật, sáng suốt biết ơn và vinh danh những anh hùng liệt sĩ đã thực sự tận tụy hy sinh vì hạnh phúc thiết thực của dân chúng. Một người ngoại quốc đã đưa ra nhận xét: "*Trên bình diện chính trị, ông* [Phan Thanh Giản] *không thể chống lại nước Pháp, nhưng trên bình diện đạo lý, ông là người cao quý, có tất cả những đức tính được người Việt Nam ngưỡng mộ.*" (29)

Phan Thanh Giản không chỉ có những đức tính được người Việt ngưỡng mộ, mà người Việt còn biết ơn Phan Thanh Giản, vì Phan Thanh Giản là người suốt đời, trong bất cứ cương vị nào, đã tận tụy phục vụ quyền lợi dân tộc cho đến khi chết. **Tấm lòng của Phan Thanh Giản là tấm lòng vàng chói rạng thiên thu, mãi mãi sáng ngời qua không gian, thời gian và nhân gian. Mà thật vàng thì sợ chi lửa.**

(19-6-2004)

CHÚ THÍCH

1. Khi lên cầm quyền, vua Gia Long (trị vì 1802-1819) chia nước thành 3 miền: Bắc thành, Gia Định thành và miền Trung. Bắc thành và Gia Định thành do một vị tổng trấn đứng đầu. Miền Trung trực thuộc triều đình trung ương. Bắc thành được chia làm 11 trấn, miền Trung làm 4 doanh 7 trấn, Gia Định thành làm 5 trấn. Năm 1831 (tân mão), vua Minh Mạng bỏ Bắc thành và Gia Định thành, đổi tất cả các trấn và doanh thành tỉnh và trực thuộc triều đình trung ương.

2. Trong triều đình nhà Nguyễn, đứng đầu mỗi bộ là thượng thư (bộ trưởng), rồi tham tri (thứ trưởng). Giúp việc cho tham tri là thị lang.

3. Đào Thái Hanh, "Ngài Phan Thanh Giản , thượng thư An Nam (1796-1867)", đăng trong *Những người bạn cố đô Huế*, tập 2, năm 1915, bản dịch của Đặng Như Tùng, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 1997, tt. 185-200. (*Những người bạn cố đô Huế* là niên san

tiếng Pháp *Bulletin des amis du vieux Huế*, xuất bản số đầu năm 1914. Niên san nầy do "Hội những người bạn cố đô Huế" (Association des amis du vieux Huế) ấn hành. Hội nầy được thành lập tại Huế năm 1913 do sáng kiến của linh mục học giả Léopold Cadière)

4. Tiểu truyện Phan Thanh Giản trong bài nầy dựa vào *Đại Nam chính biên liệt truyện* (chữ Nho) quyển 25.(Viết tắt: *Liệt truyện*). Người viết sử dụng hai bản dịch để so sánh. Thứ nhất, bản dịch của Nguyễn Phương, trong sách *82 năm Việt sử*, Huế: Đại Học Sư Phạm, 1963, tt. 181-188. Thứ nhì, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, bản dịch của Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tập 4, tt. 37-46. **Liêm Bình Cần Cán**: Liêm khiết, công bình, cần cù (siêng năng), mẫn cán (sáng suốt).

5. Trương Đăng Quế (1794-1865): tự là Diên Phương, hiệu là Đoan Trai, Quảng Khê, người làng Mỹ Khê, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, đỗ hương cống (cử nhân) năm 1819 (kỹ mão), làm quan ba đời vua (Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức), từng làm thượng thư bộ Binh, và cuối cùng lên đến Cần chánh điện đại học sĩ, Cố mệnh lương thần,hàm Thái Bảo, tước Tuy Quận Công, hưu trí năm 1863. Ông là người chủ trương quyết liệt chống Pháp.

6. Trích từ Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên* quyển 5, tập thượng, Sài Gòn: Tủ Sách Sử Học Việt Nam, 1962, tr. 238.

7. Tài liệu viết về đoạn nầy và đặc biệt về thỏa ước *Aubaret*, theo Nguyễn Phương, *sđd.* tt. 75-99.

8. Nguyễn Phương, *sđd.* tr. 92.

9. Theo các tài liệu Việt Nam, Phan Thanh Giản từ trần ngày 5 tháng 7 năm đinh mão tức 4-8-1867. Ở đây, người viết theo tài liệu của Alfred Schreiner trong *Abrégé de l'histoire d'Annam*, Sai Gòn: 1906, tr. 288. Theo các sách, sau khi mất miền Tây ngày 20-6-1867, Phan Thanh Giản tuyệt thực 15 ngày rồi từ trần. Từ ngày 20-6-1867 đến 5-7-1867 là đúng 15 ngày. Ngoài ra, Alfred Schreiner căn cứ vào các tài liệu của các người trong cuộc để viết lại nên có thể chính xác hơn. Phải chăng ở đây có sự lầm lẫn giữa 5-7 dương lịch và âm lịch. Xin tồn nghi để tìm hiểu thêm.

10. Liệt truyện, Nguyễn Phương dịch, *sđd.* tt. 187-188.

11. Nguyễn Q. Thắng – Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử*, in lần thứ tư, Hà Nội: Nxb. Văn Hóa, 1997, tr. 797.

12. Alfred Schreiner, *sđd.* tr. 288.

13. Cao Xuân Dục, *Quốc triều đăng khoa lục*, Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch, Sài Gòn: Nxb. Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1962, tr. 31.

14. Tinh thần trung quân mù quáng được thể hiện trong một câu nói nổi tiếng được lưu truyền là: "*Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung; phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu.*" (Nghĩa là: Vua bảo bề tôi chết, bề tôi không chết là không trung; cha bảo con chết, con không chết là không hiếu.) Câu nầy thường được gán cho là giáo điều Nho giáo. Thật ra câu nầy là của thái tử Phù Tô. Nguyên khi Tần Thủy Hoàng (trị vì 221-210 TCN) từ trần năm 210 TCN, thừa tướng Lý Tư và hoạn quan Triệu Cao làm chiếu giả, buộc thái tử Phù Tô, con trai đầu của Tần Thủy Hoàng tự tử. Lúc đó, Phù Tô đang phụ trách công việc xây dựng Vạn lý trường thành. Khi chiếu chỉ đến, có người can ngăn Phù Tô, nói rằng coi chừng chiếu chỉ giả. Phù Tô trả lời: "*Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung; phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu*", rồi tự tử theo chiếu chỉ giả mà ông nghĩ là thật. [Phù Tô vừa là con, vừa là bề tôi của Tần Thủy Hoàng]. Về phần Lý Tư và Triệu Cao, hai ông lập người con thứ của Tần Thủy Hoàng là Hồ Hợi lên ngôi, tức Tần Nhị Thế (trị vì 209-207). Triệu Cao gièm pha Lý Tư nên Nhị Thế giết Lý Tư. Triệu Cao lên làm tể tướng giết Nhị Thế, lập Tử Anh là con của thái tử Phù Tô lên làm vua tức Tần Tam Thế (trị vì 206-203). Tần Tam Thế lại giết Triệu Cao. Tần Tam Thế đầu hàng khi Lưu Bang đánh hạ Trường An (Thiểm Tây) năm 203 TCN.

15. Trần Trọng Kim, *Nho giáo*, quyển thượng, Sài Gòn: Nxb. Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, 1971, tr. 130.

16. Trần Trọng Kim, *sđd.* tr. 211.

17. Phan Huy Lê trích dẫn trong bài "Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch cuối đời", đăng trong sách *Tìm về cội nguồn*, tập 2, Nxb. Thế Giới, 1999, tr. 716.

18. Phạm Văn Sơn trích dẫn, *sđd.* tt. 240-241.

19. Nguyễn Phương dịch, *sđd.* tr. 188.

20. Trần Huy Liệu (1901-1969): Nguyên quán làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. chủ bút *Đông Pháp Thời Báo* (1925-1927), chi bộ trưởng chi bộ đặc biệt của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Sài Gòn, bị Pháp bắt đày Côn Đảo trong năm năm. Mãn hạn tù, ông ra Bắc năm 1935 và gia nhập đảng CSĐD năm 1936. Năm 1939, ông bị Pháp bắt trở lại, đày đi Sơn La, rồi an trí năm 1942 ở Thái Nguyên, và Yên Bái. Năm 1945, ông trốn về Hà Nội làm báo *Cứu Quốc* của Việt Minh trong vòng bí mật. Khi Việt Minh cướp chính quyền ngày 2-9, ông được Hồ Chí Minh giao làm bộ trưởng bộ Tuyên Truyền trong chính phủ Việt Minh đầu tiên. Ông được cử làm trưởng phái đoàn Việt Minh gồm Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận, vào Huế chứng kiến việc thoái vị của vua Bảo Đại tại cửa Ngọ Môn ngày 30-8-1945. Năm 1946, Hồ Chí Minh cử Trần Huy Liệu làm uỷ viên thường trực Quốc Hội. Cuối cùng, năm 1953, Trần Huy Liệu trở thành Trưởng ban Nghiên cứu Sử Địa của nhà cầm quyền cộng sản, một chức vụ không có quyền hành.

21. Phan Huy Lê trích dẫn, *sđd.* tr. 716.

22. Trích nguyên văn lời dịch của đài BBC Luân Đôn về bản khảo sát mang tựa đề "Freedom of the Press 2004: A Global Survey of Media Independence", theo đó Việt Nam xếp thứ 179 ngang hàng với Lào và Rwanda. Bản khảo sát nầy do Freedom House, một tổ chức phi vụ lợi có trụ sở tại Washington D. C. thực hiện, và được công bố nhân ngày "Ngày Tự Do Báo Chí Thế Giới" (World Press Freedom) của UNESCO (3-5-2004). (Bản tin Việt ngữ đài BBC Luân Đôn ngày 4-5-2004).

23. Về vụ án nầy, xin xem bài "Vụ án điển hình của chế độ độc tài không luật lệ", Trần Gia Phụng, trong sách *Án tích Cộng Sản Việt Nam*, Nxb. Non Nước, Toronto, 2001, tt. 217-270.

24. Hàng năm, cựu học sinh Phan Thanh Giản Cần Thơ tổ chức họp mặt để tưởng niệm cụ Phan và ôn lại kỷ niệm trường xưa bạn cũ. Ngày 4-7-2004, cựu học sinh trung học Phan Thanh Giản Đà Nẵng ở hải ngoại đã tổ chức tại Orange County, California, Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập trường, đã cùng nhau ôn lại lịch sử cụ Phan và lịch sử nhà trường cùng với những kỷ niệm thời học trò.

25. Hoàng Lê, "Những việc cần làm ngay", *Bản tin trường xưa*, số 4, Xuân Giáp Thân, 2004, Houston, Texas: Gia đình Cựu Học Sinh Phan Thanh Giản và Đoàn Thị Điểm, 2004, tt. 5-8.

26. Phan Huy Lê, *sđd.* tr. 735.

27. Nguyễn Văn Khoan, "Thế kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản", nhật báo *Tuổi Trẻ*, TpHCM, ngày 18-8-2003.

28. Tin của báo *Tuổi Trẻ*, TpHCM, ngày 5-5-2004.

29. Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, Nguyễn Đình Đầu dịch, TpHCM: Ban Khoa học Xã hội Thành uỷ, 1990, tr. 204.

CÁC TÁC GIẢ CỦA LOẠT BÀI VỀ PHAN THANH GIẢN ĐĂNG TRONG *TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ* NĂM 1963 ĐÃ VIẾT NHỮNG GÌ VỀ VỊ TIẾN SĨ ĐẦU TIÊN CỦA MIỀN NAM NÀY?

PHẠM CAO DƯƠNG

Qua một loạt bài được liên tiếp đăng trong *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* xuất bản trong năm 1963 ở Hà Nội, mục "Bình Luận Nhân Vật Lịch Sử," trường hợp của Phan Thanh Giản, nhà Nho miền Nam đầu tiên đậu tiến sĩ và là trọng thần của triều đình nhà Nguyễn, người đã lãnh trách nhiệm ký kết hòa ước Nhâm Tuất ngày 5 tháng 6 năm 1862 nhường ba tỉnh miền đông Nam Kỳ cho Pháp đã được đem ra mổ xẻ và cá nhân của nhân vật lịch sử được người miền Nam nói chung và giới trí thức miền Nam kính mến này đã bị chỉ trích nặng nề. Loạt bài này đã gây nên nhiều bất mãn cho những người có dịp đọc chúng ở cả hai miền Nam Bắc đương thời và luôn cả sau ngày thống nhất dưới chế độ cộng sản. Nó đã đưa tới những vận động phục hồi danh dự và uy tín cho ông ở cả trong nước lẫn ngoài nước, điển hình là qua các cuộc hội thảo được tổ chức ở trong nước và các bài đăng trong các đặc san hay bản tin hay các lời phát biểu trên các đài phát thanh hay truyền hình của các cựu học sinh và giáo chức của trường Trung Học Phan Thanh Giản Cần Thơ. Nhiều người còn muốn đi xa hơn nữa là đề nghị các cơ quan liên hệ ở trong nước đem trường hợp Phan Thanh Giản ký hòa ước 1862 nhượng ba tỉnh miền đông Nam Kỳ cho người Pháp đối chiếu với trường hợp Phạm Văn Đồng gửi văn thư cho Chu Ân Lai công nhận lãnh hải mới của Trung Cộng vào năm 1958 như Viện Sử Học và *Tập San Nghiên Cứu Lịch Sử* đã làm hồi năm 1963.

Tổng cộng số bài người viết hiện có trong tay là tám bài. Đầu tiên là bài "Phan Thanh Giản trong lịch sử cận đại Việt Nam" của hai ông Đặng Huy Vận và Chương Thâu, đăng trong *Nghiên Cứu Lịch Sử* số 48, tháng 3 năm 1963, trang 12 – 17 và kết thúc là bài tổng kết nhan đề "Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản" của Trần Huy Liệu, đăng trong tạp chí này, số 55, tháng 10 năm đó. Loạt bài này đã được viết theo chiều hướng nào và Phan Thanh Giản đã được nhận định hay đúng hơn bị lên án như thế nào? Ta hãy đọc phần gợi ý của tòa soạn *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* và nội dung của các bài, đặc biệt là bài tổng kết của Trần Huy Liệu.

Mở đầu cho loạt bài bình luận này, tòa soạn *Nghiên Cứu Lịch Sử* đã đưa ra những gợi ý đăng trên đầu của bài viết của hai ông Đặng-Huy-Vận và Chương-Thâu với phần chính nguyên văn như sau:

"Theo ý chúng tôi, trong việc bình luận nhân vật lịch sử, nhất là những nhân vật như Phan-thanh-Giản, chúng ta cần dựa vào quan điểm chủ nghĩa Mác, đem yêu cầu của thời đại và nguyện vọng của nhân dân để soi vào hành động của người đó sẽ thấy rõ có công hay có tội, đáng làm gương hay đáng chỉ trích. Chúng ta có thể nhìn vào nhiều mặt nhưng bao giờ cũng phải nhắm vào mặt chính của nó. Nhất là không thể chiều theo tình cảm riêng hay chỉ nhìn vào đạo đức tư cách cá nhân mà phải nhìn vào sự việc cụ thể để đánh giá cho đúng. Một khi đã có những kiến giải rõ ràng rồi thì đối với đối tượng mà mình phê phán cần có thái độ dứt khoát."

Không cần phải đọc chi tiết các bài được đăng sau đó, chỉ cần đọc kỹ những lời lẽ trên đây của tòa soạn mà người đọc phải hiểu đó là những lời khuyến cáo nếu không nói là mệnh lệnh người viết phải theo vì *Nghiên Cứu Lịch Sử* là cơ quan chính thức của chính quyền Cộng Sản miền Bắc đương thời được điều khiển bởi Trần Huy Liệu, nguyên bộ trưởng Bộ Tuyên Truyền trong chính phủ Hồ Chí Minh trước đó. Người viết muốn có bài được đăng không thể không theo những lời gợi ý này. Phan Thanh Giản ngay từ khi các tác giả mới quyết định cầm bút đã bị lên án và bị xỉ nhục một cách không nhân nhượng theo đúng ý muốn của tòa soạn. Các nhan đề của các bài viết bằng cách này hay cách khác đã phản ảnh rõ rệt chiều hướng đã được vạch sẵn này. Sau bài của

các ông Đặng Huy Vận và Chương Thâu với nhan đề mang tính cách chung chung không dứt khoát đã dẫn, các bài khác mập mờ cho thấy trước nội dung như "Cần nhận định và đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào?" của Đặng Việt Thanh, "Đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào cho đúng?" của Nguyễn Khắc Đạm và của Trương Hữu Ký, hai bài riêng biệt, có những bài đã lựa chọn nhan đề phản ảnh một sự dứt khoát ngay từ đầu như bài "Cần nghiêm khắc lên án Phan Thanh Giản" của Chu Quang Trứ và bài "Cần vạch rõ hơn trách nhiệm của Phan Thanh Giản trước lịch sử" của Nhuân Chi hay Nhuận Chi (?). Tất cả đã giúp cho Trần Huy Liệu đưa ra kết luận cuối cùng "Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản" khi ông viết:

Grand Mandarin Phan Thanh Giản

"Từ khi Tạp chí Nghiên cứu lịch sử đề ra việc bình luận một số nhân vật lịch sử, qua Hồ-quý-Ly, Nguyễn-trường-Tộ, Lưu-vĩnh-Phúc cho đến Phan-thanh-Giản, không lần nào bằng lần này, những bạn tham gia cuộc thảo luận, mặc dầu có những khía cạnh khác nhau, những về căn bản đều nhất trí ở chỗ kết án ***tội nhân của lịch sử.*** *"* (Phạm Cao Dương đánh đậm bốn chữ sau này).

Chưa cho là đủ, Trần Huy Liệu còn ghi thêm:

"Một điều nữa cũng đáng chú ý là: trong số người gửi bài tới tham gia thảo luận ***lên án*** *Phan-thanh-Giản có đông đủ cả các bạn miền Bắc và miền Nam. Thì ra, nếu chúng ta xuất phát* ***từ một lập trường giống nhau*** (Phạm Cao Dương đánh đậm) *thì chúng ta sẽ đi đến một kết luận giống nhau."*

Vậy thì qua loạt bài kể trên và căn cứ vào bài tổng kết của Trần Huy Liệu, Phan Thanh Giản đã bị kết án về những tội gì và không thể được khoan nhượng ở những điểm nào? Khoan nhượng là vì có nhiều tác giả cho rằng Phan Thanh Giản là một nhà Nho đạo đức, hết lòng vì dân vì nước, sánh suốt, có bụng thương dân, đã chọn cái chết riêng cho mình để tránh một cuộc chiến tranh vô vọng cho dân tộc.

Cũng theo Trần Huy Liệu, có hai tội chính và hai điều bất khả nhân nhượng:

Hai tội chính là:

Thứ nhất: *"Trong khi những nhân sĩ yêu nước trong giai cấp phong kiến và đông đảo nhân dân kiên quyết đánh Tây để giữ lấy nước, thà chết không làm nô lệ thì Phan trước sau vẫn theo chiều hướng đầu hàng, từ ký nhượng ba tỉnh miền Đông đến ký nhượng ba tỉnh miền Tây, Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân."*

Thứ hai: *"Trong lúc quân giặc bắt đầu dày xéo lên Tổ quốc, bao nhiêu văn thân, nghĩa sĩ, hào lý cùng các tầng lớp nhân dân đều lao mình vào cuộc giết giặc cứu nước, bài phú 'Giặc đến nhà đàn bà phải đánh' vang lên, vậy mà riêng Phan-thanh-Giản ba lần dụ Trương-Định bãi binh, bốn lần làm môi giới cho Pháp, đưa thư của giặc cho Trương và khuyên nhân dân không nên 'bội nghịch' với giặc."*

Hai điều bất khả nhân nhượng là:

Thứ nhất: Không thể chỉ nhìn vào "tư đức" (chữ của Trần Huy Liệu) của Phan-thanh-Giản để có thể "chiếu cố" và "thông cảm" cho ông được mà phải nhìn vào "công đức" (cũng chữ của Trần Huy Liệu) của ông. *"Ở vào thời thế nước ta hồi ấy, mọi người công dân còn có cái đạo đức nào cao hơn là là yêu nước thù giặc, hy sinh quên mình, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Trái*

lại, còn có cái gì xấu hơn là theo giặc, chống lại cách mạng (?), phản lại quyền lợi tối cao của Tổ quốc. Đối với Phan-thanh-Giản, công đức như thế là đã bại hoại rồi; mà công đức đã bại hoại thì tư đức con gì đáng kể?" (nguyên văn lời Trần Huy Liệu).

Thứ hai: Về cái chết của Phan Thanh Giản, theo Trần Huy Liệu thì "*chủ trương của Phan đã dẫn Phan đến chỗ bế tắc mà chỉ có thể kết cục bằng một cái chết. Nói một cách khác, cái chết của Phan là tất nhiên, là rất biện chứng trong chỗ bế tắc của Phan (...). Nói rằng Phan chết để giữ trọn tiết nghĩa chăng? Thì, cái sống của Phan với dân, với nước đã mất hết tiết nghĩa rồi, còn nói gì cái chết. Nói rằng Phan chết để giữ trọn đạo lành (tử thủ thiện đạo) hay làm nên điều nhân (sát thân thành nhân) theo câu châm ngôn của nho giáo mà Phan là một tín đồ chăng? Thực ra, cái chết của Phan, khác với cái hy sinh của các bậc nghĩa liệt khác, không phải để giữ "đạo lành" cho đến chết, cũng chẳng phải liều chết để làm nên một điều "nhân" vì cái gọi là "đạo lành," là "điều nhân" lúc đó chính là giết giặc cứu nước, là theo nguyện vọng của nhân dân; trái lại là đạo dữ, là bất nhân, là phản bội. Thôi, chúng ta hãy làm một việc ngay thẳng là trả cái chết của Phan-thanh-Giản lại cho Phan-thanh-Giản, cái chết do chính tác giả tạo ra, qua một quá trình dài lâu dẫn đến chỗ không lối thoát. Dầu sao, cái chết của Phan cũng chỉ có thể chấm dứt con đường bế tắc của Phan, chớ không thể xóa được tội danh của Phan trước tòa án dư luận nhân dân và lịch sử."*

Bây giờ ta hãy duyệt qua những bài đã được đăng.

Trước hết là bài của Đặng Huy Vận và Chương Thâu. Người viết không có dịp đọc nhiều bài khác của Đặng Huy Vận, nhưng Chương Thâu là một tác giả ra quen thuộc đối với những ai từng theo dõi các hoạt động của các nhà Nho trong các phong trào Đông Du và Duy Tân. Chương Thâu đã viết nhiều về các phong trào này, đặc biệt là về Phan Bội Châu. Có lẽ vì vậy ông và Đặng Huy Vận đã được lựa chọn để mở đầu cho cuộc bình luận hay đúng hơn đánh giá lại này. Một sự lựa chọn có thể có tính cách chiến thuật để người theo dõi cả loạt bài sau đó có cảm tưởng rằng đây là một cuộc bình luận vô tư và rộng rãi. Nói như vậy vì bài của hai ông có vẻ bao quát và chuyên môn, kể cả khi hai ông lên án Phan Thanh Giản. Nói như vậy là vì bài của hai ông tương đối đầy đủ nhất cho loại bài này. Nó tóm tắt toàn bộ những chi tiết liên hệ tới cuộc đời và sự nghiệp của Phan Thanh Giản từ thuở thiếu thời cho đến những ngày cuối đời của ông và đã nhìn ông qua mọi khía cạnh, cả công lẫn tư; nói theo Trần Huy Liệu cả "công đức" lẫn "tư đức." Các tác giả này cũng dùng nhiều tài liệu hơn các tác giả khác. Có điều phần quy trách nhiệm làm mất nước cho Phan Thanh Giản vẫn là chính. Trong phần này, sau khi đã bài bác tất cả các quan điểm của các tác giả người Pháp cũng như người Việt thời trước đó như Châtel, Lê Thành Trường, Tam Thanh và Hoành Hải, Nam Xuân Thọ..., mà hai ông cho rằng chỉ "*nhằm mục tiêu chính trị*" hay "*chỉ mới nói một mặt*" "*mà không nhìn thấy mặt hậu quả tai hại của những hành động đầy thiện ý ấy của Phan-thanh-Giản, các ông đã không nhìn thấy mặt trách nhiệm to lớn như thế nào của Phan-thanh-Giản trong việc cắt đất nhường cho Pháp.*" "*Phan trước sức uy hiếp của giặc đã đang tay ký 'hòa ước 1862' với giặc. Quê cha đất tổ bị bầy quỷ dữ giày xéo? Phan-thanh-Giản bị nhân dân cả nước lên án và phản đối mọi hành động chủ hòa của triều đình và của chính Phan...*" "*Thế rồi Phan-thanh-Giản không chịu lo chuẩn bị đề phòng chống Pháp mà để cho giặc lấn dần, để đến nỗi trong bốn ngày từ 21-6 đến 25—6-1867, chúng lấy luôn cả ba tỉnh miền Tây.*"

Về cái chết của Phan Thanh Giản, Đặng-Huy-Vận và Chương-Thâu cho rằng nó "*đã chứng tỏ sự bất lực hoàn toàn đối với lòng tin cậy của triều đình và cũng để tỏ cho nhân dân rằng mình đã sai lầm và chịu tội trước nhân dân.*"

Khác với các tác giả khác, Đặng-Huy-Vận và Chương-Thâu đã dùng cả nửa bài phía sau để ca tụng phần "tư đức" của Phan Thanh Giản. Hai ông đã dùng các thơ văn, sớ tấu của chính Phan Thanh Giản, của Nguyễn Đình Chiểu và của các nhà khảo cứu thời trước hai ông hay của các tác giả miền Nam, luôn cả những lời truyền tụng trong dân gian... để mô tả cuộc sống hết lòng vì vua, vì dân, vì nước, luôn luôn đi sát với quần chúng bình dân và đạo đức của Phan Thanh Giản. Có điều trong khi "*trở lại xét thêm những công trạng và đức tốt của Phan-thanh-Giản đối với nhân dân*" để "*thấy rõ hơn vì sao Phan đáng được nhân dân khoan dung và trân trọng*" thì hai ông đã qui hết tội cho

triều đình Huế và cho rằng *"triều đình Huế là tội phạm chính của việc để mất đất mất nước, bỏ dân bỏ nước để chỉ lo khư khư giữ lấy cái ngai vàng đã mọt ruỗng và quyền lợi bẩn thỉu của chúng."* Lời Phan Thanh Giản căn dặn thân nhân ghi trên mộ ông đã được hai tác giả này coi là *"đã phản ánh đúng đắn tinh thần khiếp nhược và nỗi chán chường của ý thức hệ phong kiến đến ngày suy tàn thảm hại."*

Đúng như Trần Huy Liệu nhận định trong bài tổng kết của ông: *"trong quá trình thảo luận, hai bạn Chương-Thâu và Đặng-huy-Vận, trong chỗ không ngờ, đã trở nên 'đối tượng' cho một loạt súng bắn vào chỉ vì hai bạn còn có chỗ chưa 'dứt khoát' về tình cảm với họ Phan!"* Những bài được đăng tiếp theo đã nêu rõ những điều mà họ cho là chưa dứt khoát này và đi sát với những chỉ dẫn trong phần gợi ý của Tòa Soạn *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* hơn. Không cần phải đi sâu vào nội dung, chỉ cần đọc các nhan đề sau đây của các bài viết người ta thấy rõ ngay chiều hướng phản ứng này:

"Cần nhận định và đánh giá Phạn-thanh-Giản như thế nào?" (Đặng-việt-Thanh)

"Đánh giá Phan-thanh-Giản như thế nào cho đúng?" (Nguyễn –khắc-Đạm)

"Cần nghiêm khắc lên án Phan-thanh-Giản" (Chu-quang-Trứ)

"Cần vạch rõ hơn nữa trách nhiệm của Phan-thanh-Giản trước lịch sử" (Nhuận Chi)

"Đánh giá Phan-thanh-Giản thế nào cho đúng?" (Trương-hữu-Ký)

Các câu hỏi được đặt ra nhưng câu trả lời đã có sẵn trong lời tòa soạn *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* là phải nhìn vào mặt chính của vấn đề, phải nhất trí, phải dứt khoát, không thể nhìn vào mọi mặt để kết luận nước đôi, nửa vời, không dứt khoát. Nhuận-Chi nói thẳng ra rằng đó là vấn đề quan điểm, vấn đề lập trường. Về phương pháp cũng vậy, Nhuận-Chi *"tán thành ý kiến của Tòa soạn tạp chí Nghiên cứu lịch sử là "trong việc bình luận nhân vật lịch sử,... chúng ta cần dựa vào quan điểm chủ nghĩa Mác, đem yêu cầu của thời đại và nguyện vọng của nhân dân để soi vào hành động của người đó sẽ thấy rõ có công hay có tội..."* (đã dẫn). Kết quả cuộc bình luận do đó có thể được đoán biết từ trước và Trần Huy Liệu đã coi đó là một sự *"thành công"* vì *"không lần nào bằng lần này, những bạn tham gia cuộc thảo luận. mặc dầu có những khía cạnh khác nhau, nhưng về căn bản đều nhất trí ở chỗ kết án tội nhân của lịch sử."*

Vì phải dựa theo Mác và trên quan điểm giai cấp đấu tranh, sau khi đã kết tội Phan Thanh Giản, các tác giả còn đi xa hơn nữa là kết án toàn thể phe chủ hòa ở triều đình Huế đương thời, đứng đầu là vua Tự Đức mà Phan Thanh Giản, theo Đặng-Việt-Thanh, chỉ là người *"tiêu biểu của phái đầu hàng ở trong giai cấp phong kiến muốn cứu vãn quyền lợi của giai cấp mình bằng cách thỏa hiệp với thực dân."* Lý luận theo chiều hướng này, để buộc tội Phan Thanh Giản, Nguyễn-Anh kết luận: *"Phan Thanh Giản hành động không phải vì một động cơ yêu nước thương dân lành mạnh tiến bộ. Là con đẻ của triều đình phong kiến thối nát nhà Nguyễn – bộ phận đầu não của giai cấp phong kiến suy tàn phản động -, mang trong người ý thức hệ tư tưởng của giai cấp mình, Phan đã luôn luôn lo lắng và hành động vì cái "dân" cái "nước" của triều đình nhà Nguyễn đầu hàng. Cho nên việc cắt đất cho giặc và cái động cơ của Phan hoàn toàn thống nhất với nhau, nó sẽ dẫn đến một kết quả tất nhiên là nhượng bộ đi đến đầu hàng giặc."* Lập luận này, cộng thêm những gì tác giả này (Nguyễn-Anh) viết ở cuối bài có thể cho người ta thấy phần nào mục tiêu của loạt bài bình luận. Mục tiêu đó là *"tác dụng tích cực trong giai đoạn hiện nay."* Nguyên văn của đoạn này như sau:

"Hoàn cảnh lịch sử ngày nay và ngày xưa – thời Phan-thanh-Giản – tuy có nhiều điểm khác nhau, nhưng có một điểm giống nhau là ngày trước nhân dân Nam Kỳ đứng lên kháng chiến chống xâm lược bước đầu của giặc Pháp, ***và ngày nay, cũng trên mảnh đất Nam-bộ mến yêu, nhân dân miền Nam ruột thịt của chúng ta đang anh dũng chống bè lũ Mỹ-Diệm để hòa bình thống nhất đất nước*** (Phạm Cao Dương đánh đậm). *Việc nghiên cứu đánh giá Phan-thanh-Giản không phải chỉ là tìm hiểu sự thật về công tội của Phan mà còn có một ý nghĩa, một tác dụng tích cực trong giai đoạn hiện nay. Lịch sử mãi mãi ghi nhớ và ca tụng những người con của Tổ quốc đã đấu tranh quên mình vì dân vì nước và cũng mãi mãi phê phán bất cứ ai đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân, ngăn cản bước tiến của lịch sử."*

Nhưng làm sao biết được nguyện vọng của nhân dân thời Phan Thanh Giản và nếu có thể đi xa hơn cho đến thời "Mỹ –Diệm"? Nhân dân là ai, những dữ kiện nào, những thống kê

nào cho phép người khẳng định như vậy? Trần Huy Liệu và các tác giả của những bài bình luận này đã căn cứ vào những câu nói, những bài thơ hầu hết bằng chữ Hán hay chứa rất nhiều chữ Hán, những bài vè, vào cuộc kháng chiến của Trương Định để quả quyết là nhân dân thời đó đều một lòng chống Pháp. Như vậy có đủ hay không? và sau này vào thời điểm các bài bình luận này được viết và được đăng trong *Nghiên cứu lịch sử* là ngày nay *"nhân dân miền Nam ruột thịt của chúng ta đang anh dũng chống bè lũ Mỹ-Diệm để hòa bình thống nhất đất nước,"* coi như là cuộc chống đối này được phát động bởi chính đồng bào miền Nam không dính dáng gì với miền Bắc? Các tác giả này sẽ nghĩ sao khi có dịp đọc *Thư Vô Nam* của Lê Duẩn với dòng ghi chú dưới ảnh chụp của ông là *"Đồng chí Lê Duẩn hồi còn hoạt động ở trong Nam (1954- 1956)"?* Cũng vậy với lối giả dụ rằng nếu Phan Thanh Giản dựa vào nhân dân, theo ước vọng của nhân dân thì sẽ đánh đuổi được quân Pháp người ta sẽ nghĩ sao khi để ý tới thái độ của người dân ở miền Bắc, đặc biệt là ở Nam Định khi quân Pháp đánh ra Bắc về sau này. Cũng vậy với sự kết án Phan Thanh Giản là đã không thông hiểu những khó khăn của người Pháp và của riêng Bonard khi điều đình ký hòa ước. Làm sao Phan Thanh Giản một thế kỷ trước có thể có được những kiến thức của những người học và bình luận lịch sử của, một trăm năm sau, năm 1963?

Kết tội như trên chưa được coi là đủ và dứt khoát, Nguyễn-khắc-Đạm trong bài "Đánh giá Phan-thanh-Giản như thế nào cho đúng?" đã đặt ra những nghi vấn về sự thanh liêm của Phan Thanh Giản về lòng yêu nước, thương dân và về tinh thần coi nhẹ cái chết của ông với những câu trả lời là "không."

Về sự thanh liêm của Phan Thanh Giản, một sự thanh liêm từ vua Tự Đức đến các nhân vật lịch sử đương thời và các nhà nghiên cứu khác cả Việt lẫn Pháp đều ghi nhận, Nguyễn Khắc Đạm dựa vào hai chi tiết để đặt thêm các câu hỏi về ông. Chi tiết thứ nhất được Pierre Daudin (?) chép trong *Phan-thanh-Giản et sa famille d'après quelques documents annamites*, xuất bản năm 1941 là *"Các con Phan-thanh-Giản trong bài điếu mẹ có viết là năm 1861, khi Pháp lấy Định- Tường, quan quân ta phải chạy qua làng có vợ Phan-thanh –Giản đang ở đó. Thấy tình cảnh quan quân thiếu thốn, bà Phan-thanh-Giản đã lập tức lấy khoảng năm sáu trăm quan tiền riêng ra phân phát cho họ. Nên nhớ là lúc đó Phan đương ở Huế, còn vợ thì ở làng với các con."* Chi tiết thứ hai là *"Tên Ăng-sa (Ansart) chủ tỉnh Mỹ-tho viết là trước khi chết, Phan có ngỏ ý gửi hắn vài ngàn phơ-răng để lấy tiền nuôi dưỡng giúp các cháu Phan tại Sài-gòn."* (Nguyễn-khắc-Đạm đã căn cứ vào lời của Thiếu Tá Ansart gửi cho Tham Mưu Trưởng Reboul trong thư đề ngày 4 tháng 8 năm 1867, viết từ Vĩnh Long, được in trong *La Geste Francaise en Indochine của Taboulet, Paris, Adrien-Maisonneuve, tome.II, 1956, tr. 519-520 – Phạm Cao Dương chú thích)*

Những số tiền này đã được ông Đạm chứng minh bằng vật giá thời đó và lương của các quan và cho là khá lớn và đặt câu hỏi làm sao *"vợ Phan và bản thân Phan có thể có ngay"* được?

Về chuyện Phan Thanh Giản coi nhẹ cái chết và tự kết kiểu đời mình, Nguyễn-khắc-Đạm cũng căn cứ vào lời của Thiếu Tá Ansart gửi cho Tham Mưu Trưởng Reboul (thư dẫn trên, Phạm Cao Dương chú thích), là cuối cùng khi các quan lại Việt Nam đã về hết chỉ còn người Pháp thì Phan Thanh Giản đã nhận sự chữa chạy của người Pháp và đặc biệt Phan Thanh Giản đã hỏi Linh Mục Marc: **"Thế nào tôi có thể thoát được không?"** (Nguyễn-Khắc-Đạm dịch và in đậm). Từ đó ông Đạm kết luận rằng: Phan Thanh Giản *"đã tỏ vẻ thiết tha được sống lại với người Pháp"* và *"Điều đó càng soi sáng thêm chiều hướng xuống dốc về tư tưởng của Phan hơn nữa."*

Trên đây là tóm tắt những gì người viết cho là chính yếu của loạt bài bình luận về Phan Thanh Giản đăng trên *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* vào năm 1963. Sự tóm tắt này chắc chắn là còn nhiều thiếu sót. Nó chỉ nhằm giúp cho những ai chưa có hay không có dịp đọc loạt bài này có một ý niệm về nội dung và cách nhìn của các nhà viết sử và bình luận sử miền Bắc Việt Nam đương thời (thời 1963) về vị Tiến Sĩ Nho Học đầu tiên của miền Nam này, coi như những lý do chính yếu của phong trào đòi phục hồi danh dự cho ông trong những năm gần đây. Trong khi tóm tắt người viết đã giảm thiểu những nhận định riêng của mình đến mức tối đa nhưng đây không một việc dễ làm. Điều tốt nhất cho người đọc là tìm đọc nguyên bản. Riêng về những giả thuyết liên hệ tới sự thanh liêm của Phan Thanh Giản và những giờ phút cuối cùng của đời ông, người viết sẽ xin trở lại trong một bài khác.

Nhận định bài tổng kết về Phan-Thanh-Giản của "Người Anh Cả" Giới Sử Học Hà Nội

Nước ta tuy có lúc thịnh, lúc suy
Nhưng hào kiệt đời nào cũng có
(Nguyễn Trãi - Bình Ngô Đại Cáo)

PHAN THANH TÂM

Bài tổng kết "Chúng Ta Đã Nhất Trí Về Việc Nhận Định Phan-Thanh-Giản" của ông Trần Huy Liệu, "Người Anh Cả" giới sử học Hà Nội viết từ tháng 10/1963 tự nó không tạo ra vấn đề hay gây ảnh hưởng gì cả dù rằng không hẳn mọi người đã nhất trí như tựa đề. Bài báo chỉ đâm ra dễ sợ, gây nhiều bất mãn sâu đậm khi nó theo đoàn quân chiến thắng tiến vào thủ đô Saigon năm 1975.

Lần đầu tiên trong lịch sử báo chí thế giới, bài của một tác giả, qua đời năm1969, thảo luận về một nhân vật lịch sư, trở thành một án lệnh. Nhà cách mạng sử học họTrần dựa vào ý thức hệ, đã tước bỏ mọi đức tính, sự nghiệp của cụ Phan khi cáo giác nhân vật này đã "theo giặc, chống lại cách mạng, phản lại quyền lợi tối cao của tổ quốc."

Với bản án này thì chỉ có tử hình. Đúng vậy. Dù cụ Phan đã quyên sinh từ năm 1867, tháng 5/ 1975, tượng "Tội Nhân Của Lịch Sử" ở trường Phan Thanh Giản Cần Thơ đã bị cảnh vệ mắng nhiếc cụ là tên phản quốc, hèn nhát rồi dùng búa đập cho đến khi "chiếc đầu gãy lìa khỏi cổ," trước sự chúng kiến của một số người tập trung để chuẩn bị đi học tập cải tạo trong đó có nhà văn Trần Hoài Thư.

Theo giáo sư Văn Tạo, hai giáo sư Nguyễn Công Bình và Nguyễn Đổng Chi do Ủy Ban Khoa Học Xã Hội ở Hà Nội trong thời gian đầu của cuộc "giải phóng," đã được cử vào để đóng góp vào việc hạ bệ uy tín, ảnh hưởng của cụ Phan như đổi tên đường Phan Thanh Giản ở Sài Gòn thành đường Điện Biên Phủ, đổi tên trường học, xóa bỏ hay hạn chế bớt việc duy trì và tu tạo những di tích lịch sử về cụ ở Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần thơ. (1)

Phan, Lâm Mãi Quốc, Triều Đình Khí Dân

Bài báo còn viết gì? Ông Trần Huy Liệu, người Nam Định (1901-1969), từng làm Bộ Trưởng Bộ Tuyên Truyền và Cổ Động, trong bài nói trên đã vin vào "dư luận nhân dân đương thời biểu hiện trong tám chữ đề cờ của dân quân Tân An Gò Công mà thủ lãnh là Trương Định" để cáo giác cụ Phan là đã hàng giặc, dâng nước cho giặc. Ông cho rằng, cụ Phan "công đức đã bại hoại thì tứ đức còn có gì đáng kể."

Bài viết của nhà báo cách mạng Trần Huy Liệu, nguyên Viện Trưởng Viện Sử Học, đăng trên tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử số 55 do ông làm Chủ Nhiệm và Tổng Biên Tập xuất bản ở Hà Nội, còn nói cái chết của Cụ Phan Thanh Giản là theo "đạo dữ, là bất nhân, là phản bội." Ông tố cáo cụ Phan, đã "dâng toàn bộ lục tỉnh Nam Kì cho giặc."

Ông Vũ Ngọc Khánh, một người trong giới nghiên cứu có dịp bàn về PhanThanh Giản, một Tiến Sĩ trí thức Nam kì có khuynh hướng canh tân, cầu hòa, uyển chuyển, cho biết lúc bấy giờ năm 1963, chính sách chung là không thể chấp nhận khuynh hướng đầu hàng, khoan dung. Nên cái nhìn về Phan Thanh Giản trở nên khắc nghiệt, vì phải theo quan điểm lập trường nhất định (2). Đại Hội Đảng kỳ III năm 1961 chủ trương dùng giải pháp quân sự để thôn tính miền Nam.

(Ngoài ra, theo tôi dưới chế độ cộng sản mọi thứ phải được sự phê chuẩn của nhà nước. Dân chúng không được tự do tôn vinh, ca tụng người nào nếu người đó không nằm trong tiêu chuẩn của Đảng và nhà nước, người hùng phải được cấp phép).

Điều đáng nói là sử liệu "dư luận đương thời tám chữ Phan Lâm Mãi Quốc; Triều Đình Khí Dân" mà sử gia Trần Huy Liệu vin vào để kết tội cụ Phan có phải là một chứng liệu xác thực hay không? Ông Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa Học lịch sử Việt Nam trong bài "Phan Thanh Giản, con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử" cho biết, nguồn gốc và xuất xứ chưa rõ. Cần tìm hiểu thêm (3).

Linh cữu học trò già

Hội Nghị Khoa Học về cụ Phan Thanh Giản tháng 11/1994 tại Vĩnh Long đã kết luận câu nói trên là một loại tồn nghi qua truyền miệng không đáng tin. Theo ông Nguyễn Văn Trấn trong cuốn "Chợ Đệm Quê Tôi" đó là câu nói của đàng ngoài. "Chớ tôi từng đọc sách sử, chưa thấy ở trong Nam này có sĩ phu bốc đồng nào nói ra câu bia miệng đó." (4)

Đàng khác, Cụ Đồ Chiểu một lòng kính trọng cụ Phan, đã viết hai bài điếu cụ Phan và cuối đời trong bài "Văn tế lục tỉnh sĩ dân trân vong" đã cùng nói về Phan Học Sĩ và Trương Tướng Quân. Ông Nguyễn Văn Châu, nguyên Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre, trong bài "Nguyễn Đình Chiểu hiểu biết về Phan Thanh Giản," cho biết đọc hết các hịch truyền, cáo thị của nghĩa quân Trương Định tương truyền là do cụ Nguyễn Đình Chiểu viết không tìm thấy tám chữ này.

Các sứ thần đi Pháp. Hàng trước, từ trái: Phạm Phú Thứ (Phó Sứ), Phan Thanh Giản (Chánh Sứ), Ngụy Khắc Đản (Bồi Sứ)

Vả lại, chữ mãi quốc không có ổn. Mãi là bán mà bán là một sự thuận nhượng để đổi vật, đổi mối lợi cho người bán. Không lẽ cụ Phan bán nước để lấy cái chết. Trước khi quyên sinh cụ gửi trả hết cho nhà vua chức tước, sắc phong; dặn con cháu không được cộng tác với giặc Pháp và chỉ để chín chữ trên minh sinh cạnh quan tài cụ: linh cữu học trò già góc bể họ Phan. *Ngôi mộ gần như mộ một dân thường chỉ ghi:* Lương Khê lão nông chi mộ *(ngôi mộ của người nông dân già họ Phan). Cụ thọ 71 tuổi (1796-1867).*

Hai con trai của cụ, Phan Tôn, Phan Liêm, nổi lên chống Pháp tại tỉnh Vĩnh Long, lập thành nhóm "Cần Vương" từ tháng 7 đến tháng 11/1867; khi bị dẹp hai ông bỏ trốn ra Bình Thuận. Người ta lại gặp hai ông bên cạnh Nguyễn Tri Phương ở Hà Nội, rồi bị bắt giữ ngày 20/11/1873.

Dâng sáu tỉnh Nam Kỳ cho giặc

Nhà sử học cách mạng Trần Huy Liệu còn gán cho cụ Phan tội dâng toàn bộ sáu tỉnh cho Pháp. Sự thực thế nào? Hòa Ước Nhâm Tuất 1962, Phan Thanh Giản thừa lệnh triều đình giao cho Pháp ba tỉnh miền Đông với một số tiền bồi thường để đòi lại tỉnh Vĩnh Long. Ba tỉnh miền Đông và Vĩnh Long đã bị Pháp chiếm sau khi thành Gia Định do Nguyễn Tri Phương trấn giữ bị thất thủ sau hai ngày rưỡi đánh nhau. Giao hay không giao nó đã mất vào tay Pháp rồi.

Còn ba tỉnh miền Tây mất vì quyết định bất nhất của triều đình. Các người giữ thành Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ, Trần Hoan có trách nhiệm là để mất chớ không có giao. Hơn nữa, trước đó "có lời thẩm nghị của đình thần là: các quan chức phải bỏ thành không được kháng cự nếu quân Pháp tấn công" (5).

Ông Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ Tướng chính phủ, trong bài "Những suy nghĩ sau hai cuộc Hội Nghị về nhân vật Phan Thanh Giản" viết "Càng có thời gian chúng ta càng thấy Phan Thanh Giản bị cái án oan. Nhưng Phan Thanh Giản là người rất nghiêm khắc với mình và vì vậy ông chấp nhận tất cả, kể cả cái chết do ông chọn ngày giờ và ra đi".

Ngoài ra, là một nhà trí thức thành đạt nhất ở Nam Kỳ lúc bấy giờ, lại là một người nhân bản, cụ ý thức rõ không thể "lùa dê vào miệng cọp chỉ giết hại quân lính và làm tiêu tan tài sản của dân." Vì cụ Phan:

Thấy việc Âu Châu phải giựt mình
Kêu gọi đồng bang: mau thức dậy
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin

nên cụ đã "quyên sinh, góp cái chết của mình để khóc cái chết của dân." (4)

Tiến sĩ Võ Xuân Đàn, trường Đại Học Sư Phạm đặt một câu hỏi: "Trên tầm vĩ mô trách nhiệm

mất VN, cuối thế kỷ XIX là Vương Triều Nguyễn. Ở tầm vi mô trách nhiệm này thuộc vua Tự Đức và Phan Thanh Giản. Tự Đức để mất nước VN; Phan Thanh Giản để mất Nam Kỳ. Còn Bắc Kỳ qua hai lần tấn công giặc Pháp cũng đã chiếm được. Trách nhiệm để rơi về tay Pháp thuộc về ai mà việc mất Nam Kỳ lục tỉnh lại qui về cho Phan thanh Giản?" (6).

Thế kỷ XXI nhìn về cụ Phan

Tại Saigon ngày 16/8/03, tạp chí Xưa&Nay – Hội Khoa Học Lịch Sử VN, Hội Đồng Khoa Học Xã Hội phối hợp tổ chức tọa đàm khoa học "Thế Kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản" đã phổ biến một bản văn nói "Ý kiến đồng thuận chung là không thể coi Phan Thanh Giản là 'kẻ bán nước.' Nhân cách của Ông, cống hiến của Ông cho đất nước đã chiếm được tấm lòng ngưỡng mộ của nhân dân miền Nam." Cuộc tọa đàm này là cuộc trao đổi tiếp theo hai cuộc hội nghị về những năm trước (1987 tại Bến Tre và 1994 tại Vĩnh Long) cũng nhằm đánh giá về cụ.

Bản văn còn cho biết, "Đại biểu của nhiều tỉnh như Vĩnh Long, Bến Tre... nêu nguyện vọng là Nhà Nước nên xem xét và đặt lại tên đường Phan Thanh Giản, trường học Phan Thanh Giản, sửa chữa bổ sung kiến thức về Phan Thanh Giản trong các sách giáo khoa, giáo trình để đông đảo đồng bào, nhân dân ta hiểu Phan Thanh Giản hơn và đặt Ông vào đúng vị trí trong lịch sử, trong đời sống văn hóa của nhân dân ta."

Nhà văn Sơn Nam kể lại, hồi xưa khi đi ngang qua miếu Văn Thánh học trò phải cúi đầu chào ông Phan. Ông nói "Tôi lại vào bên hông miếu Văn Thánh để cúi đầu trước bức ảnh cụ Phan, chớ nào ai vào chánh điện để chào ông Khổng, ông Tăng Sâm, Tử Lộ." Nhà văn đề nghị, "trong chương trình sử học cho học sinh, nên có một bài nói về ông, đủ tình đủ lý." (7)

Theo Tiến sĩ Võ Xuân Đàn, trường Đại Học Sư Phạm, "Ở Bến Tre, Vĩnh Long và cả "Nam Kỳ lục tỉnh" hàng trăm năm nay đã lưu truyền những chuyện kể, những truyền thuyết, giai thoại nói lên chí hiếu học, tinh thần yêu nước thương dân, cuộc sống thanh bạch, cần mẫn, liêm khiết, trung thực, khiêm nhường của Phan Thanh Giản và coi ông như một biểu tượng tốt đẹp và là niềm tự hào của quê hương xứ sở." (6)

Phạm Phú Thứ, Nguyễn Đình Chiểu

Chẳng những vậy, "hầu khắp các tỉnh ở Nam Kỳ không chỉ luôn luôn nhắc nhở, nhân dân còn lập bàn thờ thờ ông tại một số đình, đền chùa, miếu. Không ít nhà dân đã treo chân dung ông nơi trang trọng để thể hiện tình cảm như đối với người thân đáng kính trong thân tộc." (6.1)

Giới trí thức lúc bấy giờ như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông rất thông cảm nỗi lòng cụ Phan. Bài điếu văn dài 99 câu của Phạm Phú Thứ có những câu như: "Lòng yêu nước sâu kín của Ngài đối với nước nhà đáng khóc lên được. Ngài thật là một người học rộng và có phẩm cách hơn người. Có bao nhiêu người hiểu biết tình thế thật sự của nước nhà? Khi nghĩ lùi về nguyên nhân của trận giặc này, tôi rất buồn nhớ đến ý chí của Ngài (không được thực hiện)." *(8)*

Cụ Đồ Chiểu, có ngòi bút "đâm mấy thằng gian bút chẳng tà", *đã làm hai bài thơ điếu cụ Phan một bằng chữ nôm, một bằng chữ hán. Cụ chỉ làm thơ điếu cho ba người: Trương Định, Phan Thanh Giản, Phan Ngọc Tòng.* "Minh trong sạch trải thờ ba chúa. Không Ông ai che chở dân lành." *Hay trong lễ truy điệu nghĩa sĩ tại chợ Đập, làng An Đức, Ba Tri năm 1883, cụ đọc:* Ít người được xem tấm bảng phong thần, Phan học sĩ hết lòng mưu quốc *(Phan học sĩ mưu quốc không thành, nhưng tên còn ghi trong tấm bảng phong thần). (9)*

Cố học giả Vương Hồng Sển, trong cuốn Nửa Đời Còn Lại, chương "Trở lại, thử tìm hiểu cảnh ngộ quan Phan khi đi sứ sang Pháp," ông viết, "bấy lâu nay (1990), tôi nghe đầy tai lời trách quan Phan làm cho mất nước và vua Tự Đức đứng đầu tội ấy. Thấp cổ bé miệng, tôi có dại gì cãi họ, duy trong thâm tâm riêng tưởng họ chưa tới mắt cá quan Phan."

Lợi dụng sự kiện lịch sử

Đánh giá một nhân vật lịch sử ngoài việc dựa vào tính xác thật của các sử liệu, còn phải tìm hiểu thái độ của nhân dân đối với nhân vật đó. Bài tổng kết của Người Anh Cả giới sử học Trần Huy Liệu đã lợi dụng các sự kiện lịch sử để phục vụ cho mục tiêu chính trị. Chính trị và lịch sử như hình với bóng nhưng nó không thể đồng hóa là một được.

Nhà báo cách mạng Trần Huy Liệu có quyền có ý kiến riêng, phê phán, đánh giá nhưng phải dựa vào những sử liệu có thật. Không thể lập luận hồ đồ *(sáu chữ trong bài tổng kết). Đúng.* Không thể lập luận hồ đồ. *Phan Thanh Giản có dâng toàn bộ lục tỉnh Nam Kỳ cho giặc không? Không. Hơn nữa, dư luận nhân dân biểu hiện trong tám chữ đề cờ của dân quân Tân An Gò Công mà thủ*

lĩnh là Trương Công Định cho đến nay nguồn gốc và xuất xứ vẫn chưa rõ. Người viết sử không thể vin vào một sự kiện chưa rõ và không có cơ sở lý luận để kết tội một nhân vật lịch sử.

Nhà sử học Trần Huy Liệu làm việc này không phải đơn độc, tự biên tự diễn, mà có hệ thống, có chỉ đạo. **Là hậu duệ của cụ Phan, người viết bài này, vì sự công bình của lịch sử, đòi hỏi các giới chức liên hệ, Viện Sử Học Việt Nam... phải có lời xin lỗi gia đình chúng tôi về những cáo giác trong bài nhận định và những lời lẽ trong buổi chiều đập tượng kết tội cụ Phan Thanh Giản trước một số đông người hồi tháng 5/1975 tại trường học mang tên cụ ở Cần Thơ.**

Mặt khác, Giáo sư sử học Đại Học Quốc Gia Hà Nội Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử VN, có nói rằng kết quả và thái độ của hội thảo chắc sẽ giải tỏa phần nào những mặc cảm bấy lâu đè nặng lên tâm tư của nhiều người kể cả con cháu Phan Thanh Giản (3). Chúng tôi xin thưa không hề có mặc cảm. Trái lại là đằng khác. Vì cụ đã qua nhiều thử thách của thời gian và thời đại.

Xin trưng dẫn những lời nói về cụ:

- Thủ nghĩa để thành nhân; Ngài giữ trọn nghĩa vụ ấy (Phạm Phú Thứ);
- Một Học sĩ (Nguyễn Đình Chiểu);
- Cầu cho người được đời đời tiếng thơm (Đồng Khánh);
- Một sự nghiệp hiển hách (Phan Văn Hùm);
- Một tấm gương cho cả thế hệ trẻ (thư một phụ huynh học sinh khi đề nghị lập tượng cụ Phan ngày 25/2/1966);
- Nhân vật lịch sử của Nam Bộ, của cả nước chứ không phải riêng gì Vĩnh Long và Bến Tre (Võ Văn Kiệt);
- Nhà yêu nước và người báo hiệu cho một nước Việt Nam mới (tựa sách của Phan thi Minh Lễ)....

Biết người mạnh, biết ta yếu

Nhân nói về lịch sử vào những năm giữa thế kỷ XIX, thử xem phải chăng xu thế thiết lập hệ thống thuộc địa của Tây Phương là điều tất yếu? Không hẳn. Vào những năm này, thực tế cho thấy lưỡi gươm của Trương Công Định, Nguyễn Tri Phương,Thủ Khoa Huân ... và ông vua Tự Đức do dự, bất nhất không thể ngăn chặn được âm mưu xâm lược của thực dân. Riêng Nhật Bản và Thái Lan là hai nước thoát được nhờ họ biết họ yếu; họ nhượng bộ, họ học hỏi.

Nước Việt Nam có ai biết không? Có. Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ... Học giả Vương Hồng Sển trong cuốn Nửa Đời Còn Lại *cho biết cụ Phan đi sứ bên Tây về tâu: bên nước Pháp có thiết kiều, thạch lộ. Các quan trong triều chê: đi xa về nói khoác. Nước ta phú hữu tứ hải mà còn không đủ thép làm gươm mà họ có thép làm cầu. Họ làm gì có đá để lót đường vì trong khi nước ta không đủ đá để mài gươm cho sắc bén.*

Trái lại, Nhật Bổn họ mở cửa cho nước ngoài vào buôn bán, nhượng bộ những yêu sách của Mỹ để đợi thời. Và chính nhờ vậy, nhờ sự đồng tâm nhất trí Hoàng Đế Mejii (Minh Trị) đã có thể thực hiện công cuộc hiện đại hóa đất nước mình. Sau gần 44 năm cải cách (1868-1912), Nhật Bổn lên thành một cường quốc hiện đại và hùng mạnh.(10)

Thái Lan cũng biết rõ nhược điểm của mình. Không đủ khả năng quân sự để đối phó, họ mua chuộc Anh hay Pháp bằng những thỏa hiệp ưu đãi mậu dịch; cải tổ thiên Tây phương rất khôn ngoan và ngoạn mục nhất là chính sách mời các cố vấn Tây Phương đến để giữ cho các đế quốc được hài lòng (11). Nước ta có hào kiệt nhưng không có thế và có thời; cọng thêm ảnh hưởng quá sâu xa nền văn minh phong kiến Trung Quốc nên mới ra cơ sự ngày nay.

Bài này được viết nhân tạp chí Thế kỷ 21 có chủ đề về Phan Thanh Giản. Chủ bút tạp chí là nhà văn Phạm Xuân Đài, tức Phạm Phú Minh, hậu duệ của Phó Sứ Phạm Phú Thứ, trong sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp vàTây Ban Nha (1863-1864). Âu đó cũng là một trùng hợp tốt đẹp và một cái duyên may.

8/04

1- "Về sự nghiệp và vai trò lịch sử" của gs Văn Tạo;
2- "Quần chúng cảm thông để lịch sử đỡ phần nghiêm khắc" của Vũ Ngọc Khánh;
3- "PTG con người sụ nghiệp,và bi kịch lịch sử" của Phan Huy Lê;
4- "Chợ Đệm Quê Tôi" của Nguyễn Văn Trấn;
5- "Nhân cách lớn" của Hoàng Lại Giang;
6- "Hãy trả về cho TS Phan Thanh Giản những giá trị và những hạn chế đích thực" của TS Võ Xuân Đàn; **6.1**- Ông PTG đã dám nghĩ, dám làm và dám chịu;
7- "Bạn đọc & tòa soạn Xưa&Nay" số 146;
8- "Phan Thanh Giản nỗi đau trăm năm" của Hoàng Lại Giang;
9- "Nguyễn Đình Chiểu hiểu biết về Phan Thanh Giản" cua Nguyễn Văn Châu;
10- "Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở VN (1858-1897)" của Nguyễn Xuân Thọ;
11- "Vương quyền Thái Lan" đài BBC

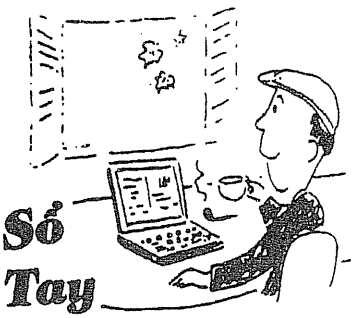

NGÔ NHÂN DỤNG

Người Mỹ vẫn chưa "rút khỏi" Việt Nam

Nước Mỹ đang lâm chiến với 130 ngàn quân ở Iraq, hai chục ngàn ở Afghanistan, số quân tử chiến đã trên 900 người, mỗi ngày chiến tranh tốn hàng tỷ mỹ kim. Nước Mỹ đang bị khủng bố đe dọa ở các đô thị, phi trường, hải cảng, đường xe lửa, tình trạng báo động màu da cam chưa chấm dứt. Xa xa, các nước Iran và Bắc Hàn vẫn nuôi ý định làm bom nguyên tử và hỏa tiễn tầm xa có thể bắn tới Mỹ. Từ năm 2001 kinh tế Mỹ đã bị mất hơn 2 triệu công việc làm, bây giờ đang gỡ lại nhưng vẫn còn mất hơn một triệu. Số khiếm hụt ngân sách quốc gia sẽ lên tới 3 ngàn tỷ hay 5 ngàn tỷ mỹ kim trong 10 năm tới. Ông Bộ trưởng Tài chánh và Cố vấn kinh tế Tòa Bạch Ốc báo động giá dầu lên cao đang làm cho kinh tế trì trệ. Có hơn 42 triệu người Mỹ không có bảo hiểm y tế. Hệ thống an sinh xã hội gồm hưu bổng và bảo hiểm sức khỏe cho người già sẽ thiếu tiền trong vòng hơn mười năm nữa, đang cần được cải tổ nếu không sẽ phá sản.

Trong khi đó, ba tháng trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, một đề tài hai bên tranh cãi sôi nổi trong ba tuần liên tiếp là: Ngày 13 tháng Ba năm 1969 Việt cộng trên bờ có bắn xuống các giang thuyền cao tốc của Mỹ trên một nhánh sông Bẩy Hạp hay không? Một nhóm cựu chiến binh giang thuyền nói: Không. Nếu đúng như vậy thì tấm huy chương ngôi sao đồng của Nghị sĩ John F. Kerry, ứng cử viên tổng thống đảng Dân Chủ, được ban thưởng vì trận chiến ngày hôm đó là không xứng đáng. Ông Kerry đã khoe khoang những thành tích, như tấm huy chương đó, để chứng tỏ ông là người có khả năng lãnh đạo nước Mỹ trong thời chiến tranh như hiện nay. Ông đã nói dối. Không đáng tin. Không đáng lãnh đạo. "Không đáng lãnh đạo" là tên một cuốn sách do John O'Neil, một cựu chiến binh Mỹ ở Việt Nam sắp ra mắt, kể tội Nghị sĩ Kerry. Những điều viết trong cuốn này được làm thành phim quảng cáo chiếu trên các tiểu bang mà hai ứng cử viên tổng thống đang tranh đấu gay go nhất, cố chứng minh ông Kerry không đáng tin cậy vì đã ngụy tạo các thành tích thời chiến. Nhóm cựu chiến binh giang thuyền tuần này bắt đầu chiếu một màn quảng cáo mới, nhắm chỉ trích việc ông Kerry đã tham dự tích cực trong phong trào phản chiến năm 1971, sau khi ông về nước và giải ngũ.

Nhưng chuyện gì đã xẩy ra trên sông Bẩy Hạp ngày 13 tháng Ba năm 1969? Larry Thurlow, một người trong nhóm cựu chiến binh giang thuyền chống Kerry quả quyết là "Không, địch quân không hề nổ súng." Ông Thurlow chỉ huy một trong chiếc thuyền cao tốc tuần tiễu trên sông Bẩy Hạp hôm đó, ông Kerry chỉ huy một chiếc thuyền khác. Bản tường lục công trạng trình bày lý do trao tấm huy chương đồng cho ông Thurlow kể rằng ông đã can đảm tới cứu những đồng đội trên chiếc giang thuyền PCF - 3 "dưới lằn đạn liên tục của địch quân." Bản khen ngợi này do ông George Elliott ký, hiện ông Elliott cũng tham dự Nhóm cựu chiến binh giang thuyền chống Kerry. Bây giờ ông Thurlow nói rằng bản tường lục này viết sai sự thật. Sau khi các phim quảng cáo chống Kerry của Nhóm cựu chiến binh giang thuyền được chiếu ba tuần, có những người cũng là cựu chiến binh giang thuyền lên tiếng phản đối. Một cựu chiến binh giang thuyền đã ở dưới quyền chỉ huy của ông Kerry viết cho một tờ báo địa phương nơi ông ta sống, trong tiểu bang Colorado. Ông Jim Russell kể rằng ngày 13 tháng Ba năm 1968 ông cũng ở trong giang thuyền số PCF - 94 do ông Kerry chỉ huy. Sau khi một chiếc thuyền bị thủy lôi, thuyền ông bị đạn địch quân bắn tới tấp từ trên bờ. Một lính biệt kích trên thuyền là Jim Rassman bị té xuống sông, ông Kerry đã cho lệnh quay thuyền trở lại và chính tay ông lôi người lính biệt kích này lên. Russell viết: "Nếu có ai nghĩ là hôm đó quân địch không bắn thì người đó chắc đang ở chỗ sông khác!"

Rich Baker, một cựu chiến binh giang thuyền khác cũng trong cánh quân của ông Kerry đã gọi điện thoại nói với các nhà báo rằng ít nhất có hai sĩ quan thượng cấp đã hết lời khen ngợi ông Kerry năm đó, nhưng bây giờ lại ở trong nhóm chống Kerry. Ông Baker mô tả John F. Kerry là "sĩ quan táo bạo nhất" trong đám chỉ huy giang thuyền. Baker nói, "Bước lên thuyền đi hành quân là ai cũng phải can đảm lắm, nhưng theo ý tôi John Kerry là tay vượt lên trên tất cả."

Một người nữa là Rich McCann (xin đừng lầm với McCain) cũng là một cựu chiến binh giang thuyền đã phản đối Nhóm cựu chiến binh giang thuyền chống Kerry là sử dụng hình của ông ta như là nhân

chứng trong phim quảng cáo để nói là ông Kerry không xứng đáng lãnh đạo. McCann nói ngược lại là ông Kerry rất xứng đáng, "Như tôi đã nói năm 1969, và tôi nói lại hôm nay, nếu tôi phải đi thuyền ngược dòng sông trong lúc địch quân nã đạn, tôi muốn có ông Kerry bảo vệ phía sau."

Ngoài ba người trên, ông William Rood một chủ biên của nhật báo Chicago Tribune đã viết một bài trên báo này cho biết ông cũng là một cựu chiến binh giang thuyền phục vụ cùng ông Kerry ở Việt Nam và sau 35 năm im lặng đã lên tiếng công nhận những thành tích can đảm của ông Kerry. Đây và sẽ là lần sau cùng. Ông Rood chỉ trích nhóm chống Kerry là nói sai sự thật. Hồ sơ của hải quân Mỹ đã được hãng AP tìm ra và xác nhận những thành tích của ông Kerry, không có một hồ sơ nào đồng ý với nhóm chống ông. Nhân chứng quan trọng nhất là Jim Rassman, người lính biệt kích đã được ông Kerry cứu sống trên sông Bẩy Hạp. Từ khi giải ngũ ông Rassman không liên lạc gì với ông Kerry. Đầu năm nay khi thấy ông Kerry đang bị các ứng cử viên trong đảng Dân Chủ tấn công thì ông Rassman đã xin nghỉ tạm công việc đang làm ở Los Angeles để tới tham dự các cuộc vận động của ông Kerry ở Iowa. Ông gia nhập một "Nhóm Huynh đệ" gồm các cựu chiến binh giang thuyền đã chiến đấu cùng ông Kerry ở Việt Nam, làm chứng cho người đã "liều mạng để cứu sống" mình. Ông Rassman đã "cứu sống" cuộc vận động của ông Kerry lúc đó, vì ông Kerry đang bị thua điểm các ứng cử viên khác.

Mở ra vết thương cũ

Các màn quảng cáo của Nhóm cựu chiến binh giang thuyền chống Kerry có gây ảnh hưởng nào trên dư luận cử tri Mỹ hay không? Một số người cho là không. Vì người dân Mỹ lo những chuyện khác hơn là các câu chuyện quá khứ 35 năm trước ở Việt Nam. Ông Dan Foulk, 72 tuổi, cựu phi công đã đi bỏ bom napalm ở trên những con sông mà toán quân của ông Kerry tuần tiễu. Ông Foulk nói, "Tôi không nghĩ là chuyện này sẽ thay đổi kết quả bầu cử." Ông nghĩ rằng người Mỹ bây giờ đang lo lắng về bảo hiểm y tế và "những đứa con mình đang chết ở Iraq" hơn là suy nghĩ về những tấm huy chương ở Việt Nam. Tuy nhiên, gần ba tuần sau khi các màn quảng cáo chống Kerry được chiếu ở các tiểu bang ngang ngửa, chắc ban tham mưu tranh cử của ông Kerry đã phải lo lắng, cho nên họ bắt đầu phản công và chính ông Kerry cũng phản công. Một điều tai hại mà ông Kerry không tránh được là các báo và đài truyền hình không chiếu chương trình quảng cáo của Nhóm cựu chiến binh giang thuyền nhưng cũng tường thuật tin về các màn quảng cáo đó. Mà khi thuật tin thì người ta chỉ có thể nói vắn tắt, thí dụ, "Nhóm cựu chiến binh giang thuyền đã tố cáo ông Kerry nói dối để được huy chương ..." Nếu tin này cứ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần thì công chúng sẽ chỉ nhớ một câu, là "Kerry nói dối!" Chính vì vậy mà phía Nghị sĩ Kerry đã phải phản công, và không có cách nào hiệu quả hơn là kêu gọi đích danh Tổng thống Bush hãy phủ nhận những màn quảng cáo của Nhóm cựu chiến binh giang thuyền. Ông Bush không mắc vào cái bẫy đó, ông chỉ yêu cầu các màn quảng cáo không chính thức này phải chấm dứt, trong đó có những màn quảng cáo của các nhóm chống ông Bush. Tổng thống Bush không phủ nhận hoặc lên án nhóm cựu chiến binh trên, như Nghị sĩ John McCain đã yêu cầu. Ông McCain từng gọi những lời cáo buộc của Nhóm cựu chiến binh giang thuyền là "bất lương và không phẩm giá."

Phía ban vận động tranh cử của ông Kerry cũng nhắc tới những thủ đoạn tiêu cực khác của ứng cử viên đảng Cộng Hòa để đẩy Tổng thống Bush vào thế thủ. Năm 1988 Phó Tổng thống George Bush, thân phụ ông Bush bây giờ, đã dùng các phim quảng cáo nhấn mạnh tới vụ tù nhân Willie Horton, một người da đen đã phạm tội sát nhân, được thống đốc Michael Dukakis cho tạm ra ngoài sống và phạm tội lần nữa, dùng hình ảnh Horton để gây ấn tượng là ông Dukakis không mạnh tay với tội phạm. Đòn độc thủ này đã khiến ông Dukakis bị thua. Năm 2000, ứng cử viên George W. Bush cũng để cho các nhóm ủng hộ mình tố cáo Nghị sĩ John McCain là không đủ tinh thần yêu nước, và đi rỉ tai các cử tri Cộng Hòa là ông McCain có những đứa con hoang với một người đàn bà da đen; sau đó ông McCain đã thua ông Bush ở South Carolina và phải bỏ giấc mộng tranh cử tổng thống Mỹ. Năm 2002, Tòa Bạch Ốc đã tích cực vận động chống Nghị sĩ Max Cleland thuộc đảng Dân Chủ ở tiểu bang Georgia, chính Tổng thống Bush đã tới tiểu bang này nhiều lần giúp ứng cử viên Thượng viện của đảng Cộng Hòa. Trong trận tranh cử này phía đảng Cộng Hòa đã tố cáo ông Max Cleland không có lòng ái quốc trong chiến tranh chống khủng bố; họ chiếu hình ông song song với hình Osama bin Laden và Saddam Hussein. Ông Max Cleland là một đại úy tham dự chiến tranh Việt Nam và bị

cụt mất một tay và hai chân. Ngày hôm qua ông Max Cleland đã đến nông trại của Tổng thống Bush ở Texas để đưa một lá thư yêu cầu ông lên án những bài quảng cáo bêu xấu Nghị sĩ Kerry, nhưng không thành công. Phái ban vận động của Tổng thống Bush, họ phủ nhận không liên hệ gì với Nhóm cựu chiến binh giang thuyền chống Kerry. Nhóm này được ông Bob Perry một nhà triệu phú Texas cho tiền lúc khởi đầu. Ông và những người khác ủng hộ nhóm cũng là các người từng ủng hộ Tổng thống Bush và đảng Cộng Hòa từ nhiều năm qua. Hai người trong ban vận động của Tổng thống Bush là Ken Cordier, phụ trách vận động các cựu chiến binh, và Benjamen Ginsberg, luật sư của ban vận động, đã từ chức vì họ cũng giúp Nhóm cựu chiến binh giang thuyền chống Kerry. Việc từ chức cốt để chứng tỏ ban vận động của Tổng thống Bush không có liên lạc nào với nhóm chống Kerry.

Điều làm ban vận động của Nghị sĩ Kerry lo ngại thật ra cũng là một điều mà họ có thể nêu lên cho dân chúng Mỹ nhớ về ông Bush. Ông Kerry có chiến đấu ở Việt Nam và được năm huy chương cho nên ông mới bị chỉ trích về một tấm huy chương của ông. Còn ông Bush không có huy chương nào nên không bị ai chỉ trích như vậy.

Sau cùng, người Mỹ vẫn chưa thể "rút khỏi" Việt Nam.

Ông Bush nên mừng hay nên lo?

Đại hội đảng Cộng Hòa bắt đầu trong lúc nhiều tin tốt cho Tổng thống Bush được loan báo. Cuộc thăm dò dư luận của nhật báo *Los Angeles Times* công bố một tuần trước cho biết Bush đang dẫn trước Kerry 49 so với 46 phần trăm. Ngày hôm sau một cuộc nghiên cứu ý dân khác của nhật báo *Wall Street* cho biết thấy ông Bush dẫn trước ông Kerry 47 – 45 phần trăm. Tổng thống Bush và những người ủng hộ ông chắc chắn lên tinh thần khi bước vào bốn ngày đại hội.

Tuy nhiên, mức chênh lệch vài ba phần trăm không đáng kể vì phương pháp nghiên cứu luôn luôn chấp nhận có thể sai từ 3 đến 4 phần trăm. Nghĩa là hai ứng cử viên tổng thống Mỹ vẫn còn ngang ngửa với nhau.

Nhưng, các tờ báo ở Mỹ đồng ý một điều, là sau mấy tháng dư luận nghiêng về phía Nghị sĩ Kerry, Tổng thống Bush đã vượt lên. Điều đó chứng tỏ trận tấn công bằng cách nêu những nghi vấn nhắm vào tấm huy chương của Thiếu úy Kerry thời chiến tranh Việt Nam đã có hiệu quả. Ông Kerry đã phản ứng chậm trước cuộc tấn công vào tấm huy chương của ông, bây giờ ông mới phản công cũng hơi trễ.

Các cựu chiến binh chống Kerry lại bắt đầu tấn công vào các hoạt động phản chiến của ông Kerry sau khi giải ngũ. Đây cũng là dịp khêu lại một vết thương trong lòng nhiều cựu chiến binh Mỹ. Từ ba chục năm nay nhiều cựu chiến binh tham chiến ở Việt Nam đã muốn quên cái "hội chứng Việt Nam" đi; phe phản chiến cũng như phe chống phản chiến đã bắt đầu nhìn nhận nhau như các chiến hữu dù chính kiến khác biệt. Bây giờ cả cuốn phim cũ được chiếu lại, vết thương cũ bị kích động và lại chia rẽ hơn hai triệu rưỡi người lính cũ. Trong 20 năm qua, Nghị sĩ John F. Kerry chưa bao giờ tỏ ý ân hận về hành động chống chiến tranh của ông; ít nhất chưa tỏ ý ân hận đã làm đau lòng các bạn chiến đấu không đồng ý với ông.

Nhưng Tổng thống Bush sẽ phải đứng trước các câu hỏi về chính sách ngoại giao của ông. Cuộc nghiên cứu dư luận của nhật báo *Wall Street* cho thấy ông Bush được dân chúng ủng hộ về mặt trận chống khủng bố (53 phần trăm ủng hộ, 42 phần trăm chê) nhưng đa số dân chúng chê đường lối điều khiển cuộc chiến ở Iraq (51% muốn thay đổi, 51% muốn bắt đầu rút bớt quân khỏi Baghdad.)

Kết quả nghiên cứu dư luận của nhật báo *Wall Street* cho thấy số người đang hài lòng về hướng đi của quốc gia rất thấp so với tỷ số không hài lòng (36 phần trăm có, 50 phần trăm không.) Cũng vậy, có 50% cho là Tổng thống Bush không đáng được tái cử, 46% nói ông xứng đáng.

Tổng thống Bush không thể yên tâm nhìn vào những tỷ số phiếu của ông hơn ông Kerry nếu dân Mỹ đi bầu trong tháng Tám. Tuy trên toàn quốc ông Bush được phiếu của 47 phần trăm dân, ông Kerry chỉ được 45 phần trăm nhưng các tỷ số đó không nhất thiết mang lại số phiếu cử tri đoàn để đắc cử. Nếu đa số phiếu cho Tổng thống Bush chiếm hết ở Texas còn ở Pennsylvania và Florida ông lại thua, dù chỉ thua chút đỉnh thôi, thì không ích lợi gì cả. Cuộc tranh cử năm nay sẽ được quyết định tại 17 tiểu bang mà cả hai ứng cử viên chưa dám chắc là ai hơn ai. Báo *Wall Street* cho biết ở 17 tiểu bang ngang ngửa này ông Bush đang bị ông Kerry dẫn trước khoảng 4 phần trăm. Đó là mối lo tâm huyết. Một mối lo khác là ý hướng của những cử tri chưa dứt khoát. Báo *Wall Street* ước tính khoảng 19 phần trăm cử tri chưa quyết định bầu cho ai hoặc quyết định rồi nhưng có thể thay đổi. Và họ thấy là trong khi 79 phần trăm những người Mỹ bảo thủ khen ngợi

thành tích của Tổng thống Bush thì có tới 55 phần trăm những người chưa dứt khoát chê ông.

Muốn chiếm lại cảm tình của những cử tri chưa dứt khoát đó thì ông Bush phải làm gì? Trên đường đi New York dự đại hội đảng Cộng Hoà nhiều đại biểu đã lên tiếng khuyên Tổng thống Bush hãy ngưng ngay việc tấn công ông Kerry về chuyện quá khứ, mà hãy chú trọng tới các vấn đề của tương lai trong mấy ngày đại hội. Ông Allen Miller, đại biểu Florida nói, "Chuyện đó nói đủ rồi. Nói suốt ba tuần lễ rồi. Tôi đã phục vụ ở Việt Nam. Chuyện Việt Nam không phải là vấn đề bây giờ. Chuyện George W. Bush làm vệ binh quốc gia ở Texas cũng không phải vấn đề. Vấn đề là tổng thống sẽ làm gì cho xứ sở trong bốn năm nữa nếu tái cử."

Ngày Thứ Năm tới ông Bush đã đọc bài diễn văn chấp nhận làm ứng cử viên của đảng Cộng Hòa. Ông sẽ nhấn mạnh tới khẩu hiệu "Một xã hội mọi người có sở hữu," như là châm ngôn trong bốn năm tới. Trong một bài quảng cáo tranh cử ông đã nói như vậy: "Một điều quan trọng nhất trong chương trình cải tổ là khuyến khích mọi người hãy làm chủ sở hữu một thứ gì đó." Thí dụ: nhà, xe, chứng khoán, và những đề nghị của Tổng thống Bush như quỹ hưu bổng cá nhân, bảo hiểm y tế cá nhân.

Ông Bush cũng phải nói đến chương trình cắt giảm thuế mà cho đến gần đây ông vẫn yêu cầu quốc hội Mỹ triển hạn tới vĩnh viễn thay vì để chấm dứt vào năm 2011. Ông Bush nói phớt qua không nhấn mạnh trên vấn đề này, vì không những các đối thủ bên đảng Dân Chủ chỉ trích việc cắt thuế phần lớn cho người giầu được hưởng, mà bên đảng Cộng Hòa cũng nhiều người không ủng hộ việc cắt thuế khiến ngân sách bị khiếm hụt trầm trọng. Phó Tổng thống Cheney từng tuyên bố rằng "Khiếm hụt ngân sách không tai hại gì," nhưng điều này ít có người tin. Nhật báo *Financial Times* đã phỏng vấn nhiều nhà quản đốc tài chánh ở Wall Street và thấy là họ rất lo ngại về ngân sách khiếm hụt. Do đó sự ủng hộ dành cho Tổng thống Bush cũng giảm đi. Ông Peter Peterson, cựu bộ trưởng dưới thời Tổng thống Nixon đã viết một cuốn sách chỉ trích việc quyết định ngân sách một cách vô trách nhiệm của cả hai đảng, nhưng đặc biệt là của chính quyền Bush. Ông Stan O'Neil, chủ tịch công ty đầu tư Merrill Lynch đã từng đi lạc quyên được 200,000 mỹ kim cho liên danh Bush-Cheney nhưng nay đã ngưng. Công ty Merrill Lynch phát xuất từ một nhà ngân hàng cố vấn đầu tư mà ông tổ bốn đời của đương kim tổng thống lập ra, hãng đầu tư hàng lớn nhất bây giờ vẫn ủng hộ các ứng cử viên đảng Cộng Hòa nhiều hơn đảng Dân Chủ. Tháng Sáu năm ngoái ông O'Neil và ông Giames Cayne, chủ tịch công ty Bear Stearns đã cùng tổ chức một bữa tiệc gây quỹ cho liên danh Bush-Cheney. Mấy trăm người tham dự đã góp được 4 triệu mỹ kim cho quỹ tranh cử của hai ông. Nhưng từ đầu năm nay ông O'Neil đã góp tiền cho quỹ vận động của Tướng Wesley Clark, người đã định ứng cử tổng thống cho đảng Dân Chủ, và góp cho cả ứng cử viên Thượng viện Barack Obama, thuộc đảng Dân Chủ ở Illinois. Ông Cayne tuy vẫn ủng hộ quỹ của các ứng cử viên Cộng Hòa nhưng cũng góp cho quỹ tranh cử của ông Dick Gephart, đảng Dân Chủ. Người sắp lên kế vị ông Cayne thì công khai ủng hộ Nghị sĩ Kerry. Phần lớn những nhà tài chánh ở Phố Wall không hài lòng với Tổng thống Bush là vì họ lo lắng trước nạn khiếm hụt ngân sách có thể làm lạm phát lên, phải tăng lãi suất khiến kinh tế khó phát triển. Ngoài ra, chính sách ngoại giao của chính phủ Bush cô lập nước Mỹ đối với các đồng minh cũng là điều họ lo lắng vì nền kinh tế thế giới hiện nay nhất thiết phải có tính toàn cầu và đa phương.

Đảng Cộng Hòa lợi hay thiệt?

Hai ngày trước khi đại hội đảng Cộng Hòa khai mạc, trên nhật báo *Wall Street* đã xuất hiện một bài ý kiến đặt câu hỏi liệu ông Bush tái đắc cử hoặc thất cử thì đằng nào có lợi, hay thiệt hại cho đảng Cộng Hòa. Giáo sư sử học Niall Ferguson, Đại học Havard viết rằng ông Bush mà được tái cử thì tai hại cho đảng Cộng Hòa hơn là nếu ông thất cử. Báo *Wall Street* xưa nay vẫn ủng hộ Tổng thống Bush nhưng cũng hay đăng các bài chỉ trích chính sách của chính phủ. Nhưng đây có lẽ là lần đầu tiên có một ý kiến tương tự nêu lên trên báo này, chắc tuần sau sẽ có nhiều ý kiến ngược lại. Ông Ferguson đã nhắc lại kinh nghiệm ở Anh với chính phủ Bảo thủ John Major, sự thất bại của chính phủ đó khiến cho đảng Bảo thủ không phục hồi được sau nhiệm kỳ của ông Major. Ông cũng nhắc tới vụ Tổng thống Eisenhower đắc cử năm 1956, và các thất bại sau đó khiến năm 1960 đảng Dân Chủ vùng lên. Trong bốn năm tới có những khó khăn về ngoại giao, khủng hoảng ngân sách, và các chính sách của chính phủ Bush khiến ông Ferguson lo ngại sẽ chia rẽ đảng Cộng Hòa. Ngược lại, nếu ông Kerry đắc cử thì chỉ trong bốn năm khó khăn sắp tới dân Mỹ sẽ chán đảng Dân Chủ và sau đó đảng

Cộng Hòa sẽ thu phục được nhiều người Mỹ ôn hòa. Bài viết của giáo sư Ferguson chỉ là dự đoán của một sử gia, nhưng hiện tượng bài đó được đăng trước ngày đại hội đảng Cộng Hòa là điều đáng chú ý. Nhiều người bảo thủ trong đảng bất bình với chính sách và thái độ bất cần của chính phủ trước vấn đề khiếm hụt ngân sách. Nhiều người ôn hòa thì lo ngại về các chủ trương cực hữu của Tổng thống như đòi sửa hiến pháp chống hôn nhân đồng tính – mà Phó Tổng thống Cheney không đồng ý.

Cho nên trong mấy ngày đại hội đảng Cộng Hòa sắp tới Tổng thống Bush phải tìm cách hàn gắn những rạn nứt giữa chính phủ và các thành phần trong đảng. Ngay từ đầu ông đã mời được những người nổi tiếng ôn hòa như Thống đốc California, ông Arnold Schwarzenegger, Nghị sĩ John McCain, cự thị trưởng New York, ông Giulianni. Những khuôn mặt ôn hòa này sẽ giúp làm dịu bớt hình ảnh của liên danh Bush-Cheney, nhưng cũng sẽ khiến nhiều người bảo thủ trong đảng bất bình vì các nhà chính trị ôn hòa trên không chống phá thai một cách quyết liệt cho đủ.

Giáo Dục: Ngày khai trường ở Việt Nam

Buổi sáng hôm ấy, một buổi sáng đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi..." Đó là một câu kể chuyện ngày khai trường được cả một thế hệ người Việt Nam học thuộc lòng. Nhờ lời văn của Thanh Tịnh mà nhiều người thấy tiếng Việt dịu dàng êm ái, đáng yêu. Chúng ta nói tiếng Việt cẩn thận hơn, nâng niu trân trọng từng chữ mỗi khi cất tiếng. Thanh Tịnh không kể ông đi học lần đầu bữa đó là ngày thứ mấy trong tuần. Nhưng chắc không thể là một ngày Chủ Nhật. Đời thuở nào lại đi học vào ngày Chủ Nhật? Họa có là điên!

Nói như vậy chỉ đúng trước khi nước Việt Nam được một đảng lôi vào cái "định hướng xã hội chủ nghĩa" của họ. Năm nay, ở Việt Nam, Bộ Giáo Dục ấn định ngày khai trường trên toàn quốc là ngày Mùng 5 Tháng Chín Dương Lịch. Tất cả các trường được lệnh như vậy, các quan trên không cần hỏi ý kiến ai cả. Và các quan cũng không cần coi lịch. Ngày đã ấn định rồi, đến khi nhiều phụ huynh và giáo viên đặt câu hỏi tại sao các quan lớn lại chọn một ngày Chủ Nhật làm Ngày Khai Trường, bấy giờ bà con mới biết bữa đó là ngày Chủ Nhật! Chắc là khi các quan ông quan bà cần ấn định ngày khai giảng niên học mới, họ đang mắc bận đọc tạp chí Cộng Sản, bận học tập chủ nghĩa Mác Lê nin cho nên họ bấm đại một ngày cho tiện mà không ngước nhìn lên cuốn lịch Tháng Chín xem bữa đó ngày thứ mấy.

Nhưng cũng có thể là họ có coi lịch nhưng lại coi Lịch Tàu thôi. Vì năm sinh của Đảng Cộng Sản là năm Canh Ngọ thuộc hành Thổ, thấy ngày 5 Tháng Chín là ngày Đinh Hợi, cũng thuộc hành Thổ, thổ thổ trùng hợp. Ngày đó lại được ghi là NÊN: Tế lễ, họp bạn, nhậm chức, tóm lại, khai trường là tốt, nên bấm ngày lấy hên.

Mấy chục năm nay, các quan chức Trung Ương Đảng và Bộ Chính Trị rất tin ma quỷ, thánh thần. Trước mỗi kỳ đại hội đảng các quan đua nhau đến đền Bà Chúa Liễu Hạnh, đền Đức Thánh Trần xin quẻ coi tốt hay xấu. Ai được vào Trung ương thế nào cũng lễ tạ. Trước khi họp Bộ Chính trị còn mời thầy bói đến gieo quẻ cho biết lành hay dữ. Cho nên chuyện Bộ Giáo Dục định ngày khai trường phải coi Lịch Thái Ất là chuyện có thể hiểu được.

Sự thực thì lâu lâu bộ giáo dục bắt thầy cô đi làm, học trò đi học ngày Chủ Nhật, cũng không có gì quá đáng. Điều đáng buồn là phản ứng của các ngài lãnh đạo bộ Giáo dục khi có người nhắc các ngài rằng bữa Khai giảng nằm vào ngày Chủ Nhật, bắt giáo viên đi làm là sai luật lao động. Phản ứng đầu tiên là bất chấp dư luận. Bộ ở trên bảo là phải nghe, không được cãi. Phản ứng thứ nhì là cãi, cãi bướng, cãi lấy được.

Bà Thứ trưởng bộ Giáo dục Đặng Huỳnh Mai tuyên bố rằng, Bộ năm nào cũng chọn ngày 5 tháng 9 là ngày khai giảng, nó thành truyền thống rồi cho nên "không thể mỗi năm mỗi sửa" được. Lý luận hay thật. Tại sao phải là ngày Mùng 5 tháng Chín? Tại sao mỗi năm lại không sửa được? Không ai biết câu trả lời, trừ khi người ta tin là Trời sinh như vậy. Người ta chỉ có thể lý luận, tranh biện với những người có cái đầu và công nhận người khác cũng có cái đầu. Còn đối với các quan chức, cán bộ đã thấm nhuần chủ nghĩa Mác Lê này thì mình chịu thua. Họ quen nói sưng sưng, nói át giọng, cả vú lấp miệng em, họ không chịu mở tai ra nghe ai bao giờ cả.

Một thói quen của các cán bộ đảng và nhà nước cộng sản là họ phán xong rồi thì không cần giải thích với ai hết. Cái thói quen này lưu truyền từ thời còn chế độ phong kiến, quan là cha mẹ của dân, vua là ông cố nội. Cha, ông đã nói, không được cãi, hỗn! Bây giờ Đảng là vua. Cho nên mới có cái khẩu hiệu bắt toàn dân phải theo: Trung với Đảng! Thói quen phong kiến đó được đảng Cộng Sản bồi dưỡng bằng lối học từ chương các sách

vở giáo khoa chủ nghĩa Mác xít. Họ học ông Mác, ông Lênin giống như các ông đồ đọc tụng Tam Tự Kinh hoặc Minh Đạo Gia Huấn. Học thuộc lòng, lâu lâu trích một câu ra coi là chân lý để dùng làm vũ khí đập lẫn nhau, anh này kết tội anh kia "chệch hướng." Chệch hướng là lên án tử hình. Mao Trạch Đông đã giết Lưu Thiếu Kỳ cách đó, Lê Đức Thọ hại Trần Xuân Bách cũng cách đó. Cái thói quen này đã được Hồ Chí Minh bồi dưỡng với lối dạy cán bộ của ông. Ông Bẩy Trấn kể Hồ Chí Minh muốn chấm dứt một cuộc thảo luận thì chỉ cần tuyên bố: "Đồng chí Stalin đã nói... Chúng ta có thể sai chứ Đồng chí Stalin thì không thể sai được." Các cán bộ bèn im thin thít. Nhiều người trong bụng tức lắm, nhưng đành nuốt nỗi ấm ức không dám nói. Vì nhớ Stalin đã giết các đồng chí bất đồng ý kiến với ông ta như thế nào. Cái thói xưng tụng các lời Đức Thánh Stalin, Thánh Lê nin, Thánh Karl Marx thành quen rồi, nó thấm vào xương tủy không bỏ được. Cho nên nó biến thành thói trên bảo dưới nghe, không được cãi. Y hệt như bọn hủ Nho đời xưa. Nhất là lại nhân danh cái gọi là "truyền thống," càng không dám cãi. Trong xã hội phong kiến, cái gì là nền nếp xưa cũ tức là tốt, thay đổi là xấu. Tinh thần phong kiến đó được đảng Cộng Sản kế thừa, chỉ thay thế các truyền thống cũ bằng truyền thống mới do đảng Cộng sản lập ra mà thôi. Vì vậy, mỗi khi không cãi được vì hết lý thì các quan chức vẫn có thể đem "truyền thống" ra dọa, bắt dân phải nghe.

Nhưng bà Thứ trưởng bộ Giáo dục Đặng Huỳnh Mai còn có lòng lân mẫn, thương đàn học trò nhỏ dại. Tưởng tượng những học trò nhỏ phải bỏ một ngày tới trường, tức là bỏ mất một ngày không được ra đồng mò cua bắt ốc, ở nông thôn, hay đi lượm rác trong thành phố, mất cả ba chén gạo chứ không ít. Cho nên bà Đặng Huỳnh Mai an ủi là: Ngày Chủ Nhật chỉ làm lễ khai trường mà thôi, lễ lạc xong phải cho học trò về nhà, hôm sau mới đi học. Bà còn dọa, lại dọa, nếu làm lễ xong mà nhà trường bắt học sinh vào lớp học là "bộ sẽ xử lý ngay!" May ra học sinh ra về còn đi vớt vát được hai chén gạo.

Đây lại là một bài học ngày khai trường cho thế hệ thanh thiếu niên ở nước ta huân tập cho thành thói quen. Đó là bài học: làm lễ. Cái gì chứ lễ lạc thì các đảng Cộng Sản trên thế giới rất quan tâm. Họ bày ra đủ thứ lễ, nghi lễ, hành lễ, lễ tiết, lễ bái, không khác gì các tôn giáo. Vì chủ nghĩa Cộng Sản chính là một thứ tôn giáo, đảng là một thứ giáo hội, và họ nắm chính quyền như một chế độ thần quyền toàn trị. Ông Stalin vốn là một chủng sinh con trước khi bỏ đạo, cho nên ông đã tổ chức đảng của ông theo mô hình Chính thống giáo. Ông thay thế tôn giáo cũ bằng tôn giáo mới. Ông Hồ đã được huấn luyện theo lối đó, áp dụng ở Việt Nam theo truyền thống phong kiến Nho gia, lại càng chú trọng đến nghi lễ.

Nhưng học trò mất công đi ba quãng đồng tới nhà trường hành lễ rồi ra về, các em sẽ học được một điều. Là, ở đời có những việc làm rỗng tuếch chẳng có thực chất và ích lợi gì hết mà chúng ta vẫn phải làm. Vì ở trên bảo phải làm thì làm. Cái lối "giáo dục và đào tạo" đó đã đào tạo nên những lớp cán bộ làm láo báo cáo hay, những giám đốc xí nghiệp giỏi đi bắt tay, làm lễ cắt băng khánh thành cơ xưởng, khánh thành xong rồi máy móc có chạy hay không không cần biết. Lối "giáo dục và đào tạo" này cũng là một truyền thống phong kiến được đảng Cộng Sản nuôi dưỡng, theo lối mà sử gia Trần Quốc Vượng gọi là "Nỗi ám ảnh của quá khứ."

Sau khi đã khăng khăng không chịu thay đổi ngày khai trường, nhân danh một "truyền thống" không thể đổi, bà Đặng Huỳnh Mai lại nói thêm rằng "Bộ trao quyền chủ động cho các địa phương." Các hội đồng giáo dục, các trường có thể tùy tiện tổ chức lễ khai giảng sớm hơn một hai ngày, hoặc trễ hơn một ngày, cũng không sao. Đây lại là một hiện tượng lạ khác. Đã khăng khăng nhân danh truyền thống để bảo vệ một quyết định bị nhiều người phản đối, sau lại nói rằng ai muốn làm gì thì làm! Thế thì bà Thứ trưởng muốn dạy con em chúng ta cái gì đây? Dạy chúng rằng cha mẹ, thầy cô nói gì thì nói, còn mình thích gì cứ tự do hành động, thoải mái, vô tư? Nói chung, ở nước Việt Nam bây giờ các quan chức địa phương đều làm theo lối đó cả!

Người dân Việt Nam thì rất trọng thực dụng. Ai nói gì thì nói, nhưng họ vẫn làm theo ý mình, chứ nếu thấy cứ nghe lời các quan thì chỉ thiệt vào thân! Các quan chức cũng cộng sản biết như vậy, cho nên họ giành lấy quyền nói, còn trong thực tế ai muốn làm thế nào cũng được. Chẳng còn chút kỷ cương nào nữa. Đồng chí Stalin cũng như đồng chí Đặng Huỳnh Mai đã nói là không thể sai được. Nhưng bà con cứ liệu phiên phiến mà kín đáo làm theo ý mình. Đó lại là một cái thói quen thời phong kiến, lạc hậu mà trong chế độ dân chủ tự do, chuộng cái gì cũng phải minh bạch, công khai, người ta không thể chấp nhận được./.

TIẾT KIỆM LÀ CÁCH ĐỐI PHÓ VỚI GIÁ DẦU TĂNG

THANH THẢO

Trong tuần lễ vừa qua giá dầu thô đã tăng đến mức $45 Mỹ kim một thùng. Theo tạp chí *The Economist* giá dầu mới này sẽ tạo ảnh hưởng bất lợi không nhỏ trên sự phát triển của nền kinh tế Hoa Kỳ, nhất là nếu giá dầu tiếp tục tăng lên đến $50 Mỹ kim một thùng theo tiên liệu của những kinh tế gia. Là người tiêu thụ chúng ta phải làm sao để đối phó với mức tăng đều đặn trong thời kỳ gần đây của giá dầu thô?

Trước khi bàn đến cách đáp ứng với giá dầu tăng, có lẽ chúng ta cũng cần tìm hiểu tầm quan trọng của dầu hay nói đúng ra là sự lệ thuộc vào dầu trong hoạt động của nhiều lãnh vực thuộc nền kinh tế Hoa Kỳ. Xin hãy tạm miễn bàn về những ngành hàng không và cơ xưởng sản xuất trong bài này. Chỉ cần nhìn vào loại xe người Mỹ chuộng mua là chúng ta cũng thấy rõ một phần của vấn đề.

Mấy năm gần đây người tiêu thụ Mỹ thích xe thể thao loại nhẹ, còn gọi là Sport Utility Vehicle, viết tắt là SUV. Thay vì dùng xăng một cách chậm rãi, kiểu "nhấm nháp" của các xe do Nhật Bản chế tạo, xe SUV, đặc sản của Mỹ, "ngốn" xăng không thương tiếc.

Thời xăng dầu còn ở mức độ dưới $2.00 Mỹ kim một gallon nhiều người đã than phiền sự lãng phí nhiên liệu của những chiếc xe SUV. Ngày nay với giá xăng loại tốt xấp xỉ $3.00 một gallon, chính chủ nhân những chiếc xe "uống" xăng này bắt đầu lo ngại vì phải cắt giảm những khoản chi tiêu khác để đủ tiền đổ xăng.

Nhiều tạp chí, chẳng hạn như *The BusinessWeek* cho rằng một phần giới tiêu thụ giảm mua sản phẩm trong tháng Sáu và tháng Bảy năm nay so với năm ngoái cũng vì họ phải lo trả tiền xăng đắt hơn năm ngoái khá nhiều.

Đa số người tiêu thụ mơ ước giá xăng sẽ hạ trở lại nếu như chính quyền Hoa Kỳ có những kế hoạch tăng mức khai thác xăng dầu quốc nội và tình hình an ninh trật tự tại vùng Trung Đông và tại quốc gia Vua khai thác dầu hỏa Ả Rập Saudi được tái lập.

Liệu giá xăng có trở lại rẻ dưới $2.00 Mỹ kim một gallon như trước đây không hay giá xăng dầu sẽ tiếp tục tăng và tại sao?

Theo tạp chí *Newsweek* số phát hành ngày 16 tháng 8, 2004, việc xăng hạ giá trở lại như thời kỳ trước chiến tranh Iraq là điều khó xảy ra vì nhiều lý do.

Thứ nhất, không thấy dấu hiệu chính quyền liên bang Hoa Kỳ hoặc những ngân hàng tài trợ và những nhà địa chất học thuộc các đại công ty kinh doanh dầu hỏa công bố kế hoạch xây thêm nhà máy lọc hoặc khai thác dầu trong nước. Điều này có thể là vì trong nước Mỹ không có nhiều mỏ dầu tiềm tàng trữ lượng cao như nhiều người mong đợi.

Thứ hai, cho đến nay trữ lượng dầu tại các mỏ ở Ả Rập Saudi là một bí mật quốc gia, không ai biết chính xác hoặc tiên đoán nổi tổng trữ lượng chưa khai thác hiện còn lại là bao nhiêu.

Thứ ba, nhiều phân tích gia về dầu hỏa cho rằng trữ lượng dầu thế giới đã được khai thác đến mức tối đa. Một tác giả sách mang tựa đề "Beyond Oil" ông Kenneth Deffeyes, giảng sư đại học Princeton, cho rằng ngày trữ lượng dầu thế giới bắt đầu thời kỳ giảm vì đã được khai thác tối đa là ngày Lễ Tạ Ơn 2005. Chỉ có hơn một năm nữa thôi, xa xôi gì đâu!

Những nhận xét trên không bảo đảm giá xăng sẽ tăng vọt hoặc sự khan hiếm xăng dẫn đến những hàng xe dài tại các trạm xăng như thời kỳ 1976-1977 tại Mỹ. Trái lại, những nhận xét trên cho thấy việc trữ lượng dầu hỏa trên thế giới sẽ cạn là điều có thật sẽ xảy ra trong tương lai và vì vậy nền kinh tế nào dựa vào dầu là đang chơi một trò chơi nguy hiểm.

Hiện nay một vài kế hoạch tiết kiệm nhằm giảm sự lệ thuộc vào xăng dầu mang tính cách rộng rãi toàn quốc đã được áp dụng.

Việc dễ nhất là chế xe chạy bằng dầu cặn, gọi là diesel. Nhiều người than phiền xe chạy bằng dầu cặn phun khói có mùi hôi dầu nhưng với mức độ tiêu thụ một gallon cho mỗi 90 dặm (miles) xe chạy bằng dầu cặn ít tốn nhiên liệu nhất. Đặc biệt ngày nay một vài công ty công bố hợp chất dầu cặn mới pha thêm dầu đậu nành khá hữu hiệu. Như vậy, xe chạy bằng dầu cặn sau này sẽ

có mùi... salad thay vì mùi hôi dầu. Máy xe không "vọt" mạnh là điểm bất lợi khác của xe chạy bằng dầu cặn nhưng có lẽ không nhiều người đòi hỏi vì xa lộ Hoa Kỳ ngày nay kẹt như mắc cửi trong giờ bắt đầu và tan sở thử hỏi xe "vọt" đi đâu?

Việc mua xe "lai" chạy bằng hai cách xăng lẫn điện, gọi là kiểu xe "hybrid" là một giải pháp khác. Tuy kiểu xe "hybrid" Prius của hãng Toyota đang được tìm mua ráo riết nên giá bán cao hơn loại chạy bằng xăng gần $2,000 Mỹ kim nhưng có lẽ đây là kiểu xe đáng tìm hiểu nếu cần tiết kiệm xăng. Xe sử dụng một gallon xăng mỗi 36 đến 51 dặm, tùy theo người lái nhanh hay chậm. Với vận tốc chậm xe chạy hoàn toàn bằng điện mà không cần dùng dây cắm tại các trạm điện như những kiểu xe điện thời trước. Chính quyền liên bang và một số tiểu bang có những chương trình cho phép chủ nhân loại xe "lai" xin miễn thuế đánh trên lợi tức đến $1,500 Mỹ kim. Có lẽ vì những lý do này người muốn mua xe Prius phải ghi danh chờ chứ không phải dễ.

Kỹ thuật dùng quạt gió để sản xuất năng lượng đến nay cũng đang trên đà phát triển. Kỹ thuật dùng nước hoặc nhiệt lượng mặt trời là những cách khác giúp chúng ta bớt lệ thuộc vào dầu hỏa. Nhưng có lẽ cách dùng năng lượng một cách khôn ngoan hơn, tiết kiệm điện, gas và xăng khi không cần thiết nơi mỗi người tiêu thụ mới bảo đảm sự chuẩn bị không còn lệ thuộc vào dầu hỏa nữa. Tiết kiệm năng lượng 14% đã giúp California thoát khỏi khủng hoảng thiếu điện thời 2002. Nỗ lực tiết kiệm toàn quốc khởi xướng từ thời 1975 đến nay đã giúp cung cấp 40% nhu cầu năng lượng toàn nước Mỹ. Câu ca dao "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao" áp dụng rất đúng như trong trường hợp này.

Tuy cũng có không ít người lạc quan hơn cho rằng những kinh tế gia quá bi quan về trữ lượng dầu hỏa thế giới cạn quá nhanh chóng và họ cũng nêu câu hỏi liệu chúng ta lo xa quá làm gì nếu các mỏ dầu hỏa trên thế giới tiếp tục đủ sức cung ứng nhu cầu mọi nơi trong nhiều năm nữa?

Câu trả lời là những câu hỏi ngược lại. Tại sao chúng ta không cố gắng tiết kiệm đồng thời tìm nguồn năng lượng mới càng sớm càng tốt để có sự chọn lựa cho dù nguồn dầu hỏa thế giới chưa cạn sạch trong tương lai?

Có sự lựa chọn không phải lúc nào cũng tốt hơn lệ thuộc hoàn toàn vào một nguồn tài nguyên nào đó để sinh hoạt bị kềm chế vì những thay đổi (dù bình thường, chưa kể bất thường) của những thế lực kiểm soát nguồn tài nguyên đó hay sao?

SỞ THUẾ XÉT LẠI TÍNH CÁCH "BẤT VỤ LỢI" CỦA CÁC HỘI ĐOÀN

Theo lối suy nghĩ thông thường của đại đa số quần chúng một hội đoàn mang tính cách "bất vụ lợi" thường do một nhóm người, một tổ chức thiện nguyện nào đó có hoài bão làm việc tha nhân đem tình yêu thương đến cho nhân loại, thành lập.

Dĩ nhiên không ai có thể sống và tồn tại chỉ bằng không khí mà thôi, hầu hết mọi người làm việc cũng phải có lương, dù là làm việc trong một tổ chức "bất vụ lợi."

Nhưng cũng theo suy nghĩ thông thường một tổ chức "bất vụ lợi" chỉ có thể trả lương nhân viên theo mức "tượng trưng" thôi.

Một người làm việc cho tổ chức thiện nguyện mà làm giàu làm có, thậm chí làm triệu phú được là chuyện khó tin. Vậy mà chuyện khó tin này đang là sự thật khiến sở thuế Liên Bang, IRS phải điều tra, làm công chúng bất bình và tạo nguy cơ các tổ chức này mất luôn qui chế "bất vụ lợi" theo luật thuế.

Sống trong xã hội Mỹ lâu ngày chúng ta đã bắt đầu quen dần với khái niệm mọi thứ trên đời này đều không ngừng biến đổi ngoại trừ chỉ có hai sự việc bất biến thôi. Một là sự chết và hai là việc phải đóng thuế, trong đó thuế lợi tức chiếm phần lớn tiền chúng ta góp cho Chú Sam (Uncle Sam, tức chính quyền Hoa Kỳ!)

Vậy mà những tổ chức, hội đoàn có đủ điều kiện hưởng qui chế "bất vụ lợi" không phải đóng thuế thì có phải những tổ chức này nhờ thiện tâm phục vụ công ích mà được miễn việc bất biến thứ hai trong đời sống Mỹ chăng? Và những người làm việc trong các tổ chức này chắc cũng chỉ nhận lương bổng khiêm nhường tạm cho họ tồn tại để còn góp phần phục vụ tha nhân!

Đúng ra phải là như vậy! Nhưng vì chúng ta chỉ là con người, không phải thánh, nên mầm mống tội lỗi thường lai vãng khiến những người không đủ nghị lực quên mất lý do họ đi làm cho một tổ chức thiện nguyện. Chẳng hạn trường hợp công ty thiện nguyện Statue of Liberty-Ellis Island Foundation hiện đang bị Ủy Ban Tài Chính Thượng Viện điều tra.

Theo tóm tắt ghi nhận trên tạp chí

BusinessWeek, số phát hành ngày 30 tháng Tám 2004, vài tội lạm dụng chính công ty Statue of Liberty-Ellis Island Foundation đang bị cáo buộc là tiền huê hồng trả cho vị Tổng Giám Đốc công ty và những phương cách gây quỹ trái phép của công ty. Hiện nay phát ngôn viên công ty cho biết họ đang sửa đổi qui luật nhưng hội đồng cố vấn sở Thuế Liên Bang cho rằng những điều công ty qui mô này làm sai trái gây ảnh hưởng bất lợi cho tất cả những hội thiện nguyện nói chung vì tạo sự bất tín trong công chúng đối với những tổ chức thiện nguyện.

Tổ chức "bất vụ lợi" Statue of Liberty-Ellis Island Foundation chỉ là một trong số 2,000 tổ chức đang bị sở thuế liên bang điều tra trong chiến dịch càn quét lạm dụng qui mô của chính quyền Hoa Kỳ. Tuy hiện nay chưa ai biết công ty hay tổ chức nào nằm trong danh sách 2,000 công ty này nhưng đại diện sở thuế IRS cho biết những vị Tổng Giám Đốc hoặc nhân viên cao cấp thuộc các tổ chức thiện nguyện nào nhận tiền huê hồng và lương bổng trên $1 triệu Mỹ kim một năm nên quan tâm là vừa.

Có lẽ quí vị độc giả kinh ngạc không hiểu bao nhiêu tổ chức thiện nguyện đủ tiền chi trả Tổng Giám Đốc nhiều như vậy. Thật ra những viện Đại Học, những bệnh viện thường trả nhân viên cao cấp mức lương bổng cộng huê hồng có khi lên đến $1 triệu Mỹ kim. Sở thuế Liên Bang vẫn kiểm tra định kỳ hồ sơ tài chính của các cơ quan này. Trọng trách nặng, công việc nhiều làm không xuể, danh tiếng cần được gìn giữ... của các nơi này là những lý do các vị Tổng Giám Đốc giỏi được trả lương cao.

Nhưng khi những tổ chức được thành lập nhằm giúp thiếu niên trong cảnh ngộ khó khăn như công ty Normative Services, bản doanh tại Sheridan tiểu bang Wyoming trả lương cho vị Giám Đốc $1.2 triệu Mỹ kim năm 2002, công ty này được sở Thuế Liên Bang thăm hỏi ngay.

Hoặc khi vị Tổng Giám Đốc công ty mang tính chất tôn giáo thiện nguyện Good Companion Broadcasting, thuộc Hagerstown tiểu bang Maryland nhận được $2.4 triệu Mỹ kim tiền lương bổng và huê hồng trong cùng năm 2002, sở Thuế Liên Bang đặt vấn đề cũng chẳng oan uổng chi.

Cho đến nay chưa biết bao nhiêu công ty "bất vụ lợi" sẽ bị phạt sau đợt điều tra qui mô của Sở Thuế Liên Bang kỳ này. Ngoài hậu quả như phạt tiền, phạt thuế và phạt vạ, một số tổ chức sẽ mất qui chế "bất vụ lợi." Những công ty thiện nguyện thiếu tiêu chuẩn đạo đức trong qui chế "bất vụ lợi" này sẽ được nếm mùi... đóng thuế giống như đa số người thọ thuế sinh sống tại Hoa Kỳ. Họ vẫn có quyền kinh doanh theo đường lối riêng miễn chịu đóng thuế lợi tức là được.

Nhưng có lẽ hậu quả đắt giá nhất những công ty này gây nên là lòng bất tín của công chúng khiến họ ngừng đóng góp không những chỉ cho các hội thiện nguyện sai trái mà luôn cả cho các hội thiện nguyện xứng đáng. Và nếu điều đó xảy ra thì thật đáng tiếc vì xã hội Mỹ có rất nhiều hội đoàn vị tha giúp cho biết bao người thất cơ lỡ vận. Thiếu các hội đoàn "bất vụ lợi" đúng nghĩa sẽ có vô số người gặp cảnh không nơi nương tựa hoàn toàn. Đáng buồn thay!

CÂU CHUYỆN TÍNH DỤC

TRẦN QUÁN NIỆM

Hôn nhân đồng phái tính

Tháng ba và tháng tư 2004, mùa Xuân vừa chớm nở, tình yêu rộn rã thôi thúc, vạn vật hồi sinh. Các cặp vợ chồng đồng phái tính cũng rộn ràng không kém. Khoảng 4,000 cặp bay về miền đất hứa Cali để làm giấy hôn thú tại tòa thị chính

Đám cưới của một cặp đồng tính luyến ái

San Francisco. Phòng đợi nhộn nhịp tưng bừng. Chàng đan tay chàng, nàng cầm tay nàng âu yếm. Có cặp còn mang theo hoa và mặc áo cưới để chụp hình kỷ niệm ngày vui hiếm có. Cặp nào cũng đã sồn sồn, vì họ sống chung đã lâu, làm hôn thú chỉ là một cách hợp thức hóa mà thôi, cốt đạt được những quyền lợi xã hội dành cho hôn nhân. Quan trọng hơn nữa là chính thức được xã hội công nhận.

Từ lâu xã hội không chấp nhận luyến ái đồng tính, coi như một hành vi tội lỗi, nên ai có khuynh hướng này phải giấu nhẹm. Khoảng hai thập niên vừa qua, dư luận cởi mở bao dung hơn, nên từ từ các người này xuất hiện trong xã hội, nhiều người can đảm thú nhận khuynh hướng dục tính của mình, kể cả những nhân vật nổi tiếng, tạo nên những cuộc tranh luận gay gắt, kẻ chống người bênh. Năm Tổng thống Clinton vừa đắc cử nhiệm kỳ nhất (1992), các ông "ghê" bà "ghê" biểu dương lực lượng tại Washington DC và huyênh hoang: "Trong Tòa Bạch Ốc đã có bạn ta." Sở dĩ vậy vì khi Clinton tranh cử, "ghê" đóng góp cho quĩ của Clinton khá nhiều.

Đầu năm 2004, ngài thị trưởng San Francisco là Gavin Newsom chơi bạo, diễn dịch luật pháp theo ý ông là ông có quyền ký giấy hôn thú cho các cặp đồng tính, tuyên bố hợp thức hóa hôn nhân của họ. Thế là vui như Tết, từ khắp nơi trên thế giới "ghê" đổ về điền đơn. Các tiểu bang và thành phố khác cũng lục tục theo gương Sanfrancisco. Cộng đồng Việt Nam có nữ luật sư Nguyễn Thiên Hương 30 tuổi, làm việc tại San Francisco kết hôn cùng cô Allison Beck, 28 tuổi. Bên phái nam có ông Nguyễn Quốc Chính cư ngụ tại Oakland lấy anh Phil Porter.

Niềm vui chưa được bao lâu, thượng tuần tháng 8, 2004 Tối Cao Pháp Viện (TCPV) tiểu bang California bỏ phiếu 5 thuận, 2 chống, hủy bỏ tính hợp pháp của những tờ hôn thú đồng tính, làm bao nhiêu cặp "vợ chồng mới" ngỡ ngàng. Tờ hôn thú nay chỉ là một kỷ niệm nhất thời.

Quyết định của TVPV dựa trên căn bản tôn giáo và thế tục định nghĩa vợ chồng là sự kết hợp giữa hai người khác giới tính (đàn ông và đàn bà). Xem thế, dù ở một xứ rất tôn trọng tự do cá nhân như Hoa Kỳ, hôn nhân đồng tính còn phải tranh đấu nhiều.

Tiểu vương xứ New Jersey

Đùng một cái, tại tiểu bang New Jersey, vị tiểu vương (thống đốc) tung ra một quả bom vĩ đại làm rung động dư luận quần chúng và chính giới. Ông (hay bà đây) nói: "Vào một thời điểm nào đó trong cuộc đời, người ta cần nhìn kỹ vào nội tâm mình và quyết định đâu là sự thật. Tôi thú nhận tôi là một người đồng tính, đang ngoại tình với một người cùng phái, do đó tôi xin từ chức Thống Đốc kể từ 15 tháng 11, 2004."

Ai nấy đều ngỡ ngàng, không tin là có thật. Một nhân vật quyền cao chức trọng như thế, chuẩn bị bao nhiêu năm leo lên gần tột đỉnh danh vọng lại rớt đài bất ngờ vì một anh chàng đực rựa nào đó sao. Càng khó tin hơn nữa là ông đã có hai đời vợ và hai con. Bà tiểu vương trẻ đẹp phây phây, đứng bên ông. Hai người mới lấy nhau được bốn năm và có đứa con gái kháu khỉnh mới hai tuổi.

Cha mẹ ông đứng bên, bà mặt đau khổ buồn phiền, ông sắc diện lạnh như tiền. Cả hai ông bà đặt kỳ vọng vào ông con trai, học hành giỏi giang từ nhỏ. Bây giờ than ôi, nước lã ra sông.

Bà tiểu vương trẻ đẹp, ngoài mặt không gợn nhiều cảm xúc nhưng chúng ta thử đặt mình vào trường hợp của bà mới thấy ngỡ ngàng chua xót. "Thế có tức không cơ chứ, mình trẻ đẹp mơn mởn thế này, nó lại không mê mà đi mê một 'thằng đĩ chó'." Thà chết chồng, nó lại đi một nhẽ.

Thật ra bà không hoàn toàn cô đơn, vì theo thống kê, hàng năm có chừng 4.000 bà vợ chợt một hôm khám phá ra rằng, chồng mình "ghê" một cục. Có ông đã lập gia đình con cái đàng hoàng, bỗng một hôm đòi giải phẫu để thành đàn bà.

Sắc đẹp làm sụp đổ ngôi vị tiểu vương là một anh chàng điển trai gốc Do Thái được tiểu vương cất nhắc tới một chức vụ quan trọng lương bổng hậu ($110,000/năm) để ngài có dịp kề cận.

Tiểu vương cho hay, từ nhỏ, ông đã bị lôi kéo bởi khuynh hướng đồng tính, nhưng cố gắng chống cự cho đến một ngày ông phải nhìn nhận con người thật của ông. Điều này làm giới "ghê" mừng khấp khởi vì đã có một nhân chứng sáng giá chứng tỏ rằng đồng tính luyến ái là do những thôi thúc thầm kín, bắt nguồn từ cấu trúc của cơ thể chứ không phải là một khuynh hướng bệnh hoạn.

Hạ tuần tháng 8, 2004, câu chuyện đồng tính leo lên đến bậc thang cao nhất. Đó là Phó Tổng Thống Cheney bênh vực, trong khi Bush chống lại. Trong lúc vận động tranh cử tại thành phố Davenport tiểu bang Iowa, khi được hỏi lập trường của ông về vấn đề này, Cheney tuyên bố, con người có quyền tự do lựa chọn. Ngược lại, Bush dựa vào tôn giáo, quyết ngăn cản tới cùng, vận

động một tu chính hiến pháp cấm hôn nhân loại này. Thật ra lập trường của Cheney cũng không lạ gì, vì ông có cô con gái Mary đồng tính luyến ái.

Cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược này chắc chắn làm phiền lòng Bush không ít, vì sẽ làm mất một số phiếu của những người bảo thủ, muốn duy trì nền tảng truyền thống của gia đình.

Cuộc chiến về phái tính còn hứa hẹn nhiều gay cấn, xin đón đọc hồi sau sẽ rõ.

Vòng tay học trò

Năm 1997 cô giáo Letourneau 37 tuổi đời và cậu học trò lớp sáu Vili Fualaau 13 tuổi yêu nhau da diết. Mặc dù cô đã có chồng và bốn con, lại ở địa vị một giáo chức đạo đức nhưng cô tung hê hết cả để đi theo tiếng gọi của con tim. Lúc bị phát giác cô đã có mang được mấy tháng với cậu học trò cưng.

Ra tòa, cô giáo nói đây là tình yêu chân thật của cô, khiến quan tòa mủi lòng thông cảm cho cuộc tình ngang trái, tuyên án sáu tháng tù tuy nhiên ra án lệnh buộc cô phải xa lánh ngay cậu học trò bé bỏng.

Nhưng vừa được thả khỏi tù vài ngày, cả hai lại sa vào vòng tay nhau và bị bắt quả tang trong xe. Lần này thì quan tòa giận lắm tặng cô bảy năm rưỡi bóc lịch trong nhà giam. Xáp lại là có thai liền, cô giáo đi tù với bào thai của người tình trong bụng. Bảy năm rưỡi qua mau trong trí nhớ người đời, nhưng với cô thì là cả hàng ngàn năm vì người xưa từng nói "nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại" mà. Nhưng cô kiên trì bấm gan chịu trận. Thượng tuần tháng 8, 2004 cô mãn hạn. Cả nước chú ý. Họ muốn biết ý nghĩ của cô bây giờ thế nào. Thời gian có làm phai nhạt mối tình bất diệt kia hay không.

Cô nói: "Chắc tôi không nghĩ đến việc sống chung với ảnh nữa. Mối tình trong dĩ vãng đã tuyệt đẹp. Thôi cứ để nó như thế đi."

Vili Fualaau

Mary Letourneau

Bây giờ Vili đã là một thanh niên trưởng thành 21 tuổi, nẩy nở. Anh cũng cho biết "Tôi muốn thăm cô. Tôi muốn biết cô vẫn là người tôi đã từng yêu hay không. Và tôi cũng muốn biết cô còn yêu tôi không." Năm nay cô 42.

Không ai biết giây phút trùng phùng "mặt nhìn mặt, cầm tay bâng khuâng không nói một câu" nó ngây ngất đến mức nào, nhưng hình như ngọn lửa ái tình lại bốc cháy rừng rực, vì sau đó cô giáo coi bộ xiêu lòng, tuyên bố một câu xanh rờn: "Nếu chàng muốn có con với tôi, tôi sẵn lòng."

Khi được hỏi cô có ân hận về chuyện đã qua không? Cô Mary Kay Letourneau Dương Bất Hối trả lời tỉnh bơ: "Hoàn toàn không. Chỉ tiếc là nếu tôi biết chờ đợi thì đã không đến nỗi "ủ tờ."

Ôi cuộc đời thật khó hiểu "làm sao định nghĩa được tình yêu." Qua trăm cay ngàn đắng, vượt tất cả các hàng rào luân lý, đạo đức, tuổi tác, hai kẻ yêu nhau vẫn gắn chặt lấy nhau. Có lời giải thích nào không hay chỉ có thể nói, đó là hai kẻ "yêu nhau từ muôn kiếp trước" đầu thai lại kiếp này để gặp nhau.

Tương lai sẽ là một mái nhà tranh với hai quả tim vàng, vì nàng ra khỏi tù vào thời điểm kinh tế suy sụp, thất nghiệp tràn lan. Chàng chưa hoàn tất bậc trung học và hình như cũng chưa có nghề ngỗng gì.

Thán phục thay. Chuyện này đáng được ghi vào pho thiên tình sử cổ kim, phải không quí bạn đọc.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

TIỀN

Đó là một chữ mà khi nghe thấy ít ai có thể không có một phản ứng. Tiền! Nghe sướng lỗ tai. Cái miếng giấy, đôi khi rất nhàu nát bẩn thỉu đó, lại là tờ giấy mà ai cũng muốn chụp lấy, bỏ vào túi. Bỏ vào rồi hầu như không ai muốn kéo nó ra lại. Một bà bạn tôi, thấy ông chồng cứ ngồi xuống là hai chân rung tít lên, đã lừ mắt giữn như thiệt. Rung như vậy hèn chi tiền không rớt hết!

Tiền bỏ đi chơi thì nghèo. Chẳng mấy ai thích nghèo, họa chăng chỉ có mấy ông kiết xác, biết chẳng bao giờ giầu được mới an ủi nhau bằng những câu rất... cao thượng. Đại khái như: Đói cho sạch, rách cho thơm! Giấy rách phải giữ lấy lề! Hoặc cay cú hơn: Tiền bạc không mang lại hạnh phúc!

Một tỷ phú tâm sự với bạn:

"Tất nhiên tiền bạc không mang lại hạnh phúc, nhưng ít ra nó cũng giúp mình đến được sa mạc Sahara hay hòn đảo Honululu cùng vài cô gái đẹp để thử xem hạnh phúc có ở đó hay không!"

Có tiền mua tiên cũng được! Nhưng mua tiên để làm gì? David Blanchflower của Đại Học Darmouth và Andrew Oswald của Đại Học Warwick (Anh) đã tiến hành một cuộc khảo cứu về mối liên hệ giữa thu nhập, hoạt động tình dục và hạnh phúc. Cuộc khảo sát được thực hiện với 16 ngàn người Mỹ. Kết quả không thấy có sự tương ứng đáng kể giữa mức thu nhập và hoạt động tình dục. 19% nhóm có thu nhập thấp "hành quân" từ hai đến ba lần một tuần so với 21% nhóm có thu nhập cao. Kỷ lục trên bốn lần một tuần, anh nhà giầu chiếm 6% trong khi anh trên răng dưới lựu đạn lại đạt được tới 8%! Hạnh phúc, nếu tính theo con số những lần... đánh cờ người, thì những cặp một vợ một chồng chăm chỉ đánh cờ hơn những trự độc thân, góa bụa, ly dị hoặc ly thân. Và thường thường con số bạn tình mang lại hạnh phúc tối đa cũng chỉ có một người. Vậy thì, mang tiền đi mua tiên, ích gì đâu!

Chẳng thà đi mua... xe! Hai cô bạn gái nói chuyện với nhau:

"Bồ lại mua xe mới? Lấy chồng giầu sướng thật!"

Cô bạn nhăn nhó thảm hại:

"Có gì đâu! Hôm đó tớ đang shopping ở dưới phố, chợt thấy đau bụng. Ngó quanh thấy có một cửa hàng bán xe Mercedes vội vào nhờ toilet. Bồ biết tính tớ, chẳng lẽ khơi khơi đi ra mà không mua gì thì cũng ngại!"

Đừng tưởng có tiền mua xe Mercedes là ngon lành đâu! Xe Porsche cũng vậy! Bởi vì theo một cuộc khảo sát trên 2.200 người lái xe của tạp chí *Men's Car* xuất bản tháng 5 năm 2004 thì những ông lái xe Mercedes chỉ "vui chơi" được có 1,6 lần một tuần. Lái xe Porsche ngầu như vậy mà yếu xìu! Chỉ có 1,4 lần một tuần. Ngầu nhất là dân lái xế BMW 2,2 lần một tuần. Tiếp theo là Audi 2,1 lần một tuần; Volkswagen 1,9 lần một tuần; Ford 1,7 lần một tuần. Tính theo quốc tịch xe thì lái xe Ý 2 lần một tuần; xe Pháp 1,9 lần; xe Nhật 1,8 lần; xe Thụy Điển 1,6 lần; xe Đại Hàn 1,5 lần! Về đàn bà lái xe thì lái xe Pháp 2,1 lần; xe Audi 2 lần; xe Ý 2 lần; xe BMW 1,9 lần và xe Porsche 1,2 lần. Vậy khi ra đường, thấy ai lái xe Porsche, chúng ta chẳng nên trầm trồ, đó là thứ... hạng bét! Đây là một bản nghiên cứu... vô duyên nhất thế giới, ghi lại đọc cho vui, chứ đừng có vị nào thấy mình yếu lại... đổi xe! Chỉ tổ tốn tiền vô ích. Nhà tình dục học Greg McCrea ở Ottawa, khi đọc bản nghiên cứu này đã khôi hài. "Chắc tại mấy anh lái xe BMW thích... nổ lớn hơn mấy anh lái xe Toyota hay xe Ford thôi! Tôi thì chẳng cần nghiên cứu nghiên kiếc gì, ra đường, thấy mấy trự ngồi sau tay lái xe Porsche, đàn ông cũng như đàn bà, trự nào cũng phất phơ mái đầu bạc là hiểu ra sự tình tại sao họ lại đèn đỏ về cờ quạt liền một khi!"

Xe xịn phải đậu trước một một tòa nhà xịn cho cân cái. Coi mới được con mắt. Các tỉ phú, triệu phú có nhà bạc triệu, đó là chuyện phải lẽ. Không triệu phú cũng có nhà bạc triệu là... dân Việt Nam hải ngoại. Chồng cầy, vợ cầy, có khi tới hai job, đủ tiền đặt cọc là lao vào nhà. Người ta mua... nhà thờ! Đó là những căn nhà tráng lệ, sạch như li như lau, đồ đạc tường thảm như... đóng hộp, nhiều phòng thì đóng bớt chỉ xài một phòng, vợ chồng con cái tụ lại cho ấm, nhiều toilet thì khóa lại chỉ xài một cái, bếp không bao giờ có khói vì sợ hôi nhà, lớn bé di chuyển khép nép như sợ làm đau nhà. Nhà không phải để ở mà

để... thờ! Gặp bạn bè bất kể cũ mới, bất kể thân sơ, nhiều khi không phải là bạn mà chỉ là... bạn của bạn, là vội ríu rít kéo về nhà cho được để... cho biết nhà! Người được mời cảm thấy như mình đang đi... hành hương! Nhiều tiền, ai cũng thích. Muốn mua gì thì mua, toàn thứ xịn!

Tiền chì mua được cá tươi,
Mua rau mới hái, mua người nở nang.
Tiền trinh mua vội mua vàng,
Mua phải rau héo, mua nàng ngẩn ngơ.

Nhưng làm sao để có tiền? Người xưa đã chỉ: có gan làm giầu. Gan, ai chẳng có. Vậy mà sao vẫn... xăng xu? Phải mang cái gan đó ra đối đầu với... súng đạn. Như đi cướp nhà băng chẳng hạn. Một là giầu, hai là đi... mua nhà. Nhưng là... nhà đá! Còn gan chỉ để... uống rượu thì cứ tằn tiện là nhất. Rob Lunan là một người như vậy. Ngay từ hồi nhỏ ông đã được gọi là Scrooge, một nhân vật cực kỳ giữ chặt hầu bao trong truyện *A Chritmas Carol* của *Charles Dickens*. Ông đã không giận mà còn rất thích thú với xước danh này. Ông đã có lần tỉnh bơ thú nhận là ra đường thấy một xu rớt dưới đất là ông phải lượm liền. Không lượm thì không chịu được! Một xu lượm được giá trị bằng hai xu làm được! Đó là... ranh ngôn của ông thầy... tiện này. Năm ngoái, ông quen hai cặp vợ chồng. Một cặp lợi tức hàng năm chỉ có 25 ngàn Mỹ kim, ba đứa con nhỏ, còn nợ nhà và có hai chiếc xe. Năm miệng ăn, một đầu lương mà rất thảnh thơi. Một cặp khác, hai vợ chồng cùng đi làm, không con cái, lợi tức hàng năm 80 ngàn Mỹ kim. Vậy mà... vỡ nợ! Điều tôi nhận thấy sự khác nhau giữa hai cặp vợ chồng này là cách tiêu tiền, Lunan nói. Và ông nảy ra sáng kiến viết một cuốn sách dậy cách... hà tiện. Đó là cuốn *The Scrooge Guide*. Châm ngôn của cuốn sách này là cái gì tự tay làm lấy được thì đừng mua! Từ ly cà phê buổi sáng, phần ăn trưa ở sở làm đến trồng rau trong vườn, đóng lấy tủ giường bàn ghế, ăn uống có... tính toán. Chẳng hạn nên làm một bản thực đơn cho cả nhà trong một tháng sẽ có thể bớt được một nửa tiền chợ! Những gì không thật cần thiết thì đừng mua, đừng xài. Xe hơi làm chi? Xe buýt cũng tới nơi vậy! Computer, internet chưa cần thì đừng thèm biết tới. Khi cần thì mua đồ cũ hoặc đi xin, đi lượm về mà xài, internet... chùa cũng lên trời như người ta! Bạn nào muốn học đòi tiết kiệm với ông Scrooge này thì hãy... tiêu tiền! Sách của ông bán với giá 24,50 Mỹ kim, tính ra khoảng 33,60 Gia kim.

Bạn chẳng nên dại dột làm mình nghèo thêm 24 đô rưỡi. Ngoài đời thiếu gì người còn siêu hơn cái anh chàng Rob Lunan khôn vặt này. Tôi đã gặp được hai Super Scrooge! Một ông Việt nam, có business làm ăn, thèm một lon Coke khi trời nóng. Ông lục lọi khắp các ngăn kéo, kiếm ra được đủ 99 xu tiền chì loại 1 xu. Ông đưa cho cô nhân viên bảo đi mua cho ông. Cô nhân viên dở khóc dở cười. Không đi thì sợ mất job, mà đi thì... xấu mặt quá. Vác 99 đồng xu hạng bét này ra trả mất mặt bàu cua là cái chắc. Đành phải móc túi hy sinh một đồng để cứu cái mặt! Ông kia là một ông Do Thái, có địa vị quan trọng trong một hãng xưởng của ông anh. Cúi lượm một xu do tên nhân viên nào đó làm rớt là chuyện... bắt buộc đối với ông. Không lượm lỡ trời sập thì mần răng! Một tên cắc cớ, thấy bóng ông, bèn làm như lỡ đánh rơi một xu vào trong ổ khóa cửa, rồi bỏ đi. Ông lúi húi móc, cậy, thọc mà cái đồng xu chết tiệt nhất định không thèm ló mặt ra. Mặt ông đỏ bừng, chạy xuống xưởng thợ, lấy đủ thứ đồ nghề lên kéo đồng xu ra. Rút cuộc, ông cũng được một xu, nhưng phải bán một trận cười thoải mái cho nhân viên mà chẳng thu về được... một xu nào cả!

Hà tiện, cần gì phải học. Nhân chi sơ tính... hà tiện. Hà tiện thường đi với tham lam. Một bà nằm mơ thấy được gặp Thượng Đế, liền hỏi:

"Thưa Ngài, trăm năm của hạ giới bằng bao nhiêu ngày trên thượng giới?"

"Con ơi! Không thể tính được bằng ngày mà chỉ bằng một phút thôi."

"Thưa, thế trăm triệu đồng thì sao?"

"Chỉ đáng một xu trên thượng giới mà thôi."

Bà xuống giọng... con cá:

"Vậy xin Ngài rủ lòng thương ban cho con một xu! Con sống nghèo khổ lắm."

"Được, con hãy đợi ta một phút nhé!"

Thượng Đế giỡn với bà cho vui vậy thôi chứ thực sự Ngài đâu có xu nào. Thu nhập của Ngài cũng gian truân lắm. Các "đệ tử" của Ngài ở trần gian, người nào cũng khôn hơn Ngài cả. Một Linh Mục, một Mục Sư và một Giáo Sĩ Do Thái Giáo đàm đạo với nhau. Linh mục nói:

"Tôi vẽ một vòng tròn dưới đất, vứt tiền lên trời. Phần nằm trong vòng tròn là của Chúa, còn lại là của tôi!"

Vị Mục Sư nói:

"Tôi vẽ một đường thẳng, vứt tiền lên trời. Số tiền nằm bên kia vạch là của Chúa, nằm ở bên này vạch là của tôi."

Vị Giáo Sĩ khoác tay nói:

"Tôi tung tất cả tiền lên trời. Đồng nào Chúa muốn thì Ngài chụp lấy, còn những đồng rơi lại xuống đất là của tôi!"

Nói chuyện tiền bạc với Thượng Đế, nản chết. Cứ gửi thư cho những vị quyền thế dưới đất này, xin số tiền họ... không thèm đếm xỉa tới cũng được rồi. Ở Canada, quý vị có thể gửi cho những vị sau. Trong thư bạn nhớ chỉ hỏi xin số tiền... lẻ họ bỏ quên trong các chương mục ngân hàng cũng đủ rượu chè qua ngày. Cô ca sĩ hái ra tiền Céline Dion đã cho ngủ trong ngân hàng National Bank ở Farnham, Québec, số tiền 42,79 Gia kim từ năm 1984 tới giờ mà không thèm sờ tới. Cựu Thủ Tướng Brian Mulronay quên 144,83 Gia kim tại ngân hàng CIBC ở Calgary; Thủ Tướng vừa tái đắc cử Paul Martin đãng trí bỏ quên tới ba chương mục. Hai ở Montréal: 5833,70 Gia kim và 1302,73 Gia kim, và một ở Windsor 38,04 Gia kim; cựu Thủ Tướng Joe Clark chẳng thèm biết đến 1685,77 Gia kim tại ngân hàng CIBC ở Ottawa. Tổng cộng số tiền bị bỏ quên của 767.590 chương mục mà chủ nhân coi như vứt đi lên tới 204 triệu Gia kim. Chương mục "ngủ" lâu nhất là từ năm 1990 tới giờ!

Vứt tiền đi như vậy sao người ta cứ giầu? Càng ngày càng giầu hơn. Xó xỉnh nào cũng có người giầu. Cứ nhắm mắt cũng biết nước Mỹ là quê hương của nhiều triệu phú nhất, 2 triệu 270 ngàn vị lận! Nước Anh có 383 ngàn, Trung Quốc 236 ngàn, Canada 200 ngàn, Tây Ban Nha 129 ngàn, Nga 84 ngàn, Ấn Độ 61 ngàn, Hongkong 45 ngàn. Cả thế giới có 7 triệu 700 ngàn vị có tài sản bạc triệu Mỹ kim trở lên! Số triệu phú mới ngoi lên được trong năm 2003 tăng 7.7% so với năm 2002. Trong số đó Hongkong đạt 30%, Ấn Độ 22%, Tây Ban Nha 18%, Mỹ 14%, Trung Quốc 12%, Canada 11%. Tại Canada cứ 150 người dân thì có một triệu phú! Vậy tại sao không có tôi, không có bạn?

Câu hỏi nghe... nhức xương! Cái gì mình không với tới được thì... trăn trở lắm. Triệu phú, người là ai? Một nữ triệu phú Mỹ điển hình là người khoảng 49 tuổi, đã lập gia đình và có con cái. Họ thức dậy lúc 5 giờ 58 phút sáng sau một giấc ngủ dài sáu tiếng rưỡi. Mỗi tuần họ làm việc 49 giờ 18 phút, tập thể dục 36 giờ 30 phút. 98% làm chủ ít nhất một căn nhà, 34% đã trả xong tiền nhà. 58% bọc lại đồ đạc trong nhà thay vì mua đồ mới, 52% vá lại quần áo còn dùng được. 50% đã ly dị ít nhất một lần. Họ quyên góp 7% lợi tức đồng niên cho các hội thiện. Họ kiếm được 75% thu nhập của gia đình. Kiếm tiền nhiều như vậy, can chi họ phải ngửa tay hỏi tiền các anh chồng?

Hai ông chồng nói chuyện với nhau:

"Cậu có biết tại sao nếp nhăn trên trán đàn ông chúng ta lại nằm ngang, còn trên trán các bà vợ lại thẳng đứng không?"

"Không! Tại sao vậy?"

"Tại vì các bà thường cau mày lại hỏi ' Tiền đâu?', còn các ông trố mắt ra hỏi lại: 'Tiền nào'?"

Kiếm tiền, đó là mối bận tâm muôn thuở của con người. Muốn kiếm thật nhiều tiền mà chẳng tài cán gì như tôi thì chỉ còn cách cầu may. Xổ số, tôi nuôi số 6/49 gần hai chục năm. Cũng cay đắng lắm. Mỗi tuần hai lần cứ dài cổ ra coi người ta trúng. Mình chưa tới lượt. Còn chờ Thượng Đế sắp xếp. Cứ vững lòng trông cậy vào Ngài chắc cũng có ngày... tới số! Như mấy đồng hương của tôi ở Cali vừa được Ngài đoái nhìn tới trong cuối tháng 6/ 2004 vừa qua. Đó là các vị David Tô, Nguyễn Triệu và Đỗ Bích Nga vừa trúng lô độc đắc giải Super Lotto trị giá 37 triệu Mỹ kim. Phát ngôn nhân Sở Xổ Số California là Doyle Johnston nói rằng vé số may mắn này đã được mua tại tiệm bán thuốc lá Mike Tobacco, số 1174 đường Diamond Bar Boulevard thuộc thành phố Diamond Bar ở miền nam Cali.

Một ông Việt Nam khác, ông Trung Dung lại khác. Ông chẳng thèm số xiếc gì. Tiền do cái đầu mình làm ra chứ ở đâu! Năm 1984 ông vượt biển tỵ nạn và năm sau, ông được nhận vào Mỹ trong túi chỉ có 2 Mỹ kim. Chỉ 15 năm sau, nhờ khối óc tinh tế, sự lanh lợi, sự cần cù, và cơ hội may mắn mà gia sản của ông lên tới 1 tỷ 700 triệu đô la! Đó là tiền chuyển nhượng Công Ty OnDisplay của ông cho Vignette Corp. Tiền nhiều như vậy, ông vẫn chưa chán tiền. Ông dùng số vốn này thành lập Công ty nhu liệu Fogbreak Software chuyên đáp ứng nhu cầu tài chánh và điều hành liên quan đến những công ty muốn chuyển việc làm ra thị trường ngoại quốc. Khi tới Hoa Kỳ, tiếng Anh của ông còn... đơn giản lắm. Ông dùi mài để thi đậu kỳ thi tương đương trung học và học tiếp để lấy được hai bằng Đại Học về Toán và Computer Science, và sau đó hoàn tất một phần lớn chương trình Cao Học tại Đại Học Massachusetts tại Boston. Giữa một bối cảnh kinh tế chưa hồi phục, ông thành lập công ty nhu liệu trước sự can gián của bạn bè và người thân. Nhưng ông nhìn thấy cơ hội và cứ... húc đầu vào thương trường đầy xáo trộn. Ông thành công và trở thành tỷ phú nhờ dám đương đầu trước thách thức của cuộc sống!

Mỗi người đều có một cái đầu, tròn méo tuy có khác nhau, nhưng đầu nào cũng nghĩ tới tiền. Bởi vì tiền, như một bài "đồng dao" tân thời ở Việt nam, là... hết chỗ chê!

Tiền là Tiên là Phật
Là sức bật của tuổi trẻ
Là sức khỏe của tuổi già
Là cái đà của danh vọng
Là cái lọng của công lý
Tiền là... hết ý!

Đồng tiền nào cũng có hai mặt. Mặt sáng và mặt tối. Có những người dễ tính coi mặt nào cũng là mặt... tiền. Có những người chỉ bỏ vào túi mặt sáng của đồng tiền. Đó là vấn đề... nhân tâm. Hay là vấn đề... mạng mỡ? Tùy!

06/2004

TEEN

Tuổi *teen*, nghe bấp bênh lắm. Cái tuổi được các cụ xưa phán là: ăn chưa no, lo chưa tới. Lớn chẳng ra lớn, nhỏ chẳng ra nhỏ, cứ ấm ớ lòe nhòe. Tuổi *teen* là tuổi học trò, cái tuổi được các thi nhân xưng tụng như là một thứ ô mai, vừa cay, vừa chua, vừa ngọt, vừa đậm đà. Thứ ô mai này mà đi với tóc thề thì hết biết.

Trống tan em trước cổng trường
Trắng bay bay ngút ngàn phương tóc thề
Cặp đầy ắp mộng vàng hoe
Thôi em đừng gõ guốc đè ngợp anh!
(Từ Thế Mộng)

Hình ảnh thiên thần đó ngày nay có còn không? Áo trắng, không còn nhiều. Trinh trắng, còn hiếm hoi hơn. Cuộc sống không còn như xưa. "Nước thanh bình ba trăm năm cũ" coi bộ như đã ngàn năm cũ. Ngày nay, bấp bênh lắm. Người ta sống đã khác đi, trường lớp đã khác đi, nếp nghĩ suy đã khác đi.

Nhưng theo một bản nghiên cứu của Health Canada thì tuổi học trò Canada vẫn... OK. Phần lớn các em được phỏng vấn đã cho biết là vẫn mặn với trường lớp, hòa thuận với cha mẹ, thích giao du và ít khi bị trầm cảm. Nhưng trường lớp không phải là môi trường sinh hoạt duy nhất của các em, 60% em cho biết là đã đi làm thêm kiếm tiền tiêu vặt. Bản thống kê cũng cho biết là học trò của chúng ta ngày nay không phải là không có máu... phiêu lưu. Hơn một phần ba các em đã chơi ma túy. Theo các em thì ma túy ít hại hơn thuốc lá! Rượu thì lại càng ít tai hại hơn nữa. Cứ năm em thì có một em uống rượu thường xuyên. Tuy vậy, 82% vẫn cảm thấy mình là một phần tử ràng buộc với trường lớp, 70% tích cực tham gia các chương trình ngoại khóa. Học sinh ngày nay vẫn tin tưởng vào những gì được giảng dậy ở trong lớp (80%), vào thầy cô (72%), vào cảnh sát (71%), và vào cha mẹ (69%). Truyền thông không được tin tưởng lắm. Chỉ có 44% tin vào báo chí, 41% tin tưởng vào truyền hình. Tuy vậy, 63% coi truyền hình hai tiếng mỗi ngày và 15% coi trên năm tiếng. Truy cập vào Internet thì khoảng 10% ngao du trên năm tiếng mỗi ngày, 33% mỗi ngày một tiếng, và 15% từ hai tiếng đến năm tiếng.

Chuyện một mai khi rời ghế nhà trường thì nam vẫn ra nam, nữ vẫn ra nữ. Nam vẫn khoái những công việc hái ra tiền và mang lại nhiều danh vọng, nữ vẫn chỉ thích những công việc hợp với nữ tính và có khuynh hướng thích góp một tay vào việc tạo dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Đó là kết luận của cuộc nghiên cứu trên 1400 học sinh thuộc 39 trường trong vùng Alberta, Canada. Nữ vẫn tự tin vào năng khiếu nghệ thuật và ngôn ngữ, nam vẫn tự hào về khả năng toán học và khoa học.

Chuyện nghe ra vẫn như xưa, thời chúng ta còn ở với trường lớp. Con trai chiếm nhiều chỗ trong các lớp ban Toán, nữ sinh có khuynh hướng theo ban Văn Chương. Nhưng ngoài xã hội ngày nay xem ra đã khác. Phụ nữ cũng mạnh bạo gánh vác các công việc tưởng chỉ thích hợp với nam nhi. Và họ cũng đã thành công ra gì. Ranh giới nam nữ hầu như đã bị xóa nhòa. Thực tế hình như đã quay mặt với kết quả thống kê trên. Sao vậy? Vì bản nghiên cứu hỏi các em khi các em còn... teen. Lớn hơn lên, suy nghĩ có thay đổi. Điều này chứng tỏ con em chúng ta, trong khung cảnh cuộc sống hiện nay nơi các xã hội Tây phương, vẫn còn có tuổi teen, một thứ tuổi teen rất bấp bênh.

Bấp bênh nhìn thấy rõ ràng nhất là sự phì nộn. Lại phải nói chuyện thống kê! Tại Canada, 35% nam sinh và 29% nữ sinh dư kí lô. 17% nam sinh và 14% nữ sinh bị chứng phì nộn, tăng gấp ba so với năm 1981. Trẻ em Mỹ cũng rứa. Một bản nghiên cứu tương tự ở Mỹ có kết quả na ná như vậy đã lên tiếng cảnh giác là xã hội phải nghĩ tới việc chống phì mập nơi trẻ em. Bệnh phì nộn mang tới bệnh cao máu. Cuộc nghiên cứu của Viện Đại Học Tulane ở New Orléans do Giáo Sư Paul Muntner cầm đầu đã báo động về sự gia tăng của chứng cao máu trong giới học sinh trong thập niên qua. Lý do? Ăn uống không kiêng cữ, uống cà phê và các thứ nước có chất caféine

quá sớm và quá nhiều. Tạp chí *Archives of Pediatrics and Adolescent Medicine* số tháng 5 vừa qua đã cho biết là chất caféine được coi là một yếu tố nguy hiểm cho bệnh cao máu và tim mạch nơi trẻ em. Trong độ tuổi từ 12 tới 17, 68% nam sinh và 62% nữ sinh uống nước ngọt hàng ngày, 21% nam sinh và 22% nữ sinh uống trà hoặc cà phê thường xuyên. Chúng không hề biết là chất caféine không phải chỉ có trong cà phê mà còn có trong trà, chocolate, nước ngọt cola...

Bấp bênh trong lối sống ngầu. Nhiều em coi trường lớp, gia đình là những môi trường quá chật chội cho các em sống. Một số em tìm cách...nhảy rào. Chúng đi bụi. Bạn và tôi, lái xe trên đường phố, khi dừng lại ở những ngã tư có đèn lưu thông, chúng ta thường khó chịu vì những em nhỏ ăn mặc lôi thôi dị hợm, đầu tóc xanh đỏ, vòng lớn vòng nhỏ toòng teng từ đầu tới rốn, chùi vội vài nhát trên kiếng trước xe và ngửa tay đòi tiền. Không trả thì thấy tội mà trả thì ấm ức. Buông thắng, rồ ga, vọt xe đi, đầu óc chúng ta muốn xua đi cái vướng mắc khó chịu vừa trải qua. Chuyện gì mình mà ôm rơm cho nặng bụng! Nhưng cứ thử tưởng tượng con em chúng ta là một trong những đứa trẻ đó, nhức nhối lắm! Cuộc nổi loạn của đám trẻ, bắt nguồn từ lối sống hippy nhiều chục năm trước, xem ra vẫn triền miên hàng ngày. Một trường hợp điển hình: Cô con gái 15 tuổi của ông Rob Marleau, cư dân Montréal, bỗng có những cử chỉ chướng tai gai mắt với cha mẹ. Thái độ cư xử, cách ăn nói xem ra đã có vấn đề. Cha mẹ còn lúng túng chưa biết xử trí ra sao thì một đêm, cô con gái không về nhà. Sáng hôm sau, từ một máy điện thoại công cộng, cô gọi về nhờ cha mẹ tới đón. Lúc tới nơi, vợ chồng Marleau thấy cô con gái đứng với hai cậu trai lớn tuổi hơn. Không xong rồi, họ kiếm tới Hội Dịch Vụ Gia Đình Amcal. Cô gái liền được gửi tới cơ quan thiện nguyện đã hoạt động từ năm 1990 này để theo một chương trình cải hóa trong tám tuần lễ. Ban ngày, trẻ em vẫn được cho đi học ở trường như thường. Tối có những sinh hoạt hướng dẫn. Cuối tuần, các em được cho về nghỉ tại nhà. Cha mẹ được hướng dẫn cặn kẽ về việc chăm sóc con em trong dịp cuối tuần này. Và, như một phép lạ, chỉ trong một khóa tám tuần lễ, cô con gái của Rob Marleau đã thay đổi trở thành một đứa trẻ ngoan ngoãn trong gia đình.

Cũng trong mục đích ngăn cấm các em đi hoang, hai thành phố, một ở Canada và một ở Mỹ, đã... giới nghiêm! Con nít dưới 15 tuổi không được ra đường từ 10 giờ rưỡi tới 6 giờ sáng tại Huntington, một thành phố chỉ có 2600 dân, nằm cách Montréal khoảng 60 cây số về phía tây nam, và từ 10 giờ tới 5 giờ sáng tại Malone, một thành phố thuộc tiểu bang New York. Tại Huntington, vi phạm lệnh cấm sẽ bị phạt lần đầu 50 Gia Kim, từ lần thứ hai tăng lên 100 Gia Kim. Tại Malone, "nhân đạo" hơn, không có phạt tiền, chỉ kêu cha mẹ tới lãnh con về! Chuyện rắc rối là thành phố Huntington vừa bị kiện đã vi phạm vào Hiến Chương về Quyền và Tự Do trong khi... bắt nạt con nít như vậy. Ủy Ban Nhân Quyền Quebec đã khẳng định là thành phố đã vi phạm nhân quyền và buộc phải bãi bỏ biện pháp giới nghiêm khắt khe này. Thị Trưởng thành phố Stéphane Gendron, một mặt tạm hoãn lệnh giới nghiêm, một mặt nhờ luật sư kháng cáo. Chuyện chưa ngã ngũ ra sao! Không biết bà già gân Gendron này có họ hàng gì với ông già gân Đô Trưởng Sài Gòn của chúng ta năm xưa không?

Theo các nhà Tâm lý học và các nhân viên công tác xã hội thì cuộc sống ngày nay đặt ra cho các bậc cha mẹ rất nhiều thử thách. Nguyên do thì nhiều. Gia đình ngày nay không còn là một chốn dung thân an bình cho con em. Cha mẹ ly dị; cha mẹ đầu tắt mặt tối với công việc; cha mẹ quá hưởng thụ cuộc sống riêng tư; cha mẹ không theo kịp sự thay đổi của cuộc sống dồn dập ngày nay... là những nguyên nhân gần nhất. Trường học lơ là việc giáo dục đạo đức, thiếu nhân viên xã hội và tâm lý gia trong nhà trường cũng là một nguyên nhân. Cuộc sống quá phức tạp với nhiều giá trị khác nhau được tôn sùng hoặc quá nghiêng về vật chất làm thui chột các giá trị tinh thần cũng làm đám trẻ bơ vơ mất phương hướng. Đó là những cái xẻng xúc các em đổ ra ngoài đường phố. Và làm các em mất tuổi thơ. Chừng nào cho tuổi thơ tìm lại được tuổi thơ?

Tuổi teen là tuổi hồn nhiên. Những ngày xưa cũ đó, cuộc đời dịu hiền như những vòng quay vui của cặp bánh xe đạp mini. Rộn ràng, lóng lánh.

Chả có gì... sao lòng mình cũng thẹn
Đến ngượng ngùng bỡ ngỡ: hay là ai?...
Trăm bức thư lót giấy kẻ dòng đôi
Mà nét chữ còn run (dù rất nhẹ).

(Nguyên Sa)

Những cuộc tình học trò ngon như một trái táo thơm. Khởi đầu một chuyện tình thường là những bức thư không qua bưu điện. Mực tím, giấy thơm, chữ biết thở, nếu thở được ra thơ càng... ăn

tiền

mang vào lớp bài thơ anh mới tặng
khoe bạn bè cho chúng lác mắt chơi
í mà chết, anh viết gì trong đó?
chuyện chúng mình? em hổng chịu đâu!

(Luân Hoán)

Chuyện tình tuổi học trò, nó bấp bênh lắm. Có đó mà mất đó. Nhưng có khi có đó mà còn đó. Như cuộc tình của nhà thơ Luân Hoán. Nó bắt đầu từ khi nàng còn trong tuổi teen. Chàng phải mất tới bao nhiêu bài thơ mới dỗ dành nàng chìa được bàn tay ra, "văn học sử" không thấy ghi! Giấy bút chỉ ghi lại được lời thú nhận của nàng như sau: "*Cảm ơn Trời Phật, cuộc tình của chúng tôi gần như không có chuyện buồn. Cái trở ngại lớn nhất là lúc khởi đầu. Tôi nhỏ hơn ảnh gần tròn một con giáp. Nói xấu hổ, phải tăng thêm hai tuổi trong khai sinh để được về nhà chồng, hư thật. Vì không có chuyện buồn nên chúng tôi có quá nhiều chuyện vui. Vui lúc lận đận, vui lúc thong dong. Chuyện vui nào cũng đáng nói, thành ra, chừ không có chuyện vui nào đáng kể cho anh nghe hết. Nhưng nghe để làm chi đây? Để cười người ta chắc?*" (Chân Dung Thơ Luân Hoán, trang 245).

Tôi bỗng thấy muốn rời thơ để làm một con toán nhỏ. Tuổi lập gia đình, theo pháp luật, của một cô gái là 18 tuổi. Chị Luân Hoán khai tăng lên hai tuổi để đủ tuổi... xấu hổ. Như vậy là nhà thơ đón nàng thơ về dinh vào năm 16 tuổi. Cuộc tình khởi đầu lâu trước đó, lâu đủ để chàng thả hàng hàng lớp lớp thơ. Nó bắt đầu từ tuổi nào? Hình như chị Luân Hoán, trong một lần vui chuyện, đã tiết lộ là vào tuổi 13. Tuổi của ca dao!

Lấy chồng từ thuở mười ba
Đến năm mười tám thiếp đà năm con
Ra đường thiếp hãy còn son
Về nhà thiếp đã năm con với chàng!

Như vậy, chị Luân Hoán chưa... ngon! Lấy chồng trễ mất ba năm và cho tới bây giờ chị mới có bốn con. Còn thiếu một đứa!

Nghịch ngợm một chút thôi, chị Luân Hoán à! Coi như thêm một chuyện vui trong cuộc đời chỉ có toàn chuyện vui của chị.

Tôi còn biết nghịch ngợm, huống chi tuổi teen. Đó là tuổi đứng hàng thứ ba, chỉ sau quỷ và ma. Học trò mà không nghịch thì còn ra cái... tuổi teen gì nữa! Học trò có hóa thành tượng cũng còn nghịch như điên.

Trong công viên có hai bức tượng teen rất đẹp, một nam một nữ. Họ lặng lẽ đứng đó nhìn nhau đắm đuối suốt nhiều năm ròng. Một sớm mai đẹp trời, một thiên thần xuất hiện và ban cho họ một điều ước: "Vì hai ngươi là những pho tượng mẫu mực đã mang lại niềm vui cho nhiều người, ta ban cho các ngươi điều ước lớn lao nhất: sự sống! Các ngươi sẽ có 30 phút để làm tất cả những gì khao khát bấy lâu nay!"

Thiên thần vừa dứt lời, lập tức hai bức tượng trở thành người thật. Họ mỉm cười với nhau, dắt tay nhau chạy vào khu rừng bên cạnh và lẩn vào sau một bụi cây. Thiên thần mỉm cười một mình khi nghe thấy đôi trai gái cười rúc rích và bụi cây rung soàn soạt, cành lá đu đưa.

Sau 15 phút, hai pho tượng sống từ trong bụi cây trở ra, vẻ thỏa mãn, tươi tỉnh. Băn khoăn nhìn đôi trẻ, thiên thần nhìn đồng hồ , hỏi:

"Các ngươi vẫn còn 15 phút làm người nữa, các ngươi có muốn tiếp tục không?"

Bức tượng nam nhìn âu yếm bức tượng nữ và hỏi:

"Em ơi! Mình làm lại lần nữa nhé!"

Bức tượng nữ mỉm cười e ấp, đáp:

"Dạ! Nhưng lần này đến lượt anh giữ con bồ câu để em 'bĩnh' lên đầu nó nhé!"

08/2004

ÂM DƯƠNG

Theo triết học cổ đại phương Đông, âm dương là những thế đối nghịch nhau của sự vật như: trời-đất, mặt trời-mặt trăng, nam-nữ, trắng-đen, ngày-đêm... Vợ chồng, vượt trên những đối nghịch, là tập hợp của âm dương. Theo Kinh Dịch, âm dương có giao cảm với nhau thì sự sống mới tồn tại và phát triển.

ngói âm dương lồ lộ
cảnh gắn bó yêu đương
kín đáo như đồ gỗ
cũng có mộng âm dương
muôn vật không xấu hổ
làm nghĩa vụ uyên ương
thì em đừng giả bộ
như kẻ ăn chay trường
dù em không ủng hộ
tinh cũng mộng bình thường

(Lê Vĩnh Thọ)

Sự sống nẩy sinh ra do sự giao hòa giữa vợ chồng. Đó là một tiến trình tiếp nối từ đời nọ qua đời kia. Lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái, chuyện bình thường chẳng có gì để nói. Đáng nói chăng là cái bất thường. Như một cặp vợ chồng người Đức sống với nhau đã tám năm mà chẳng thấy

có con cái gì. Tại sao người ta có con mà mình không có con, thắc mắc này đưa họ tới bệnh viện Lubek để khám bệnh cho ra lẽ. Sau những thí nghiệm, các bác sĩ cho biết là cả hai đều có khả năng sinh sản rất tốt và không có vấn đề gì trong việc thụ thai. Người chồng 36 tuổi và người vợ 30 tuổi, khi được hỏi chi tiết và nhịp độ các cuộc giao phối, họ đều ngớ ra và hỏi lại: "Ông nói cái gì?" Tới lượt các bác sĩ ngớ ra. Hóa ra hai vợ chồng chưa bao giờ biết chơi trò... đánh cờ người!

Hai người bình thường, không chậm phát triển trí tuệ nhưng được nuôi dưỡng trong một môi trường rất sùng đạo nên không biết làm những động tác cần thiết để có con cái. Họ sống giữa Âu châu trong thế kỷ thứ 21! Cái hành động mà Con Tạo đã phú cho muôn loài, không học cũng biết, Con Tạo lại quên mất không ban cho cặp vợ chồng này! Những người khác, họ "bức xúc" ngay từ đêm tân hôn.

Tối tân hôn, cô dâu đóng cửa buồng không cho chú rể vào, ra một vế câu đối bảo đối được mới mở cửa. Cô dâu cười tươi như hoa đọc:

"Hang Thiên Thai, then khóa động đào, đóng chặt lại kẻo chàng Lưu quen lối cũ."

Cô dâu đã dùng điển "Lưu thần nhập thiên thai" để ra câu đối. Chú rể cũng... chữ nghĩa ra gì, dùng điển "Bái Công nhà Hán dẫn quân vào cửa Tam Cốc" đối lại:

"Cửa Hàm Cốc, lỏng khuôn tạo hóa, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào."

Nhờ ba cái chữ nghĩa vào cái thời mà chữ nghĩa còn dí mũi vào mọi chuyện, chẳng cần chìa khóa, cổng vẫn mở toang cho ông Bái lừng lững đi vào!

Từ cái đêm mà những nhà thơ có cả một bồ chữ nghĩa để xưng tụng đó, một nhà máy thiên tạo được dựng lên và làm việc hết... công xuất! Cứ bình thường ra, vợ chồng gần nhau, đúng kỳ đúng hạn, đến hẹn lại... lên, thì ắt phải có sự lớn mạnh nơi vòng số hai của sở hữu chủ cái hang Thiên Thai. Cứ sồn sồn như vậy, cũng chẳng có gì đáng nói. Cái bất bình thường mới đáng ngôn tới. Trong hai "đối tác" nếu một bên có trục trặc thì... lỡ hẹn. Không thành nước thành non gì được cả. Trục trặc có thể xảy ra ở phía này cũng như ở phía kia, bên dương hoặc bên âm. Đường xá nào có xa xôi gì mà cũng có thể kẹt... cầu. Cái cầu đó do bên dương chịu trách nhiệm.

Không phải cứ gọi là dương là... dương đâu! Nhiều khi dương mà cụp. Cầu kèo oằn oại, xe cộ kẹt cứng, đi đâu được mà đi. Ngày xưa thì chỉ có cách than thân trách phận, hay có trách chăng thì chỉ biết ngẩng đầu lên trách cái oái oăm của ông xanh. Thơ phú đâu có phải Sở Lục Lộ mà biết sửa cầu. Chỉ vài năm gần đây, từ năm 1998, mọi sự bỗng thay đổi, có tin vui giữa giờ tuyệt vọng, ông Viagra ra đời. Những chiếc đồng hồ quanh năm giờ nào cũng là 6 giờ rưỡi bỗng biết leo lên chỉ đúng ngọ. Trận mạc một thời gian, ông Viagra bỗng... xìu! Thay thế vào là hai cái tên mới vừa được Canada chấp thuận cho sử dụng: Levitra và Cialis.

Levitra do hai hãng dược phẩm Bayer Healthcare Pharmaceuticals và Glaxo Smith Kline bào chế. Nó hơn Viagra ở điểm nào? Nó nhanh hơn, chỉ cần 15 phút là cờ quạt tưng bừng mở hội trong khi Viagra cần gấp đôi thời gian. Trévor Morgan, một thương gia hồi hưu ở Ontario, khi được phỏng vấn về việc dùng Levitra, đã hồ hởi cho biết là chỉ cần uống một viên là 10 tới 15 phút sau đã xông trận được lần thứ nhất. Và hai giờ sau là lần thứ hai!

Cialis, sẽ xuất hiện trên thị trường Bắc Mỹ vào tháng 12 sắp tới, đã được dân Pháp tuyên dương là viên thuốc "weekend" vì nó có tác dụng tới 36 giờ lận!

Tương lai? Các nhà nghiên cứu vẫn chưa bằng lòng. Họ không muốn các vị... mềm yếu phải mất

thời giờ vàng ngọc trong lúc dầu sôi lửa bỏng nên đang đi tới chỗ... hít. Hít sẽ có tác dụng mau hơn uống. Công ty Vectura ở Anh đang ở giai đoạn thử nghiệm chót của thuốc hít VR004. Thành phần chính của thuốc này là apomorphine hydrochloride. Trong thí nghiệm mới đây với 35 vị bị rối loạn cờ quạt, 59% lên gân được trong vòng tám phút. Có ba trự chỉ cần ba phút sau khi hít là... thấu trời xanh! Cuối năm nay, VR004 sẽ được thí nghiệm bao quát hơn để sẵn sàng... thế thiên hành hiệp!

Bắn để mà bắn thì như vậy, nhưng bắn mà có kết quả thì ngoài súng còn đạn. Đạn phải tốt. Vậy nhưng đạn dược ngày nay cứ xấu đi. Tại Hội Nghị Thế Giới lần thứ 18 về Sanh Sản và Hiếm Muộn vừa kết thúc ở Montréal, Giáo Sư Tina Kold Jenson của Viện Đại Học Nam Đan Mạch đã trình bầy kết quả cuộc nghiên cứu rộng rãi trên các thanh niên tuổi nhập ngũ. Cứ năm anh thì có một anh có số lượng tinh trùng dưới 20 triệu trong một mililitre tinh dịch, số lượng được Cơ Quan Y Tế Thế Giới WHO cho là... không đủ xài! Ngoài ra, trong một cuộc nghiên cứu chung tại năm quốc gia Âu Châu, đạn của các chàng sanh trong thập niên 80 là tệ nhất. Tình trạng... nghèo nàn này không phảo là do di truyền mà là vì môi trường sống. Người ta chưa có đủ những dữ kiện để qui tội cho các hóa chất được dùng như thuốc diệt cỏ pesticide chẳng hạn hoặc việc tiêu thụ các thực phẩm có pha trộn đầy hóa chất hiện nay. Nhưng có một điểm rõ ràng là con trai của các bà mẹ ghiền thuốc lá có tinh hoàn nhỏ và số lượng tinh trùng kém hơn những người khác.

Đạn dược kém chất lượng như vậy có cho gặp... bạn gái cũng như không. Chẳng nên hồ nên bột gì hết trọi! Biết nhờ ai?

Một cặp vợ chồng lấy nhau đã lâu vẫn chưa có con. Người chồng bèn hỏi ý kiến ông hàng xóm có bẩy con ở tầng trên. Ông hàng xóm cho ý kiến ngay:

"Dễ thôi! Nếu anh làm đúng như tôi bảo, mọi việc sẽ ổn cả. Trước hết, anh hãy đi mua một cục xà bông loại thật thơm, một lọ nước hoa và một cái chổi cán dài. Sau đó, anh bảo vợ anh tắm rửa sạch sẽ rồi xức nước hoa thật thơm."

Anh chồng thắc mắc:

"Thế còn cái chổi cán dài để làm gì?"

"Anh này chậm chạp thật! Thì để anh gõ lên trần nhà, tôi sẽ xuống ngay!"

Chuyện vợ chồng mà đi nhờ vả người ngoài sinh ra lắm chuyện. Toàn những chuyện thuộc loại đại rắc rối. Cũng rắc rối không kém là khi "sản phẩm" rõ ràng thuộc loại... *homemade* mà lại không giống chi cái anh chồng đầu gối tay ấp nằm bên cạnh! Khó ăn khó nói lắm chứ! Sự nghi kỵ nhiều khi mang tới những thảm họa. Nếu bạn gặp trường hợp... khó chịu này, đừng vội nhìn người phối ngẫu với cặp mắt nghiêm khắc. Có khi đó chỉ là... rủi ro! Tiến sĩ Sinh Vật Học A. V. Kuzuhetsov, người Nga, mới khám phá ra là tinh trùng trên đường thâm nhập tế bào trứng có thể nghịch ngợm vớ theo ADN của các vi khuẩn, siêu vi khuẩn hay các vô sinh vật khác mà nó gặp trên đường tới đích. Người ta đã thử thí nghiệm bằng cách đưa vào tinh dịch loại virus papillon, một loại virus có tác dụng kích thích sự xuất hiện các khối u. Sau đó, người ta "rửa sạch" virus và lấy ra một vài tinh trùng "sạch." Kết quả làm cho các nhà khoa học sửng sốt. Trong thời gian ngắn ngủi giao tiếp giữa tinh trùng và virus, tất cả các tinh trùng đã nhiễm ADN của papillon. Virus papillon chưa phải là loại virus đáng sợ nhất trong số các virus mà các chuyên gia phụ khoa tìm được trong chất nhờn ở âm đạo phụ nữ. Như vậy, nếu vào nhà hộ sinh mà thấy đứa con sơ sanh do vợ mình vừa cho ra đời trông không giống mình mà giống ai đâu thì cũng cứ... bình tĩnh mà run! Nhiều khi đó chỉ là kết quả của sự "tinh nghịch" của chính các chú tinh trùng của bạn tiện tay vớ chút đồ chơi lạ dọc đường tới chỗ... hẹn hò!

Bạn chưa yên tâm? Tùy ý! Biết đâu chỗ ma ăn cỗ! Một chú bé được một cậu bạn cùng lớp rỉ tai rằng tất cả người lớn đều có những bí mật riêng và rất dễ tống tiền họ bằng câu nói: "Tôi đã biết tất cả sự thực!" Về nhà, chú bé thử ngay với mẹ:

"Con đã biết tất cả sự thực!"

Bà mẹ vội dúi cho cậu 10 ngàn đồng và nói rất mềm mỏng:

"Đừng nói gì với bố nhé!"

Thấy ngon ăn, ông bố vừa đi làm về, cậu lại lập lại y chang với ông. Ông bố vội vàng móc ví cho cậu 50 ngàn đồng và bảo cậu giữ kín chuyện đừng nói với ai. Thấy kiếm tiền quá dễ bằng câu hù này, hôm sau, khi bác đưa thư vừa tới cổng nhà, cậu lại bổn cũ soạn lại. Bác đưa thư đứng lặng người, cặp kính trắng mờ đi, hai tay giang ra, nghẹn ngào nói:

"Nếu con biết hết sự thực rồi thì lại đây với... bố đi con!"

Tinh trùng là một thứ lăng quăng nên nó cứ... lăng quăng đi lạc hoài. Đường thẳng còn lạc huống

chi đường... lòng vòng. Nhưng phải đi quanh cũng là chuyện chẳng đặng đừng! Như khi người bố bị dính ung thư, trước khi chữa trị đã lấy tinh trùng đem ướp lạnh để dành chẳng hạn. Một bà người Anh dấu tên đã hạ sinh một bé trai với tinh trùng của người chồng để đông lạnh tới 21 năm. Đây là một kỷ lục thế giới về thụ thai bằng tinh trùng ướp lạnh... già nhất! Một trường hợp khác, lần này ở California, đứa con được thụ tinh bằng tinh trùng đông lạnh ra đời sau khi người cha, ông Bruce Vernoff, đã chết được bốn năm. Pháp luật đâm ra bối rối. Từ trước đến nay, luật pháp chỉ công nhận là con của người cha quá cố nếu đứa con được sanh ra sau khi người cha mất tối đa là một năm. Quan tòa, chẳng thể không dựa vào văn kiện pháp lý, phải xử đứa con muộn mằn đó không phải là con của ông Bruce. Thực tế và pháp luật quay lưng lại với nhau. Bản án kéo theo cái đuôi... rắc rối! Trên phương diện pháp lý, bé Brandi Vernoff không được hưởng quyền thừa kế và các phúc lợi khác. Gia đình kiện. Pháp luật chẳng thể cứ bưng tai bịt mắt không ngó tới những tiến bộ y khoa. Các nhà lập pháp ở California cũng như tại các tiểu bang khác bỗng có việc làm. Họ đang soạn thảo một dự luật giải quyết những trường hợp thụ thai nhân tạo này.

Vợ thụ thai bằng tinh trùng đông lạnh của chồng đã rắc rối như vậy, thụ thai bằng cách xin tinh trùng của người khác còn rắc rối tới đâu! Toà án Tối Cao Québec cũng đang nhức đầu về chuyện này. Số là, một cặp đồng tính nữ vừa "cưới" nhau được một tháng trước khi một người sanh con. Trên giấy khai sanh, hai người là... bố mẹ chính thức của đứa con gái này. Nhưng cái anh chàng cho tinh trùng để thụ thai lại không chịu. Anh lý luận là chính anh mới là người cha "sinh học" của đứa nhỏ và đòi quyền thăm con theo định kỳ. Anh chàng này là bạn của người mẹ và tinh trùng không được cấy trực tiếp mà qua ống nghiệm. Khi tạo sinh cho người mẹ, anh có mặt ở bệnh viện. Khi người mẹ dính bầu, bà đã điện thoại báo tin cho anh bằng câu: "Chào bố!" Khi bà đập bầu, anh cũng có mặt ở nhà thương. Vậy thì con anh chứ con cái bà không có khả năng làm chồng mà đòi làm chồng kia à? Tòa án tính sao? Bà Chánh Án Suzanne Courteau phán như thế này: trong khi bà mẹ có lý khi cho là người cho tinh trùng không có quyền thăm con thì, trên thực tế, người cha sinh học đã liên hệ sâu xa vào việc này lại tin rằng ông ta có một vai trò; vì vậy, phải xem là việc hoạch định này bắt nguồn bởi mối liên hệ cũ hay bởi cặp vợ chồng đồng tính, đây là một yếu tố quan trọng quyết định sự việc. Bà Chánh Án rao nam rao bắc như vậy để câu giờ cho phiên xử quyết định vào tháng 9 sắp tới!

Rắc rối như vậy đã đau cái đầu chưa? Ông nhà văn Trang Châu bảo chưa! Ông húc vào chuyện rắc rối này bằng truyện ngắn "Thuê Tình." Một thiếu phụ "sâu sắc, tế nhị, ngăn nắp, nhan sắc không tệ" tìm tới phòng mạch của Bác sĩ Trung, độc thân, khỏe mạnh, ham thích thể thao, để vòng vo tam quốc một hồi rồi đi vào điểm chính: *"Vấn đề của tôi như thế này. Tôi lập gia đình với Giang đã bẩy năm nay. Chồng tôi là thương gia, có cơ sở xuất nhập cảng lớn ở Tân Gia Ba. Chúng tôi không có con. Nguyên nhân hiếm muộn theo lời các bác sĩ ở Pháp là do phía chồng tôi. Nhưng anh ấy không chịu tin. Anh đi hết cô này đến cô khác với hy vọng có lúc anh chứng tỏ được anh vẫn có khả năng truyền giống. Tôi sợ nếu có một người đàn bà nào báo tin rằng cô ta mang thai với Giang, anh sẽ tin và có thể bỏ tôi để cưới cô kia làm vợ. Tôi mất chồng và sự nghiệp của chồng tôi sẽ về tay người đàn bà khác. Tại sao người đàn bà thông báo cho chồng tôi mình có bầu lại không phải là tôi? Như thế tôi sẽ giữ được tất cả. Tôi tìm kiếm một người đàn ông đủ điều kiện giúp tôi thực hiện ước mơ đó. Đủ điều kiện có nghĩa là diện mạo phải thật giống chồng tôi vì như thế đứa con có nhiều hy vọng giống Giang. Tiếp đến phải là một người đàn ông có kiến thức. Tôi gặp ông và vui mừng thấy đã tìm đúng người. Xin ông đừng nghĩ đó là một việc làm sai quấy mà xin ông hãy nghĩ ông đang làm một việc thiện, nếu không phải cho đời thì ít nhất cũng cho tôi."*

Và người đàn bà đề nghị Bác sĩ Trung... làm việc thiện bằng cách cho bà mầm sống trong bụng một cách trực tiếp, không ống nghiệm lôi thôi. Trong chín đêm tại khách sạn, Trung... làm việc thiện. Kết quả là cái bầu. Truyện chuyển lòng vòng qua nhiều tình huống. Sự thực cuối cùng là người đàn bà chưa có chồng. Họ âm dương thành vợ thành chồng!

Âm dương, chúng đối lập với nhau nhưng lại luôn luôn cọ sát với nhau để ra chuyện...rắc rối! Ông Trang Châu dại dột tra chân vào. Tôi, tuy bạn với ông Trang Châu, nhưng tôi không dại như ông ấy. Tôi chạy!

06/2004

Website: www.songthao.com

THỬ ĐI TÌM NGUYÊN NHÂN TẠI SAO

CỤ PHAN THANH GIẢN

Bị Cộng Sản Bắc Việt Kết Tội

TRẦN ĐÔNG PHONG

Ngay sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhiều người ở miền Nam Việt Nam đều ngạc nhiên và sửng sốt khi thấy một trong những người đầu tiên ở miền Nam đã bị những người Cộng sản chiến thắng đánh phá một cách vô cùng hăng say, một cách vô cùng không thương xót, lại không phải là những người đã từng lãnh đạo quốc gia Việt Nam Cộng Hòa chống lại Cộng sản Hà Nội như Tổng Thống Ngô Đình Diệm hay Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, mà là một nhân vật miền Nam đã tạ thế hơn một thế kỷ trước, đó là Cụ Phan Thanh Giản.

Ngay vào đầu tháng 5 năm 1975, tất cả những con đường mang tên Cụ Phan Thanh Giản ở trên khắp 55 đô, tỉnh và thị xã ở Miền Nam Việt Nam đều bị chính quyền Cộng sản hủy bỏ và thay thế bằng những tên mới. Ngôi trường trung học lớn nhất ở miền Tây đã được mang tên cụ Phan Thanh Giản từ trước năm 1945 cũng bị đổi tên ngay lập tức và thay thế bằng tên của một cán bộ Cộng sản mà đa số mọi người dân khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh không hề được biết, ngôi tượng của Cụ Phan Thanh Giản được nhân dân Cần Thơ và học sinh trường Trung Học Phan Thanh Giản dựng lên vào đầu thập niên 1970 tại sân cờ của trường này cũng bị cán bộ Cộng sản đập phá tan tành ngay vào những ngày đầu họ mới tiếp thu thành phố Cần Thơ và pho tượng của Cụ tại châu thành Bến Tre, nơi quê hương của Cụ, cũng bị đập phá và dẹp bỏ...

Cụ Phan Thanh Giản đã có tội gì mà lại bị những người Cộng sản chỉ đáng tuổi cháu chắt mấy đời của Cụ hận thù đến như vậy?

Trong bài này người viết không có tham vọng cũng như là không có đủ khả năng để tìm hiểu nguyên nhân rõ rệt tại sao những người Cộng sản lại kết tội cụ Phan Thanh Giản, tuy nhiên người viết cũng cố gắng tìm kiếm một số tài liệu để tìm hiểu thêm về những sự kiện có liên hệ đến quyết định này.

Trần Huy Liệu và "Bài Kết Luận" Trong Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử

Theo Giáo sư Phan Huy Lê, Chủ Tịch Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam, giáo sư Sử Học thuộc trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, thì *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* số 55 xuất bản tại Hà Nội vào tháng 10 năm 1963 đã "*công bố bài kết luận của Giáo sư Trần Huy Liệu dưới tiêu đề: "**Chúng Ta Đã Nhất Trí Về Việc Nhận Định Phan Thanh Giản**." Quan điểm chung của bài kết luận là lên án Phan Thanh Giản: "Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân, là phạm tội "dâng thành hiến đất cho giặc" và từ đó phủ nhận tất cả "tứ đức" của ông như "đức tính liêm khiết," "lòng yêu nước," "thương dân"...vì công đức đã bại hoại thì tư đức còn có gì đáng kể*." [1]

Theo Tiến sĩ *Phan Thị Minh Lễ*, người viết nghe nói bà cũng là hậu duệ của Cụ Phan Thanh Giản, thì "*vào năm 1963, chính phủ Hà Nội mở một chiến dịch tuyên truyền nhằm chống lại chính phủ Sài Gòn và 'Đế quốc Mỹ' với khẩu hiệu sau đây: 'Đẩy mạnh cuộc đấu tranh toàn diện, đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.'*

Tất cả mọi phương tiện đều có lợi cho việc đẩy mạnh chiến dịch tuyên truyền này. Dường như giáo sư Trần Huy Liệu, một vị giáo sư đại học nổi tiếng và là một nhà sử học nghiêm chỉnh đã không ngần ngại dùng nhân vật Phan Thanh Giản để bôi xấu cái thái độ khuất phục trước sức mạnh của người ngoại quốc. Vào năm 1867, đó là người Pháp và vào năm 1963 thì lại là người Mỹ..."

Cũng theo Tiến sĩ Phan Thị Minh Lễ thì tuy

Trần Huy Liệu nói rằng *"chúng ta nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản"* nhưng cũng trong tạp chí Nghiên cứu Lịch Sử số 55 này, Trần Huy Liệu đã thú nhận rằng *"trong cuộc thảo luận này, chúng ta đã gần như "giật mình vì nổi giận" (choqué) vì lập trường của hai đồng chí Chương Thâu và Đặng Huy Vân, lập trường không ai mong đợi vì hai đồng chí này vẫn chưa bỏ được cảm tình của họ dành cho Phan Thanh Giản, do đó họ đã trở thành đối tượng của sự phản đối và đã gây ra một loạt chỉ trích..."* [2]

Giáo sư Văn Tạo, cựu Giám đốc Viện Sử Học Hà Nội đã cho biết rằng *"vào những năm 1962-1963, trong cuộc thảo luận trên Tạp chí Nghiên Cứu Lịch sử và trong hội thảo khoa học ở Viện Sử Học, có nhiều ý kiến khác nhau. Thậm chí sau lời tổng kết hội thảo của Giáo sư Trần Huy Liệu, nguyên Viện Trưởng Viện Sử Học, với đầu đề "Chúng Ta Nhất Trí về Việc Nhận Định về Phan Thanh Giản" thì ngay sau đó, Giáo sư Ca Văn Thỉnh, nguyên Giám Đốc Thư Viện Khoa Học Xã Hội, cũng đã nói lên tình cảm chân thành của mình: "Về mặt khoa học, các đồng chí nhận định như vậy là có lý, nhưng về mặt tình cảm, trí thức Lục Tỉnh chúng tôi vẫn có nhiều băn khoăn, thấy không muốn hạ thấp Phan Thanh Giản xuống đến như thế..."* [3]

Như vậy thì việc kết án cụ Phan Thanh Giản không có *"nhất trí"* như Trần Huy Liệu viết vì ngoài Giáo sư Ca Văn Thỉnh, hai ông *Chương Thâu* và *Đặng Huy Vân*, cũng là đảng viên Cộng Sản vì Trần Huy Liệu gọi là *"đồng chí,"* đã có viết một bài nhan đề *"Phan Thanh Giản Trong Lịch Sử Cận Đại Việt Nam"* đăng trên tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử số 48* vào tháng 3 năm 1963, trong đó hai nhân vật này còn bênh vực cho cụ Phan Thanh Giản.

Người viết không có cơ hội được đọc bài này của hai ông Chương Thâu và Đặng Huy Vân cũng như là bài của Trần Huy Liệu, tuy nhiên theo nhiều nguồn tin từ miền Bắc thì đại khái trong *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* số tháng 10 năm 1963, Trần Huy Liệu đã quy trách nhiệm cho Cụ Phan Thanh Giản trong việc ký hòa ước năm Nhâm Tuất 1862 nhượng ba tỉnh miền Đông cho người Pháp rồi sau đó lại để cho mất ba tỉnh miền Tây vào năm 1867 và kết tội cụ Phan Thanh Giản đã *"dâng thành hiến đất cho giặc, phản lại quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân..."* Đối với người Cộng sản, một khi bị kết tội là *"phản bội quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân"* thì đó là tội *"phản quốc"* và một người mang tội như vậy thì không xứng đáng được xem như là một vị anh hùng dân tộc đáng được tôn thờ như tại miền Nam hồi đó.

Trần Huy Liệu là người như thế nào mà bài kết tội cụ Phan Thanh Giản của ông vào năm 1963 lại có ảnh hưởng tại miền Nam 12 năm sau đó?

Trần Huy Liệu là một nhân vật rất nổi tiếng và có nhiều uy quyền ở miền Bắc, nhất là trong lãnh vực văn hóa cho đến khi ông chết vào năm 1969.

Năm 1924, Trần Huy Liệu đã từ Hà Nội vào Nam Kỳ để cộng tác với nhiều tờ báo ở Sài Gòn như *"Nông Cổ Mín Đàm," "Ngòi Bút Sắt,"* làm chủ bút các tờ *"Đông Pháp Thời báo," "Pháp Việt Nhất Gia"* v.v. Ông có tham gia phong trào đòi hỏi người Pháp phải phóng thích Cụ Phan Bội Châu, phong trào truy điệu Cụ Phan Chu Trinh và bị Pháp bắt vào năm 1927. Sau khi ra khỏi tù, ông gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng vào năm 1928 rồi lại bị người Pháp bắt vào năm 1929 và đày ra Côn Đảo cho đến năm 1935. Trong thời gian bị tù ở Côn Đảo, ông chịu ảnh hưởng của các tù nhân Cộng sản, do đó, sau khi được phóng thích vào năm 1935, ông về hoạt động tại Hà Nội và chính thức gia nhập đảng Cộng sản Đông Dương vào năm 1936. Trong thời gian này, ông chủ trương những tờ báo thân Cộng sản như *Đời Mới, Thời Báo, Tin Tức, Đời Nay* rồi lại bị Pháp bắt vào năm 1939, sau đó bị đày lên Sơn La. Tại nhà tù này, thực dân Pháp cũng đang giam giữ nhiều đảng viên Cộng sản khác trong đó có những người sau này nổi tiếng như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ v.v. Tháng 3 năm 1945, nhân cơ hội người Nhật đảo chính người Pháp, ông vượt ngục rồi về chiến khu Tân Trào. Trong *"Quốc Dân Đại Hội"* họp tại Tân Trào ngày 8 tháng 7 năm 1945, Trần Huy Liệu được bầu làm Phó Chủ tịch *Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng*, chỉ đứng sau Hồ Chí Minh nhưng lại trên cả Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng và Chu Văn Tấn...

Ngày 29 tháng 8 năm 1945, Trần Huy Liệu được giữ chức Bộ trưởng Tuyên Truyền trong Chính phủ Lâm Thời của Hồ Chí Minh và đã cầm đầu một phái đoàn của Việt Minh vào Huế để nhận ấn tín và sự thoái vị của Vua Bảo Đại. Trong những năm sau đó, Trần Huy Liệu được giữ những chức vụ quan trọng khác trong Tổng Bộ Việt Minh, Tổng Cục Chính Trị Quân Đội và Thường trực Quốc Hội.

Sau năm 1954, Trần Huy Liệu được giữ những chức vụ quan trọng trong lãnh vực văn hóa như làm Trưởng Ban Nghiên cứu Văn-Sử-Địa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện trưởng Viện Sử học, Hội trưởng Hội Khoa Học Lịch sử Việt Nam cho đến khi mất vào năm 1969. [4]

Đó là con người Trần Huy Liệu, một nhân vật có rất nhiều ảnh hưởng trong các lãnh vực chính trị, văn hoá và nhất là lịch sử vì vào đầu thập niên 1960, ông đang giữ chức vụ Viện trưởng Viện Sử Học.

Cán Binh Nam Bộ Tập Kết Làm Loạn Tại Miền Bắc

Vào năm 1963, trong khi tình hình kinh tế miền Bắc đang gặp phải nhiều khó khăn vì nạn hạn hán, trong khi đảng Cộng sản Việt Nam đang bị chia rẽ trầm trọng vì sự xung đột về ý thức hệ rất trầm trọng giữa hai nước Cộng sản đàn anh là Liên Xô và Trung Hoa Cộng sản, trong khi tình hình chiến sự tại miền Nam đang trở nên sôi động, câu hỏi được đặt ra là tại sao cũng đúng vào thời gian đó, đảng Cộng sản Việt Nam, qua giáo sư Trần Huy Liệu, lại cho mở nhiều cuộc hội thảo để chỉ trích, để đánh phá, để kết tội, để bôi nhọ và "*hạ bệ*" một vị danh nhân miền Nam đã từ trần từ năm 1867 tức là đã gần 100 năm về trước?

Trong bài này, người viết sẽ chỉ phân tích một số sự kiện đã xảy ra tại miền Bắc vào năm 1963 để thử tìm hiểu nguyên nhân tại sao Giáo sư Trần Huy Liệu lại bỏ nhiều thì giờ, công sức và ảnh hưởng để làm việc này, ông ta tự ý hay là đã nhận được lệnh của những người khác cao cấp hơn ông để mở chiến dịch "*hạ bệ*" cụ Phan Thanh Giản và với mục đích gì?

Những người miền Nam bị tập kết ra Bắc Việt vào năm 1954 và 1955 đều được Đảng hứa hẹn rằng sau hai năm, tức là đến tháng 7 năm 1956, thì sẽ có cuộc bầu cử theo Hiệp Định Genève và họ sẽ được trở về Nam Bộ. Nhưng sau tháng 7 năm 1956 thì cũng chẳng thấy bầu cử diễn ra và đến Tết năm 1957 thì rất đông đảo người miền Nam tập kết đã vô cùng thất vọng, vô cùng bất mãn và họ đã có những thái độ và hành động rất tiêu cực đối với Đảng và Nhà Nước, có nơi đã xảy ra những cuộc chống đối, nổi loạn và Nhà Nước đã phải sử dụng đến võ lực để dẹp tan những vụ nổi loạn này.

Nhà văn Xuân Vũ, một người miền Nam tập kết ra Bắc vào năm 1954-1955 và đã sống ở miền Bắc trong hơn 10 năm trước khi "*đi B*" tức là lên đường vào "giải phóng miền Nam," tuy nhiên khi vào đến miền Nam thì ông rời bỏ hàng ngũ Cộng sản và đã sáng tác rất nhiều tác phẩm lột trần bộ mặt thật của chế độ Cộng sản Hà Nội. Trong cuốn "***Cách Mạng Tháng 8, Cha Đẻ của Còng Số 8***," ông Xuân Vũ có cho biết về tình hình những người Nam Bộ tập kết tại miền Bắc như sau:

"Thời năm 1956-1958, xã hội miền Bắc như một chảo dầu sôi, nơi thì dân Nam Bộ tập kết bất mãn bỏ cơ quan đi, nơi thì thương binh Nam Bộ nổi dậy đánh chính quyền, chỗ thì học sinh miền Nam đụng súng với du kích, cán bộ địa phương. Có cả một đoàn sĩ quan Nam Bộ điều dưỡng tại Sầm Sơn kéo nhau về Nam, một anh hùng quân đội, Nguyễn Văn Song, trốn đi về Nam đơn vị không tìm lại được... Trong khi đó thì trung tá Phan Thanh Nhàn, người Bến Tre, bị hạ ngục vì mắc tội "Ban Chữa Cháy Trung Ương" để ứng phó với tình thế. Có nghĩa là nơi nào nổi dậy, làm loạn thì ban chữa cháy phải đến, cái Ban đó có Nguyễn Trấn đứng một chân vì ông ta là bậc trưởng thượng của dân Nam Kỳ nên tiếng nói của ông ta có tác dụng của những trận mưa dội xuống những đám cháy mới bốc.. " [5]

..."Những tên Nam Kỳ suốt chín năm thờ lạy hung thần hang Pắc-Pó, bây giờ ra đất Bắc mới hiểu cái thắng lợi Điện Biên Phủ là cái... gì. Nhiều tên thối chí chửi quá sức tưởng tượng và chui xuống tàu "Arkhangels" hoặc "Starvoropol" [6] *để trở về Nam sau khi đặt chân lên đất Bắc chỉ có một ngày...*

"Ra Bắc rồi trắng con mắt ra. Đám dân Nam Kỳ được coi như những "con heo thiếu vú," tức là con nái sề Hồ có hai cái vú thôi nhưng có ba đứa con. Con của mụ là Bắc và Trung đã ngoạm hết rồi, cho nên thằng Nam đành ngơ mõ lợn đứng dòm người anh em bú. Tôi nói không sai và cũng không có thêm thắt. Dân Liên khu "Nem" được ưu đãi hơn dân Nam Cờ..." [7]

Nổi tiếng nhất hồi đó là "*vụ Ninh Bình*": một số cán binh Nam Bộ tập kết vì bị cán bộ địa phương đối xử bất công nên đã nổi loạn, bắt giữ bí thư tỉnh ủy, chủ tịch tỉnh và trưởng ty Công an Ninh Bình làm con tin. Cộng sản Hà Nội phải cho triệu Tướng Tô Ký về để giàn xếp. Trước năm 1954, Tô Ký là sư trưởng kiêm chính ủy Sư đoàn 330 ở Nam Bộ, khi tập kết ra Bắc được phong quân hàm thiếu tướng rồi được bổ nhiệm làm Chính ủy Quân Khu Tả Ngạn. Tô Ký là người được các anh em bộ đội tập kết thương yêu và kính trọng vì ông ta đối xử với đàn em rất bình

dân như người Nam Kỳ, ông thường ra lệnh cho lính tráng gọi ông là "*anh Ba*" thay vì thiếu tướng như những người khác.

Khi Tô Ký đến Ninh Bình, ông đến gặp những người "nổi loạn" và thuyết phục họ ra đầu hàng, ông cũng hứa hẹn là nhà nước sẽ khoan hồng và sẽ cứu xét những điều khiếu nại của họ. Trong khi những người Nam Bộ tập kết này đang tập họp để chờ đợi "*anh ba Tô Ký*" điều đình với Đảng ở Hà Nội thì Tướng Phùng Thế Tài, Tổng Tham mưu Phó kiêm Tư Lệnh Phòng không của Không Quân Bắc Việt, một viên tướng được mệnh danh là "*tướng cao bồi*" của quân đội miền Bắc, đến Ninh Bình và đã ra lệnh cho bộ đội của ông ta mang tất cả những người miền Nam tập kết ra bắn bỏ tại bờ sông Đoan Vỹ tại Phủ Lý. Tướng Tô Ký đã nổi giận về việc giết người của Phùng Thế Tài và đã kiện lên Bộ Chính Trị về vụ sát nhân này nhưng Bộ Chính Trị lại ra mặt bênh vực Phùng Thế Tài vì Tài là một người thân tín của Hồ Chí Minh, đã từng làm cận vệ cho Hồ Chí Minh từ tháng 2 năm 1940 cho tới tháng 8 năm 1945, do đó Bộ Chính Trị đã quyết định rằng đó là một hành động chính đáng để đối phó với những "*phần tử vô kỷ luật*." Sau vụ này, đa số dân Nam Bộ tập kết đều vô cùng bất mãn và chính quyền Hà Nội phải ra lệnh cho đưa họ đi lên những nơi xa xôi trên vùng mạn ngược.

Lê Duẩn Được Chỉ Định Làm Bí Thư Thứ Nhất Đảng Lao Động Việt Nam

Trong bối cảnh đó, chiến dịch "*Cải Cách Ruộng Đất*" đã làm cho nông dân miền Bắc phẫn nộ và chống đối khắp nơi khiến cho Hồ Chí Minh phải đứng ra xin lỗi, sửa sai bằng cách hạ bệ Tổng Bí thư đảng Cộng sản là Trường Chinh và ông Hồ kiêm nhiệm luôn chức vụ này.

Như vậy, vào thời gian đó, Hồ Chí Minh giữ những chức vụ sau đây: Chủ Tịch Đảng Lao Động, Tổng Bí Thư Đảng Lao Động, Chủ Tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Chủ Tịch Quân Ủy Hội. Đó là những chức vụ quan trọng hàng đầu trong hai guồng máy đảng và nhà nước mà ông Hồ Chí Minh thì đã 70 tuổi rồi, bên phía chính phủ thì đã có Phạm Văn Đồng là người thân tín của ông giữ chức vụ thủ tướng, còn bên đảng thì cũng cần có một người trẻ tuổi để lo việc điều hành bộ máy của đảng. Lúc bấy giờ, sau khi Trường Chinh bị mất chức, người được đảng viên và quân đội ủng hộ mạnh mẽ nhất là Đại Tướng Võ Nguyên Giáp. Ông Võ Nguyên Giáp là một người trí thức, đã từng làm giáo sư trước khi gia nhập đảng Cộng sản rồi trở thành đại tướng, ủy viên Bộ Chính Trị, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, được báo chí thế giới ca tụng là "*anh hùng Điện Biên Phủ*"...Đối với quần chúng trong nước, ở miền Bắc cũng như là ở miền Nam và các nhà quan sát quốc tế thời đó, ai cũng nghĩ rằng người sẽ được Hồ Chí Minh chọn làm Bí thư cho Đảng Lao Động Việt Nam phải là Võ Nguyên Giáp, tuy nhiên tất cả mọi người đều ngạc nhiên, có thể nói là sửng sốt, khi Hồ Chí Minh chính thức công bố việc Lê Duẩn được chọn làm Bí Thư Thứ Nhất cho Đảng Lao Động vào năm 1960.

Lê Duẩn người gốc phủ Triệu Phong tỉnh Quảng Trị, trình độ văn hoá chỉ có bằng "*certificat*" (tiểu học,) làm công nhân bẻ ghi cho sở Hỏa xa, gia nhập đảng Cộng sản từ năm 1930 và bị Pháp bắt bỏ tù từ năm 1931 đến 1936 tại Sơn La. Sau đó đến năm 1940 lại bị tù lần nữa và bị đày đi Côn Đảo cho đến năm 1945. Sau năm 1945, Lê Duẩn phục vụ tại Nam Bộ với chức vụ khiêm nhường là "*Trưởng Phòng Dân Quân Nam Bộ*" nhưng sau khi Tướng Nguyễn Bình bị Pháp phục kích bắn chết vào năm 1951 thì Lê Duẩn mới trở thành Bí Thư Xứ Ủy Nam Bộ và người phụ tá cho Lê Duẩn là Lê Đức Thọ, Ủy viên Ban Thường vụ Trung Ương Đảng.

Năm 1955, theo Hiệp định Genève thì tất cả các cấp cán bộ đảng Lao Động và quân đội đều phải tập kết ra Bắc thì "*một buổi tối quãng đầu năm 1955, trước sự chứng kiến của Ủy Ban Giám Sát Quốc Tế, anh Ba (Lê Duẩn) cùng các anh Lê Đức Thọ, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Hưởng, Phạm Văn Bạch... lên chiếc tàu Ba Lan neo ở Vàm Sông Đốc (Cà Mau) để tập kết ra Bắc. Đó là chuyến tập kết áp chót. Gần nửa đêm, anh Ba bí mật xuống ca nô quay rở lại. Tôi được phân công đưa và đón anh Ba về một căn cứ đã chuẩn bị từ trước. Việc bố trí anh Ba ở lại miền Nam là một quyết định rất đứng đắn của Bác Hồ, của Trung Ương Đảng, một sự đầu tư đặc biệt lớn cho miền Nam và cả nước. Tuy nhiên phải nói rằng quyết định đó cũng có phần mạo hiểm...*" [8]

Như vậy thì sau khi bị tù ở Côn Đảo cho đến năm 1945, Lê Duẩn phục vụ tại Nam Bộ và ngay cả sau Hiệp Định Genève thì chính Võ Văn Kiệt, ủy viên trong Bộ Chính Trị và Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng sau này xác nhận Lê Duẩn được Hồ Chí Minh chỉ định ở lại miền Nam, có lúc sống ngay tại thủ đô Sài Gòn (1956) và cho đến giữa năm 1957 mới ra Hà Nội.

Đối với giới lãnh đạo cũng như các đảng viên Cộng sản lão thành tại miền Bắc lúc đó, Lê Duẩn chỉ là một kẻ gần như là vô danh ít được ai biết đến vì bị ở tù trên 10 năm rồi sau đó chỉ hoạt động nhiều năm tại Nam Bộ, Lê Duẩn không có trình độ văn hóa, không có hậu thuẫn cũng như sự ủng hộ của ai ở miền Bắc, tuy nhiên, theo Võ Văn Kiệt thì sau khi ra Hà Nội, Lê Duẩn lại được Chủ Tịch Hồ Chí Minh chỉ định vào chức vụ "Quyền Tổng Bí Thư" đảng Lao Động Việt Nam thay cho Trường Chinh, qua mặt và đánh bại những đảng viên lão thành trong đó có ông giáo sư Sử học, đại tướng Võ Nguyên Giáp, người được ông Hồ Chí Minh rất thương yêu từ hồi còn ở Trung Hoa và đã được ông Hồ ưu ái đặt tên là "*đồng chí Văn*" từ ngày còn ở Tân Trào.

Phan Thanh Giản - Hình do họa sĩ Pháp vẽ

Chỉ trong vòng ba năm sau ngày ra Bắc, trong Đại Hội Kỳ 3 Trung Ương Đảng vào năm 1960, ông Hồ Chí Minh tuyên bố chính thức đề cử Lê Duẩn làm Bí Thư Thứ Nhất Đảng Lao Động Việt Nam và lý do là tại vì "*đồng chí Lê Duẩn đại diện cho Nam Bộ, "Nam Bộ là thành đồng tổ quốc" và "Miền Nam luôn luôn ở trong tim tôi.*" Tuy nhiên về sau thì những nhà phân tích mới thấy rõ cái thâm ý của Hồ Chí Minh: ông Hồ "*sợ*" một người có tài và có rất nhiều uy tín trong quân đội như Võ Nguyên Giáp vì một khi Võ Nguyên Giáp có quyền hành trong tay thì họ Võ có thể sẽ có uy tín hơn cả Hồ Chí Minh và có thể lật đổ họ Hồ, trong khi đó chọn một người ít học, không có ảnh hưởng và hậu thuẫn gì ở miền Bắc như Lê Duẩn thì sẽ không bao giờ dám phản lại Hồ Chí Minh.

Nhà văn Vũ Thư Hiên đã có nhận xét về việc Lê Duẩn được chọn làm Bí Thư Thứ Nhất như sau: "*Mọi người đều ngạc nhiên trước kết quả của Đại Hội (kỳ 3). Trong kháng chiến chống Pháp, Võ Nguyên Giáp là nhân vật lãnh đạo đứng hàng thứ ba, chỉ sau có Hồ Chí Minh và Trường Chinh. Trường Chinh ra đi, chức tổng bí thư mặc nhiên phải thuộc về Võ Nguyên Giáp, ai chả nghĩ thế.*

"Nhưng sự đời lại diễn ra theo cách khác. Theo nhận xét của những người Cộng sản thuộc thế hệ đầu tiên thì cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều lo ngại ông tướng đã có quá nhiều vinh quang sẽ trở nên không dễ bảo sau cuộc đảo lộn ngôi thứ. Mà cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều muốn giữ lại vị trí trước kia của họ về thực chất, cho dù danh nghĩa không còn. Cần phải chọn một người có vị trí và uy tín kém hơn Võ Nguyên Giáp. Do biết ơn người cất nhắc mình, người đó sẽ vừa ngoan ngoãn vừa trung thành...

"Lê Duẩn thích hợp hơn cả với vai trò đó..." [9]

Hồ Chí Minh đã phạm một lỗi lầm vô cùng tai hại cho ông ta vì Lê Duẩn không có "*ngoan ngoãn và trung thành*" như ông ta tưởng, chỉ trong vòng có hơn ba năm, với sự trợ giúp của người đồng chí từ miền Nam là Lê Đức Thọ trong cương vị Trưởng Ban Tổ Chức Đảng, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã thu tóm được nhiều quyền lực và Hồ Chí Minh bị hai "đồng chí họ Lê" tước mất nhiều quyền hành, chỉ còn "*ngồi chơi xơi nước*" từ cuối thập niên 1960. Theo nhà văn Vũ Thư Hiên thì ông Hồ bị mất quyền lực vào khoảng trước năm 1965, sau khi ông Ngô Đình Diệm bị giết:

"Năm 1965, trong một cuộc nói chuyện với cán bộ tuyên giáo ở Hưng Yên, Trưởng Ban Tuyên Giáo Trung Ương Tố Hữu nói: "Ông Cụ 'lẫn cẩn' (có lẽ là 'lẩm cẩm' theo tiếng miền Nam) rồi, mọi việc bây giờ đều do anh Ba (Lê Duẩn) và tụi tôi giải quyết." [10]

Giới Trí Thức Nam Bộ Coi Thường Lê Duẩn và Lê Đức Thọ

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Việt Minh chia nước Việt Nam thành chín khu và Nam Bộ được chia thành ba khu: vùng miền Đông được

gọi là Khu 7, vùng ở giữa hai con sông Tiền Giang và Hậu Giang được gọi là Khu 8 và vùng từ sông Hậu giang về tận Cà Mau được gọi là Khu 9. Lê Duẩn là người gốc Trung Kỳ cùng với Lê Đức Thọ gốc Bắc Kỳ nắm quyền chỉ huy của cả Nam Bộ, tuy nhiên một số người Nam Kỳ vẫn còn được giao cho quyền chỉ huy một vài vùng như Huỳnh Văn Nghệ được làm tư lệnh Khu 7, Nguyễn Văn Trấn được làm tư lệnh kiêm chính ủy khu 8, và Huỳnh Phan Hộ làm tư lệnh Khu 9 v.v., tuy nhiên về sau, khi Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đưa Dương Quốc Chính vào Nam Bộ thì những người lãnh đạo gốc miền Nam gần như là không còn có ảnh hưởng gì nhiều.

Trong thời kỳ trước năm 1945, số đảng viên Cộng sản được huấn luyện tại Liên Xô, Trung Quốc rất là hiếm hoi, có thể nói là chỉ được đếm trên đầu ngón tay, đại đa số đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đều được huấn luyện ở trong nước, đa số là trong những nhà tù của thực dân Pháp và trình độ văn hóa cũng như chính trị của nhóm này thì rất tầm thường, chẳng có gì đáng kể. Tuy nhiên có một số đảng viên Cộng sản rất trí thức, trình độ văn hóa rất cao, ngay cả về chủ thuyết Cộng sản, họ cũng học còn cao hơn cả Hồ Chí Minh, hơn cả Võ Nguyên Giáp, hơn cả Phạm Văn Đồng, hơn cả Trường Chinh v.v., đa số những đảng viên này là những người đã từng du học ở Pháp, có người là đảng viên của đảng Cộng sản Pháp chứ không phải đảng Cộng sản Đông Dương và gần như hầu hết những người này đều là người... Nam Bộ. Trong tổng số 20 đảng viên Cộng sản người Việt Nam được đào tạo tại Trường Lao Động Đông Phương ở Liên Xô, vào thập niên 1960 chỉ có năm người còn sống sót, ngoài Nguyễn Khánh Toàn là người Huế, bốn người còn lại đều là gốc Nam Bộ: đó là Bùi Công Trừng, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Trấn và Trần Văn Giàu.

Ngay từ thời kháng chiến chống Pháp cho đến sau khi tập kết ra Bắc, đám trí thức này vẫn coi thường Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và đám tay chân của họ cho nên sau khi hai người này nắm được quyền hành thì họ bắt đầu có những âm mưu triệt hạ ảnh hưởng của đám đảng viên người Nam Bộ trí thức này và cơ hội đã đến khi Đảng Cộng sản họp Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Lần Thứ 9, gọi tắt là Hội Nghị 9 vào tháng 12 năm 1963 để thảo luận về vấn đề lập trường của Đảng Lao Động Việt Nam trước cuộc tranh chấp giữa hai nước đàn anh là Liên Xô và Trung Quốc.

Nạn nhân đầu tiên là Dương Bạch Mai, cựu học viên trường Lao Động Đông Phương tức là trường Staline ở Mạc Tư Khoa.

Dương Bạch Mai là người gốc Bà Rịa, gia nhập đảng Cộng sản Pháp thời còn rất trẻ, ông sang Liên Xô theo học trường Lao Động Đông Phương trong hai năm 1930-1931 rồi sang học ở Paris khoảng 1936, 1937. Ông ra ứng cử và đắc cử vào Hội Đồng Thành phố Sài Gòn năm 1937 rồi bị Pháp bắt giam vào năm 1940. Năm 1945, Dương Bạch Mai giữ chức Thanh Tra Chính trị Miền Đông kiêm Tổng Giám Đốc Công An trong Lâm Ủy Hành Chánh của Trần Văn Giàu và trong chức vụ này, Dương Bạch Mai là người chịu trách nhiệm về việc hàng chục ngàn người bị Công an Việt Minh thủ tiêu vào năm 1945. Năm 1946, Dương Bạch Mai đắc cử vào quốc hội rồi đi theo kháng chiến và vào đầu thập niên 1960 được giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Quốc Hội và Phó Chủ tịch Hội Việt-Xô Hữu Nghị.

Con trai của ông Vũ Đình Huỳnh, bí thư của chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1945, là nhà văn Vũ Thư Hiên cho biết về ông Dương Bạch Mai như sau:

"*Ông Dương Bạch Mai nói với tôi rằng ông không được lòng Hồ Chí Minh. Dương Bạch Mai có cái tật sống quá thẳng. Ông ngang tàng, không chịu gò mình vào tôn ti trật tự phong kiến, ông bạt mạng trong lời ăn tiếng nói. Đã quen với những lời tâng bốc, xưng tụng, ông Hồ Chí Minh có không ưa ông cũng phải.*

"Trường Chinh cũng không ưa Dương Bạch Mai. Điều này không khó hiểu. Trong Trường Chinh có mặc cảm của kẻ ngã ngựa. Sau sai lầm Cải cách Ruộng đất ông đinh ninh ai cũng coi thường mình. Dương Bạch Mai phản đối Nghị quyết 9 thì Trường Chinh lại coi ông phản đối mình.

"Lê Duẩn đặc biệt không ưa Dương Bạch Mai. Theo nhận định của những người từ Nam Bộ ra Bắc tập kết thì sự không ưa này không phải vì nguyên do chính trị. Cái chính là Lê Duẩn biết mình chẳng bao giờ có được cái mà Dương Bạch Mai có —sự nổi tiếng với tư cách một thủ lĩnh có trí tuệ. Dương Bạch Mai nói với tôi về Lê Duẩn: "Cháu để ý tới cái thằng cha ấy làm chi! Tầm trí bậc nam nhi là để cho sự nghiệp, thằng này thì thời chỉ lo kiếm chác vinh quang và quyền lực, lúc nào cũng nơm nớp sợ người khác hơn mình. Sự nghiệp và vinh quang là hai thứ khác nhau, như ngôi nhà với nước vôi phủ bên ngoài nó, cháu

à!"

Dương Bạch Mai, nếu còn sống, chắc sẽ chịu chung số phận với chúng tôi (ghi chú: Vũ Thư Hiên và thân phụ là Vũ Đình Huỳnh đều bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ giam ở nhà tù Hỏa Lò trong bảy tám năm trời mà không hề bị đưa ra toà xét xử.) *Không phải chắc, mà chắc chắn. Từ khi có cuộc đấu tranh giữa hai đường lối (giữa Liên Xô và Trung Cộng) ông chống lại việc đưa nước Việt Nam vào quỹ đạo chủ nghĩa Mao. Ông gọi chủ nghĩa Mao là món "tạp-pí-lù của thổ phỉ." Giữa lúc ngành tuyên truyền Việt Nam đưa Mao Trạch Đông lên hàng thánh sống thì ông ngang nhiên gọi Mao là tên đao phủ của đại pháp trường Trung Quốc..."*

"Những nhận định ngược đời của Dương Bạch Mai làm cho các nhà lãnh đạo Việt Nam hết hồn. Sở dĩ ông chưa bị đụng tới là vì ông có danh tiếng, có uy tín lớn trong quần chúng.

"Dương Bạch Mai qua đời khi ông là ủy viên Ban Thường vụ Quốc Hội. Với Nghị quyết 9, đảng Cộng sản Việt Nam phân hoá thành hai cực -một bên là những người theo chủ nghĩa xã hội dân chủ pháp trị, đòi kiến tạo một xã hội công dân có nhân quyền, bên kia là Đảng cầm quyền kiên trì một chủ nghĩa xã hội chuyên chế. Đó là những ngày không thể nào quên. Dương Bạch Mai, con hổ dữ chống lại đường lối thân Trung Quốc đột tử khi ông đang dự cuộc họp quốc hội tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Vào lúc giải lao, các đại biểu kéo nhau đi uống bia ở bar, ông Mai thết trước các bạn một chầu bia mừng sinh nhật của ông ngày hôm sau. Ông ngã xuống. Ly bia chưa cạn. Khi xe cấp cứu đến, Bác sĩ Tôn Thất Tùng (giáo sư Y khoa, y sĩ riêng của Hồ Chí Minh) định nhảy lên xe cùng đi tới bệnh viện thì bị hai thanh niên lực lưỡng áp sát ông: "mời bác sĩ quay lại tiếp tục họp Quốc Hội, việc nước quan trọng hơn." Chiếc xe cấp cứu phóng đi trước khi Tôn Thất Tùng hiểu chuyện gì xảy ra với ông, hai thanh niên kia là ai và tại sao họ lại ngăn cản ông đi cùng xe để săn sóc bạn ông?

"Cái chết của Dương Bạch Mai gợi nên một nghi vấn. Ông ngả xuống đúng vào lúc ông sắp sửa đọc một diễn văn nảy lửa chống lại đường lối xây dựng xã hội trại lính của Mao, đòi Đảng phải cải thiện đời sống cho dân chúng, đòi thực hiện dân chủ trong nội bộ Đảng, trong xã hội và hàng loạt vấn đề khác. Bài diễn văn ông đút trong túi áo để đọc trước Quốc Hội biến mất..."

"Sau này, nhân vụ tướng Hoàng Văn Thái rồi tướng Lê Trọng Tấn thay nhau đột tử đúng lúc chuẩn bị nhậm chức Bộ trưởng Quốc Phòng, dư luận lại nhắc tới cái chết đáng ngờ của Dương Bạch Mai nhiều năm về trước..." [11]

Nhà văn Xuân Vũ cũng có nhắc đến cái chết của Dương Bạch Mai ngay tại quốc hội ở Hà Nội như sau:

"Chuông điện rung lên hết giờ giải lao, các đại biểu trở lại chỗ ngồi, nhưng Dương nghị sĩ còn hăng hái diễn thuyết, đến sực tỉnh "giấc ngủ mười năm" quay lại thì chỉ còn mình với cô phục vụ viên giải khát. Cô nàng đưa chai nước ngọt Hồng Hà đã khui nắp, tươi cười: "Mời bác Tư (Dương Bạch Mai thứ tư) dùng." Ngài nghị sĩ hò hét hơi khan cổ nên chụp lấy trút vào mồm để chạy lên ghế chủ tịch đoàn cho kịp giờ. Nhưng than ôi, cái ghế đó không bao giờ bác Tư Mai trở lại được. Chỉ hai ngụm nốc vào, chưa nuốt xong ngụm thứ ba thì bác Tư xoay tròn và ngã đánh rật xuống nền gạch bông của tòa nhà Quốc Hội tại phiên khoáng đại hồi thập niên năm 1960...

"Ghê gớm thay! Một cái chuyện đời, một chuyện của cách mạng vô sản Việt Nam. Nào có khác gì cách mạng vô sản ở Liên Xô và bên Tàu. Tôi viết lại câu chuyện này để cho đồng bào Nam Bộ, những người của "Mùa Thu rồi..." và cho dòng họ, bà con nghị sĩ Dương Bạch Mai đọc với trí nhớ càng ngày càng sáng tỏ của tôi, đặc biệt là về những thảm kịch như vầy." [12]

Như vậy thì theo cả hai nhà văn Vũ Thư Hiên, người Bắc và nhà văn Xuân Vũ, người Nam tập kết, có nhiều dư luận tại Hà Nội nghi ngờ rằng ông Dương Bạch Mai chết khi mới có 60 tuổi vì đã bị đầu độc. Người có khả năng làm được việc đó phải có quyền, có quyền đến độ có thể giết cả "*bạn gái*" Nông Thị Xuân của Hồ Chí Minh rồi liệng xác xuống đường và người đó không ai khác hơn là Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Nội Vụ. Nhà văn Vũ Thư Hiên cho biết rằng Trần Quốc Hoàn là "*đệ tử ruột*" của Lê Đức Thọ vì hồi đó bộ Nội Vụ, sau này đổi lại thành bộ Công An, là trực thuộc dưới quyền Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng của Lê Đức Thọ .

Theo nhà văn Vũ Thư Hiên, Bác sĩ *Phạm Ngọc Thạch*, Bộ Trưởng Y Tế, cựu chủ tịch Thanh Niên Tiền Phong ở Nam Bộ trước ngày kháng chiến cũng bị hai ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ "*không ưa*":

"Ông Phạm Ngọc Thạch, trong một câu chuyện vui tại nhà tôi hồi đầu thập niên 1960, nói với ông Dương BạchMai:

- Mấy chả không ưa mầy, vì mầy thẳng ruột ngựa, nghĩ sao nói dzậy, làm mấy chả mếch lòng mới lôi cái vụ mầy hợp tác với đám Tờ-rốt-kít ra mà rêu rao.

- Thì mầy cũng bị mấy chả rêu rao là có thời thân Nhật đó nữa. Chơi với tơ-rốt-kít thì mầy cũng chơi chớ bộ.

Rồi Dương Bạch Mai cười ngất:

- Nè, cẩn thận đó, sổ đen của mấy chả chỉ có ghi thêm thôi chớ không có xóa đi đâu nghen." [13]

"*Mấy chả*" đây là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

Còn *Ung Văn Khiêm*, Bộ trưởng Ngoại Giao, cũng là người Nam Bộ?

Nhà văn Vũ Thư Hiên cho biết: "*Ung Văn Khiêm là người có học, như phần đông những nhà mác-xít đầu tiên của Nam Bộ. Uy tín của ông trong hàng ngũ cách mạng cao hơn Lê Duẩn nhiều. Điều này trở nên bất lợi cho ông khi Lê Duẩn trở thành tổng bí thư. Lê Duẩn không ưa Ung Văn Khiêm, luôn luôn thọc gậy bánh xe, tìm cách tống Ung Văn Khiêm về hưu. Vụ "bản tuyên bố chung" Hồ Chí Minh ký với lãnh tụ đảng Cộng sản Tiệp Khắc Novotny là do Ung Văn Khiêm thảo, Hồ Chí Minh duyệt rồi ký, sau bị Lê Đức Thọ đổ riệt cho một mình Ung Văn Khiêm để đưa ông ra khỏi bộ Ngoại giao. Trong việc này, bàn tay Lê Duẩn rất rõ. Nhưng đó là chuyện về sau...*" [14]

Ông *Nguyễn Văn Trấn*, cựu tư lệnh kiêm chính ủy Khu 8 tại Nam Bộ có kể lại ông Ung Văn Khiêm nói về chuyện này trong cuốn sách "***Viết Cho Mẹ và Quốc Hội***" của ông như sau:

"*Trước khi vào hội nghị, tao có tranh thủ nói riêng với ông cụ, là tao sẽ không đưa ra cái nháp bản tuyên bố chung của tao và Novotny, cho ông cụ yên tâm. Vì trong bản thảo ấy ông cụ có thêm mấy chỗ, còn mang tuồng chữ của monsieur Hồ chí Minh rành rành. Tao nghĩ bản thảo ấy đưa ra không phân bua gì cho tao, mà chỉ làm thớt cho Sáu Thọ băm ông cụ...*

"*Hội nghị 9 này có thông qua cái 'nghị quyết 9' và mấy anh ấy nói là cũng có trên 10 ủy viên trung ương không bỏ thăm. Anh Khiêm lộ bí mật: "Tao có hỏi mí ông cụ có bỏ thăm không. Ông cụ làm thinh."* (Ghi chú: Ông Cụ ở dây là Hồ Chí Minh.)[15]

Nhà văn Xuân Vũ cũng đã mượn lời của bà vợ Ung Văn Khiêm nói về việc này như sau: *"Rồi Chị Ba nổi giận, ra bộ tịch: 'Chời ơi chời! Hỏi vậy, em là Chủ tịch, người ta đưa giấy cho em ký. Trước khi ký, em phải coi lại rồi mới thọc bút ký chớ! Ai biểu em nhắm mắt ký rồi chê trật, chê trúng. Người ta ỷ có quyền người ta muốn làm gì thì làm, muốn nói sao hay vậy! Nhưng Anh Ba em đâu có chịu thua. Anh Ba em cự lộn dữ lắm. Nhưng cự thì cự chớ đâu có ăn nổi tụi chó hùa..."*[16]

"*Người ta*" mà bà vợ của Ung Văn Khiêm nói ở đây không ai khác hơn là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

Lê Duẩn Muốn Đập Tan Ảnh Hưởng của Nhóm Trí Thức Nam Bộ

Không riêng gì Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch, Ung Văn Khiêm, những nhân vật trí thức và cán bộ cao cấp miền Nam tập kết ra Bắc như Trần Văn Giàu, Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Văn Trấn, Huỳnh Văn Nghệ v.v. đều bị thất sủng vì họ không những không chịu thần phục hai người lãnh đạo của Cộng sản thời Nam Bộ Kháng chiến là "*anh Ba*" Lê Duẩn và "*anh Sáu*" Lê Đức Thọ, lúc đó được tặng thêm một tên mới nữa là "*Sáu Búa*," mà ngược lại, dù lúc bấy giờ hai người này đã trở thành những người nắm vận mạng Đảng Cộng sản và chính quyền ở Bắc Việt, họ vẫn chống đối và coi thường, coi thường đến cái độ họ vẫn gọi cả Lê Duẩn và Lê Đức Thọ bằng "*thằng*."

Trong cuốn "*Viết Cho Mẹ và Quốc Hội,*" ông Nguyễn Văn Trấn kể lại lời của ông Bùi Công Trừng [17]:

"*Tao nói cho mầy nghe nha, Bùi công Trừng nói tiếp, về chuyện lão Hồ Chí Minh. Tao nghe, thằng Thọ âm mưu lật đổ ông già, và lấy Nguyễn chí Thanh thay. Ông lão chỉ còn làm người chuyên nghiên cứu lý luận Mác- Lê nin. Chuyện nước giao cho Nguyễn chí Thanh. Việc Đảng, Status quo – Lê Duẩn. Cái thằng tự nhiên lại muốn làm Khổng Tử này, khó lật đổ nó lắm. Vì nó có công trạng ở Nam Bộ, và mấy bà má ôm nó chum chủm trong lòng.*

"*Mầy coi, coi nó tội nghiệp không. Đồng chí Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của chúng ta bận bộ đồ lụa gụ, chủ trì hội nghị mà day mặt ra sân. Có lỗ tai tự nhiên nó phải hứng những lời công kích mạt sát Liên Xô. Khi chướng tai quá quay vô, đưa tay để nói, thì thằng Thọ lễ phép... Bắc Hà: "Bác hãy để cho anh em người ta nói đã mà ." Tao đếm lão Hồ đưa tay mấy lần, lần nào thằng Thọ cũng kịp ngăn. Cuối cùng ông cũng cho hội nghị nghe, ông nói ca dao bằng tiếng khóc: "Khi thương trái ấu cũng tròn, Khi ghét bồ hòn cũng méo...*" [18]

Theo ông Vũ Thư Hiên thì "*khi Cách Mạng Tháng Tám thành công, Lê Duẩn còn lâu mới được coi là ngang hàng với những nhân vật nổi tiếng trong phong trào cách mạng miền Nam như Trần Văn Giàu, Phạm Văn Bạch, Dương Bạch Mai... Những nhà cách mạng trí thức khi ra Hà Nội họp Quốc Hội (1946) và tham gia chính phủ đoàn kết dân tộc với tư cách đại diện "miền Nam thành đồng," bị kẹt lại miền Bắc vào thời điểm kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Vắng mặt họ, Lê Duẩn mới dần dần từ những chức vụ khiêm tốn bước lên địa vị người lãnh đạo kháng chiến Nam Bộ...*

"Cần phải thừa nhận rằng Lê Duẩn là người lãnh đạo giỏi. Những người bạn miền Nam tập kết của tôi nói về "anh Ba Duẩn" với giọng kính trọng và tự hào. Niềm tự hào này kéo dài không lâu. Sau khi "anh Ba" trở thành tổng bí thư, ông không làm gì được cho họ hơn là đẩy họ tới những vùng hoang vu để khai hoang, lập ra các nông trường, khuyến dụ họ họp thành những tập đoàn sản xuất nhỏ nhoi để tự nuôi thân. Đến lúc ấy thì họ giận dữ. Khi con người nổi giận thì lẽ công bằng không còn nữa. Thay vì ca ngợi, họ nguyền rủa ông..." [19]

Còn Lê Đức Thọ: "*Sáu Buá Lê Đức Thọ là người miền Bắc, được Trường Chinh cử vào Nam năm 1947 với tư cách ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng để nắm Trung Ương Cục miền Nam, nhưng Lê Đức Thọ đã không một lần tranh được chức bí thư miền Nam. Cũng có học hặc với Lê Duẩn, nhưng sau đó ý thức được thân phận mình trên đất lạ, Lê Đức Thọ lại tìm sự liên minh với Ba Duẩn để trở thành "Sáu Búa"*"...[20]

Hơn 40 năm sau, gần 30 năm sau khi Cộng sản Bắc Việt chiến thắng và thôn tính trọn Miền Nam, bà Dương Thu Hương, một nhà văn nổi tiếng hàng đầu tại Hà Nội, đã xác nhận việc ông Hồ Chí Minh bị mất quyền. Trong bài viết mới nhất được phổ biến vào tháng 6 năm 2004, nhà văn Dương Thu Hương tái xác nhận nguồn tin về chuyện ông Hồ Chí Minh bị Lê Duẩn-Lê Đức Thọ cướp hết quyền hành hồi thập niên 1960, tuy nhiên bà không nói rõ xuất xứ của nguồn tin này:

"*Điều mỉa mai là chính Chủ Tịch Hồ Chí Minh lại là người thứ nhất phản bác lại cuộc chiến tranh này trong Đại Hội Đảng lần thứ Ba. Do ông tuyệt đối thiểu số nên đã phải phục tùng tuyệt đại đa số phe chủ chiến dưới sự lãnh đạo của hai ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Phần cuối đời, vị chủ tịch nước đã phải hành động như một con múa rối dưới những ngón tay giật dây của hai nghệ sĩ họ Lê thay vì chịu bị giam vĩnh viễn trong một nhà nghỉ mát sang trọng nào đó ở Quảng Đông hoặc Quảng tây chẳng hạn...*" [21]

Trần Huy Liệu: Viết Sử Theo "Lối Định Đề"

Như vậy thì không những chỉ có những người trí thức Nam Bộ mà cả đại đa số những người Nam Bộ tập kết đều thù ghét Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Nhà văn Xuân Vũ nhận xét rằng "*bọn Lê Duẩn...có ba cái sợ: một là sợ trí thức, hai là sợ tôn giáo, ba là sợ dân Nam Kỳ.*" [22]

Có lẽ đó là nguyên nhân tại sao những người trí thức Nam Kỳ đã bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ "*cho ra rìa*," theo cách nói của ông Xuân Vũ. Cho ra rìa chưa đủ, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ còn tìm cách hạ luôn cả giới trí thức Nam Kỳ và xa hơn nữa là cả nền văn hoá đặc thù của miền Nam. Người được chọn để đảm nhiệm công việc này là một nhà báo miền Bắc đã từng sống ở Sài Gòn, đã từng cộng tác với nhiều tờ báo ở Sài Gòn hồi thập niên 1920, người đó là Trần Huy Liệu, lúc đó đang giữ chức Viện Trưởng Viện Sử Học.

Trần Văn Giàu là một nhà trí thức Cộng sản nổi tiếng từ khi còn du học ở Pháp, ông đậu bằng Tiến Sĩ về Sử học tại Toulouse nhưng sau đó bị đuổi về Việt Nam năm 1931. Ông lén trốn sang Nga Xô và ông được nổi tiếng vì vào năm 1933, ông tốt nghiệp thủ khoa trường Lao Động Đông Phương ở Mạc Tư Khoa mà người đậu thứ nhì là ông *Maurice Thorez*, sau này là Chủ tịch Đảng Cộng sản Pháp. Sau ngày 19 tháng 8 năm 1945, Trần Văn Giàu giữ chức Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Lâm Thời Nam Bộ, gọi tắt là "*Lâm Ủy Hành Chánh*," kiêm Ủy Viên trưởng Quân sự và Giàu cùng với Dương Bạch Mai là hai người chịu trách nhiệm về việc khoảng trên hai vạn người thuộc thành phần trí thức, tiểu tư sản, Cao Đài, Hòa Hảo v.v. bị Việt Minh thủ tiêu tại Nam Bộ vào tháng 9 năm 1945, trong số này có cả Luật sư, nhà báo Diệp Văn Kỳ, học trò của Phó Bảng Nguyễn Sinh Huy, thân phụ của Hồ chí Minh. Sau đó, Trần Văn Giàu ra Bắc nhưng không được trọng dụng, chỉ được làm việc trong Hội Nghiên Cứu Mác-xít và đi dạy học, tuy nhiên Trần Văn Giàu cũng là người còn có nhiều uy tín trong giới Nam Bộ tập kết. Nhà văn Xuân Vũ đã trích dẫn lời của Trần Văn Giàu nhận xét về Trần Huy Liệu như sau:

"*Giàu đã cãi lộn với Trần Huy Liệu. Giàu gọi là "ông già Liệu" (lúc đó mới khoảng 60 tuổi), có tính cách chế diễu Trần Huy Liệu là tên chỉ làm*

những việc do ở trên sai bảo, vì tên "sử gia" này viết sử theo lối "định đề." Liệu còn nhận định láo rằng "dân tộc Việt Nam hình thành từ khi có Đảng Cộng sản Đông Dương..." [23]

Nhà văn Vũ Thư Hiên cũng có tiết lộ thêm một vài chi tiết về Trần Huy Liệu. Ông cho biết rằng bạn của ông là Nguyễn Trọng Luật đã có nhận xét về việc ông Vũ Đình Huỳnh bị bắt rằng: "*nhưng Thọ muốn thì Duẩn cũng không ngăn, mọi việc Thọ làm từ trước tới nay đều vì lợi ích của cả hai. Thằng này làm việc đó để làm gì, nhằm mục đích gì? Anh ngờ bên trong vụ này có điều uẩn khúc, liên quan tới thời kỳ Thọ ở Sơn La.*" Trong phần ghi chú, Vũ Thư Hiên nói thêm rằng "*Anh Luật có lý trong suy luận: trong vụ trấn áp 'nhóm xét lại chống Đảng,' chỉ có những người tù cũ ở Sơn La cùng với Lê Đức Thọ bị bắt. Có lần tôi nghe Tướng Đặng Kim Giang nói về chuyện công sứ Coussot (tên chính thức là Cousseau) có mua chuộc được vài tên phản bội làm chỉ điểm, do đó có những kế hoạch của ban lãnh đạo tù nhân bị lộ.*" [24]

"*Ngoài chuyện tính cách, chắc cha tôi còn có điều nghi ngờ Lê Đức Thọ trong sự liên lạc thậm thụt với công sứ Cousseau mà ông biết trong thời gian ông làm thư ký trong nhà tù Sơn La. Vào những năm này, những cựu tù nhân Sơn La kể lại, Lê Đức Thọ một hồi được Cousseau lấy ra làm tạp dịch tại nhà y. Cũng trong thời gian này một số việc của ban lãnh đạo tù nhân bị lộ. Tướng Nguyễn Kim Giang cũng có chung với cha tôi mối nghi ngờ đó... Nhưng cả hai im lặng. Với một Lê Đức Thọ quyền sinh quyền sát như thế, giữ im lặng là phải. Mặc dù cùng tù với nhau ở Sơn La nhưng cha tôi không bao giờ coi Thọ là bạn. Ông Đặng Kim Giang cũng vậy. Dưới con mắt của ông, Lê Đức Thọ là một tên hạ lưu hãnh tiến...*"

Trần Huy Liệu cũng bị tù ở Sơn La cùng thời với Lê Đức Thọ (1939-1945) và theo Vũ Thư Hiên thì "*Thọ đã nhiều lần mưu mô hạ các đồng chí lão thành cách mạng để tôn mình lên. Việc Thọ xúi giục một số đồng chí hăng hái thái quá buộc ông Trần Huy Liệu, cựu đảng viên Quốc Dân Đảng, phải lên án đảng cũ của mình là manh động trong khởi nghĩa Yên bái là một thí dụ...*" [25]

Nghe nói Trần Huy Liệu không đọc bản báo cáo kết tội Việt Nam Quốc Dân Đảng vì lãnh tụ Nguyễn Thái Học cùng những vị anh hùng của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã anh dũng hy sinh trên đoạn đầu đài của thực dân Pháp chỉ mới cách đó hơn hai mươi năm và còn được toàn dân Việt Nam tôn sùng kính phục, tuy nhiên sau khi Tướng Đặng Kim Giang, "*anh hùng Điện Biên Phủ*," ông Vũ Đình Huỳnh, cựu bí thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh bị vào tù thì Trần Huy Liệu phải lo thủ lấy thân và phải làm những việc "*do ở trên sai bảo.*" Khi Lê Duẩn và Lê Đức Thọ muốn tìm cách hạ bệ một thần tượng của giới trí thức Nam Kỳ thì Trần Huy Liệu không dám từ chối chống lại dù rằng phải "*viết sử theo lối định đề.*"

Với tư cách là một giáo sư Sử học, với tư cách là Viện Trưởng Viện Sử Học, Trần Huy Liệu đã tìm được một đối tượng đại diện cho miền Nam, đó là Cụ Phan Thanh Giản, người đã tử tiết gần một thế kỷ về trước. Đã từng sống ở Nam Kỳ, Trần Huy Liệu biết rằng người dân miền Nam tôn thờ cụ Phan Thanh Giản, vị tiến sĩ đầu tiên của miền Nam và cũng là đại diện cho giới trí thức, cho lòng yêu nước của người dân miền Nam. So với uy tín của Cụ Phan Thanh Giản trong quần chúng, những người trí thức Cộng sản như Dương Bạch Mai, như Trần Văn Giàu, như Ung Văn Khiêm, như Nguyễn Văn Trấn v.v. cùng với bao nhiêu người Nam bộ khác còn ở miền Bắc và hàng triệu người ở miền Nam đâu có quan trọng bằng, do đó chỉ cần hạ bệ cái thần tượng anh hùng của Cụ Phan Thanh Giản là có thể đập tan được cái ảnh hưởng của "*bọn trí thức Nam Kỳ*" từ Bắc chí Nam. Việc giáo sư Sử học Trần Huy Liệu chọn Phan Thanh Giản làm đối tượng để lên án và buộc tội cũng chẳng có gì mới lạ vì hồi thế kỷ thứ 19, chính vua Tự Đức cũng đã kết tội và ra lệnh đục bỏ tên của Phan Thanh Giản khỏi bia đá tiến sĩ.

Người viết không được đọc nguyên văn bài của ông Trần Huy Liệu, nhưng theo Giáo sư Phan Huy Lê thì đó là một "*bài kết luận*" được đăng trên Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử số 55 vào tháng 10 năm 1963 và đến 12 năm sau thì người Cộng sản đã áp dụng những điều đã được "*nhất trí*" trong bài kết luận này, do đó có thể nói đây là một bản nghị quyết về lập trường của đảng Lao Động Việt Nam thời thập niên 1960 đối với cụ Phan Thanh Giản.

Sau năm 1975, tất cả những tên đường, những trường học mang tên Cụ Phan Thanh Giản đã bị hủy bỏ ngay sau khi Cộng sản Hà Nội chiếm được miền Nam theo lệnh của hai người lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng Cộng sản: Tổng Bí Thư Lê Duẩn và Ủy Viên Bộ Chính Trị Lê Đức Thọ. Như vậy, có thể nói rằng Trần Huy Liệu đã "*viết sử theo lối định đề*" vì đã được Lê Duẩn và Lê Đức

Thọ "*ở trên sai bảo*" phải làm như vậy.

Sau tháng tư năm 1975, những khuôn mặt trí thức miền Nam, từ những thành viên trong cái gọi là "*Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam*," từ những thành viên trong cái gọi là "*Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam*" cho đến những phần tử trí thức đã theo Cộng sản từ năm 1945 và những phần tử đã tập kết ra Bắc vào năm 1954-1955, tất cả đều trở thành những cái bóng mờ không một tiếng nói trong một nước Việt Nam "*thống nhất*" dưới quyền lãnh đạo tuyệt đối của nhóm Lê Duẩn-Lê Đức Thọ.

Họ đã đạt được mục tiêu mà họ muốn vào lúc đó.

Người viết chỉ căn cứ vào những sự kiện đã được ghi chép lại qua một vài cuốn sách đã được xuất bản và qua những câu chuyện truyền khẩu để tìm hiểu thêm về nguyên nhân của việc Trần Huy Liệu đã kết tội Cụ Phan Thanh Giản là "*phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc*" tức là tội "*phản quốc*" và đã tìm thấy rằng một trong những nguyên nhân đó, có lẽ là hai ông cựu lãnh đạo Nam Bộ Kháng Chiến, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, căm hận giới trí thức Nam Kỳ vì dường như hầu hết toàn bộ trí thức miền Nam đã tỏ ra coi thường vai trò lãnh đạo của họ cho nên đã tìm cách trả thù.

Lịch sử thường được viết bởi những kẻ chiến thắng

Vào năm 1917 tại Nga, những người *Bolcheviks* là những kẻ chiến thắng và sau đó tất cả những thành phố, những đền đài cung điện, những tên đường phố có mang tên những vị vua chúa, những vị anh hùng thời Nga Hoàng đều bị đổi tên. Sau năm 1991, những người Bolcheviks không còn nữa và nhân dân Nga đã lấy lại tên cũ của những thành phố, tên cũ của những vị anh hùng trong lịch sử của họ để trả lại cho những thành phố, những trường học, những công viên, những con đường đã bị mất tên hơn 70 năm về trước.

Một vị giáo sư người Mỹ có nói với người viết rằng ngày xưa Leo Tolstoy viết cuốn "*War and Peace*" với những tên đường phố thời đó và sau năm 1917 thì những con đường trong thành phố St Petersburg đều bị đổi tên và cả thành phố này cũng bị đổi thành "*Leningrad*," tên của người lãnh đạo cuộc cách mạng Bolcheviks của Liên Xô và là vị "*cha già của Xã Hội Chủ Nghĩa*," cũng giống như những người Cộng sản Việt Nam đổi tên thành phố Sài Gòn ra "*Thành phố Hồ Chí Minh*" sau năm 1975. Tuy nhiên sau năm 1991, khi chế độ Cộng sản bị sụp đổ thì thành phố này lại được nhân dân Nga trả lại tên cũ "*St Petersburg*" sau gần 75 năm bị mất tên và tất cả những con đường trong thành phố thơ mộng này cũng đã được trả lại những tên cũ "*y chang*" như Leo Tolstoy mô tả vào thời cuối thế kỷ thứ 19.

Vào năm 1975, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ là những kẻ chiến thắng.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tất cả những con đường, những trường học mang tên Phan Thanh Giản tại miền Nam đều bị Cộng sản Bắc Việt xóa tên. Người Cộng sản miền Bắc còn phái hai học giả trí thức của Đảng là Giáo sư Nguyễn Công Bình và Giáo sư Nguyễn Đổng Chi vào Nam để phụ trách việc xóa tên và kết tội Phan Thanh Giản.

Nhà văn Trần Hoài Thư, một nhân chứng sống đã kể lại việc người Cộng sản đập phá và kết tội cụ Phan Thanh Giản khi ông trình diện tại trường Trung học Phan Thanh Giản, Cần Thơ vào đầu tháng 5 năm 1975 như sau:

"*Một ngày, hình như buổi xế trưa thì phải, chúng tôi được lệnh tập trung tại sân cờ. Đây là lần đầu tiên chúng tôi được lệnh tập trung. Có biến cố gì không? Có thay đổi gì trong chính sách không? Không ai có thể biết được. Rồi tay Thượng úy đứng trên thềm xi-măng của cột cờ cầm giấy đọc. Hắn đọc gì? Không. Hắn kết tội. Lần này không phải buộc tội chúng tôi, ngụy quân, ngụy quyền, phản động, tay sai mà hắn kết tội cụ Phan Thanh Giản, tên của một ngôi trường. Hắn không kêu là cụ, là ông mà từ đầu bài đến cuối bài là chữ "tên." Tên bán nước. Tên đầu hàng. Tên có tội với nhân dân. Tên tự tử vì hèn nhát. Tôi không thể nhớ nổi bao nhiêu chữ tên mà hắn dùng. Sau đó hai tay cảnh vệ dùng búa đập tượng. Đập cuồng điên. Nhưng họ không phá hết. Họ vẫn còn chừa lại tấm thân bị thương tích, loen lở, bên chiếc đầu gảy lìa khỏi cổ, trơ vơ dưới nắng.*

Chúng tôi kinh hoàng. Không phải kinh hoàng bởi vì nỗi sợ hãi. Nhưng bởi vì âm thanh từ cái búa giáng trên đầu pho tượng từng nhát một như những vết thốn đau nhức cả tim óc.

Đến một người như cụ Phan Thanh Giản mà người ta còn mang ra hành tội thì không còn một ý kiến gì nữa. Chúng tôi, không ai dám nhìn thẳng..." [26]

Trường Trung Học Phan Thanh Giản bị mất tên từ ngày đó.

Cựu Thủ Tướng Võ Văn Kiệt: Phan Thanh Giản là Người Yêu Nước, Thương Dân, Đáng Để Lại Gương Soi Cho Hậu Thế

Ở Việt Nam, trong thời gian gần đây có những dấu hiệu cho thấy có một vài sự cởi mở dè dặt, tuy không chính thức, nhưng chính quyền Cộng sản Việt Nam đã "*không ngăn cấm*" việc tổ chức một số hội thảo hay là "*tọa đàm khoa học*" về nhân vật Phan Thanh Giản.

Lần đầu tiên vào năm 1994, một cuộc hội thảo về nhân vật Phan Thanh Giản đã được tổ chức tại Vĩnh Long theo sự yêu cầu của nhân dân hai tỉnh Bến Tre, quê hương của cụ Phan và Vĩnh Long, nơi cụ Phan trấn nhậm và tử tiết vào năm 1867. Cuộc hội thảo này có sự tham dự của 19 vị diễn giả, trong số đó có Luật sư *Phan Thanh Hy*, hậu duệ đời thứ 5 của cụ Phan đang sống tại Pháp (mới từ trần tháng 12 năm 2003) với bài "*Cái Chết của Phan Thanh Giản*" và Giáo sư Phan Huy Lê, một học giả về văn hoá và lịch sử Việt Nam, sau này đã xuất bản một cuốn sách về cụ Phan vào năm 1997 "*Phan Thanh Giản (1796-1867), Con Người, Sự Nghiệp và Bi Kịch Cuối Đời.*"

Trong bài kết thúc cuộc hội thảo này, Giáo Sư Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam, giáo sư Sử học trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, đã kết luận rằng "*tất cả chúng ta đều nhất trí không nên và không thể gán cho ông Phan Thanh Giản cái tội bán nước hay phản tổ quốc. Đó là sự quy kết quá nặng nề không có căn cứ, vừa không đúng hành động và động cơ của ông, vừa trái với tấm lòng ngưỡng mộ kính mến mà xưa nay nhân dân quê hương đã dành cho ông...*" [27]

Như vậy thì lời lẽ được sử dụng trong bài kết luận này hoàn toàn khác hẳn bài kết luận của Trần Huy Liệu, có thể nói là đã đi ngược hoàn toàn với quan điểm của Trần Huy Liệu hay là của Đảng vào năm 1963.

Điều đáng chú ý là cuộc hội thảo này lại được chính giáo sư Phan Huy Lê đúc kết, ông Lê là một trong những vị giáo sư Sử Học có uy tín đứng hàng đầu trong nước Việt Nam. Thêm một điều nữa cũng rất đáng chú ý là cuộc hội thảo được tổ chức tại tỉnh Vĩnh Long. Một trong những người ở địa phương có trách nhiệm đứng ra tổ chức cuộc hội thảo này là Nguyễn Chiến Thắng, bí danh là Sao Vàng, lúc đó giữ chức vụ Thường Vụ Tỉnh Ủy-Trưởng Ban Tuyên Giáo tỉnh Vĩnh Long. Nguyễn Chiến Thắng là người được xem như là rất thân tín của ông Võ Văn Kiệt tại Vĩnh Long, quê hương của ông Võ Văn Kiệt, lúc đó đang làm Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng tức là thủ tướng chính phủ. Trong cuộc tọa đàm khoa học vào tháng 8 năm 2003, ông Võ Văn Kiệt mới tiết lộ thêm rằng hồi đó chính ông cũng có tham dự cuộc hội thảo vào năm 1994 tại Vĩnh Long.

Tuy Cụ Phan Thanh Giản là người tỉnh Bến Tre nhưng cho đến cuối thế kỷ thứ hai mươi thì nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn tôn thờ cụ như là một bậc đại anh hùng, dù rằng cụ đã uống thuốc độc quyên sinh từ năm 1867 và Cụ vẫn còn được nhân dân Vĩnh Long thờ phụng tại *Văn Xương Các* ở thành phố này. Không những tôn thờ cụ Phan Thanh Giản, nhân dân Vĩnh Long lại còn tôn thờ cả hai người con của cụ nữa. Trong cuốn "*Khởi Nghiã Nam Kỳ ở Vĩnh Long*," ngay phần mở đầu có viết rằng "*Năm 1867, Phan Tôn và Phan Liêm đứng lên lãnh đạo phong trào kháng Pháp ở Vĩnh Long, Trà Vinh cùng các tỉnh Bến Tre, Sa Đéc...*" [28] Hai ông Phan Thanh Tôn và Phan Thanh Liêm là con trai của cụ Phan Thanh Giản.

Tuy nhiên sau cuộc hội thảo này thì tình trạng vẫn như cũ, không có gì thay đổi cho đến năm 2003 thì mới có một cuộc "*tọa đàm khoa học*" được tổ chức một cách trọng thể tại Sài Gòn với nhiều nhân vật rất có tên tuổi tham dự.

Nhật báo *Tuổi Trẻ* cho biết rằng "*ngày 16 tháng 8 năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh, tạp chí Xưa & Nay, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội Đồng Khoa Học Xã Hội Thành Phố Hồ Chí Minh đã phối hợp tổ chức tọa đàm khoa học* ***"Thế Kỷ 21 Nhìn Về Nhân Vật Lịch Sử Phan Thanh Giản."*** *Cuộc tọa đàm khoa học này là một cuộc trao đổi tiếp theo hai cuộc hội nghị tổ chức vào những năm trước cũng nhằm đánh giá về nhân vật Phan Thanh Giản.*

"Tới dự cuộc tọa đàm có nhiều nhà nghiên cứu lịch sử, sinh viên sử học..., nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng có mặt suốt cuộc tọa đàm...

"Ý kiến đồng thuận chung là không thể coi Phan Thanh Giản là kẻ "bán nước." Nhân cách của ông, cống hiến của ông cho đất nước đã chiếm được tấm lòng ngưỡng mộ của nhân dân miền Nam...

"Đại biểu nhiều tỉnh như Vĩnh Long, Bến Tre... nêu nguyện vọng là Nhà Nước nên xem xét và cho phép đặt lại tên đường Phan Thanh Giản, trường học Phan Thanh Giản, sửa chữa bổ sung kiến thức về Phan Thanh Giản trong các sách giáo

khoa, giáo trình để đông đảo đồng bào, nhân dân ta hiểu Phan Thanh Giản hơn và đặt ông vào đúng vị trí trong lịch sử, trong đời sống văn hóa của nhân dân ta...

"Tiến sĩ Nguyễn Văn Khoan" [29]

Giáo sư Văn Tạo, một sử gia thuộc Viện Sử học Hà Nội có đọc một bài nhận định, trong phần kết thúc ông đã đưa ra năm điểm sau đây: *"**Khẳng định** cụ Phan Thanh Giản là một người yêu nước, thương dân...; cụ Phan thanh Giản không có ý đồ phản bội quyền lợi dân tộc mà muốn bảo vệ quyền lợi dân tộc...; công lao xây dựng đất nước của cụ Phan thật đáng ca ngợi; cụ là một trong những nhà yêu nước đầu tiên có xu hướng canh tân và việc ký hòa ước về ba tỉnh miền Đông cũng như việc để mất ba tỉnh miền Tây là sai lầm nhưng trách nhiệm về sai lầm đó là thuộc triều đình Tự Đức, cụ chỉ là người thừa hành và liên đới chịu trách nhiệm..."* [30]

Nhân vật đáng chú ý nhất trong cuộc "tọa đàm khoa học" này là ông *Võ Văn Kiệt*, cựu Ủy viên Bộ Chính Trị Đảng Cộng sản Việt Nam, cựu Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng... Tuy ông Võ Văn Kiệt đã về hưu trí và năm nay đã 82 tuổi nhưng vẫn còn có rất nhiều ảnh hưởng trong giới lãnh đạo ở trong nước, nhất là ở miền Nam, kể cả trong giới trí thức vì vợ của ông Kiệt là Tiến sĩ Phan Lương Cầm, giáo sư Đại học Hà Nội và là con gái của ông Phan Tử Lăng, một nhân vật từng giữ chức vụ cao cấp nhất về quân sự trong chính phủ Trần Trọng Kim vào năm 1945.

Trong cuộc hội thảo này, ông Võ Văn Kiệt đã đọc một bài nhận định dài ba trang trong đó ông đã nói như sau:

"Tôi có được dự hai lần Hội thảo về Phan Thanh Giản. Với tôi, lần thứ hai này đã cho tôi sáng tỏ nhiều điều.

"Những gì mà tôi nghe được, đọc được từ những trang sử học, những gì mà tôi nghe được, biết được trong dư luận nhân dân, Phan Thanh Giản là người thương dân rất mực, trong sáng trong đời sống riêng tư, cần kiệm, liêm chính, hết mình trong công việc... Với tôi, đây là một tấm gương mà mỗi chúng ta nên suy nghĩ và học tập..."

Trong phần kết luận, ông Võ Văn Kiệt nói rằng:

"Cuối cùng tôi cũng muốn nhắc lại câu nói như một tuyên ngôn của Phan Thanh Giản khi biết chắc ba tỉnh miền Tây đã rơi vào tay giặc: Phan Thanh Giản không thể sống ở nơi mà lá cờ ba sắc phất phới bay!

"Với tuyên ngôn này và với những gì tôi đã trình bày, **tôi khẳng định rằng: Phan Thanh Giản là một người yêu nước, thương dân.** Vì yêu nước, thương dân mà lo không tròn bổn phận, cụ đã tự làm bản án cho chính mình: đó là cái chết.

"Một cuộc đời thanh sạch, thật đáng để lại gương soi cho hậu thế.

"Sau cuộc tọa đàm tháng 8 năm 2003, tôi đã về thăm mộ Phan Thanh Giản và đốt nhang lạy hương hồn cụ. Và tôi cũng quyết định xây lại khu mộ phần và nhà thờ cụ bởi mộ cụ đã bị thời gian bào mòn quá nhiều.

"Một lần nữa tôi khẳng định Phan Thanh giản là người yêu nước, thương dân, một phẩm cách đáng kính trọng, một tấm gương để cho mọi thế hệ suy nghĩ..." [31]

Đúng 40 năm sau cuộc hội thảo lần thứ nhất tại Hà Nội để "kết tội" cụ Phan Thanh Giản, cuộc "tọa đàm khoa học" hay hội thảo về nhân vật Phan Thanh Giản lần thứ ba này đã cho thấy có sự tiến bộ rõ rệt, có sự thay đổi trong cái nhìn của các hội thảo viên và họ đã đều *"nhất trí,"* thực sự nhất trí, trong việc thừa nhận lòng yêu nước thương dân của cụ Phan. Hai nhân vật đặc biệt là Giáo Sư Văn Tạo cũng như ông cựu Thủ Tướng Võ Văn Kiệt đã dùng tiếng *"khẳng định,"* có nghĩa là không còn gì để phải bàn cãi, thảo luận nữa, không thể nào chối cãi được cụ Phan là một nhà ái quốc, một người yêu nước, thương dân...

Ông Sáu Dân tức là cựu Thủ Tướng Võ Văn Kiệt đã có hành động cụ thể trong lập trường này và ngày 15 tháng 8 năm 2003, ông đã hướng dẫn một phái đoàn mà người viết đếm được là 15 người (theo bức hình đăng trên báo Xưa & Nay) về thăm mộ cụ Phan Thanh Giản tại Ba Tri tỉnh Bến Tre. Ông Võ Văn Kiệt nói rằng ông đã *"đốt nhang lạy hương hồn cụ,"* một việc hiếm thấy nơi một người Cộng sản cao cấp và ông cũng còn hứa là sẽ *"xây lại khu mộ phần và nhà thờ cụ..."*

Những tin tức người viết nghe được từ Việt Nam cho biết ông Võ Văn Kiệt đã giữ đúng lời hứa đó vì nghe nói trong một thời gian rất gần đây, một buổi lễ khánh thành mộ phần và nhà từ đường mới thờ cụ Phan Thanh Giản sẽ được tổ chức rất trọng thể tại Bến Tre với sự tham dự của đông đảo quan khách và đồng bào các tỉnh miền Tây.

Lời hứa đó đã trở thành một phần sự thật khi đền thờ của Cụ Phan Thanh Giản được khánh thành vào ngày 4 tháng 5 năm 2004 tại Ấp Thạnh Nghĩa, Xã Bảo Thạnh, Huyện Ba Tri, tỉnh Bến

Tre. Báo *Tuổi Trẻ* số ngày 5 tháng 5 năm 2004 cho biết rằng ngôi đền thờ cụ Phan Thanh Giản mỗi bề bảy mét đã được khởi công từ tháng 10 năm 2003, tức là 2 tháng sau ngày diễn ra cuộc "tọa đàm khoa học" về Cụ Phan Thanh Giản tại Sài Gòn và đã hoàn tất vào tháng 2 năm 2004 với kinh phí là 185 triệu đồng Việt Nam, nhưng tờ báo này không cho biết nguồn cung cấp số kinh phí này từ đâu mà ra. Tuy nhiên ở phần cuối bản tin, báo *Tuổi Trẻ* nói rằng ông Dương Trung Quốc có cho biết rằng "*thực hiện công trình này là do chủ trương của Hội Khoa Học Lịch sử Việt Nam cùng với nỗ lực đóng góp của nhân dân địa phương và gia đình của Cụ Phan Thanh Giản.*"

Báo *Tuổi Trẻ* còn cho biết thêm rằng ngoài ngôi đền thờ, một pho tượng của Cụ Phan Thanh Giản cao 2,1 mét cũng được dựng lên trước đền. Báo này cho biết thêm "*bức tượng này đã có từ trước năm 1975 và dựng ngay tại trung tâm thị xã Bến Tre nhưng lâu nay cất tại bảo tàng tỉnh vì bị hư phần chân tượng và chiếc mũ cánh chuồn.*" Như vậy thì pho tượng của Cụ Phan Thanh Giản được nhân dân tỉnh Bến Tre dựng lên tại trung tâm thị xã trước năm 1975 và đã bị chính quyền Cộng sản hạ xuống rồi "*cất tại bảo tàng.*" Cất có nghĩa là giữ ở trong kho chứ không phải là được trưng bày trong viện bảo tàng cho công chúng chiêm ngưỡng, cho đến năm nay thì mới được mang ra để đưa về dựng lại trước đền thờ của Cụ Phan Thanh Giản tại quận Ba Tri. Đây cũng là một việc đáng mừng vì sau khi bị "*cất*" gần 29 năm, lần đầu tiên pho tượng của Cụ Phan mới được "*trả tự do*" và được đưa về dựng lại dưới ánh mặt trời tại nơi quê quán của Cụ.

Về phần quan khách đến dự lễ khánh thành này, theo báo Tuổi Trẻ thì "*đến dự lễ có đại diện của Tạp chí "Xưa & Nay", ông Trần Công Ngữ, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre và chính quyền địa phương. Ngoài ra còn có ông Dương Trung Quốc, đại biểu Quốc Hội khóa XI, Ủy viên Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và Tổng Thư Ký Hội Khoa Học Lịch sử Việt Nam.*" [32] Không thấy tên tuổi của một vị "*quan chức*" nào của trung ương từ Hà Nội hay Sài Gòn, không thấy tên ông Võ Văn Kiệt, cũng không thấy tên ông chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bến Tre đến dự lễ, có lẽ là các vị "quan chức" của Đảng và Nhà Nước đều bận công vụ gì đó cho nên không đến được...

Tuy nhiên, dù có hay không có sự hiện diện của các "quan chức cao cấp," việc khánh thành ngôi đền thờ và bức tượng của Cụ Phan Thanh Giản tại Ba Tri ngày 4 tháng 5 năm 2004 là một tin đáng mừng cho nhân dân tỉnh Bến Tre nói riêng và toàn thể miền Nam nói chung vì đây là lần đầu tiên từ năm 1975, nhân dân quận Ba Tri mới chính thức được phép chiêm ngưỡng pho tượng và ngôi đền thờ của vị tiến sĩ đầu tiên và cũng là vị anh hùng của miền Nam đã tử tiết cách đây gần 150 năm, một con người mà cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ca ngợi là "*người yêu nước, thương dân, một phẩm cách đáng kính trọng, một tấm gương để cho mọi thế hệ suy nghĩ...*".

Như vậy thì một vài kết quả của cuộc tọa đàm khoa học "*Thế Kỷ 21 Nhìn Về Nhân Vật Lịch Sử Phan Thanh Giản*" tại Sài Gòn ngày 16 tháng 8 năm 2003 đã được thể hiện qua lời hứa hẹn và những việc làm của ông Võ Văn Kiệt, tuy nhiên, vẫn còn có một vài nguyện vọng khác chưa thấy được thực hiện. Theo Tiến Sĩ Nguyễn Văn Khoan thì trong cuộc hội thảo này, nhân dân miền Tây còn có đòi hỏi thêm một vài nguyện vọng khác: "*đại biểu của nhiều tỉnh như Vĩnh Long, Bến Tre ... nêu nguyện vọng là Nhà Nước nên xem xét và cho phép đặt lại tên đường Phan Thanh Giản, trường học Phan Thanh Giản, sửa chữa bổ sung kiến thức về Phan Thanh Giản trong các sách giáo khoa, giáo trình để đông đảo đồng bào, nhân dân ta hiểu Phan Thanh Giản hơn và đặt Ông vào đúng vị trí trong lịch sử, trong đời sống văn hóa của nhân dân ta...*" [33]

Một giải pháp có tính cách chính trị chỉ nhằm để giải quyết cho một nhu cầu chính trị. Nhu cầu chính trị bao giờ cũng chỉ có tính cách giai đoạn và đoản kỳ chứ không trường cửu trong chiều dài lịch sử của dân tộc.

Vì nhu cầu chính trị cần phải loại bỏ ảnh hưởng của giới trí thức Nam Bộ tại miền Bắc cho nên tập đoàn Lê Duẩn-Lê Đức Thọ mới chỉ thị cho Trần Huy Liệu phải viết sử theo lối "định đề" và đã kết án Phan Thanh Giản là người "*trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân, là phạm tội "dâng thành hiến đất cho giặc" và từ đó phủ nhận tất cả "tứ đức" của ông như "đức tính liêm khiết," "lòng yêu nước," "thương dân"...vì công đức đã bại hoại thì tư đức còn có gì đáng kể.*"

Vì nhu cầu chính trị cho nên ngay từ tháng 5 năm 1975 "*chúng ta đổi tên đường Phan Thanh Giản ở Thành phố Hồ Chí Minh thành đường Điện Biên Phủ và một số nơi, có người đề nghị xoá bỏ*

hay hạn chế bớt việc duy trì và tu tạo những di tích lịch sử về Phan Thanh Giản." [34]

Vì nhu cầu chính trị này nên năm 1975, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội của Đảng Lao Động dưới quyền chỉ đạo của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã phái hai nhà trí thức của Đảng là Giáo sư *Nguyễn Công Bình* và Giáo sư *Nguyễn Đổng Chi* vào Sài Gòn với nhiệm vụ xóa tên cụ Phan Thanh Giản trên toàn thể lãnh thổ miền Nam Việt Nam.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không còn nữa.

Nhu cầu chính trị quá khích của họ thời thập niên những năm 1960 và 1970 cũng không còn nữa.

Cho đến chừng nào các nguyện vọng của nhân dân các tỉnh miền Tây trong cuộc tọa đàm khoa học "*Thế Kỷ 21 nhìn Về Nhân Vật Lịch Sử Phan Thanh Giản*" mới hoàn toàn được thực hiện?

Cho đến chừng nào thanh thiếu niên Việt Nam mới được dạy dỗ về nhân vật Phan Thanh Giản như những vị anh hùng trong lịch sử khác mà các thế hệ cha ông của họ đã từng được học hỏi như vậy trên toàn quốc trước năm 1945 và tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975?

Cho đến chừng nào những người lãnh đạo tại Việt Nam mới cho phép "*sửa chửa bổ sung kiến thức về Phan Thanh Giản trong các sách giáo khoa, giáo trình để đông đảo đồng bào, nhân dân ta hiểu Phan Thanh Giản hơn và đặt Ông vào đúng vị trí trong lịch sử, trong đời sống văn hóa của nhân dân ta*"như nguyện vọng của nhân dân miền Tây?

Cho đến chừng nào người dân Miền Nam mới được nhìn thấy những con đường, những trường học được mang lại những tên cũ của các vị anh hùng dân tộc của một thời xưa cũ trong đó có cả tên Cụ Phan Thanh Giản, một trong hai vị anh hùng của xứ Nam Kỳ vào thời thế kỷ thứ 19 mà cụ Nguyễn Đình Chiểu đã ca ngợi:

"*Phải trời cho mượn cán quyền phá lỗ,*
Trương Tướng Quân còn cuộc nghĩa binh.
"Ít người đặng xem tấm bảng phong thần,
Phan Học Sĩ hết lòng mưu quốc"?

1 Phan Huy Lê: "***Phan Thanh Giản: Con Người, Sự Nghiệp và Bi Kịch Lịch Sử***," Tạp Chí "***Bông Sen***" số tháng 7, 8 năm 2000. Trang 22.

2 Phan Thị Minh Lễ: "***Phan Thanh Gian, Patriote et Précurseur du Vietnam Moderne***," nhà xuất bản L'Harmattan, Paris 2002. Trang 86-87.

3 Giáo Sư Văn Tạo: "***Về Sự Nghiệp và Vai Trò Lịch Sử của Phan Thanh Giản***," Tạp Chí Xưa và Nay, Sài Gòn tháng 9 năm 2003.

4 "***Từ Điển Thành Phố Sài Gòn-HCM***" trang 248-249.

5 Xuân Vũ: "***Cách Mạng Tháng 8, Cha Đẻ Công Số 8***," Văn Khoa, 1997. Trang 212

6 Tên hai chiếc tàu của Liên Xô được dùng để chuyên chở cán bộ và bộ đội ở Nam Bộ tập kết ra miền Bắc vào năm 1954 và 1955 theo Hiệp Định Genève.

7 Xuân Vũ: Sđd, trang 194.

8 Võ Văn Kiệt: "***Ấn Tượng Võ Văn Kiệt: "Tổng Bí Thư Lê Duẩn-Nhà Lãnh Đạo Kiệt Xuất của Cách Mạng Việt Nam, Người Học Trò Xuất Sắc của Bác Hồ***," nhà xuất bản Trẻ, Vĩnh Long, 2003. Trang 311.

9 Vũ Thư Hiên: "***Đêm Giữa Ban Ngày***," Văn Nghệ, California 1997, trang 325-326.

10 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 107.

11 Vũ Thư Hiên: "***Đêm Giữa Ban Ngày***," Văn Nghệ, California 1997. Trang 275-279.

12 Xuân Vũ: Sđd, trang 203-204.

13 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 277.

14 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 310.

15 Nguyễn Văn Trấn: "***Viết Cho Mẹ và Quốc Hội***," Văn Nghệ, California

16 Xuân Vũ: Sđd, trang 202.

17 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 270: "***Bùi Công Trừng*** (1902-1977) là một nhà cách mạng Cộng sản thuộc lớp kỳ cựu, tốt nghiệp Đại học Phương Đông, Moskva, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản, cựu tù nhân Côn Đảo, Phó Chủ Nhiệm Ủy Ban Khoa Học Nhà Nước đầu thập niên 1960."

18 Nguyễn Văn Trấn: "***Viết Cho Mẹ và Quốc Hội***," Văn Nghệ, California 1995. Trang 327-328.

19 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 324.

20 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 327.

21 Dương Thu Hương: "***Tiểu Luận***," được đăng lại trên nhật báo Thời Luận, Los Angeles, số ra ngày 16 tháng 6 năm 2004.

22 Xuân Vũ: Sđd, trang 198.

23 Xuân Vũ: Sđd, trang 223.

24 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang31.

25 Vũ Thư Hiên: Sđd, trang 231-232.

26 Trần Hoài Thư: "***Về Một Ngôi Trường***," Giai phẩm Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm 1997

27 Phan Huy Lê: bài đã dẫn, Tạp Chí Bông Sen.

28 Ban Tuyên Giáo Tỉnh Vĩnh Long: "***Ấn Tượng Võ Văn Kiệt***," nhà xuất bản Trẻ, Sài Gòn, 2003. Trang 29.

29 Nhật báo ***Tuổi Trẻ***, Sài Gòn số ra ngày 18 tháng 8 năm 2003.

30 Tạp Chí ***Xưa & Nay***, Sài Gòn, Số 146, tháng 8 năm 2003.

31 Võ Văn Kiệt: "***Những Suy Nghĩ Sau Hai Cuộc Hội Nghị về Nhân Vật Phan Thanh Giản,***" Tạp chí Xưa & Nay, Sài Gòn, Số 146, tháng 8 năm 2003.

32 Nhật báo ***Tuổi Trẻ***, số ra ngày 5 tháng 5 năm 2004.

33 Nhật báo ***Tuổi Trẻ***, số ra ngày 18 tháng 8 năm 2003.

34 Giáo Sư Văn Tạo: bài đã dẫn, ***Tạp chí Xưa & Nay***, số 146.

THỬ ĐỌC LẠI MẤY BÀI THƠ QUỐC ÂM CỦA CỤ PHAN THANH GIẢN

GS LƯU KHÔN
Cựu Hiệu Trưởng Trung Học Phan Thanh Giản
Nguyên Giáo Sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và Cần Thơ

Nhắc đến sự nghiệp văn chương của Cụ Phan Thanh Giản các sách thường chỉ nhắc đến bộ "Lương Khê Thi Thảo," là bộ sưu tập hầu hết thơ văn bằng chữ Hán của Cụ.

Theo lời tựa Cụ viết năm Tự Đức thứ 19 (1866), sách được biên soạn là "để cháu chắt sau này biết rằng ông ấy đã sống trong một cuộc đời long đong như vậy" (Lương Khê Tiểu Thảo Tự Tự – Tô Nam dịch). Sách in năm 1876, và theo *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, sách có tên "Lương Khê Thi Văn Tập."

Thật ra, vị lão thần mà văn phong được Vua Tự Đức phê cho hai chữ "cổ nhã" này còn là tác giả các bộ:

- *Du Kinh*, nhân đi thi Hội tại Huế năm Minh Mạng thứ 7 (1826)
- *Toái Cầm*, khóc bạn là Lê Bích Ngô, mất năm Minh Mạng thứ 10 (1829)
- *Kim Đài Thi Tập*, làm trong dịp đi sứ Tàu năm Minh Mạng thứ 13 (1832)
- *Minh Mạng Chính Yếu* soạn theo lệnh Vua, năm Minh Mạng thứ 18 (1837)
- *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Tổng Mục*, soạn năm Tự Đức thứ 6 (1853)
- *Sứ Trình Nhật Ký*, nhân đi sứ Pháp năm Tự Đức thứ 16 (1863). Tôn Thọ Tường diễn ra quốc âm, đề là "Tây Phù Nhật Ký". Có người cho rằng Phạm Phú Thứ mới là tác giả của tập nhật ký này.
- *Khảo Cổ Ức Thuyết*.

Tuy nhiên, các tác phẩm được truyền tụng nhiều nhất của Cụ lại là những thơ văn quốc âm do Cụ sáng tác trong khoảng thời gian từ khi xuất chính cho đến khi nhắm mắt lìa đời.

Chúng ta thử đọc lại mấy bài thơ ấy, ngõ hầu có thể cảm nhận một cách sâu sắc hơn tâm tư tình cảm của Cụ là người suốt đời tận tụy vì dân, vì nước, mà cuối cùng đành phải chết một cái chết rất đau thương.

- Trước hết là bài:

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười tớ ham giong ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng.
Ơn nước, nợ trai đành nỗi bận,
Cha già, nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn lâm biệt
Rằng nhớ, rằng quên lòng hỏi lòng?

* Theo Đào Văn Hội (*Danh Nhân Nước Nhà*, nhà in Lý Công Quan, Sài Gòn 1951),

"Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), khoa Ất Dậu, thi tại thành Gia Định, Giản đậu Cử Nhơn. Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), khoa Bính Tuất thi Hội tại kinh đô, Giản đậu Tiến Sĩ. Lúc ra đi, Giản có làm bài thơ gởi vợ.

Bà vợ này họ Lê, ở làng Long Hồ (Vĩnh Long), không con, bị xuất."

* Mai Chưởng Đức (Lương Khê Thi Thảo, *Tập San Sử Địa*) cũng cho rằng Cụ làm bài thơ này là để "giã vợ đi làm quan," và có nhận xét:

"Chỉ tạm xa cách vợ đi nhậm chức quan mà dặn dò, than thở não nuột như thế, có khác nào bị lưu đầy vĩnh biệt chốn non lam chướng khí chăng nhỉ?"

* Ý kiến của Nam Xuân Thọ (*Phan Thanh Giản 1796-1867*, nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn) về nguồn gốc bài thơ có lẽ dễ chấp nhận hơn, khi ông viết:

"Năm Mậu Tí (1828), nhằm năm Minh Mạng thứ 9, Thanh Giản nghe Viên Huấn Đạo Nguyễn Văn Đức ca tụng đức hạnh một người phụ nữ tên Trần Thị Hoạch, người làng Đơn Vệ, huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị, con Cụ Án Trần Công Án. Thanh Giản khi ấy đã 33 tuổi, mà Trần Thị Hoạch cũng đã 30 tuổi, nhưng chưa chồng vì rất kén. Thanh Giản hâm mộ tiếng tăm Trần Thị, mới cậy người mai mối mà cưới.

Nếu Thanh Giản cưới vợ rồi lập gia đình, thì cũng là chuyện thường, còn có gì đáng nói. Nhưng

ở đây chúng ta lại phải phục vợ chồng Thanh Giản là người rất phi thường. Vì sau khi cưới hỏi nhau rồi, chẳng được bao lâu, Thanh Giản ngậm ngùi nỗi cha già trong Nam vò võ, mới than thở với vợ, xin Trần Thị hãy tưởng tình mình mà vào Nam phụng dưỡng cha già. Vợ chồng mới cưới, ân tình còn đang nồng, thế mà Trần Thị Hoạch vui lòng đảm nhận cái nhiệm vụ của Thanh Giản trao cho. Thanh Giản sa nước mắt vì cảm động. Ngày đưa vợ về làng Bảo Thạnh, vợ chồng Thanh Giản đều ngùi ngùi, riêng Thanh Giản đã băn khoăn cảm động rất mực mà đưa tặng vợ một bài thơ lâm ly, tình tứ."

Trần Thị Hoạch là vợ thứ ba của Cụ Phan Thanh Giản, sau bà họ Lê, và lúc cưới bà, cụ đang làm Tham Hiệp tỉnh Quảng Bình.

Phải nhìn nhận rằng qua bài thơ này, tình cảm Cụ dành cho Cụ Bà thật đậm đà, riêng các chữ "tớ", chữ "ai", chữ "nhau", chữ "lòng" dùng trong bài đọc lên nghe thắm thiết làm sao.

Vốn một lòng thương vợ, Cụ không khỏi tự trách mình đã chạy theo công danh, sự nghiệp, mà lơ là tình nghĩa phu thê. Vì công vụ đa đoan, Cụ đành phải cậy Cụ Bà vào tận trong Nam thay Cụ mà lo phụng dưỡng cha già. Sứ mạng quá nặng nề, Cụ chỉ biết kêu gọi sự thông cảm, lòng hi sinh của Cụ Bà mà thôi.

"Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng?"

Lại cũng vì công vụ đa đoan, nợ nước trước tình nhà, Cụ đã làm mấy câu thơ sau đây:

Thương vua, mến chúa phải ra đi,
Bịn rịn làm chi thói nữ nhi?
Muôn dặm Tràng An mau trở lại,
Vào chầu bệ ngọc hả lòng ni.

Số là năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), tháng 6, được tin cha mất, Cụ về cư tang tại làng Bảo Thạnh. Tháng 10 mãn phép, Cụ trở về kinh. Trong khi Cụ sắp sửa lên đường, Cụ Bà ngỏ ý xin Cụ ở nán lại, thì Cụ khẳng khái vịnh mấy câu thơ trên.

Ôi, cao cả thay tinh thần trách nhiệm của một bậc trung thần!

Tiếp theo là mấy bài thơ Cụ làm lúc đi đường.

- Bài thứ nhất:

Muôn dặm đường xa mới tới kinh
Bao nhiêu non nước, bấy nhiêu tình.
Rừng không, người vắng, chim bay rốn
Trăng lặn, sao mờ, gió thổi rinh.

"Tháng 8 năm 1826, Phan Thanh Giản được bổ Hàn Lâm Viện biên tu. Sang tháng 11, được bổ làm Tham Hiệp Quảng Bình. Lúc lên đường vào kinh nhậm chức ở Quảng Bình, nhân đi qua rừng vắng, Phan Thanh Giản bồi hồi ngâm mấy câu thơ trên." (Nam Xuân Thọ)

Đào Văn Hội thì cho rằng Cụ làm bài này lúc đi sứ Tàu.

Tuy không biết rõ bài thơ được sáng tác vào lúc nào, nhưng khi đọc lại, chúng ta cũng cảm thấy tâm hồn lâng lâng, man mác, như đang cùng tác giả hội nhập vào trong cõi hư vô, tịch mịch.

Hai câu:

Rừng không, người vắng, chim bay rốn
Trăng lặn, sao mờ, gió thổi rinh

khiến chúng ta liên tưởng đến bài Điểu Minh Giản (khe nước có chim kêu) của Vương Duy đời Đường.

Nhân nhàn, quế hoa lạc,
Dạ tĩnh, xuân sơn không.
Nguyệt xuất, kinh sơn điểu
Thời minh xuân giản trung.

Dịch nghĩa:

Người nhàn (nhìn) hoa quế rơi
Đêm yên lặng, núi về mùa xuân vắng vẻ
Trăng mọc làm cho chim trên núi giật mình
Thỉnh thoảng kêu lên trong khe nước mùa xuân.

- Bài thứ hai là bài:

Buổi sứ trình đêm mưa, ngày tuyết,
Bạn cố tri minh nguyệt quan san.
Rạng ngày đến cửa, Đồng Quan
Tiếng xưa "thập khứ nhất hoàn" là đây.

Sau những ngày đi đường vất vả dãi dầu mưa tuyết, làm bạn với trăng suông ngoài quan ải, tác giả vui mừng khi đến cửa Đồng Quan. Trong nỗi vui mừng ấy, dường như có pha chút hãnh diện của một người vừa đặt chân đến một nơi có tiếng là "thập khứ nhất hoàn," ý nói trong mười người đi chỉ có một người về.

Phải chăng đó cũng là niềm hãnh diện được bộc lộ qua hai câu thơ sau đây của Chu Mạnh Trinh trong bài "Hương Sơn phong cảnh"?

Kìa non non, nước nước, mây mây
"Đệ nhất động" hỏi rằng đây có phải?

Đệ nhất động, tức Nam thiên đệ nhất động, chữ của Vua Lê Thánh Tông đề ngay tại cửa động Hương Tích.

Giáo Sư Hà Như Chi (*Việt Nam Thi Văn Giảng Luận Toàn Tập*, nhà xuất bản Sống Mới, Sài Gòn) đã viết:

"Văn chương Chu Mạnh Trinh êm nhẹ, thanh tao. Điều này có thể nhận thấy trong bài thơ của ông tả phong cảnh Hương Sơn. Đọc bài này ta có cảm giác rằng cái nhìn của ông lướt nhẹ trên cảnh vật như cánh chim trên đồi núi chập chùng."

- Thứ ba là hai bài Cụ làm trong lúc đi sứ Pháp, một bài có tựa là "Đi sứ nước Pháp" và một bài có tựa là "Cảm hoài."

*** Đi sứ nước Pháp**

Chín tầng lồng lộng giữa trời thinh
Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình
Lo nỗi nước kia cơn phiến biến
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh
Ngàn trùng biển cả sang Tây địa
Muôn dặm đường xa thẳng đế kinh
Mây nước sang qua cùng Pháp quốc
Rước đưa mầng rỡ cuộc hòa minh.

*** Cảm hoài**

Chút nghĩa vương mang phải gắng đi
Tang bồng đành tỏ chí nam nhi.
Thuyền ngô phơi phới giương hòn bạc

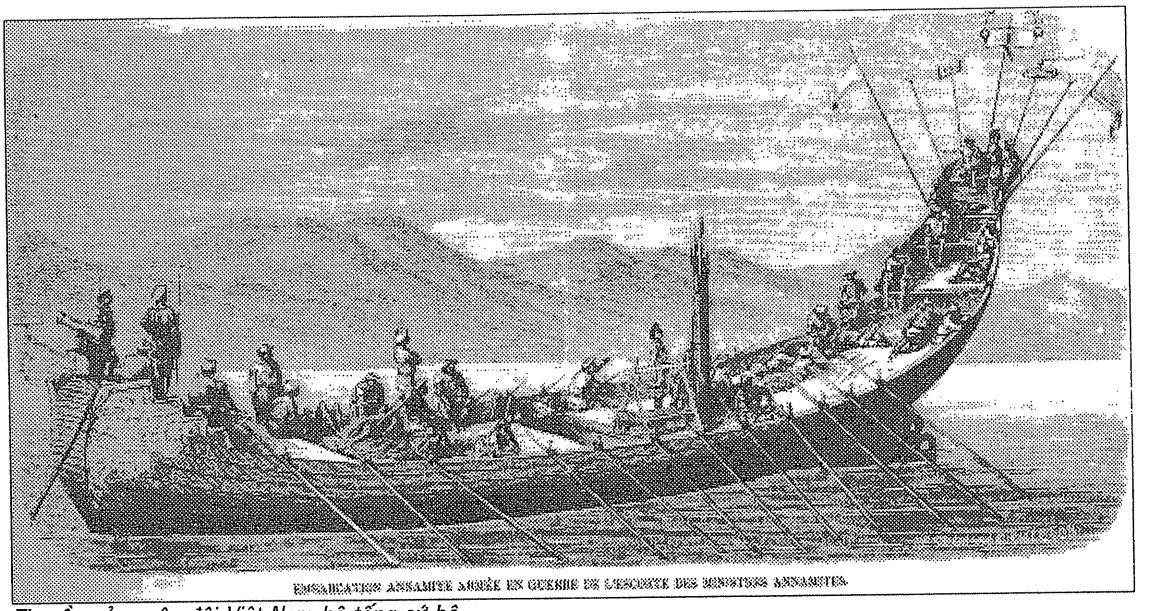

Thuyền của quân đội Việt Nam hộ tống sứ bộ

Khói đá phăng phăng lướt tích ti.
La Hán giang tay chờ khách đến
Tướng quân ghé mắt hẹn ngày về
Phen này miễn đặng hòa hai nước
Nỗi tớ xin đừng bận bịu chi.

Như chúng ta đều biết, không những đi sứ Tàu, Cụ Phan còn đi sứ Pháp, một chuyến đi cực kỳ quan trọng, nhằm xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, mà chính Cụ và Cụ Lâm Duy Hiệp đã buộc lòng ký nhượng cho Pháp theo hòa ước năm Nhâm Tuất (ngày 5 tháng 8 năm 1862).

Cuộc hành trình của sứ bộ được Nam Xuân Thọ kể lại như sau: "Trước hết sứ bộ xuống tàu Echo vào Gia Định (tàu này do Thiếu Tướng De Lagrandière chấp thuận đề nghị của Vua Tự Đức cho phái ra Huế để đón sứ bộ). Ngày 1 tháng 7 năm 1863, sứ bộ từ Gia Định xuống tàu Européen sang Pháp, có Trung úy Reumer đi hộ vệ. Tàu Européen tới Alexandrie, lại sang qua chiếc Labrador.

Hai tháng bảy ngày, sứ bộ mới tới đất Pháp. Ngày 10 tháng 9 năm 1863, sứ bộ đến quân cảng Toulon.

Sử chép thời bấy giờ, hải quân Pháp chào sứ bộ Việt Nam bằng 17 phát thần công, các chiến thuyền đậu trên hải cảng Toulon đều có treo cờ Việt Nam. Chính phủ Pháp phái Đại tá Aubaret là người ở Bộ Ngoại Giao thông thạo tiếng Việt đứng ra làm thông ngôn, khi nhà cầm quyền Pháp xuống tàu tiếp rước sứ bộ.

Chiều hôm 9 tháng 10 năm 1863, tàu Labrador lại đưa sứ bộ tới Marseille. Chính phủ Pháp tổ chức một cuộc tiếp rước chính thức. Ông Mure de Pelaure, đại diện cho Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao, tiếp rước sứ bộ đúng nghi lễ, rồi mời hết phái đoàn lên một biệt thự, đã có mặt nhiều viên chức văn võ Pháp chực đón.

Sứ bộ tạm nghỉ ở Marseille. Ngày hôm sau 4 tháng 9 năm 1863, sứ bộ lên Paris.

Tới kinh đô Pháp, sứ bộ được tiếp rước long trọng. Ông Feuillet de Conches, đại diện của Hoàng Đế Nã Phá Luân Đệ Tam, đến chào mừng sứ bộ, rồi đưa luôn sứ bộ về ở một biệt thự đường Lord Byron."

Suốt cuộc hải trình, xúc động trước cảnh trời cao biển rộng, nước tuôn khói tỏa, Cụ Phan không giấu được nỗi lòng nặng trĩu âu lo, chỉ mong sao

chu toàn được trọng trách, mà không nề hà gì đến nỗi vất vả dọc đường.

Sau cùng là mấy bài thơ Cụ làm sau khi đi sứ nước Pháp về.

* Đó là bài:

Từ ngày đi sứ tới Tây kinh
Thấy việc Âu Châu phải giật mình
Kêu tỉnh đồng bang mau kịp bước
Hết lời năn nỉ, chẳng ai tin

mà chúng ta có thể coi như là một tiếng than dài não nuột của Cụ, sau khi trở về triều tấu trình những gì Cụ quan sát được trong chuyến đi sứ. Những gì đó, chúng ta có thể hình dung qua câu nói sau đây của Cụ:

Bá ban xảo diệu tề thiên địa
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền

Nam Xuân Thọ dịch:

Trăm món khéo tay tày thợ Tạo
Duy còn sống chết chịu thua Trời.

Lần đầu tiên có dịp tiếp xúc với nền văn minh Tây Phương, Cụ đã "giật mình" vừa kinh ngạc, vừa thán phục trước những tiến bộ phi thường của xứ người. Là một bề tôi lương đống hằng quan tâm đến vấn đề quốc kế dân sinh, Cụ hẳn mong sao đất nước sớm được canh tân, nhưng vì đầu óc thủ cựu, đình thần không ai chịu tin lời Cụ.

Thật không có gì đau khổ đối với một người có lòng như Cụ, mà phải bó tay nhìn thế nước ngửa nghiêng.

Phải chăng nỗi đau khổ này đã khiến Cụ thất vọng đến độ năm 1866 (Tự Đức thứ 19), sau khi được bổ chức Kinh Lược đại thần, Cụ đã dâng sớ xin trả lại áo mão, vì cảm thấy bất lực trước tình thế ngày càng căng thẳng tại miền Nam?

* Đó cũng là bài:

Trời thời, đất lợi lại người hòa,
Há dễ ngồi coi phải nói ra.
Lăm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng ruổi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ
Vượt suối trèo non, cám phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba.

Qua lời lẽ trong bài, nhất là trong câu thơ cuối, chúng ta có thể đoán được trong hoàn cảnh nào Cụ đã nghĩ ra nó. Vì bài thơ được sáng tác vào những giây phút cuối cùng trong đời Cụ, chúng ta có thể gọi đó là bài thơ tuyệt mệnh hoặc di bút. Có người cũng đề tựa là "Tuyệt cốc," ngày nay chúng ta nói là "tuyệt thực." Sử chép tuyệt thực 17 ngày không chết, Cụ bèn dùng độc dược để kết liễu đời mình.

Sau khi suy gẫm về ba chữ Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa, tức là ba yếu tố định đoạt sự thành bại của con người trong bất kỳ cuộc đấu tranh nào, Cụ ngậm ngùi thương cho chính mình cũng như cho bọn trẻ đương thời đã trải qua bao gian khổ hiểm nguy mà chí lớn không thành. Cụ cũng cảm thấy ngao ngán cho lòng người tráo trở, cho tình đời đen bạc, mà hậu quả là toàn bộ Nam Kỳ Lục Tỉnh lọt vào tay quân xâm lược. Trong chương "Công luận phẩm bình" (sách đã dẫn), Nam Xuân Thọ có nhắc đến một giai thoại trong chuyến đi Pháp của Cụ.

"Và nếu ta biết rằng khi sang Pháp, cụ Phan được tiếp rước niềm nở, chính Ngoại Trưởng Pháp là Achille Fould đến thăm sứ bộ ta ở quán số 17 đường Lord Byron. Ngoại Trưởng đã trân trọng bỏ găng tay mặt ra và yêu cầu cụ Phan đưa tay ra bắt, rồi ân cần thiết tha nói một câu... đã đi vào lịch sử: "Xin Ngài hãy thực hành cái tục chào của Tây Phương chúng tôi, để chúng ta tỏ tình huynh đệ với nhau." Người ngay thẳng và thành thật như Cụ Phan cảm động với lời ân cần mật thiết ấy biết bao nhiêu! Mà ai lại không tưởng với cái tình "huynh đệ" ấy, thì có đâu chuyện xâm chiếm nữa mà chi? Và rồi ai bội tín? Ai ngậm cười khinh bỉ?"

Tóm lại, qua thơ văn quốc âm của Cụ Phan Thanh Giản, chúng ta nhận thấy

- Về hình thức

Lời lẽ bình dị, tao nhã, câu văn nhẹ nhàng, trong sáng, hầu như thiếu hẳn khí thế hào hùng, sôi nổi.

- Về nội dung

Cụ đã tỏ ra có một tâm hồn đa cảm, một tình cảm dạt dào và một tâm sự u ẩn.

Dễ dàng xúc động trước cảnh thiên nhiên với rừng núi hiểm trở, trời biển mênh mông, lúc nào cũng canh cánh bên lòng nào tình gia đình, nghĩa chúa tôi, tình yêu quê hương dân tộc, âm thầm chịu đựng nỗi oan khiên mà chỉ cái chết mới hóa giải được, đó là hình ảnh qua một số thơ văn của Lương Khê Phan Thanh Giản, một danh nhân của miền Nam nước Việt vào thế kỷ thứ 19.

San Jose, tháng 7-2004

GÓP Ý CÙNG GIÁO SƯ NGUYỄN PHÚ THỨ VỀ CỤ PHAN THANH GIẢN VÀ CỤ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

NGUYỄN TRUNG QUÂN

Cựu Học Sinh – Cựu Giáo Sư Trung Học Phan Thanh Giản Cần Thơ

Tạp chí *Giao Điểm* số 53 Fall 2004 có đăng bài CHỮ HIẾU MỘT VỊ VUA của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ nói về đạo hiếu của vua Tự Đức đối với mẹ. Cả bài dài chín trang in, chỉ có hai trang đầu viết về bà Hoàng Thái Hậu Từ Dũ và vua Tự Đức, còn bảy trang sau nói về cụ Phan Thanh Giản.

Bài Chữ Hiếu kể trên đã được phổ biến rộng rãi trên Internet, theo tác giả, bài được trích trong sách *Tìm Hiểu Việc Đời Đã Qua*, in xong đầu năm 2004 và đang giới thiệu đến độc giả bốn phương.

Sau khi đọc bài, nhất là phần nhận định của Giáo Sư Nguyễn Phú Thứ về những bài thơ điếu Phan Thanh Giản của Cụ Nguyễn Đình Chiểu, người viết bài này có nhiều điều muốn góp ý.

Trước hết xin nói về bài thơ điếu Phan Thanh Giản bằng chữ Nôm mà hầu hết các sách giáo khoa Văn học Việt Nam đều có ghi lại như sau:

Non nước tan tành hệ bởi đâu?
Dàu dàu mây bạc cõi Ngao Châu
Ba triều công cán đôi hàng sớ
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu
Trạm Bắc ngày chiều tin điệp vắng
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu
Minh sinh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây mặc gió thu.

Trong một bài đăng trong Giai Phẩm Phan Thanh Giản – Đoàn Thị Điểm Cần Thơ nhân kỳ họp mặt lần II tại Toronto, Canada vào năm 1998, người viết có nói rõ sự sai lầm của việc phá tượng, đổi tên trường, tên đường Phan Thanh Giản trong nước sau 30 tháng 4 năm 1975 và đã dùng bài thơ điếu kể trên để khẳng định niềm thương tiếc, xúc động sâu xa của cụ Nguyễn Đình Chiểu đối với Cụ Phan Thanh Giản.

Thật vậy, toàn bài thơ điếu thể hiện một niềm xót xa vừa trang trọng vừa bi hùng mà lại có khí vị thành khẩn, u nhã.

Khi xét từng ý, từng câu, người đọc sẽ càng cảm thấy thấm thía lòng tôn kính của cụ Nguyễn Đình Chiểu đối với cụ Phan Thanh Giản hơn, mà cũng cảm thương cho vận nước hơn.

Hai câu đầu (Đề hoặc Phá và Thừa) là lời than mất nước khiến cảnh vật cũng đau buồn vì mất người chống trả ngoại xâm.

Công lao và tâm lực của cụ Phan Thanh Giản cho nước, cho dân trải qua ba triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức được nêu rõ trong hai câu thực (câu 3-4).

Cặp luận (hai câu 5-6) kể trách nhiệm của cả triều đình của vua Tự Đức chớ không phải riêng Kinh lược sứ Phan Thanh Giản để mất ba tỉnh miền Tây Nam kỳ.

Ải Bắc ngày trông tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.

Cụ Phan Thanh Giản đã đợi sứ điệp của triều đình trong tuyệt vọng nên đành phải tuyệt thực rồi tự tận.

Chi tiết đậm nét bi thương ẩn tàng trong hai câu kết là khí tiết trượng phu của cụ Phan Thanh Giản. Cụ đã trối trăn dặn con cháu là chỉ ghi tấm triệu trước linh cữu là Linh cữu học trò già góc bể họ Phan (Hải nhai lão thư sinh tính Phan chi cữu). Từ nay người Pháp mặc tình hoành hành ở nước Nam.

Giáo sư Nguyễn Phú Thứ dựa vào nguyên tắc xưa viết minh sinh (Tấm triệu) để trước quan tài mà bàn như sau:

"Ông Phan Thanh Giản viết di bút để lại cho các con cháu có 11 chữ là: *Đại Nam hải nhai lão thư sinh tánh Phan chi cửu* có nghĩa là 'Linh cữu của người học trò già họ Phan ở bãi biển nước Đại Nam.' Như vậy, chữ 'cữu' là cuối chữ của câu 11 chữ do Ông Phan Thanh Giản viết rớt đúng chữ 'linh' thì rất đúng quy tắc. Bởi vì, theo quy tắc thời xưa, khi viết minh sinh (tấm triệu) hay mộ bia bắt buộc phải chú ý đến bốn chữ: *Quỷ, Khốc, Linh, Thính* và phải tôn trọng quy tắc: "Nam Linh, Nữ Thính," bất dụng Quỷ Khốc nhị tự." Nhưng tại sao Ông Nguyễn Đình Chiểu là đồ nho lại viết chín chữ và cắt bỏ hai chữ Đại Nam có ý nghĩa gì? Theo thiển nghĩ lúc bấy giờ ở Nam Kỳ lục tỉnh đã bị giặc Pháp chiếm, thì không thể dùng chữ Đại Nam MÀ phải cắt bỏ để trách khéo Ông Phan Thanh Giản? và có ý để Ông Phan Thanh Giản thành Quỷ sau khi chết, bởi để mất Nam Kỳ. Hơn nữa, câu thơ chót Ông Nguyễn Đình

Chiểu kết bằng chữ gió thu (tức gió mùa Thu theo ngũ hành thuộc Kim, theo phương hướng thuộc hướng Tây) ý nói lục tỉnh Nam Kỳ giờ đây do giặc Pháp cai trị là để gói trọn sự thống hận đổ trút hết tội tình lên Ông Phan Thanh Giản, giống như hành động vua Tự Đức vậy."

Người viết không đồng ý với GS Nguyễn Phú Thứ khi ông cho rằng Cụ Nguyễn Đình Chiểu cố ý cắt bỏ hai chữ Đại Nam để trách khéo ông Phan Thanh Giản và có ý để Ông Phan Thanh Giản thành *Quỷ* sau khi chết."

Trước hết là người làm thơ Đường phải trọng cái phong vị, cái ý tình hay nói cách khác là nội dung bài thơ rồi còn phải bị ràng buộc bởi cái khuôn khổ là niêm, luật vần, đối, bố cục của thơ.

Là nhà thơ chân chính, Cụ Nguyễn Đình Chiểu đâu để ý đến những lắc léo trong tâm ý của nhà phê bình mà viết câu:

Minh sinh "mười một" chữ lòng ghi tạc.

Mà hạ câu như vậy thì còn gì là luật Thơ Đường. Vả chăng phần cốt lõi của minh sinh đã được diễn tả, ý khiêm hạ tột cùng của cụ Phan Thanh Giản đã đạt là đủ rồi.

Người viết cũng cho rằng câu kết của bài thơ không gói trọn sự thống hận hay đổ trút tội tình như GS Nguyễn Phú Thứ nói. Đây chỉ là một lời than thở cho cảnh nước mất nhà tan.

Bước sang bài thơ điếu bằng chữ Hán, GS Nguyễn Phú Thứ đã trích bốn câu sau của bài và nhận xét như sau:

"Ngoài ra, Ông Nguyễn Đình Chiểu không dừng ở đây, lại làm thêm bài thơ điếu ông Phan Thanh Giản bằng chữ Hán, không kém sự phiền giận của Ông. Xin trích dẫn như sau:

"Bỉnh tiết tằng lao sinh Phú Bật,
Tận trung hà hận tử Trương Tuần,
Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự,
Nam đắc thung dung tựu nghĩa thần..."

Với bốn câu thơ trên Ông Nguyễn Đình Chiểu, mượn Ông *Phú Bật* ở đời nhà Tống được vua cử đi sứ để thuyết phục được giặc Khiết Đan và lấy lại được đất cho nhà Tống, còn Ông Phan Thanh Giản cũng được cử đi sứ, nhưng không thành công. Riêng ông *Trương Tuần* ở đời nhà Đường giữ thành Tuy Dương, chống giặc An Lộc Sơn, đã chiến đấu đến cuối cùng, thành mất Ông Trương Tuần chết theo thành, còn Ông Phan Thanh Giản không theo gương người xưa, chết tức khắc theo thành? Vì thế, việc còn mất lục tỉnh, còn có trời. Nhưng, Ông Phan Thanh Giản muốn ung dung làm thần (*tựu nghĩa thần*) thì thật khó lắm thay!"

Vì lại không đồng ý với luận cứ của GS Nguyễn Phú Thứ vừa nêu trên, người viết xin chép lại toàn bài thơ điếu bằng chữ Hán in trong quyển Nguyễn Đình Chiểu Thân Thế và Thi văn của Nguyễn Bá Thế do nhà Tân Việt in xong ngày 30 tháng 1 năm 1957 và bài dịch của ông Thượng Tân Thi để chư vị độc giả cùng nhận định:

Lịch sĩ tam triều độc khiết thân
Vị công thùy tán nhất phương dân.
Long hồ uổng phụ thư sinh lão
Phụng các không vi học sĩ thần.
Bỉnh tiết tằn lao sinh Phú Bật
Tận trung hà hậu tử Trương Tuần
Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự
Nan đắc thung dung tựu nghĩa thần.

dịch:

Mình trong sạch trải thờ ba chúa
Không ông ai che chở dân lành.
Long hồ phụ lão thư sinh,
Ở nơi các phụng không đành làm quan.
Cầm tiết nhọc sống chàng Phú Bật
Hết ngay sao giận mất Trương Tuần
Mất còn sáu tỉnh trời phân,
Thung dung tựu nghĩa làm thần khó thay.

Cẩn thận đọc từng câu, xét từng ý rồi đánh giá nội dung của nguyên văn chữ Hán, và bản dịch bên trên, người viết cũng chỉ nhận được lời cảm thán, niềm thương xót và khâm phục hết lòng của cụ Nguyễn Đình Chiểu đối với cụ Phan Thanh Giản, chớ không hề thấy được một lời oán trách nào dù là một ẩn ý nhỏ.

Những ngôn từ *lịch sĩ tam triều độc khiết thân* (riêng giữ trong sạch), *vị công thùy tán* (không còn ông ai che chở dân) của bài thất ngôn Đường luật chữ Hán là những lời chí thành và nghiêm cẩn, thậm chí bội phục. Ngôn ngữ đó không thể nào dùng để mở đầu cho một ý hướng "hờn giận, căm thù thật đáng sợ hơn là thương tiếc ông Phan Thanh Giản" như GS Nguyễn Phú Thứ viết.

Theo người viết nghĩ, hai câu 5-6 của bài thơ điếu chữ Hán là một sự so sánh nâng cao giá trị của cụ Phan Thanh Giản. Hành động của một sĩ phu Việt Nam được đem sánh với việc làm của hai nhân vật lịch sử Trung Hoa nổi tiếng: Sống thì lãnh lệnh vua chịu cam khổ như Phú Bật đời Tống, chết thì tận trung, mang tủi hận như Trương Tuần đời Đường.

Rõ ràng cụ Nguyễn Đình Chiểu không có ý nào nói điều hơn kém, chuộc được đất hay không; mất thành rồi chết liền hay chết chậm – Cổ nhân biết rõ không nên đem thành bại mà luận anh hùng.

Trong câu kết của bài thơ cụ Nguyễn Đình

Chiểu lấy ý Chính Khí Ca Văn Thiên Tường hầu than thở hộ cụ Phan Thanh Giản, vì sự mất còn của Nam Kỳ lục tỉnh mà không được an ổn thong thả đương nhiên sinh vi tướng, tử vi thần.

Việc kính phục, ca ngợi cụ Phan Thanh Giản là một tâm tình không dời đổi của cụ Nguyễn Đình Chiểu từ trước tới sau. Lúc gần cuối đời, năm 1883 đọc Văn Tế Sĩ dân Lục Tỉnh tại chợ Đập làng An Đức, Ba Tri Bến Tre, ở câu 30 cụ Nguyễn Đình Chiểu nhắc:

"Phải trời cho mượn cán huyền phá lỗ Trương Tướng Quân còn cuộc nghĩa binh; Ít người được xem tấm bảng phong thần, Phan Học sĩ hết lòng mưu quốc."

Vế đầu dành đề cao anh hùng kháng pháp Trương Công Định; vế sau dùng tưởng niệm Học sĩ vì nước Phan Thanh Giản là hai nhân vật mà cụ Nguyễn Đình Chiểu trọn đời trân trọng kính yêu. Cụ Nguyễn Đình Chiểu còn là người yêu nước chân chánh, cụ mất năm 1888, người viết nghĩ, ở cuối đời không ai có thể buộc cụ nói lên những ý tình chống trái với tâm hồn chân thật của cụ.

Thêm vào đó, cụ Nguyễn Đình Chiểu là một nhà Nho mà cũng là một nhà giáo dục (được tôn xưng là Cụ Đồ Chiểu). Cả hai danh vị đó đều được trọng vọng trong truyền thống văn hóa Việt Nam. Cụ đã giữ gương sáng để mọi người, kể cả thực dân Pháp, đều phải nể phục. Do vậy, khi cần phát biểu về đạo lý là cụ nói thẳng, nói sự thật, không nể nang hay sợ sệt. Không có lý do khiến cụ phải dùng mẹo chơi chữ để chỉ trích người. Việc đó không hợp với bản chất và tư cách của cụ.

Văn chương của nhà đạo đức dân tộc Nguyễn Đình Chiểu là văn chương chuyên chở đạo, trừ gian diệt bạo:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Vậy lòng kính phục, cảm thông, thương tiếc của nhà nho tài trí nhưng mù lòa, lỡ vận đối với nhà nho thành đạt nhưng phải tự hủy thân vì vận nước nổi trôi là một sự thật. Cụ Nguyễn Đình Chiểu khen ngợi và kính phục cụ Phan Thanh Giản là một sự thật không có gì phải nghi ngờ.

Người viết thường được đọc và mến mộ những bài nghiên cứu của GS Nguyễn Phú Thứ nhất là những bài về văn hóa, giáo dục. Ngay trong bài Chữ Hiếu Một Vì Vua dẫn trên, GS Nguyễn Phú Thứ cũng có những nhận xét, và khuyến cáo rất có ích cho các thế hệ trẻ như sau:

"Qua những trích dẫn vừa qua, chúng ta thấy được những hành động của các bậc danh nhân ngày xưa, lúc nào cũng có tấm lòng yêu dân mến nước, đáng cho thế hệ chúng ta và kế tiếp sau này tôn vinh mãi mãi.

Để biểu lộ tôn kính đối với các bậc tiền nhân bằng hành động, không có gì bằng mỗi khi có dịp chúng ta qua Tiền Giang hay Hậu Giang thuộc miền Nam Việt Nam, xin nhín chút thời giờ quý báu đến Bến Tre để thăm các lăng mộ của các Ông: Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Võ Trường Toản..."

Thậm chí giáo sư còn chỉ đường cặn kẽ cho những người muốn đến thăm mộ.

Tuy nhiên người viết muốn góp ý tận tường với giáo sư Nguyễn Phú Thứ, đặc biệt về nhận định của nhà yêu nước, nhà văn hóa dân tộc Nguyễn Đình Chiểu đối với cụ Phan Thanh Giản là để minh bạch thêm một lần nữa rằng cụ Nguyễn Đình Chiểu không bao giờ có trách cứ cụ Phan Thanh Giản, bất cứ về phương diện nào.

Kể từ năm 1956 rồi đến năm 1963 ở miền Bắc, ngay cả Viện Sử Học Hà Nội do Trần Huy Liệu cầm đầu, người ta đã cố tình kết tội cụ Phan Thanh Giản và nhiều lúc cũng muốn lôi cụ Nguyễn Đình Chiểu vào cho mạnh thêm thanh thế vì ai cũng biết cụ Nguyễn Đình Chiểu thường nói lên tiếng nói của công đạo.

Việc trả lại công đạo, phục hồi những công trình văn hóa, đền thờ, mộ phần, tên đường, tên trường cho những tiền nhân bị vùi dập về những sai lầm của kẻ hậu sinh phải được tiến hành càng sớm càng hay, nhất là đối với cụ Phan Thanh Giản, người sĩ phu điển hình của miền Nam, nhà đạo đức và tấm gương yêu nước cho dân tộc Việt Nam.

Gần đây ở trong nước đã có những cuộc hội thảo khoa học về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản và có chiều hướng nhận định chính xác rằng cụ Phan Thanh Giản là người yêu nước. Cuộc hội thảo năm 1994 tại Vĩnh Long và cuộc tọa đàm về nhân vật lịch sử

Phan Thanh Giản tháng 8 năm 2003 là những biểu hiện tích cực.

Phải góp ý với Giáo sư Nguyễn Phú Thứ, người viết chỉ mong cùng tìm một cái nhìn đúng đắn trong mối liên hệ đạo đức và lịch sử giữa hai vị cổ lão rất đáng tôn kính của tỉnh Bến Tre.

Người viết chỉ lo âu người ta dựa cớ giả tạo là cụ già Ba Tri đã chỉ trích Lão thư sinh Bãi Ngao mà trì trệ việc đáng lẽ phải làm từ lâu: Phục hồi công đạo lịch sử cho cụ Phan Thanh Giản.

Santa Ana, tháng 8-2004

Nhơn cuộc du xuân

May gặp kho tàng quí giá về cụ Phan Thanh Giản*

LÊ VĂN NGÔN

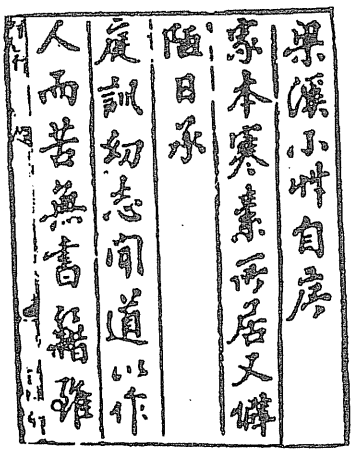

Thủ bút cụ Phan Thanh Giản

Sau khi ở Pháp về "định cư" tại Cần Thơ, hễ mỗi lần mai vàng rộ nở là mỗi lần lòng tôi nao nao hồi tưởng thời niên thiếu. Tôi cố về Hương Điểm đúng vào bữa 29-30 tháng Chạp để lo "đỏ đen năm ba ngày Tết" như thuở Ba Má tôi còn sanh tiền: anh em tôi chờ tôi về để cùng nhau dán liễn, rước Ông Bà, khuya lại đốt pháo nghinh Xuân, sáng ra đi mừng tuổi Ông Bà, chú, cô, dì, cậu...

Và, năm ấy, như bao năm đã qua, ngày Mùng Một thì chúng tôi mừng tuổi bên Nội, ngày Mùng Hai thì anh tôi, tôi và em Trứ tôi đi mừng tuổi bên Ngoại ở làng Mỹ Chánh, gần nhà thầy Bảy Chiêm, con cụ Nguyễn Đình Chiểu, cách Hương Điểm trên 20 cây số.

Khi đã lo tròn phận sự Chúc Mừng Năm Mới ở đây, chúng tôi còn rộng thời giờ, bèn tổ chức một cuộc du xuân ở Gãnh (Gãnh là Gành – Bãi Ngao (tức Ngao châu) có hai gãnh: Gãnh Mù U và Gãnh Bà Hiền.)

Cậu chúng tôi, với "một bụng chữ nho" dở lịch ra coi rồi mới chịu "đầu năm xuất hành" theo chúng tôi.

Thế là chúng tôi vượt Tân Trang, Tân Xuân, theo đường Ba Tri, qua Phú Lễ, Phú Ngãi để đến Gãnh Mù U, tại cõi Ngao Châu của Cụ Phan Thanh Giản.

Trải qua lộ đá xanh, lộ đá đỏ, hết lộ đất sét, lộ đất cát quanh quanh co co, cùng đường. Xe ngừng.

*

Chúng tôi vào nhà anh Phan Thanh Hoài, người giữ việc thờ cúng Cụ Phan. Đây cũng là nhà thờ cụ Phan: ba gian mái lá, tứ phía phên tre... thuộc làng Bảo Thạnh.

Chỉ có Bà Bác, thân mẫu anh Năm Hoài, ở nhà. Nhưng anh tôi đã có nhiều phen tới đây nên không phải là chỗ xa lạ. Chúng tôi đặt lên khay vài gói trà và mấy phong bánh vừa mới mua ở quán bên đường, trình bà bác trước cúng trong ngày Xuân, sau dùng "lấy thảo." Bà bác hối trẻ chạy tìm anh Hoài, đương đi mừng tuổi bà con lối xóm.

Trong lúc chờ đợi anh Hoài về, chúng tôi đi viếng mộ Cụ Phan, rồi lần thăm mộ Cụ Võ Trường Toản, cũng gần gần bên đó.

Chúng tôi đi trên nổng cát trắng vừa cao vừa dài vừa rộng như bờ đê: trên nắng, dưới nóng, da rát rạt, tóc khô nen, tưởng chừng là đã đến miền "tiểu sa mạc"...

Anh Hoài đã về, chạy ra "hú" chúng tôi.

Vì chúng tôi có thưa trước với bà bác là đã ăn cơm sáng rồi, nên bây giờ xin phép lai rai với khô cá kèo, tôm thẻ và... rượu đế. Có ít lắm thì mỗi người cũng phải vài ly nhỏ mới làm vui lòng chủ nhà, anh Năm Hoài cũng như bà bác.

Đến hồi vi túy anh tôi "tâm sự" với anh Hoài: "Anh Năm nè, anh là cháu chánh tông, chắc anh có nhiều văn thơ và tài liệu của Cụ Kinh Lược?"

Anh Hoài đáp: "Về văn về thơ thì có *Lương Khê thi văn tập*, nhưng ở ngoài Huế mới có đủ."

Anh tôi tiếp: "Phải! Mà bộ đó thì ngoài Huế có gởi vào, cho tôi mượn... Đó là sách đã khắc bản, đã in ra, nhiều người có. Tôi muốn hỏi anh có văn thơ hay tài liệu chi chưa in ra cà."

Không cần giấu giếm, anh Hoài bước vào phía trong, bưng ra một cái trắp cây nhỏ cũ xì cũ xịt và nói: "Có nhiều giấy tờ trong nầy, ít ai biết, ít cho ai coi."

Cậu tôi, anh tôi vừa nhai khô, vừa nhâm nhi, vừa soạn sành cả trắp. Tôi và em Trứ tôi đành ngồi ngó: toàn là giấy tờ chữ Hán viết chân, viết thảo, giấy quá cũ, có tờ bèo nhèo, có tờ bị mối ăn mất nhiều chữ...

Đưa cao một tờ giấy, cậu tôi phát ngâm thơ. Mà thơ thật: một bài trường thiên của Cụ Phạm Phú Thứ thuật về tình thế nước nhà và tình cảnh Cụ Phan từ khi Đà Nẵng bị quân Pháp tấn công đến lúc cụ Phan lìa trần, vì dân vì nước!...

Kế anh tôi bỗng thốt to: "Ồ, đây là những bức thơ của thân sanh Cụ Phan gởi cho Cụ; đây là... ối chà! đây là thủ bút của Cụ Phan viết trong hồi sắp từ giã cõi trần, nét chữ run run, dặn lại cháu con, thân hữu về tấm triệu mà Cụ Nguyễn Đình Chiểu đã nêu ở câu:

Minh sanh chín chữ lòng ghi tạc...

Mỗi lúc, chúng tôi đồng trầm trồ: "Quý quá! Quý hóa quá!"

Quả thật là một "kho tài liệu" quý báu về Cụ Phan mà ít ai thấy được, chưa sách báo nào đề cập đến.

Không chút ngần ngại, anh tôi thủ thỉ với anh Hoài: "*Anh Năm, nhiều quá đọc sao kỹ được, đọc sao cho hết bây giờ! Nếu anh Năm "thương" tôi thì anh làm ơn cho tôi mượn cả rương nầy trong một tháng để về sao chép và học hỏi. Tôi cam kết là vì lịch sử nước nhà, vì Cụ Phan, tôi sẽ giữ gìn cẩn thận và sẽ trả đủ cho anh. Vả lại, tài liệu về Cụ Phan thì để tại nhà thờ Cụ Phan mới có đầy đủ giá trị.*"

Anh Hoài ngó bà bác, như hỏi ý kiến. Bà bác gật đầu, vừa xỉa thuốc vừa nói: "Được mà, Năm! Chắc không mất mát đâu."

*

Trời đã về chiều.

Cậu tôi và anh tôi mải "mê mệt" về ba chữ nho. Tôi và em tôi, vì dở Hán văn, ngồi nói cà kê với anh Hoài.

Đột nhiên, anh Hoài đứng dậy, vừa bước trái vào trong, vừa nói mà không cần quay nhìn chúng tôi: "Nghe nói Bác sĩ và chú em đây đã ở bên Tây nhiều năm, tôi đố hai anh em ở bển mà có thấy vật gia bảo nầy của tôi không?"

Ngạc nhiên và khoái trá, anh em tôi nóng chờ.

Anh Hoài cầm ra một gói nhỏ, mở mấy lần giấy bao quá cũ, chầm rãi và kính cẩn tỏ: "Khi Ông tôi đi sứ qua Tây, triều đình Pháp có tặng Ông tôi vật nầy mà chúng tôi cất làm của quý, ít ai biết."

Hai chúng tôi trố mắt nhìn mười ngón tay của anh... Gì thế? – Gì mà trịnh trọng thế? – À, một cái ống điếu gỗ có chạm trỗ như muôn ngàn cái ống điếu khác...

Anh Hoài cao giọng hỏi: "Bác sĩ và chú em thấy cái hột chai nhỏ phía dưới cái ống điếu nầy không??"

Anh em tôi ngó nhau, như cùng nghĩ thầm: Tưởng gì? Có lẽ "cái ông Hoài" nầy chỉ sống ở Gãnh Mù U nên không biết thứ "Ống điếu nhận hột chai" có bán hằng hà sa số ở bên Tây và ngay cả Sài Gòn nữa. Không lẽ triều đình Pháp lại tặng Cụ Phan một mỹ nhân hay một cô ả lõa thể; nếu không phải hình nhà thờ Notre Dame thì chắc chắn là hình cái tháp Eiffel chớ gì?

Và với giọng nhà chỉ huy, Anh Hoài truyền lịnh: "Nhìn đi! Nhìn thử đi!"

Thì, nhìn thì nhìn...

Nhắm kín một mắt, dòm trong hột chai với mắt kia, tôi bất giác hô lớn: "Thật là quý vô giá!"

Rồi tôi chuyền cho em tôi. Nhìn xong, em tôi mới đưa cho anh tôi và nói: "Anh nhìn đi! Thật là quý! Thật là quý!"

Cậu tôi muốn giận, may là được nhìn kịp thời để nhận thấy hình mà không rõ tại sao cả ba chúng tôi lại cho là... vô giá chi bửu.

Nó là, thưa bạn đọc, một vật đặc biệt thật! Trong hột chai nhỏ đó có hình cả sứ bộ Việt Nam qua Pháp thời Hoàng đế Nã Phá Luân Đệ tam, năm 1863 – khi Nam Kỳ vừa mất ba tỉnh miền Đông – gồm Chánh sứ Phan Thanh Giản, Phó sứ Phạm Phú Thứ, Bồi sứ Ngụy Khắc Đản và đoàn tùy tùng.

*

Anh Phan Thanh Hoài cười tự đắc.

Chúng tôi muốn quên về, vô cùng thích thú với một cuộc du xuân... lịch sử.

Bác sĩ Lê Văn Ngôn
(Bịnh viện Hồng Bàng)

* Bài này trích lại từ *Tập san Sử Địa* số 7 và 8 – Tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12 - 1967, xuất bản tại Sài Gòn.

Trường hợp Phan Thanh Giản:
CÔNG ĐẠO VẪN CHƯA SÁNG TỎ

HOÀNG LÊ

Trong bài "Niên Biểu Phan Thanh Giản" của GS Lê Tương Ứng in ở mục Nhân Vật & Sự Kiện của tạp chí *Xưa và Nay* có ghi:

(...)

1868: 1 năm mất: Bị truy tước chức hàm, xoá tên trong bia Tiến sĩ

Đồng Khánh thứ I (1886): 19 năm mất: Khai phục nguyên hàm, dựng bia như cũ (thế kỷ XIX).

14-5-1966 (Thế kỷ XX): 100 năm mất: Nhân dân Vĩnh Long dựng tượng đồng Phan Thanh Giản tại Hùng Vương — Lê Lai.

1956 : Hội thảo Phan Thanh Giản tại Hà Nội

1996: 130 năm mất: Hội thảo Phan Thanh Giản tại Vĩnh Long

2003: Tọa đàm: Thế kỷ XXI nhìn về Phan Thanh Giản.

Trích lại để chúng ta chú ý thời điểm mà niên biểu trên ghi "1956 Hội thảo Phan Thanh Giản tại Hà Nội." Nếu đúng như vậy thì chúng ta có thể hiểu là, cuộc hội thảo về Cụ Phan Thanh Giản đã "bí mật" hoặc ít ra "hạn chế" trong một số cán bộ chủ chốt nào đó được sự "chỉ đạo" của đảng đã diễn ra năm 1956 - tức là hai năm sau khi thi hành hiệp định đình chiến Genève, đáng lý phải tổng tuyển cử để thống nhất Bắc Nam thì đã không có, đảng CSVN phải tính tới việc thôn tính miền Nam, mà thành phần đưa vô Nam không ai khác hơn là nhóm trí thức miền Nam và bộ đội tập kết ra Bắc từ hai năm trước. Để đề phòng, những người lãnh đạo đã "chọn" nhân vật trí thức tiêu biểu tại miền Nam là cụ Phan Thanh Giản để "triệt hạ" không khoan nhượng, hòng "cảnh cáo" giới trí thức miền Nam không được phản bội lại chủ trương của đảng (?). Nhưng mãi đến năm 1963 vấn đề mới được "công khai hoá" trên báo Nghiên Cứu Lịch Sử, với bài kết luận của GS Trần Huy Liệu dưới tiêu đề "Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản" (1), mà quan điểm chung là lên án Phan Thanh Giản một cách nặng nề (xin xem bài của Trần Huy Liệu đăng lại trong số này – TS).

Được biết, sau năm 1975 không phải chỉ có hai cuộc hội nghị về nhân vật Phan Thanh Giản mà ông Võ Văn Kiệt có dự, trước đó còn có một cuộc hội thảo khác diễn ra ở Bến Tre mà theo tài liệu đọc được ghi là *"nhân dân và cán bộ tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long quê hương của Phan Thanh Giản càng mong mỏi và đòi hỏi các nhà khoa học và công luận làm sáng tỏ hơn thân thế và sự nghiệp của ông với tất cả những gì ông đã để lại cho lịch sử và trong lòng dân, những thành công và những thất bại, mặt tích cực và mặt hạn chế, những trăn trở và uẩn khúc của đời ông."* Cuộc hội thảo lần nầy ở Bến Tre (người viết không nhớ được thời gian, nhưng chắc chắn là sau ngày ông Nguyễn Văn Linh tuyên bố cởi trói văn hóa văn nghệ năm 1986- HL) *"bước đầu đã thống nhất ý kiến yêu cầu nhà nước phục hồi danh dự cho cụ Phan Thanh Giản."(2)*

Năm 1994 (chớ không phải 1996 như trong niên biểu đã trích dẫn), cuộc hội thảo lớn tổ chức tại Vĩnh Long (ngày 9, 10 tháng 11/1994) với 15 báo cáo khoa học và tham luận của Ban tuyên giáo tỉnh ủy Bến Tre và các nhà khoa học thuộc nhiều chuyên ngành khoa học khác nhau ở địa phương, ở Sài Gòn và Hà Nội.

Tham dự cuộc hội thảo nầy, GS Văn Tạo đã nói "Về sự nghiệp và vai trò lịch sử của Phan Thanh Giản" trong đó đã đưa ra quan điểm về "Công minh lịch sử" và "Công bằng xã hội," ông cho rằng "không nên thấy cụ Phan sai lầm trong giữ nước mà quên đi tư tưởng yêu dân, thương dân, sớm có xu hướng canh tân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của cụ."

GS Văn Tân thì cho rằng *"Trên đây là những suy nghĩ của tôi có từ cuối thế kỷ XX về cụ Phan. Nay bước sang đầu thế kỷ thứ XXI, nhìn lại lịch sử Việt Nam nói chung, nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản nói riêng, tôi có một vài suy nghĩ bổ sung hay nói rõ hơn điều đã nói về cụ Phan Thanh Giản như sau:*

1. Khẳng định cụ Phan Thanh Giản là một nhà yêu nước, thương dân, trọng dân.

2. Cụ Phan Thanh Giản không có ý đồ phản bội quyền lợi dân tộc mà là muốn bảo vệ quyền

lợi dân tộc bằng cách gắn quyền lợi đó với ý thức thương dân, với tinh thần "dựng nước" trong điều kiện mới và với lòng mong muốn canh tân đất nước.

3. Công lao xây dựng đất nước của cụ Phan, trong điều kiện lịch sử lúc đó thật đáng ca ngợi, phải đánh giá là xuất sắc.

4. Những hoạt động dựng nước của cụ trước khi cụ qua đời gắn liền với những di chúc của cụ cho con cháu và cho hậu thế sau khi qua đời đã biểu hiện cụ rõ: Cụ là một trong những nhà yêu nước đầu tiên có xu hướng canh tân.

5. Việc cụ ký hoà ước về ba tỉnh miền Đông cũng như để thất thủ ba tỉnh miền Tây là những sai lầm, nhưng cần thấy trách nhiệm chính về sai lầm đó là thuộc triều đình Tự Đức mà cụ chỉ là người thừa hành và liên đới chịu trách nhiệm.

Sự quyên sinh của cụ trong điều kiện và hoàn cảnh đó — là đáng ca ngợi, bởi nó biểu lộ rõ phẩm chất của một người suốt đời tận tụy với dân với nước, nhận trách nhiệm trước sai lầm của mình, không tham danh hám lợi, không tham sống sợ chết, đã tự nguyện quyên sinh." (3)

Bà Phan Thị Minh Lễ - Tiến sĩ sử học tại Paris nhân tọa đàm "Thế kỷ XXI nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản" đã có gởi tham luận "Phan Thanh Giản đã chết đúng theo luật định của người giữ thành!" Bà viết "Trên căn bản và nguyên lý của tài liệu công cũng như tư thì từ ký hiệp ước 1862 đến việc mất ba tỉnh miền Tây Nam kỳ 1867, Phan Thanh Giản hoàn toàn vô tội, ông chỉ là kẻ thừa hành để bảo vệ sự bình an cho dân, còn bảo vệ lãnh thổ thì Phan Thanh Giản chỉ cầu xin trời đất vì một Phan Thanh Giản không thể làm nổi. Muốn có một quân đội hùng mạnh, kỷ cương và vũ khí tối tân hơn thì khi Gia Long lên ngôi (1802) đã phải nghĩ ngay đến vấn đề này. Gởi người tài giỏi ra nước ngoài để học cái văn minh của người mà về truyền bá cho nước ta. Vì sự đóng cửa và hạn chế của vua cũng như đình thần, đã đưa đến nước nhà một sự chậm tiến. Khi có dịp nguy mới tìm đến việc kêu cứu chữa. Phan Thanh Giản chết bằng cách này hay bằng cách khác đúng theo luật định của người giữ thành." (4)

Trở lại cuộc hội thảo tại Vĩnh Long năm 1994 "Phan Thanh Giản, Con Người, Sự Nghiệp Và Bi Kịch Lịch Sử" đã được các tác giả phân tích và đánh giá trên nhiều phương diện, dưới nhiều góc nhìn khác nhau và cuộc tranh luận thật sôi nổi, có lúc gay gắt... Có lẽ do vậy mà mãi đến ba năm sau (1997) cuộc hội thảo nầy mới được phổ biến bản đúc kết của GS Phan Huy Lê xin ghi lại mấy đoạn quan trọng:

"Tư liệu lịch sử của ta cho thấy Phan Thanh Giản không phải đầu hàng, nộp thành cho giặc như sự miêu tả của một số tư liệu Pháp, nhưng việc mất ba tỉnh miền Tây cũng là hậu quả tai hại của những chủ trương sai lầm của Tự Đức và triều Nguyễn, trong đó dĩ nhiên có trách nhiệm của bản thân Phan Thanh Giản."

"Phan Thanh Giản là người yêu nước, thương dân nhưng cũng là một tín đồ của Nho giáo với lòng trung quân sâu nặng."

"Nỗi đau lòng và tính bi kịch của Phan Thanh Giản là một mặt ông cùng 'chủ hòa' với triều đình, rất mực trung thành với vua, mặt khác ông lại nặng lòng yêu nước, thương dân. Mâu thuẫn đó đã đẩy ông đến chỗ bế tắc và chỉ còn biết lấy cái chết để kết thúc cuộc đời và bày tỏ nỗi lòng của mình."

"Qua cuộc hội thảo nầy, chúng ta thấy rõ những mặt hạn chế và bế tắc của Phan Thanh Giản, nhưng đồng thời chúng ta cũng trân trọng ghi nhận những cống hiến tích cực của ông trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp, đánh giá cao nhân cách và phẩm chất cao quý của ông."

"Những kết quả và thái độ của hội thảo sẽ giải tỏa phần nào những mặc cảm bấy lâu đè nặng lên tâm tư của nhiều người, kể cả con cháu Phan Thanh Giản và con cháu Trương Định, những người "chủ chiến" đã kiên quyết chiến đấu chống Pháp xâm lược và đã hy sinh vì tổ quốc, vì nhân dân." (5)

Trong bài tham luận "Hãy trả về cho Tiến Sĩ Phan Thanh Giản những giá trị và những hạn chế đích thực" Tiến sĩ Võ Xuân Đàn, trường Đại học Sư Phạm TP.HCM đã phân tích cặn kẽ nhân vật Phan Thanh Giản và bối cảnh lịch sử giữa thế kỷ XIX. Ông viết *"Dưới chế độ phong kiến, đặc biệt là ở thời điểm suy tàn, đại bộ phận quan lại dựa vào quyền thế đục khoét nhân dân, mưu sự vinh thân phì gia lại có được một đại thần như Phan Thanh Giản là một hiếm hoi. Đối với chúng ta ngày nay, lòng yêu nước thương dân, những nội dung đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, khoan nhân đại độ thì bản thân nó bất cứ ở đâu và lúc nào cũng đáng trân trọng, kính phục. Chúng ta đánh giá Phan Thanh Giản cao ở mặt này, trả lại cho cụ những giá trị đích thực, những giá trị mà nhân dân đã lưu giữ, mến mộ hàng trăm năm nay đối với người trí thức đầu tiên của Nam Kỳ."*

Vào cuối bài tham luận, TS Võ Xuân Đàn cho rằng *"Từ ý nguyện của nhân dân, của quê hương Phan Thanh Giản, từ kết quả nghiên cứu, trao đổi trong giới nghiên cứu thuộc nhiều ngành khoa học, nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản đã có được cái nhìn cởi mở hơn, đánh giá sát đúng hơn giữa công*

và tội, trân trọng hành động và khí tiết tự mình nhận thấy tội trước nhân dân, tổ quốc và tự xử mình với hình phạt cao nhất là tự kết liễu cuộc đời của nhà trí thức yêu nước Phan Thanh Giản.

Tưởng nhớ một con người đã có những cống hiến tích cực cho nhân dân, đất nước, để đáp lại tấm lòng ngưỡng mộ của nhân dân và yêu cầu của sự nghiệp giáo dục truyền thống, đề nghị các cấp có thẩm quyền cần bảo vệ, tôn tạo các di tích có liên quan đến nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản, tiếp tục sưu tầm nghiên cứu để sớm có một bộ sách viết về nhân vật lịch sử này, đánh dấu một bước tiến mới trong nghiên cứu, đánh giá về Phan Thanh Giản, góp phần vào việc trả lại cho Tiến sĩ Phan Thanh Giản những giá trị và những hạn chế đích thực, đáp ứng lòng mong muốn của nhân dân cả nước và nhân dân Bến Tre, Vĩnh Long quê hương Phan Thanh Giản."

Tham dự cả hai cuộc hội thảo, năm 1994 tại Vĩnh Long và cuộc tọa đàm năm 2003 tại Sài Gòn, ông Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng CSVN, trong bài "Những Suy Nghĩ Sau Hai Cuộc Hội Nghị Về Nhân Vật Phan Thanh Giản" in trên tạp chí *Xưa & Nay* đã viết:

(...) Tôi có được dự hai lần Hội thảo về Phan Thanh Giản. Với tôi, lần thứ hai nầy đã cho tôi sáng tỏ nhiều điều. Những gì mà tôi nghe được, đọc được từ những trang sử học, những gì mà tôi nghe được, biết được trong dư luận nhân dân, Phan Thanh Giản là người thương dân rất mực, trong sáng trong đời sống riêng tư, cần kiệm, liêm chính, hết mình trong công việc... **Với tôi đây là một tấm gương mà mỗi chúng ta nên suy nghĩ và học tập.**

(...) *Riêng tôi, qua hai lần hội nghị, tôi nhận thức rất rõ nhân cách, đạo đức của Phan Thanh Giản. Hãy gác lại năm năm cuối đời mà ông có phần chịu trách nhiệm với triều đình nhà Nguyễn, nhân cách, đạo đức của Phan Thanh Giản rất đáng để chúng ta và nhiều thế hệ nối tiếp học tập.*

Về mặt Phan Thanh Giản có yêu nước hay không tôi nghiêng về ý kiến của các nhà nghiên cứu vừa rồi khi minh chứng ông là người yêu nước. **Không có một lý do gì có thể phủ nhận một người yêu dân, thương dân, luôn chăm lo cho dân như Phan Thanh Giản mà lại không yêu nước.** Các nhà nghiên cứu cũng đã viện dẫn câu của Mạnh Tử: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" để giải thích lòng yêu nước của Phan Thanh Giản. Thời nào cũng vậy, yêu dân là yêu nước. Còn dân là còn nước".

(...) Trở lại vấn đề yêu nước của Phan Thanh Giản, tôi nghĩ ở vị thế của Phan Thanh Giản lúc bấy giờ, nếu chúng ta đòi hỏi cụ phải như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương... là điều không thể. Đánh giá Phan Thanh Giản tôi nghĩ nên xem xét nhiều lẽ. Tôi nhớ lại trường hợp Trương Vĩnh Ký - một người mà ai cũng quy là cộng tác với Pháp chặt chẽ - và tôi lại càng sáng ra về lòng yêu nước của Phan Thanh Giản.

(...) Cuối cùng tôi muốn trở lại nhân cách của Phan Thanh Giản. Cho tới nay không ai nghi ngờ việc Phan Thanh Giản cùng với Nguyễn Thông đã xin triều đình dời mộ cụ Võ Trường Toản về Bảo Thạnh (Vĩnh Long), bởi mộ cụ Võ lúc bấy giờ nằm ở Gia Định thuộc Pháp quản lý. Trong ý nghĩ của mình, Phan Thanh Giản không muốn để một danh sư như cụ Võ phải chịu nằm trên đất của kẻ thù. Việc làm đó làm tôi rất xúc động. Điều đó cũng đủ khẳng định Phan Thanh Giản không đội chung trời với Tây rồi.

Tôi cũng biết khi buộc xuống tàu, chúng bắt Phan Thanh Giản giao ba tỉnh miền Tây cho chúng, cụ đã khẳng khái trả lời: 'Tôi chỉ có bổn phận giữ đất chứ không có quyền giao đất...' Vậy thì không lý do gì buộc tội Phan Thanh Giản không đánh mà lại dâng ba tỉnh miền Tây cho giặc.

Cuối cùng tôi cũng muốn nhắc lại câu nói như một tuyên ngôn của Phan Thanh Giản khi biết ba tỉnh miền Tây đã rơi vào tay giặc: 'Phan Thanh Giản không thể sống ở nơi nào mà lá cờ ba sắc phấp phới bay!'

Với 'tuyên ngôn' này và với những gì tôi đã trình bày, tôi khẳng định rằng: Phan Thanh Giản là một người yêu nước, thương dân. **Vì yêu nước, thương dân mà lo không tròn bổn phận, cụ đã tự làm bản án cho chính mình: đó là cái chết. Một cuộc đời thanh sạch, thật đáng để lại gương soi cho hậu thế.**

Sau cuộc tọa đàm tháng 8/2003, tôi đã về thăm mộ Phan Thanh Giản và đốt nhang lạy hương hồn cụ. Và tôi quyết định xây lại khu mộ phần và nhà thờ cụ bởi mộ đã bị thời gian bào mòn quá nhiều.

Một lần nữa tôi khẳng định Phan Thanh Giản là người yêu nước, thương dân, một phẩm cách đáng kính trọng, một tấm gương để cho mọi thế hệ suy nghĩ."(6)

Một bản tin từ Sài Gòn ngày 5-5-2004, phóng viên Lam Điền viết "Khánh Thành Đền Thờ Cụ Phan Thanh Giản" vắn tắt như sau: *"Sáng 4-5, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, tạp chí Xưa & Nay, UBND huyện Ba Tri và UBND tỉnh Bến Tre đã tổ chức lễ khánh thành đền thờ cụ Phan Thanh Giản tại ấp Thạnh Nghĩa, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri (đây là nơi cụ Phan Thanh Giản sống đến cuối đời).*

Trên nền đất 7x7m, ngôi đền thờ được khởi công từ tháng 10-2003 và đến tháng 2-2004 hoàn

tất với tổng kinh phí 185 triệu đồng. Với lễ khánh thành đền, bức tượng đồng toàn thân cụ Phan Thanh Giản (cao 2,1m) đã có trước 1975 nay đã phục chế nguyên trạng và được đặt tại đền. Ông Dương Trung Quốc, Tổng Thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam cho biết công trình này được thực hiện do chủ trương của Hội Khoa học lịch sử VN cùng với nỗ lực đóng góp của nhân dân địa phương, gia đình cụ Phan Thanh Giản và đ/c Võ Văn Kiệt." (7)

Với những tài liệu trích dẫn trên đây, tựu trung tôi vẫn muốn khẳng định rằng, dù bất cứ hoàn cảnh nào của đất nước, tinh thần và con người của cụ Phan Thanh Giản phải được kính trọng, tôn thờ... Một danh nhân lỗi lạc như vậy không ai có quyền phỉ báng, nhục mạ. Trót xúc phạm cụ, hãy thành tâm nhận lỗi. Hãy trả lại tên của cụ ở những nơi mà trước đây đã vay mượn để đặt như một dấu tích lịch sử, không thể ngang nhiên xóa bỏ một cách vô trách nhiệm, như nơi chôn cất, nơi thờ phượng, các tên đường, tên trường học v.v... Làm như vậy mới hợp lẽ công bằng trong cuộc sống (8).

Đã có rất nhiều ý kiến, tham luận trình bày trên giấy trắng mực đen qua mấy lần hội thảo, chính là những thăm dò dư luận, làm sáng tỏ Cụ Phan Thanh Giản là một nhân vật lịch sử rất xứng đáng được tôn vinh. Thế nhưng, những yêu cầu đưa ra là chánh quyền đương thời - tức nhà nước CSVN đã từng đánh giá sai lầm về Cụ Phan Thanh Giản, nay chỉ cần "giấy trắng mực đen" tạ lỗi với cụ và "phục hồi danh dự của cụ" như trước đây vua Đồng Khánh đã "Khai phục nguyên hàm, dựng bia như cũ" sau khi cụ mất 19 năm. Việc cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt "về thăm mộ và đốt nhang lạy hương hồn cụ" cho thấy cá nhân ông đã hành xử đúng với đạo lý làm người, vẫn chưa đủ, cả guồng máy lãnh đạo nhà nước, người lãnh đạo tối cao của nhà nước, của đảng cần ký văn bản nhận lỗi và công bố phục hồi danh dự cụ Phan Thanh Giản trước quốc dân đồng bào, để một lần nữa, lịch sử ghi nhận sự kiện như vua Đồng Khánh đã làm đối với một nhân vật lịch sử xứng đáng như cụ Phan.

Trước đây, khắp 55 đô, tỉnh, thị, nhiều quận lỵ ở Việt Nam Cộng Hoà từ Quảng Trị đến Cà Mau, nơi đâu Phan Thanh Giản cũng được đặt tên đường; tại Bến Tre, Cần Thơ, Đà Nẵng đã có nhiều trường mang tên Phan Thanh Giản, trong đó ở Cần Thơ là trường công lập lớn nhất nhì đồng bằng sông Cửu Long, trong sân trường cũng có an vị tượng cụ Phan. Sau năm 1975, tất cả đều được đổi tên khác, tượng thì bị đập phá. GS Văn Tạo đã viết *"vấn đề đổi tên đường phố do TP. HCM thực hiện có sự đóng góp của GS Nguyễn Công Bình và GS Nguyễn Đổng Chi do Ủy Ban KHXH cử vào. Sự không nhất trí về sự tôn tạo hạn chế hay hủy bỏ di tích về Phan Thanh Giản diễn ra ở nhiều nơi (Vĩnh Long, Đồng Tháp...) mà tôi đã được tiếp xúc."* (9)

Ngôi trường Phan Thanh Giản bắt đầu xây dựng từ năm 1917 đến nay đã gần 90 năm. Với chiều dài lịch sử như vậy, nếu tên trường không hoàn trả lại như cũ là một điều rất đáng tiếc. Có dư luận cho rằng, nhà nước địa phương có dự tính xây cất một ngôi trường mới đồ sộ hơn ở bên kia Xóm Chài và đặt tên Phan Thanh Giản mới tương xứng (?). Việc xây dựng trường ốc để nâng cao dân trí là việc làm của chánh quyền, chọn tên để đặt thế nào cũng được, đâu bắt buộc phải đặt tên cụ Phan Thanh Giản? Trong khi ngôi trường Phan Thanh Giản cũ trải bao thập niên mang tên Cụ là một di tích văn hóa lâu đời cần được tôn tạo và giữ gìn, mà việc cần nhất là nó **phải tiếp tục được mang tên Cụ**. Điều này đáp ứng tâm tư nguyện vọng của tuyệt đại đa số người dân địa phương nói riêng, toàn dân các tỉnh đồng bằng miền Nam và cả nước nói chung, đó là tình cảm yêu thương, gắn bó với một tên gọi trân quý và hãnh diện trong lịch sử dựng nước và giữ nước: Phan Thanh Giản.

Một vấn đề thiết nghĩ nên sớm bàn, nhà nước cần làm ngay là sửa chữa, điều chỉnh lại toàn bộ sách giáo khoa về những điểm sai lầm đối với các nhân vật lịch sử mà trước đây do nhu cầu chính trị, hình ảnh của họ đã bị bóp méo và làm cho dị dạng, như trường hợp cụ Phan Thanh Giản là một. Đừng để kiến thức học sinh nhiều thế hệ tiếp tục bị hiểu sai lạc lịch sử, dẫn đến nhiều sai lạc trầm trọng khác nữa cho đời sau.

Tất cả những đòi hỏi trên đây đối với nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản là **công đạo**. Khi nào công đạo chưa sáng tỏ trong một đất nước thì người dân của nước đó còn phải lân tiếng.

Chú thích:

(1) Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 55, tháng 10/1963.
(2) Lẽ Công Bằng Trong Cuộc Sống — Hoàng Lê — BTTX số 3 xuân Quý Mùi 2003, trang 5-8.
(3) Về sự nghiệp & vai trò lịch sử của Phan Thanh Giản — Văn Tân - tạp chí *Xưa & Nay.*
(4) Phan Thanh Giản đã chết đúng theo luật định của người giữ thành! — Phan Thị Minh Lễ - tạp chí *Xưa & Nay.*
(5) Tạp chí BÔNG SEN của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long xuất bản tại Cần Thơ do nhà thơ Lê Chí chủ trương thực hiện.
(6) Những suy nghĩ sau hai cuộc hội nghị về nhân vật Phan Thanh Giản — Võ Văn Kiệt - tạp chí *Xưa & Nay.*
(7) Khánh thành đền thờ Cụ Phan Thanh Giản — Lam Điền — (TT - Bến Tre, thứ tư 5-5-2004)
(8) Lẽ Công Bằng Trong Cuộc Sống — Hoàng Lê — BTTX số 3 xuân Quý Mùi 2003 trang 5-8.
(9) Văn Tân — bài đã trích - phần chú thích (2).

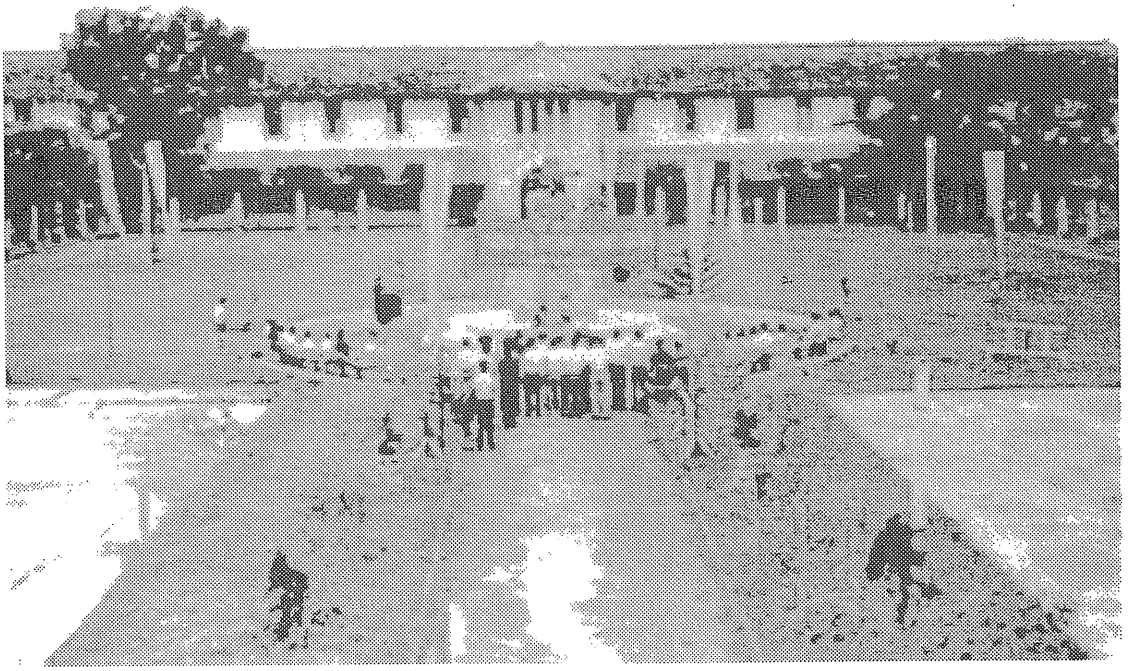

Về Một Ngôi Trường

TRẦN HOÀI THƯ

Con đường ấy tôi đã qua lại lắm lần. Như một câu văn của Thanh Tịnh trong bài Mùa Tựu Trường, tôi cũng muốn nói về một ngôi trường mà hầu như mỗi ngày tôi đều qua lại. Từ một ngôi nhà trên đường Phan Thanh Giản, nơi tôi –một đứa con lưu lạc từ miền Trung về làm rể- qua trường trung học, mỗi sáng, mỗi chiều theo từng nhịp trống của tuổi học trò, giữa rừng học trò như từng đàn bướm nhỏ. Buổi sáng sớm, ngoài đường đã nghe xôn xao tiếng cười nói của các em học sinh, và buổi chiều, từng đoàn xe đạp trở về, hay những nhịp guốc rộn ràng trên đường nhựa. Mắt nhắm lại, tôi cũng có thể hình dung những tầng lầu bên trong bờ thành cao màu vôi vàng nhạt. Mắt nhắm lại, tôi cũng có thể thấy rõ, một nơi trú ngụ của một thời. Đó là tuổi học trò. Đó là những ngày xanh hồng, đôi khi một viên sỏi cũng đầy kỷ niệm, một tiếng trống trường cũng phải làm mình ngẩn ngơ, một con chim sẻ nhảy liến thoắng cũng làm lòng người học trò, lớn lên, xao xuyến. Huống hồ nơi đó, người học trò đã có cả vạn ngày, mà nhớ lại, không biết có thể đếm cho đủ những chuyện vui buồn, theo từng trang sách vở.

Tôi không phải là học trò Phan Thanh Giản. Nhưng đối với tôi, có một sợi dây vô hình nào đó đã nối buộc con tim tôi với mái trường lấy tên một người sĩ phu bất khuất. Nhạc phụ tôi là Tổng thư ký của trường. Vợ tôi, các em vợ tôi, thảy thảy đều là học sinh của trường. Láng giềng hàng xóm, thân thích, bà con của phía vợ tôi cũng có mặt dưới mái trường. Các vị thầy của trường đã đến nhà vợ tôi hằng bữa, và nhạc phụ tôi không bao giờ quên giới thiệu một thằng rể miền Trung. Những mẩu chuyện về trường, về quí thầy, những người học trò, hầu như mỗi ngày tôi đều nghe, để bây giờ, chúng như sống lại trong tiềm thức của mình. Tôi biết rõ về những cá tính của quí thầy hay những bạn bè của Yến. Cần Thơ xa lạ trở nên gần gũi. Con đường Phan Thanh Giản, chỉ ngắn chừng một cây số, một đầu dẫn về bờ sông, một đầu là trường. Những trụ đèn, những tiệm ăn, tiệm tạp hóa, hay những ngôi nhà bên đường, tôi đều thân thuộc. Nhà này của thầy Đới. Nhà kia của thầy Đặng... Hai cây mận trước sân nhà vẫn tiếp tục nở bông, và đơm trái, không cần biết gì đến những biến động của lịch sử. Những đứa học trò

theo mùa của trời đất, lớn lên rời trường, rời bạn, để tiếp tục kêu mày tao, bà, hay những tên thân thương xa xưa. Qua Yến, tôi được quen họ, nào chị Loan, chị Thơ, Hương Diệu, Tuyết Phi, Kiều, Triệu Quới, nào là anh Tòng, anh Bé, anh Thăng, anh Lê Hoàng Viện, Nguyễn Cát Đông... Nhiều thật là nhiều tôi không sao kể hết.

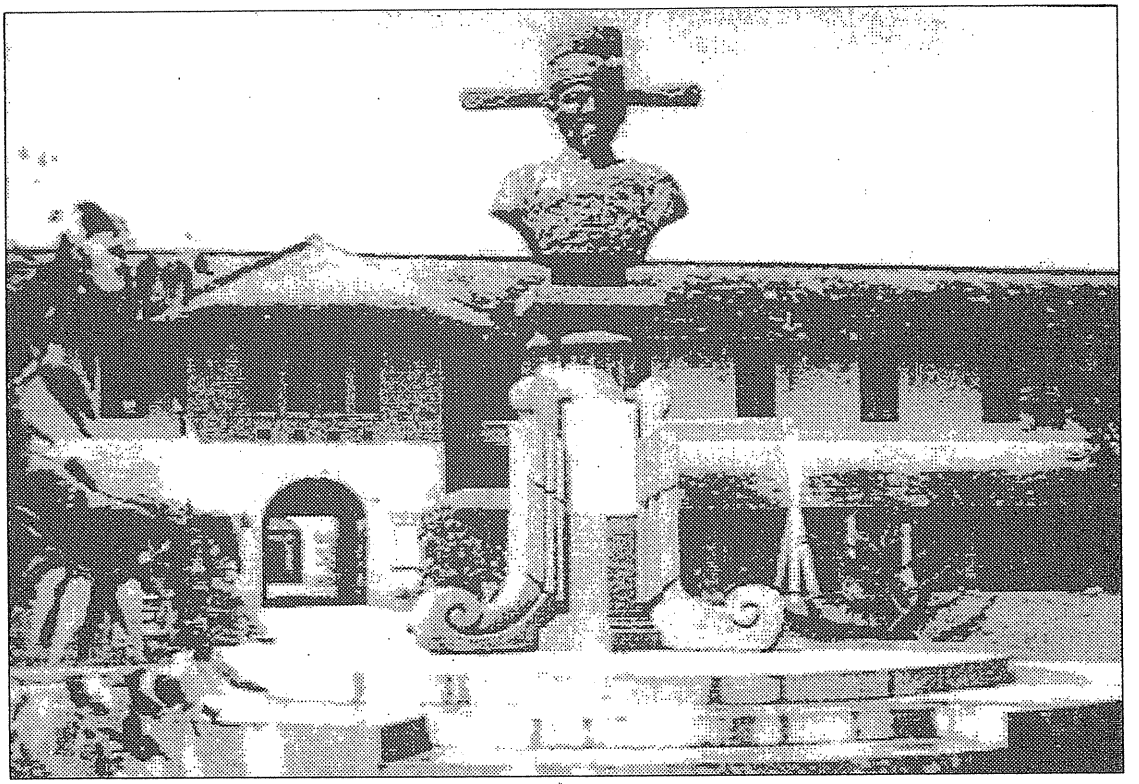

Tượng Cụ Phan Thanh Giản tại sân trường mang tên cụ tại Cần Thơ, trước năm 1975

Đầu tháng năm, 1975 tôi đi trình diện, và bị tập trung tại trường Phan Thanh Giản.

Tháng năm, tháng bắt đầu của mùa chia tay, nhưng bây giờ tháng năm, không còn là những bài lưu bút ngày xanh, những bịn rịn lưu luyến trong ngày chia tay, mà là lệ đỏ và nỗi câm lặng khủng khiếp. Nền lớp chen chúc người. Cửa lớp mở ra, thay vì nhìn một bầu trời xanh, hay những áng mây trắng vô tình đậu lại, bây giờ là một màu mây xám. Tôi đã nằm ở đấy, mà người ta đã cho tôi một chỗ, đủ để dài đôi chân trên chiếc chiếu hẹp, để tôi được nhìn lên chiếc bảng, còn lại, mà nhớ đến một vị thầy nào. Trên sân, không biết còn lỗ bi, lỗ đáo nào còn sót lại hay không. Ai viết những dòng than trên vách tường: *"Ước gì mắt ta được mù tai ta được điếc"*. Tâm trạng của chúng tôi vào những ngày nằm trong trường Phan Thanh Giản là thế đó.

Một ngày, hình như buổi xế trưa thì phải, chúng tôi được lệnh tập trung tại sân cờ. Đây là lần đầu tiên, chúng tôi được lệnh tập trung. Có biến cố gì không. Có thay đổi gì trong chính sách không. Không ai có thể biết được. Rồi tay Thượng úy đứng trên thềm xi măng của cột cờ, cầm giấy đọc. Hắn đọc gì. Không. Hắn kết tội. Lần này không phải buộc tội chúng tôi, ngụy quân, ngụy quyền, phản động, tay sai. Mà hắn kết tội cụ Phan Thanh Giản, tên của một ngôi trường. Hắn không kêu là cụ, là ông, mà từ đầu bài đến cuối bài là chữ "tên". Tên bán nước. Tên đầu hàng. Tên có tội đối với nhân dân. Tên tự tử vì hèn nhát. Tôi không thể nhớ nỗi bao nhiêu chữ tên mà hắn dùng. Sau đó là hai tay cảnh vệ dùng búa đập tượng. Đập cuồng điên. Nhưng họ không phá hết. Họ vẫn còn chừa lại tấm thân bị thương tích, loen lở, bên chiếc đầu gãy lìa khỏi cổ, trơ vơ dưới nắng.

Chúng tôi kinh hoàng. Không phải vì kinh hoàng bởi vì nỗi sợ hãi. Nhưng bởi vì âm thanh từ cái búa giáng trên đầu pho tượng từng nhát một như những vết thốn đau nhức cả tim óc.

Đến một người như cụ Phan Thanh Giản mà người ta còn mang ra hành tội, thì không còn một ý kiến gì nữa. Chúng tôi, không ai dám nhìn thẳng.

New Jersey, 22-3-1997

THƯƠNG NGHỊ TRONG THẾ YẾU*

Trích từ cuốn truyện danh nhân
"Phan Thanh Giản, Nỗi đau trăm năm" của

HOÀNG LẠI GIANG

Nỗi suy tư của vị quan đại thần này không ai hiểu bằng quan võ hiển điện Nguyễn Tri Phương. Ông hiểu chuyến vào Nam của Phan Thanh Giản, con người đã bao năm cộng sự với ông, vui buồn vinh nhục có nhau ấy lần này có điều gì khiến lòng ông xót xa. Nhớ cái lần kẻ vào Nam người ra Bắc hồi ấy, gặp nhau ở Thị Nại lòng lại nguồi nguồi. Lần ấy chính Phan đại nhân đã lo cho ông.

Ông hỏi lại:

- Vì sao Phan đại nhân lại lo cho tôi trong khi tôi lại thấy e ngại cho Phan đại nhân. Dẫu sao tôi cũng là một võ quan, chinh chiến bao phen đã từng, còn đại nhân...

Phan Thanh Giản thành thật:

- Tôi cũng không hiểu vì sao gặp đại nhân lần này lòng tôi lại thấy như có lửa cháy. Thực lòng tôi lo mà không biết tại sao mình lo, và lo điều gì...

Linh cảm lần ấy của Phan Thanh Giản là cái chết của Nguyễn Duy, của Phạm Thế Hiển, một em ruột, một phó tướng và vết đạn vào chính bả vai Nguyễn đại nhân. Nhiều năm sau này Nguyễn Tri Phương càng thấm thía tội của mình. Nhưng điều ông buồn nhất là bạn ông, Phan đại nhân lại là người phải gánh lấy cái thất bại mà ông đã gây nên ấy thành một cái án mà ông tin rằng một trăm năm sau không biết người đời có giải oan nổi cho bạn ông không!

Và lần này... Ngày mai ông lại ra Bắc dẹp loạn ở Tuyên Quang, Phan đại nhân lại vào Nam. Mỗi người một trọng trách. Nhưng trọng trách của ông một, còn trọng trách Phan đại nhân bạn ông tới trăm ngàn lần khó hơn. Thương bạn già, cuộc đời sóng gió, vất vả gian truân, vinh ít nhục nhiều, tâm tốt, lòng son, dạ sắt... nhưng cái oan khiên khiến không lúc nào rời khỏi số phận.

- Phan đại nhân đi chuyến này... đã có cách chi... lo liệu? Nguyễn Tri Phương lo lắng hỏi. Phan Thanh Giản thành thật:

- Thật khó nói trước được. Cao Miên đã thuộc người ta. Ba tỉnh miền Tây của mình như cá trên thớt, như cua vào giỏ. Nhưng tôi vẫn mong hai dân tộc giao hảo giúp nhau đem ấm no, yên bình cho dân chúng.

Phan Thanh Giản hỏi bạn:

- Bây giờ nếu đức vua cử đại nhân vào?

Nguyễn Tri Phương lắc đầu:

- Về thương nghị tôi đâu dám so với Phan đại nhân. Về chiến trận... dẫu sao tôi cũng là kẻ có tội để cái ách Phan đại nhân hôm nay phải mang! Binh pháp có câu: Hiểu người hiểu ta trăm trận trăm thắng. Đúng là ta coi khinh họ nên ta bại. Tôi đâu có ngờ cái cách dùng binh của mình, thành lũy, hào sâu... kiên cố tứ bề là vậy mà họ phá quá dễ. Thành vỡ, tướng bị chết, bị thương, binh lính chạy là phải, trách họ sao được. Cầu hòa dầu có phải chịu thiệt mà tranh lấy cơ hội coi lại binh pháp, thay đổi binh khí, đạn dược thì vẫn hơn, cử người đi các nước học cách dùng binh, cách công, cách thủ. Nhưng trước tiên phải giữ cho lòng dân được yên, dưỡng binh đủ mạnh, đủ tài may ra mới nói chuyện giữ vững đất nước tiên đế, chứ như bây giờ loạn tặc ở Bắc Kỳ mấy chục năm nay mà không dẹp nổi thì mưu chống giặc Pha-lang-sa giặc Y-pha-nho thật là không dễ.

Phan Thanh Giản nhìn bạn, cảm động. Vậy là vị võ tướng này đã thông cảm, đã hiểu và điều quan trọng là có cùng cách nghĩ với ông về hòa hay chiến lúc này. Câu chuyện kéo dài đến tận khuya.

Khi chia tay, Nguyễn Tri Phương bùi ngùi tặng Phan Thanh Giản bài thơ:

Ven trời góc biển dặm chơi vơi,
Vui tẻ phân nhau một bước dời.
Cá lại Long giang hai ngả trước,
Nhạn về du họp một phương Trời
Nửa hồ cố cựu trăng lai láng
Cái chén tơ lòng gió lộng khơi.
Chầy kiếp Trường An mau trở lại
Thăm người viếng cảnh hỡi người ơi!

Không hiểu sao Nguyễn Tri Phương có cảm giác lần chia tay này là lần vĩnh biệt. Lần đầu tiên vị tướng mấy mươi năm xông pha trận mạc cảm thấy nỗi mất mát của sự chia ly. Quay mặt ông dấu hai giọt lệ và, có lẽ đó là hai giọt lệ cuối

cùng trong đời ông.

Phan Thanh Giản chờ cho bạn đi khuất mới chịu vào. Nghĩ cuộc đời chinh chiến của Nguyễn đại nhân mà thương. Hết Nam rồi Bắc, hết Đông rồi Tây. Đất nước triền miên trong binh đao khói lửa. Người cầm binh phận mảnh như lá, may rủi là chuyện thường. Không biết có còn gặp lại con người khẳng khái, cương trực này nữa không.

Ông trùm Đức lại vào, nhắc nhở ông gà gáy canh hai rồi. Ngày mai lên đường... Nhưng Phan Thanh Giản lại xin ông ấm trà nóng. Ông nhấp từng tí một và sực nhớ bức thư của Nguyễn Trường Tộ gởi ông năm rồi.

"... Sự thể hiện nay rất khó xử, cần phải tìm người giúp bủa lưới bốn mặt, để họ không được hoành hành thì bản minh ước (1) mới lâu dài được. Phải lấy kinh nghiệm các nước khác đã bị trúng ám kế của họ để làm gương và, bắt chước những mưu mô mà các nước khác đã chế ngự được họ. Hai lối ấy là tình thế rất gấp cho tình thế hiện nay. Tôi đã trình bày sơ lược với hai vị phó sứ và bồi sứ rằng việc ấy mười phần chắc chắn không nghi ngờ gì nữa. Vì họ nghĩ nước ta từ trước, chưa bao giờ giao thiệp với nước ngoài, chưa hiểu rõ các mánh khóe cho nên họ mới dùng những kế đã thi thố ở các nước khác với ta. Nếu Phan đại nhân đã có kế riêng rồi, thì tôi không dám bàn nữa. Còn muốn mưu tính việc thiên hạ, khiến những bọn ghét nhau tự xâu xé lẫn nhau, để ta được nhân đó mà hưởng lợi, như xưa kia Anh mất Hợp chủng quốc là vì có người Pháp xen vào, Khang Hy được chia bờ cõi với người Nga vì bị Hà Lan dụ dỗ; Nhã Điển khỏi bị thần phục Thổ Nhĩ Kỳ vì có Anh Pháp giúp đỡ. Các nước Nhật Nhĩ Man khỏi bị thôn tính là có các nước giúp cho..."

Khác với Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký nặng về con đường giao hảo với Pháp. Trong một thư gửi cho Phan Thanh Giản, Trương Vĩnh Ký viết:

"... Người Pháp không bao giờ chịu bỏ xứ ta mà đi đâu, xin Phan đại nhân đừng trông mong như vậy mà lầm lạc. Họ biết quyền lợi của họ ở xứ này thế nào rồi, nên dầu phương Tây có nổi giặc họ cũng không bao giờ lui bước ở Việt Nam.

Pháp mà bỏ nước Việt Nam này ắt sẽ có một nước phương Tây khác nhảy vào thay thế ngay. Không Anh-cát-lợi cũng Tây-ban-nha, nhứt là dân Đức quốc! Chừng ấy ta mới thấy thay nước Pháp bằng các nước kia, nhất là nước Đức thì sẽ như thế nào.

Theo con, Phan đại nhân nên tâu với triều đình nhìn cho thấu mọi lẽ mà xử sự khỏi lầm."

Phan Thanh Giản cân nhắc, suy nghĩ, sau cùng ông thiên về những điều trần của Nguyễn Trường Tộ. Ông dâng sớ xin vua Tự Đức nhân chuyến đi Anh của Nguyễn Trường Tộ nhờ ông ta mật đàm với người Anh về tình thế khó xử và bị Pháp ép buộc của ta để nhờ họ giúp đỡ...

Nhưng nhà vua lại nghe bọn ninh thần căm thù công giáo, không trả lời Phan Thanh Giản.

Sau cùng Phan Thanh Giản trở vào Nam với nỗi lo và nỗi buồn vô hạn. Dẫu sao ông không thấy còn con đường nào khác là giữ mối bang giao giữa hai nước. Gây căng thẳng với họ bây giờ khác gì chui đầu vào dây thòng lọng.

Đầu năm Tự Đức thứ mười sáu (2) ông đến thăm Soái phủ Sài Gòn. Trong cuộc gặp gỡ này ông khẳng định tôn trọng hòa ước mà hai Hoàng đế đã bút phê và mong đại Pháp giữ uy tín của một nước lớn.

Giám đốc bản xứ vụ Pháp ở Sài Gòn là Vial nhún vai, nói với Phan Thanh Giản:

- Nước Pháp là một nước văn minh. Nước Pháp biết tôn trọng những gì mình đã ký... Quân tử nhất ngôn, Khổng Tử đã dạy như thế (3). Chỉ tiếc triều đình các ông không biết mình đang chơi với ai, nên bút chưa ráo mực các ông đã ngầm xúi dân phiến loạn chống chúng tôi. Ông là người thông minh chính trực, ông thấy Thiên Hộ Dương tan tác ở Đồng Tháp Mười như thế nào, Trương Định tự sát ra sao chắc ông đã biết. Bây giờ còn Nguyễn Trung Trực được triều đình các ông phong chức Lãnh binh nhằm cổ vũ họ chống chúng tôi.

Phan Thanh Giản im lặng nhìn Vial. Đúng là một tay... cáo già. Trầm tĩnh Phan Thanh Giản đáp lại:

- Mong ngài Vial hiểu cho thiện ý của triều đình chúng tôi với đại Pháp. Nước nào chẳng có bọn "phiến loạn." Ngay ở Bắc kỳ của chúng tôi bây giờ bọn phiến loạn đang làm giặc... Ở Nam kỳ cũng vậy thôi, chớ triều đình đâu có cổ súy gì. Những gì ngài nghe được chắc là mưu của chúng dựng lên, tung đi nhằm gây thanh thế kéo kẻ nhẹ dạ hùa theo đó thôi.

Bây giờ đến lượt Vial thán phục cách ứng biến rất thực thế của vị đại thần lịch lãm này. Ông ta nói giọng nhẹ nhàng, khiêm nhường. Vial cảm thấy Phan Thanh Giản lòng ngay thẳng, trắng trong, điều mà không phải nhà ngoại giao nào cũng có. Với giọng thành thật Vial hỏi:

- Nhưng ít nhất các ông cũng phải ra tay cùng

chúng tôi để chứng tỏ sự trung thực thi hành hòa ước mà chúng ta đã ký.

Phan Thanh Giản lại điềm tĩnh:

- Mong ông hiểu cho chúng tôi. Đất thuộc ai thì người ấy giữ. Chúng tôi phải lo phận sự của chúng tôi thuộc các vùng đất chúng tôi cai quản.

Vial im lặng một lúc rồi tiếp:

- Nhưng còn cái khoản truyền giáo? Tại sao các ngài vẫn ngang nhiên giết chóc nhiều giáo dân lương thiện.

Phan Thanh Giản:

- Đó chắc là sự đụng chạm cá nhân chớ triều đình nào có can dự vào. Giáo dân vẫn là người Việt Nam. Họ sống lương thiện hà cớ gì triều đình lại đi giết họ.

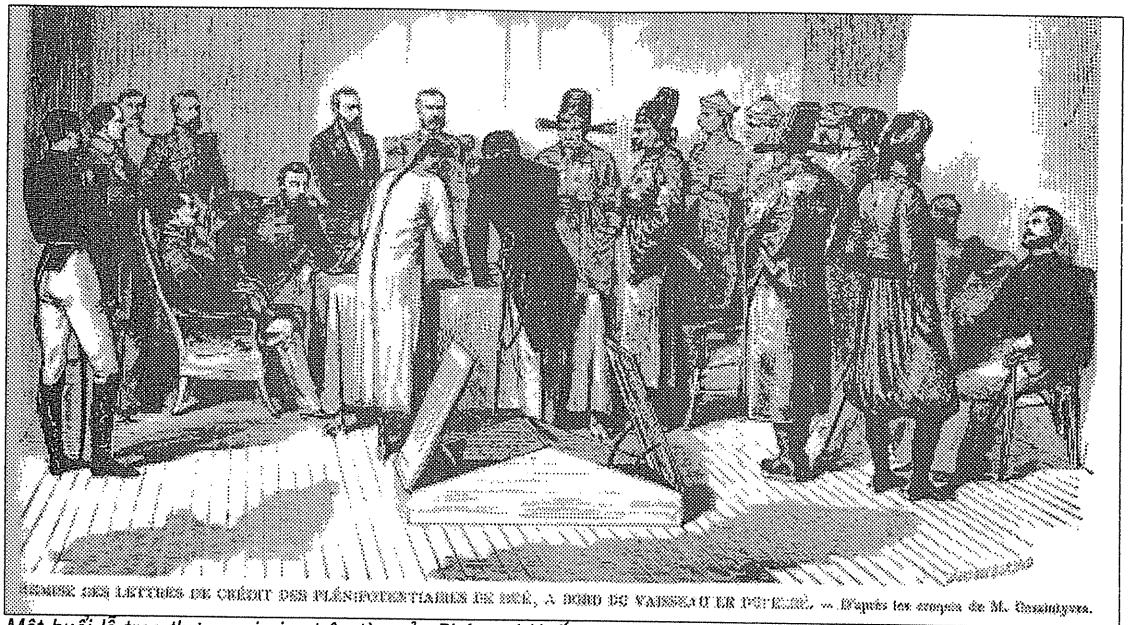

Một buổi lễ trao thư ngoại giao trên tàu của Pháp, tại Huế

Vial im lặng mỉm cười, nụ cười đã làm Phan Thanh Giản cảm rằng lành ít dữ nhiều.

Phan Thanh Giản vội về Vĩnh Long. Trương Văn Uyển kéo ông vào buồng riêng, lo lắng hỏi:

- Triều đình nhận mật tâu của chúng tôi, định liệu sao đây?

Phan Thanh Giản vẫn giọng nhẹ nhàng, điềm tĩnh:

- Triều đình đã lệnh tôi vào đây cùng ông lo toan mọi bề. Tôi đã gặp Khâm sứ Thượng thơ Pháp Vial, thăm dò lòng dạ họ...

- Theo Phan đại nhân lòng dạ họ thế nào?

- Họ trách ta không tôn trọng chữ ký, phá hoại hòa ước! – Cái hòa ước bất công quá! Quả tình triều đình cũng ức... Nhưng người Tây dương họ tinh lắm, làm sao giấu họ được. Tôi thấy lúc này mà còn căng với họ thì còn bất lợi. Dây chùng khó đứt, lạt mềm buộc chặt. Căng với kẻ mạnh, người yếu chỉ lãnh thêm thương tích. Tinh thần tôi là cố giữ hòa ước Nhâm tuất được thi hành nghiêm chỉnh.

- Ý họ thế nào?

- Cao Miên đã thuộc họ. Con sông Cửu Long từ biển ngược Nam Kỳ, lên Cao Miên tới tận Vân Nam Trung Quốc sẽ là con đường lưu thông thuận lợi của họ. Cái âm mưu của họ đã rõ. Nhưng lúc này cầu mong gì ở triều đình thật là khó. Binh lính mỏng. Lương thực, binh khí không còn bao nhiêu. Lo dẹp giặc ở Bắc Kỳ cũng còn khó nữa huống là... lo chống chọi với người Tây dương.

- Vậy ta giữ bằng cách nào đây. Tôi định đôn thêm binh, đào thêm hào, đắp thêm lũy... Nhưng sợ động, chưa làm họ đã biết, mặt nữa lương không còn mấy. Mấy năm rồi dân dồn sức giúp Thiên Hộ Dương, Trương Định... cũng cạn kiệt. Lại thêm bọn phản. Nơi nào cũng có, Trương Định chết vì bề tôi của mình (4). Xin Phan đại nhân cho biết ta nên thế nào?

- Ta có dâng sớ tâu với triều đình là tuân chỉ hòa ước. Còn phần đất của ta, ta lo củng cố chớ lơ là. Nhưng... kín đáo một chút. Cái năm Tự Đức thứ mười (5) vẫn còn đó (6).

Tháng mười năm ấy Vial cùng Cố Trường (Legrand de la Lyraye) ra Huế gặp triều đình, xin mua ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tự Đức nén giận:

- Người Tây dương thật ngang ngược. Ta có phải là ông vua bán nước đâu mà họ đòi mua!

Nói vậy nhưng đức vua vẫn lệnh Phạm Phú

Thứ và Phan Huy Vịnh đến sứ quán Pháp điều đình.

Phạm Phú Thứ nói:

- Hiện nay triều đình đang trung thành với hòa ước Nhâm Tuất mà hai Hoàng đế đã ký nhằm giữ mối giao hòa giữa hai nước. Chúng tôi rất mong nước Pháp sẽ mãi là người bạn tốt của chúng tôi.

Vial lại mỉm cười – Vẫn nụ cười Phan Thanh Giản đã gặp.

- Vì muốn giữ mối giao hòa giữa hai nước và vì tôn trọng hòa ước nên Đại Pháp mới xin được mua... Còn nếu các ngài không chịu bán e những người ứng mộ gia tăng rồi lại gây ra việc binh đao!

Phạm Phú Thứ điếng người. Bây giờ ông càng thông cảm cho Phan Thanh Giản. Và cũng bây giờ ông mới thấm thía cái câu dân dã: Miệng nhà quan có gang có thép là thế nào. Đúng giọng lưỡi của kẻ mạnh!

Đã hai lần ông dâng sớ xin vua canh tân đất nước, mở cửa đón gió bốn phương, tìm cái hay cái mới, cái tân tiến của người ta mà thay cái dở, cái thủ cựu của ta, trước tiên là thay đổi cách học nặng văn chương thơ phú sang cách học kỹ nghệ, kỹ xảo, thực hành những điều cần kíp...

Nhưng phe chủ chiến muốn vừa lòng đức vua diễu cợt ông, cho ông bị lóa mắt trước đồ đạc kỹ xảo của bọn Pha-lang-sa.

... Bây giờ, nghĩ thương cho Phan đại nhân. Thân già lận đận, long đong, hết vào Nam lại ra Bắc, hết sang Tàu lại sang Tây... Con người lúc nào cũng giữ một thái độ trầm tĩnh, nhẫn nhục, suốt đời chỉ cầu mong cho dân hòa, nước mạnh... Trước mưu đồ của họ thế này, liệu Phan đại nhân giữ làm sao đây đất đai của tiên đế để lại?

Phạm Phú Thứ không ngờ chính lúc ông và Phan Huy Vịnh từ chối bán ba tỉnh miền Tây thì Lagrandière gặp Phan Thanh Giản ở Sài Gòn. Đây không phải là một cuộc gặp gỡ ngoại giao bình thường mà cuộc gặp do phía Soái phủ mời để Lagrandière thông báo cho Phan Thanh Giản biết quyết nghị của triều đình Pháp sẽ chiếm ba tỉnh miền Tây.

Phan Thanh Giản hiểu rằng đây không phải là một lời đe dọa mà là một ý đồ đã chín muồi được chuẩn bị kỹ càng... về mọi lẽ.

Vẫn giọng điềm tĩnh vốn có, Phan Thanh Giản nói:

- Nước Đại Pháp và Đại Việt đã được cải thiện tốt trong giao hảo. Hai nước đang là bạn. Nước Việt Nam đang mong nước Pháp bày vẽ mọi mặt mau tân tiến. Chúng tôi không hề cản trở các ông một khoản nào trong hòa ước đã ký. Trước sau chúng tôi vẫn mong cái sự giao hảo kia ngày càng tốt hơn lên. Lịch sử rồi sẽ ghi lại hết những gì người Pháp làm... cho xứ sở chúng tôi. Dân tộc chúng tôi không bao giờ lẫn lộn kẻ thù và bạn hữu.

Sự bất hòa hiện nay chắc sẽ không hứa hẹn điều gì tốt đẹp, mà ngược lại chỉ tốn xương máu của hai dân tộc. Dù máu xương ai cũng là máu xương con dân của hai Hoàng đế. Cảnh chia ly nào cũng là nỗi đau của hai nước. Nước mắt bên nào cũng chảy từ trái tim mà ra. Tôi mong ông đừng viết thêm một dòng chữ đen nào trên trang sử quan hệ giữa hai nước. Người đời sau sẽ nhìn rõ lắm từng việc làm của mỗi chúng ta ngày hôm nay.

Cho tới giờ dân tộc chúng tôi vẫn còn nghe rõ tiếng vó ngựa quân Nguyên, giọng hách dịch của Ô Mã Nhi!!! Người xưa nói cái tâm mà tốt ắt việc làm tốt, việc làm tốt ắt lưu danh muôn thuở... Chúng tôi biết các ông cần mua bán lưu thông. Chúng tôi sẽ tạo cho các ông dễ dàng trong việc giao lưu trên sông Cửu Long qua Cao Miên. Các ông muốn khai thác đồng ruộng, hầm mỏ... của chúng tôi, chúng tôi sẽ tạo điều kiện dễ dàng và giành cho các ông khoản thuế thân ngãi.

Lagrandière mỉm cười thân thiện:

- Tôi rất trọng thái độ trầm tĩnh và khôn ngoan của Phan đại nhân. Nhưng rất tiếc... triều đình các ông đối xử với chúng tôi không như lời ông nói. Và gần đây... lại từ chối lời đề nghị cho chúng tôi mua lại ba tỉnh miền Tây Nam kỳ. Và vì vậy một quyết định khác đã được thay thế... Chỉ mong ông đừng chống cự... Ngài nói đúng, cuộc giao tranh nào lại không đổ xương máu và xương máu của ai lại không làm đau lòng cả ngài và tôi.

Trở về, Phan Thanh Giản thấy mệt mỏi và chán nản đến không thiết sống nữa! Tuổi già sức yếu khó tránh sơ suất... dẫn tới tội lỗi ngàn đời không sao rửa sạch! Ông lại làm đơn xin đức vua anh minh soi xét cho ông được nghỉ ngơi tuổi già.

* Tựa đề do Tòa soạn đặt.

(1) Hòa ước mới

(2) Năm 1886

(3) Vial từng ở Trung Quốc, từng nghiên cứu Khổng tử

(4) Đội Tấn vốn theo ông, sau phản theo Pháp, dẫn Pháp bao vây căn cứ ông và ông bị đạn vào sống lưng, không hàng, rút gươm đâm vào cổ, chết ngày 19-8-1864.

(5) Năm 1858

(6) Người Pháp cho tàu tới Đà Nẵng bắn tin đưa thư Hoàng đế họ cho Hoàng đế ta. Thấy tàu ta chuẩn bị, họ nổ súng trước...

Chúng Ta Đã Nhất Trí Về Việc
Nhận Định Phan-Thanh-Giản

TRẦN HUY LIỆU

***Lời Tòa soạn Thế Kỷ 21**.- Sở dĩ trong hơn một thập niên qua tại Việt Nam một số các cuộc hội thảo đã được tổ chức nhằm "đánh giá lại" Phan Thanh Giản, bởi vì cách đây hơn bốn mươi năm ở miền Bắc đảng Cộng sản đã ra sức đánh phá, triệt hạ hoàn toàn con người lịch sử của cụ. Tạp chí* Nghiên Cứu Lịch Sử *tại Hà Nội đã lãnh nhiệm vụ ấy, và sau một thời gian dài đăng các bài gọi là "của bạn đọc gửi đến phê phán về Phan Thanh Giản," Trần Huy Liệu, lúc bấy giờ là Viện Trưởng Viện Sử Học, đã viết bài cuối cùng, dứt khoát kết án Phan Thanh Giản một cách triệt để.*

Chúng tôi xin đăng lại nguyên văn bài này sau đây để bạn đọc thấy được cái cách đảng Cộng sản đánh giá nhân vật lịch sử của chúng ta ra sao, đồng thời thấy bản chất của những kẻ gọi là trí thức phục vụ đảng như thế nào.

*

Cho đến hôm nay, chúng tôi vẫn kế tiếp nhận được những bài của các bạn đọc gửi đến phê phán về Phan-thanh-Giản, nhưng những tài liệu và ý kiến cũng không có gì khác với những bài đã đăng. Chúng tôi rất hoan nghênh các bạn đã sốt sắng tham gia cuộc khảo luận, đặc biệt là những ý kiến đều hầu như nhất trí cả. Vì vậy, chúng tôi đề nghị cuộc bình luận về Phan-thanh-Giản đến đây là kết thúc và chúng tôi đăng bài sau đây của đồng chí Trần-huy-Liệu có tính cách như một bài tổng kết.

Tòa soạn NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Từ khi Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* đề ra việc bình luận một số nhân vật lịch sử, qua Hồ-quý-Ly, Nguyễn-trường-Tộ, Lưu-vĩnh-Phúc cho đến Phan-thanh-Giản, không lần nào bằng lần này, những bạn tham gia cuộc thảo luận, mặc dầu có những khía cạnh khác nhau, nhưng về căn bản đều nhất trí ở chỗ kết án tội nhân của lịch sử. Trong những bài mà chúng tôi nhận được, có bài đăng nguyên văn, có bài trích đăng và một số bài xin miễn đăng, nhưng nhiều tác giả đã có những dẫn chứng giống nhau và hòa chung một thứ tiếng cáo giác người đã đóng vai "tích cực" trong việc làm mất ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ và sau đó là ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ. Điều đáng chú ý là: trong quá trình thảo luận, hai bạn Chương-Thâu và Đặng-huy-Vận, trong chỗ không ngờ, đã trở nên "đối tượng" cho một loạt súng bắn vào chỉ vì hai bạn còn có chỗ chưa "dứt khoát" về tình cảm với họ Phan! Một điều nữa cũng đáng chú ý là: trong số người gửi bài tới tham gia thảo luận lên án Phan-thanh-Giản có đông đủ cả các bạn miền Bắc và miền Nam. Thì ra, nếu chúng ta xuất phát từ một lập trường giống nhau thì chúng ta sẽ đi tới một kết luận giống nhau. Cuộc thảo luận này đã chứng minh như vậy.

Là một người viết bài cuối cùng, tôi còn phải nói gì thêm nữa? Tôi không muốn nhắc lại những tài liệu mà các bạn đã dẫn ra và những ý kiến mà các bạn đã phát biểu; mà qua cuộc thảo luận, tôi muốn đề ra một vài nét lớn trong những điểm nhận định chung.

Điều thứ nhất mà chúng tôi nhận thấy là: Trong khi bình luận một nhân vật lịch sử nào, chúng ta phải đặt người ấy vào hoàn cảnh lịch sử lúc ấy. Chúng ta không đòi hỏi những người sống xa thời đại chúng ta, không cùng một giai cấp với chúng ta, cũng phải có một lập trường tư tưởng như chúng ta. Nhưng để đánh giá họ, chúng ta chỉ cần xem tư tưởng và hành động của họ có phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của đông đảo nhân dân đương thời không? Có theo chiều hướng tiến lên của thời đại không? Đối với Phan-thanh-Giản hồi ấy, chúng ta không đòi Phan phải thoát ly ý-thức-hệ của giai cấp phong kiến. Nhưng trong khi những nhân sĩ yêu nước trong giai cấp phong kiến và đông đảo nhân dân kiên quyết đánh Tây để giữ lấy nước, thà chết không làm nô lệ thì Phan trước sau vẫn theo chiều hướng đầu hàng, từ ký nhượng ba tỉnh miền Đông đến ký nhượng ba tỉnh miền Tây. Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân. Tuy vậy, trong số các bạn tham gia thảo luận, vẫn còn có bạn không phủ nhận tội lỗi của Phan, nhưng vẫn muốn "giảm nhẹ tội cho Phan một bậc" (1). Trước tòa án lịch sử, vị "trạng sư bất đắc dĩ" ấy viện cớ rằng: chủ trương đầu hàng không phải riêng gì họ Phan, mà là cả giai cấp phong kiến nói chung, mà người đứng đầu là vua Tự-đức, cũng như Nam-kỳ và toàn bộ đất nước bị mất vào tay giặc Pháp còn vì

nhiều duyên cớ khác, đâu phải chỉ vì mấy chữ ký của Phan-thanh-Giản. Vậy chúng ta có muốn kết án thì phải kết án giai cấp phong kiến mà thủ phạm phải là Tự-đức. Còn Phan-thanh-Giản chỉ là tòng phạm thôi.

Lời bào chữa của vị "trạng sư" kể trên có lý không, có đứng vững được không? Chúng ta không phủ nhận giai cấp phong kiến nhà Nguyễn hồi ấy đã hết sứ mạng lịch sử và đương đi theo chiều hướng thỏa hiệp và đầu hàng. Nhưng một sự thực mà chúng ta không được phép chối cãi là: trên bước đường phân hóa, chính trong giai cấp phong kiến lúc ấy cũng còn có phái chủ chiến và phái chủ hòa (nghĩa là phái đầu hàng). Chưa nói đến sự cơ lúc ấy: giặc Pháp mới để chân đến Nam-kỳ, các tầng lớp nhân dân đương hăng hái đánh giặc cứu nước; mà ngay chính Tự-đức, một tên vua phải đứng "trước vành móng ngựa" về tội làm mất nước ta, cũng từ chỗ lưng chừng đến chỗ đầu hàng, chớ chưa phải đã can tâm dâng nước cho giặc ngay từ đầu. Nếu ngày nay, trước từng sự kiện lịch sử phải tìm ra trách nhiệm, cái gì cũng đổ chung cho giai cấp phong kiến theo lối "hầm bà là" cả, vậy thì thế nào để phân biệt những người yêu Tổ quốc, theo chính nghĩa, giết giặc cứu nước với những kẻ hàng giặc dâng nước cho giặc? Làm thế nào để phân biệt những người giữ thành chết theo thành như Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu, Nguyễn-thúc-Nhận v.v... với những người dâng thành hiến đất cho giặc theo kiểu Phan-thanh-Giản? Không. Chưa nói đến bản án lịch sử muôn đời; dư luận nhân dân đương thời biểu hiện trong tám chữ đề cờ của dân quân Tân-an Gò-công mà thủ lĩnh là Trương-Định cũng đã rõ ràng lắm. Nó kết án giai cấp phong kiến mà triều đình Huế là đại diện đã "bỏ dân" và kẻ trực tiếp phụ trách là Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp đã ký nhượng đất nước cho giặc. Dư luận nhân dân rất sáng suốt cũng như bản án rất công minh. Nếu vị "trạng sư" nào còn muốn bào chữa cho một bị cáo đã bị bắt quả tang từ non một trăm năm trước thì chỉ là tốn công vô ích!

Nói cùng mà nghe, ngay đến Tự-đức, một người đứng đầu trong hàng ghế bị cáo, đã có than: "Theo họ thì có nước như không, đã chịu nhục mà đời đời bị vạ..." và khi nghe tin Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp ký nhượng ba tỉnh miền Đông, đã phải nói: "hai tên kia không những là tội nhân của bản triều, mà còn là tội nhân của thiên cổ"... Thì ra, trên bước đường đầu hàng của giai cấp phong kiến nói chung, Phan-thanh-Giản còn bước mau, bước trước hơn Tự-đức và trước dư luận phẫn khích của nhân dân, Tự-đức cũng không dám thốt ra những câu nói ngược lại ý chí của họ. Như vậy, trong giai đoạn đau thương của Tổ quốc, kẻ làm mất nước ta là bọn phong kiến đầu hàng mà đứng đầu là Tự-đức. Nhưng trước từng sự kiện lịch sử, mỗi người lại có trách nhiệm riêng tùy theo cương vị của mình. Vị trạng sư nào ngụy biện đến đâu cũng không thể lập luận hồ đồ, đem giai cấp phong kiến và Tự-đức làm cái "bung xung" để che dấu tội lỗi của Phan-thanh-Giản đã dâng toàn bộ lục tỉnh Nam-kỳ cho giặc được!

Điều thứ hai mà chúng tôi nhận thấy là: trong khi quy định trách nhiệm của Phan-thanh-Giản trước lịch sử, chúng ta đã phân tích rõ ràng với những án từ phân minh. Tuy vậy, còn có người viện những đức tính liêm khiết của Phan ra để mong được "chiếu cố" và "thông cảm". Cũng có người còn cho Phan là một nhà ái quốc và thức thời, chỉ vì thương dân, muốn tránh nạn binh đao nên đã chủ trương hòa hiếu với giặc. Ở đây, tôi không muốn nhắc lại điều kiện chủ quan và khách quan bấy giờ để chứng minh rằng: nếu vua tôi nhà Nguyễn biết dựa vào nhân dân để kiên quyết kháng chiến thì nước ta hồi ấy sẽ không bị mất; tôi chỉ nhấn mạnh vào cái quan niệm về đạo đức tư cách của con người thế nào cho đúng. Những người có lòng chiếu cố đến Phan-thanh-Giản chỉ mới nhìn vào tư đức của ông mà không nhìn vào công đức của ông. Ở vào thời thế nước ta hồi ấy, mỗi người công dân còn có cái đạo đức nào cao hơn là yêu nước thù giặc, hy sinh quên mình, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Trái lại, còn có cái gì xấu hơn là theo giặc, chống lại cách mạng, phản lại quyền lợi tối cao của Tổ quốc. Đối với Phan-thanh-Giản, công đức như thế là đã bại hoại rồi; mà công đức đã bại hoại thì tư đức còn có gì đáng kể? Trong số các bạn tham gia thảo luận, có bạn còn viện những chứng cớ tỏ ra rằng ngay cả đến tư đức của ông cũng không có gì đảm bảo. Nói thế thôi. Điều này không quan trọng lắm. Chúng ta đánh giá con người của Phan không phải nhìn vào những đức tính thông thường, mà chính là nhìn vào tiêu chuẩn đối với dân, với nước của Phan.

Ở đây còn một điểm phải trang trải nữa là Phan có yêu nước không? Những người thương Phan còn có cắt nghĩa rằng: Phan chủ trương sai lầm nhưng không phải không có lòng yêu nước. Thực ra, yêu nước không phải là một danh từ trừu tượng, mà phải biểu hiện một cách cụ thể. Trong lúc quân giặc bắt đầu dày xéo lên Tổ quốc, bao nhiêu văn thân nghĩa sĩ, hào lý cùng các tầng lớp nhân dân đều lao mình vào cuộc giết giặc cứu nước, bài phú "Giặc đến nhà đàn bà phải đánh" vang lên, vậy mà riêng Phan-thanh-Giản ba lần dụ

Trương-Định bãi binh, bốn lần làm môi giới cho Pháp đưa thư của giặc cho Trương và khuyên nhân dân không nên "bội nghịch" với giặc, vậy chúng ta có thể tặng hai chữ yêu nước cho Phan cả về mặt khách quan lẫn chủ quan được không? Phạm vi "yêu nước" cũng rất rộng, nhưng danh từ ái quốc không thể chứa một nội dung phản quốc. Một người đã có "thành tích" như Phan, dù ai muốn nhìn theo cách nào chăng nữa, cũng không thể lạm dụng hai chữ ái quốc để gắn vào một cách dễ dàng, vì như thế chẳng những hồ đồ trong việc nhận thức Phan mà còn làm nhòa nhoẹt cả ý nghĩa yêu nước nữa.

Điểm thứ ba mà tôi muốn nhấn mạnh vào là cái chết của Phan. Thật ra, với những hành động kể trên, nếu Phan không kết thúc bằng một cái chết khá "đặc biệt" thì có lẽ dư luận đối với Phan cũng không có gì phức tạp lắm vì hành động của Phan đủ nói lên Phan là người như thế nào rồi. Theo tôi, chủ trương của Phan đã dẫn Phan đến chỗ bế tắc mà chỉ có thể kết cục bằng một cái chết. Nói một cách khác, cái chết của Phan là tất nhiên, là rất biện chứng trong chỗ bế tắc của Phan. Tuy vậy, có người vẫn ca tụng Phan là không tham sống sợ chết. Ở đây, tôi không muốn nhắc lại những cái "ngoắt ngoéo" trong giờ phút cuối của Phan mà nhiều bạn đã vạch ra để chứng tỏ là Phan không phải không tham sống sợ chết. Tôi chỉ đặt câu hỏi là: có những trang hào kiệt không tham sống sợ chết để làm nên một việc gì tốt đẹp thì cái tham sống sợ chết ấy mới có ý nghĩa; còn Phan-thanh-Giản nếu quả có không tham sống sợ chết chăng nữa thì để làm nên cái gì? Nói rằng Phan chết để giữ trọn tiết nghĩa chăng? Thì cái sống của Phan đối với dân, với nước đã mất hết tiết nghĩa rồi, còn nói gì đến chết. Nói rằng Phan là một tín đồ chăng? Thực ra, cái chết của Phan, khác với cái hy sinh của các bậc nghĩa liệt khác, không phải để giữ "đạo lành" cho đến chết, cũng chẳng phải liều chết để làm nên một điều "nhân" vì cái gọi là "đạo lành" là điều "nhân" lúc đó chính là giết giặc cứu nước, là theo nguyện vọng của nhân dân; trái lại là đạo dữ, là bất nhân, là phản bội. Thôi, chúng ta hãy làm một việc ngay thẳng là trả cái chết của Phan-thanh-Giản lại cho Phan-thanh-Giản, cái chết do chính "tác giả" tạo ra, qua một quá trình dài lâu dẫn đến chỗ không lối thoát. Dầu sao, cái chết của Phan cũng chỉ có thể chấm dứt con đường bế tắc của Phan, chớ không thể xóa được tội danh của Phan trước tòa án dư luận nhân dân và lịch sử.

Điểm thứ tư mà chúng ta không thể bỏ qua được là: trong khi kết án Phan-thanh-Giản, chúng ta một mặt không để Phan trốn tránh trách nhiệm do Phan trực tiếp phụ trách; một mặt khác chúng ta không quên gắn liền Phan với triều đình Huế mà Phan là đại diện với giai cấp phong kiến mà Phan là tiêu biểu. Như mọi người đều biết, khi thực dân Pháp bắt đầu đánh chiếm nước ta thì cũng là lúc giai cấp thống trị tức giai cấp phong kiến nước ta đã hết nhựa sống, đương hãm vào thế bí. Do đó, trước nạn ngoại xâm, tư tưởng thỏa hiệp đầu hàng đã dần dần thấm vào tầng lớp trên của giai cấp phong kiến. Mặc dầu trong quá trình phân hóa còn có phái chủ chiến, nhưng tư tưởng đầu hàng vẫn ngày càng phát triển và trở nên tư tưởng chủ đạo của giai cấp phong kiến. Bị uy hiếp trước uy vũ của văn minh Tây phương, luận điệu cầu an của Phan-thanh-Giản nhắc lại chuyện cũ như "Hán Văn đế hòa với Hung-nô" hay "Tống Chân tôn hòa với Khiết-đan" đã nói lên tư tưởng của giai cấp thống trị bấy giờ một mặt thì tự kiêu, cho những nước bên ngoài đều là mọi rợ; trái lại, một mặt khác, lại tự ty sợ địch, dọn sẵn con đường đầu hàng. Thật thế, nếu triều đình Huế mà kiên quyết kháng chiến, Tự-đức không có những chỉ thị "nước đôi" thì Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp sẽ không dám tùy tiện dâng đứt ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ cho giặc. Chẳng những thế, sau khi Phan-thanh-Giản đã ký nhượng ba tỉnh miền Đông, trước sự công phẫn của nhân dân, Tự-đức cũng đã phải kết án Phan, Lâm là "tội nhân của thiên cổ" nhưng rồi Phan vẫn là người tín nhiệm của triều đình Huế, được triều đình giao cho trọng trách, để rồi một lần nữa, dâng nốt ba tỉnh miền Tây cho giặc. Như thế Phan-thanh-Giản phải chịu trách nhiệm trực tiếp những việc mà ông đã làm, nhưng cũng quán triệt tinh thần và đường lối đầu hàng của triều đình Huế mà ông là đại diện. Ấy là chưa kể sau khi sáu tỉnh Nam-kỳ đã mất và Phan-thanh-Giản đã chết, triều đình Huế vẫn đi theo chiều hướng đầu hàng cho tới khi nước ta bị mất hoàn toàn về giặc Pháp. Như vậy, kết tội Phan-thanh-Giản phải gắn liền Phan với triều đình Huế và bản án Phan-thanh-Giản là nằm trong hồ sơ bản án hàng giặc bán nước của triều Nguyễn.

*

Tóm lại, qua cuộc thảo luận, chúng ta đã thành công trong việc đánh giá Phan-thanh-Giản, một nhân vật có nhiều khía cạnh phức tạp. Xung quanh Phan-thanh-Giản còn "viền" nhiều sự việc khác của giai đoạn lịch sử chồng chất những sự biến phức tạp. Nếu chúng ta không nhằm vào khâu chính của sự vật, không dùng phương pháp khoa học để phân tích đặng nhận rõ người và việc thì không thể giải quyết được vấn đề. Sau khi đánh giá xong Phan-thanh-Giản, chúng ta sẽ chuyển sang một nhân vật lịch sử khác.

8-1963

(1) Danh từ của pháp luật là "giảm đẳng".

VẦNG TRĂNG XƯA ĐÃ CHẾT RỒI SAO?

LÊ VĂN LÂN

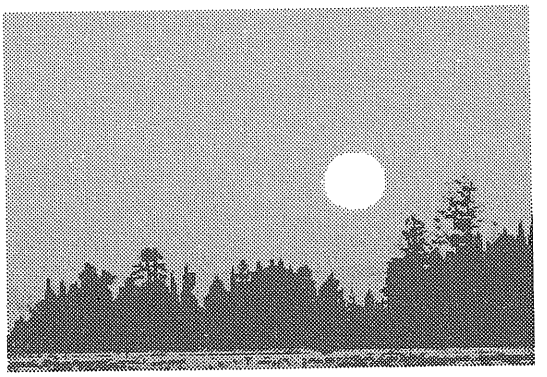

Nhặt lá vàng xưa!

Sau nhiều năm tha hương, tôi thường băn khoăn với ý tưởng: Những vầng trăng cũ đã thực sự chết rồi chăng? Phải chăng người Việt chúng ta đã bắt đầu quên cái thú ngắm trăng vì tiêm nhiễm đầu óc thực tế máy móc của Tây phương nên khó mà cảm nhận cái biểu tượng sâu sắc của vầng trăng nói chung và vầng trăng thu nói riêng như tổ tiên dân Á Đông cổ truyền trong đó có ta vốn theo nền văn hóa Âm lịch.

Cách đây 35 năm, vào tháng 7 năm 1969, phi hành gia Mỹ Neil Armstrong đã đặt chân lên nguyệt- cầu và khám phá ra trên đó chỉ toàn là núi đá và những bình nguyên mênh mông mà nhìn từ trái đất lên cứ nghĩ là biển, nhiệt độ thay đổi từ – 180 độ C đến + 110 độ C. Tản Đà (1889 – 1939) nếu thọ thêm 30 năm, chắc không còn thi hứng "Muốn làm Thằng Cuội" nữa:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần giới em nay chán nữa rồi.
Cung Quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi
...

Như vậy, khoa học thám hiểm đã giết chết những vầng trăng cũ trong tâm thức con người sao?

Tôi nghĩ rằng không! Con người Việt Nam hiện đại chấp nhận Dương lịch làm lịch chính thức, nhưng trong thâm tâm huyền bí, người ta vẫn theo Âm lịch như ăn Tết, cúng bái, kỵ giỗ, kiêng cữ , bói toán tử vi ... và nhất là còn ngắm trăng, mừng trăng và làm thơ cùng triết lý về trăng.

Ai đâu trở lại mùa thu trước,
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng.

Những chiếc lá vàng mà chúng ta tìm nhặt lại khi trở về quá khứ chính là những mảnh trăng xưa mà tôi kể dưới đây.

Vầng trăng âm lịch

Vầng trăng rất quan hệ đến sinh hoạt, tính khí và sinh lý của vạn vật trên mặt đất qua hiện tượng thủy triều và ảnh hưởng huyền bí trên mùa màng cây cỏ.

Về hình dáng và thời điểm xuất hiện của vầng trăng trong tháng được nhà nông kể thuộc lòng theo vần theo điệu như sau: *Mồng một lá trai, Mồng hai lá lúa, Mồng ba câu liêm, Mồng bốn lưỡi liềm, Mồng năm liềm giật, Mồng sáu thật trăng, Mười rằm trăng náu, Mười sáu trăng treo, Mười bảy sảy giường chiếu, Mười tám trăng lẹm, Mười chín dụn dịn, Hai mươi giấc tốt, Hăm mốt nửa đêm, Hăm hai bằng tai, Hăm ba bằng đầu, Hăm bốn bằng râu, Hăm lăm bằng cằm, Hăm sáu đã vậy, Hăm bảy làm sao, Hăm tám thế nào, Hăm chín thế ấy, Ba mươi không trăng.*

Nông gia còn có những câu sau để tiên đoán việc nông tang:

Muốn ăn lúa ré, xem trăng rằm tháng giêng,
Muốn ăn lúa tháng năm, xem trăng rằm tháng tám
Muốn ăn lúa tháng mười, xem trăng mồng tám tháng tư

Ở Việt Nam, các vị túc-nho trước đây cũng quan sát thiên văn trong sự ngắm trăng thu: Trăng sáng tỏ là điềm được mùa lúa sắp tới, trăng vàng đẹp là tằm sản xuất nhiều tơ. Màu sắc Trăng xen

hơi lục hay xanh là triệu chứng đói rét. Trăng vằng vặc ửng sắc da cam là dấu chỉ thái bình thịnh trị. Trăng lấm tấm chấm đỏ là điềm giới lãnh đạo quốc gia bất lương u muội. Trăng lợn cợn nhiều hình nanh vút là điềm binh hỏa.

Vầng trăng mở hội liên hoan

Ngày rằm Trung thu rơi vào tiết Thu phân nên khí Âm và Dương điều hòa với đêm ngày bằng nhau. Bầu trời quang đãng, khí hậu ôn hòa nên người ta cảm thấy dễ chịu nhất trong năm. Hơn nữa, thu là mùa lúa chín, nên việc đồng áng rảnh rỗi. Đây là dịp "ăn mừng vầng trăng tập thể "một cách cụ thể của tục lệ xã hội trong cảnh liên hoan náo nhiệt với tục rước đèn, múa lân, trong vị ngọt hương trà của tục ăn Nguyệt bính. Do đó, cá nhân không hẳn đã lấy con mắt và tâm hồn mà " ngắm trăng" đúng nghĩa.

Vầng trăng của tâm thức

Người xưa đã ngắm trăng ra sao? Tại sao tôi nói "người xưa"? Vì "người thời nay" đã thị-thành hóa, cơ khí hóa, tự động hóa... đã không còn dịp sống với vầng trăng. Thời khóa biểu làm việc chật vật, những ngõ hẻm chật chội, những cao ốc hộp diêm, những đèn đường sáng trưng... đã làm người ta quên mất trăng! Còn người xưa Á Đông sống theo văn hóa âm lịch thì vầng trăng hiện diện theo từng lớp tuổi:

* Với nhi đồng là vầng trăng của bài ca "Ông giẳng, Ông giăng ...", của những chuyện kể thần thoại về "Thằng cuội," "Hằng Nga," "Thiềm thừ," "Cung Quảng"; của những trò chơi "Thả đỉa ba ba," "Rồng rắn Ông thầy," Phụ đồng chổi... thổi lổi mà lên" dưới ánh trăng vàng vằng vặc.

* Với lứa tuổi nam nữ yêu đương là những vầng trăng thề, trăng chia phôi, trăng nhớ nhung, trăng khắc khoải... Cuốn Kiều 3522 câu lục bát chỉ nhắc đến hai ba chữ "nắng" nhưng đã nhắc đến 38 chữ "trăng" với bao nhiêu sắc vẻ trữ tình như trăng bạc, trăng già, trăng gió, trăng hoa, trăng khuyết, trăng mới, trăng tà, trăng tàn, trăng thâu, trăng thề, trăng tròn...

Nếu trong Kiều, câu tha thiết nhất là: *Trăng thề còn đó trơ trơ, Dám xa xôi mặt, mà thưa thớt lòng* thì trong Chinh Phụ ngâm, có những câu *"Trăng khuya nương gối, bơ phờ tóc mai,"* " *Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng, Trước hoa, dưới nguyệt trong lòng xiết đâu,"* "*Xông pha gió bãi trăng ngàn, Gươm treo đầu ngựa, giáo lan mặt thành" và "Hồn tử sĩ gió ù ù thổi, Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi"* đã làm cho tơ lòng ta chùng hẳn lại vì thương cảm.

Vầng trăng thiên cổ của người xưa

Riêng về lớp tao nhân mặc khách Á Đông thì *"vầng trăng thiên cổ"* là cả một nguồn thi hứng để cảm hoài sáng tác. Họ đã ca tụng trăng khi nghe đờn hát của đám ca nhi, khi tiệc tùng chè chén, khi ngắm hoa, khi lên núi cao, khi dong thuyền trên sông nước.... Nhiều áng văn nổi tiếng của các thi hào Trung Quốc đã được sáng tác dưới trăng :

- Trong bài Tương tiến tửu, thi bá Lý Bạch khuyến khích người ta: *Nhân sinh khi đắc ý nên càng, Khôn nỡ để chén vàng trơ dưới nguyệt.*

- Trong Tỳ bà hành (mùa thu năm 816 CN), Bạch Cư Dị đã tả: *Thuyền không đậu bến mặc ai, Quanh thuyền trăng giãi, nước trôi lạnh lùng.*

- Tô Đông Pha trong hai bài Tiền Xích bích phú và Hậu Xích bích bất hủ sáng tác vào mùa thu năm Nhâm Tuất (năm 1082) đã tạo một ảnh hưởng sâu đậm trên những thi sĩ của Việt Nam thời trước với tinh thần khinh khoái của tư tưởng Lão Trang mà chúng ta có thể coi như một thứ triết lý hiện sinh cổ thời. Trên cảnh sông nước Trường giang dưới ánh trăng thu, Tô Đông Pha đã luận về thân phận phù du của con người trong vũ trụ mênh mang bất diệt để kết luận với cái triết lý hưởng lạc trước mắt trong kho tàng thiên nhiên vô tận :

Nước kia vẫn xuôi giòng chẩy xiết,
Mà chưa từng đi hết chút nao!
Trăng kia có lúc đầy hao,
Mà ta chưa thấy khi nào bớt thêm
Cứ lúc biến mà xem trời đất,
Thì chẳng qua chớp mắt mà thôi.
Cứ khi không biến mà coi,
Thì ai ai cũng lâu dài như nhau
...

(Tiền Xích Bích Phú dịch nôm của Đào Nguyên Phổ)

Đọc lại cổ thi Việt, hậu sinh gặp những bài ca trù ngâm phong vịnh nguyệt hàm chứa cái quan niệm triết lý nhân sinh Lão Trang của Trung Hoa như:

- *...Thảnh thơi gió mát trăng trong, Bức tranh sơn thủy một vùng cỏ hoa. Thú này ai dễ hơn ta* (trích Của kho vô tận - Nguyễn Quí Tân)

- *...Rượu một bầy, thơ ngâm một túi; Góp gió trăng làm bạn với non sông; Núi kia tạc để chữ đồng, Trăng kia nhớ mặt anh hùng này chăng?*

(Núi cao trăng sáng của Cao Bá Quát)

- *...Sẵn non sông kia với gió trăng, Mượn cảnh trí thung thăng là sở thích* (Chữ Nhàn của Nguyễn Công Trứ)

Vầng trăng trữ tình trong thơ mới

Vầng trăng thiên cổ của cổ nhân là "*vầng trăng ước lệ*" với từ ngữ cô đọng theo khuôn sáo. Cho đến khi phong trào thơ mới nở rộ ở Việt Nam thời tiền chiến, thì "*vầng trăng trở nên trữ tình*" bắt đầu len lỏi trong tâm hồn và dàn trải ra theo từng giai điệu của mỗi thi nhân.

Còn lưu luyến với tứ thơ cổ điển, Quách Tấn viết: *Một luồng sương bạc bỗng từ mô, Lên cuốn vầng trăng cuốn mặt hồ* (Đà Lạt đêm sương) . Đến Lưu Trọng Lư thì trăng vẫn là trăng cổ điển mộng mơ một trời kỷ niệm: *Vầng trăng từ độ lên ngôi, Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ...* (Vần thơ sầu rụng). Nhưng đối với Xuân Diệu thì trăng lên đến đỉnh cao và lộ ra nhiều sắc vẻ hơn cả:

- Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá
Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ (Trăng - *Thơ Thơ*)

- *Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,*
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi (Nhị hồ - *Thơ Thơ*)

- *Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh*
Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần (Nguyệt cầm - *Thơ Thơ*)

Cuối cùng, đến với Hàn Mặc tử thì Trăng trong hồn thơ bệnh lý điên loạn của ông hoàn toàn không còn là ánh sáng nguyệt cầu của phàm nhân nữa mà là một thực thể để ông ôm, ngủ, ngậm hớp, cắn, sờ sẫm:

- *Bóng nguyệt leo song sờ soạng gối* (Đêm không ngủ)

- *Hôm nay có một nửa trăng thôi, Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi* (Một nửa trăng)

-*Trăng nằm sõng soãi trên cành liễu*
... Trần truồng tắm, Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe. (Bẽn lẽn)

- *Cả miệng ta, trăng là trăng* (Một miệng trăng)

Tìm đâu lại ánh trăng xưa?

Sống vào đầu thế kỷ 21 trong một xã hội hiện đại, chúng ta có thể tìm lại trăng không? Tôi nghĩ vầng trăng tâm thức vẫn còn nếu ta biết cách tìm lại. Cách đó là tìm học lại chữ Nhàn trong triết lý Á Đông qua lời thơ ca trù của Nguyễn Công Trứ.

Thị tại môn tiền náo,
*Nguyệt lai môn thị nhàn **
So lao tâm, lao lực một đoàn
Người nhân thế muốn nhàn sao được?
Nên phải lấy chữ Nhàn làm trước,
Dẫu trời cho có tiếc cũng xin nài!
Chợ họp trước cửa thì huyên náo,
Trăng soi trước cửa thì thanh nhàn.

Chiết tự chữ Nho thì chữ Thị là chợ viết trong chữ Môn là cửa đọc thành chữ Náo; Chữ Nguyệt ở trong chữ Môn là chữ Nhàn. Đúng thế, nói bóng bẩy, nếu chúng ta biết tạm dẹp "cái chợ lý trí" trong đầu óc chúng ta đầy rẫy với bao cơ mưu toan tính sau những giờ làm việc để cố mở lại "cõi lòng thảnh thơi" thì vầng trăng sẽ soi rọi lại thôi. Ai ơi, hãy mở cửa sổ tâm hồn ra để đón lại nguồn trăng.

CỔ NGƯ

Buổi sáng qua sông

Đi qua sông buổi sáng,
Mù che trắng thượng nguồn,
Hạ lưu đâu chẳng thấy,
Chỉ thoáng cánh chim buông.

Đi qua sông buổi sáng,
Hơi thở nhoà trong sương,
Bóng cây in đầu sóng,
Lá bay, vương chút hương.

Choisy-le-Roi 26.11.2002

Chuyển mùa

Ừ thôi! Vàng một lá thôi!
Rủ mùa năm cũ luân hồi về đây.
Mở ngày, rộng cả bàn tay,
Khép tình riêng lại: chưa đầy bóng trăng.

Paris 20.09.2000

Nghề Mới

HỒ PHÚ BÔNG

Qua hai lần thất nghiệp, ông Hội đâm ra nghi ngờ việc đi làm ở hãng xưởng. "Mình dốt Anh ngữ, lại không có tay nghề rõ ràng nên nếu tiếp tục làm cho hãng xưởng thì chỉ là loại sai vặt. Khi cần thì họ mướn, khi việc chậm lại, họ sa thải. Công việc đâu chẳng vào đâu thì 40 cái credit để đủ tiêu chuẩn hưởng hưu bổng tuổi già coi như không thể nào với tới được" ông Hội nghĩ như vậy. Người Việt có câu nói mới: "nhất sĩ, nhì nail," nên ông muốn thử thời vận. Những tờ báo biếu ở chợ, trên các trang quảng cáo cần người, thì gần như thợ nail chiếm trọn. Các chủ tiệm nail thường là giới trẻ, mà giới trẻ thì thường là dễ tính hơn già. Kinh nghiệm làm hãng xưởng, ông cũng sợ làm chung đụng với những người già đồng hương. Tuổi ông lỡ cỡ. Nửa chừng. Thiệt già thì chưa tới, nhưng trung niên thì vừa qua. Bù lại ông cũng thuộc loại khéo tay và cần cù, như vậy chắc cũng thích hợp với công việc. Đọc mấy cái quảng cáo đại khái như thế nầy: "CẦN THỢ NAIL, Tiệm Lee ở trong Mall vùng Kendall cần thợ nail có kinh nghiệm tay chân nước. Bao lương 700/tuần hoặc ăn chia. Xin liên lạc Tom..." hoặc "CẦN THỢ GẤP, Tiệm vùng Naples nằm trong plaza lớn. 100% khách Mỹ trắng, giá cao, tips hậu. Cần 4 thợ gấp. Biết làm gel pink&white càng tốt. Muốn bao lương hay ăn chia tùy ý. Xin liên lạc Hải ..." Ông thử gọi vài chỗ thăm dò. Khi nghe giọng nói, họ đoán ông đã lớn tuổi nên nói khéo: "Bác chưa có bằng thì chưa làm được. Bác phải thi lấy bằng trước, rồi liên lạc với cháu. Nếu bác biết ai khác thì giới thiệu cho cháu. Cám ơn bác gọi." Vụ cái bằng thợ nail thì chẳng khó khăn gì với bọn trẻ nhưng lớp tuổi như ông thì không dễ chút nào! Ông cũng nghe nói đến vụ mua bằng, rồi ông nghĩ, chuyện hạ hồi phân giải. Trước hết ông phải tự học để biết công việc cắt tỉa, sơn phết móng tay chân đã. Ông tin vào cái khéo tay của mình.

Buổi tối lên giường, ông gợi ý với bà:

- Anh phải làm đủ 10 năm, tìm cho được 40 cái credit thì mới hưởng được hưu bổng tuổi già, nhưng cái ngữ nay làm mai bị đuổi thì bao giờ mới đủ được. Cho nên lần nầy anh nhứt định học và làm nghề nail. Mình làm và tự tích lũy tiền thì cũng vậy. Em thấy có được không?

- Nghề nail có ăn lắm nhưng liệu anh có làm được không?

- Anh thuộc loại khéo tay mà.

- Chuyện cắt bùm, anh là số một. Chuyện níu tay, níu chân, ôm eo ếch, dắt díu thì cũng số một. Còn cái việc tỉ mẩn, tẩn mỹ nầy thì em thua! Không biết.

Bà Hội chỉ nhắc khéo chút chuyện cũ cho vui, không phản đối cũng không đồng tình. Bà bỏ thỏng nửa chừng nhưng với ông Hội thì đó là tín hiệu đồng ý.

Mấy lần đi chợ Wal Mart với bà, ông cứ thích đứng trước tiệm nail, vừa quan sát, vừa đợi bà ra. Ông quan sát để học việc. Khi làm móng tay thì họ ngồi đối diện nhau trên một cái bàn hẹp, có đèn soi rõ, lại có cây quạt tí xíu kế bên để làm loãng mùi hóa chất. Người thợ đeo thêm cái khẩu trang, mặc đồng phục giông giống như y tá. Công việc nhẹ nhàng. Làm chân nước thì khác. Khách nửa ngồi, nửa nằm trên cái ghế thật tiện nghi, kiểu ngồi ghế phòng khách xem TV. Thợ thì ngồi bên dưới với chậu nước để khách ngâm đôi chân. Khi cắm cúi làm móng chân thì khách có thể nhìn thấy rõ cả đỉnh đầu của thợ. Ông Hội đang lo cho cái đầu hói. Tóc muối tiêu ông sẽ có cách trị, thuốc nhuộm, five minutes for men (!) nhưng cái đầu hói thì chưa biết giải quyết cách nào, hay là phải dùng đầu tóc giả! Cứ tưởng tượng một cô khách tuổi đôi mươi hay một bà cụ già, ngồi nhìn một ông cụ Á châu hói đầu lo o bế bộ móng chân của mình thì sẽ ra sao. Ông Hội không lo lắng chuyện làm thật tốt công việc nhưng lo lắng về

dáng vẻ bên ngoài! Ông cũng phân vân về cặp mắt kiếng hai tròng có cái lằn ngang của mình. Vừa tóc bạc, vừa hói đầu kèm theo cái kiếng hai tròng có lằn ngang liệu ông có thể làm cho khách cảm thấy thoải mái được không? Ông Hội nghĩ lung lắm. Khách hàng người Mỹ mà họ không cảm thấy thoải mái thì chẳng những họ không cho tiền tip mà còn mắng mỏ rồi bỏ đi. Tiệm sẽ mất khách, ông phải tự động về nhà để khỏi mang tiếng là bị đuổi việc. Công việc làm vào cái tuổi như ông quả thật có nhiều vấn đề.

Trên đường lái xe về, ông giấu những suy nghĩ lo lắng bên trong, ông chỉ nói ra những điều tốt đẹp với bà và tự tạo thêm can đảm cho mình:

- Anh thấy nghề nail nhẹ nhàng. Dễ sống lắm. Tiệm thật đông khách. Còn làm hãng xưởng cầm cái check bị trừ đầu trừ đuôi chẳng còn được bao nhiêu. Anh chỉ cần một nửa số tiền như quảng cáo là tốt lắm rồi.

Bà Hội không hiểu được ý ông, nói:

- Người Việt thành công ở nghề nail, có vậy ngươì ta mới nói nhất sĩ, nhì nail... Mình chỉ cần 200/tuần là quí lắm rồi. Lớp trẻ họ làm giàu, họ lao vào. Còn mình dựa hơi theo họ để qua ngày chứ làm gì nhiều cho mệt. Cực khổ, gian nan quá nhiều rồi, bây giờ chỉ muốn yên yên là được.

Ông gợi ý:

- Như vậy em chỉ cho anh cách sơn móng tay để anh tập trước.

Tay trái ông cầm lái, tay phải ông để lên đùi bà. Cười nói:

- Võ Kỵ không thích chuyện giang hồ, chỉ thích được ngồi chải tóc cho Triệu Minh thì cũng như anh bây giờ sẽ ngồi làm móng cho em vậy.

Bà Hội không trả lời. Câu nói của ông làm bà chợt nhớ mông lung. Cái ngày ông đeo đuổi bà.

Vụ Mậu Thân. Nhà bà trước trại Nhảy Dù Hoàng Hoa Thám, ở ngã tư Bảy Hiền. Việt Cộng hướng Bà Quẹo tràn xuống. Nhảy Dù đánh ra. Hai bên xáp lá cà ngay khu nhà bà ở. Súng nổ tứ bề, cha mẹ đi vắng. Căn nhà bị sụp một mái nhưng may mắn không cháy. Hoảng quá, bà chui xuống gầm bàn, nhưng lại thấy trống trải chung quanh, ý bà lúc đó là trốn thật kín như trò chơi kiếm-tìm, nên bà đổi ý, đứng dậy chạy ra sau nhà. Trái đạn nổ lớn phía sau, bà lại chạy ngược về phía trước. Bà vừa chạy được mấy bước thì một người nhảy tới ôm bà rồi nằm đè lên, hét lớn:

- Nằm im, lấy tay che đầu lại. Đứng lên là đạn lạc chết ngay đó.

Bà riu ríu nghe lời. Đạn bắn thật rát. Mùi thuốc súng, mùi cát bụi, rồi cái mùi mồ hôi, mùi nhà binh phủ lấy bà. Bà có chút bình yên. Mười mấy phút trôi qua, tiếng đạn nổ lơi dần. Tiếng chân người chạy rầm rập. Ông lính nằm đè lên bà đứng dậy nhìn bà thật nghiêm nghị, ra lệnh:

- Cô nằm yên dưới gầm bàn để đề phòng nhà sụp. Không được chạy ra ngoài để tránh đạn lạc trừ khi nhà cháy.

Ông lính chỉ nói bấy nhiêu rồi lao theo đoàn quân, chạy về phía trước. Bà chỉ kịp nhìn thấy được cái lon chuẩn úy đeo trên miệng túi áo.

Một tuần lễ sau đó ông chuẩn úy quay lại thăm bà với căn nhà còn đang đổ sụp. Sau đó, bà đi chơi với ông. Bà vẫn còn nhớ câu ông nói: "Lúc đó anh thấy em hoảng hốt, ngơ ngác và đẹp như một thiên thần bụi bẩn." Ba năm sau, bà trở thành bà Hội. Về sau, thỉnh thoảng ông vẫn thích chọc ghẹo bà trong biến cố đó: "Lúc em nằm dưới bụng anh, anh biết thế nào rồi em cũng yêu anh". Bà hỏi: "Tại sao?". Ông trả lời: "Tại vì giữa lúc bom rơi đạn lạc như vậy mà em chẳng lo gì nữa cả ngoại trừ việc hít mê mẩn mùi mồ hôi của anh." Bà giận đỏ mặt, đấm thùm thụp vào ông. Ông được dịp làm tới: "Nếu không đúng như vậy thì tại sao đến giờ nầy em vẫn còn thích chui vô nách anh khi ngủ?"

Tánh nhà binh của ông Hội vẫn còn y nguyên. Dứt khoát. Nói làm là làm. Bà Hội sau khi đi làm về, xong chuyện ăn uống thì ông Hội hối thúc bà đưa bàn tay ra cho ông thực tập. Hộp đồ nghề, dao kéo, hũ lọ, màu sơn phết của bà, ông bày ra. Ông đem thêm cái đèn nhỏ để lên bàn cho đủ ánh sáng, giống như ở tiệm. Cái bàn rộng, không thể ngồi đối diện nên bà ngồi hướng mặt qua TV, ông ngồi góc bên cạnh. Đặt bàn tay lên bàn cho ông săm soi, bà như có chút mắc cỡ! Từ sau năm 75, mấy mươi năm qua, có mấy lần ông ôm ấp, nhìn kỹ từng ngón tay bà giống như lúc mới quen và mới yêu nhau. Lần đầu tiên trao bàn tay cho ông, bà nhớ như in, cái rạo rực của trái tim bà. Đàn bà sống bằng cảm tính, quả thật như vậy. Đặt bàn tay bà trong bàn tay ông sao như có một dòng điện chạy ngang qua trái tim, không phải chỉ trái tim của riêng bà! Cả hai người đều nóng ran lên rồi sau đó cảm giác như cháy bùng.

Săm soi mấy ngón tay bà dưới ánh đèn, ông Hội cũng có những xúc động không kém. Ông nhớ lần đầu ông được mân mê mấy ngón tay của bà rồi đặt lên môi hôn. Mấy ngón tay tháp bút

ngày đó bây giờ đã nhăn nheo, sần sùi. Ông mới hay ra, dòng thời gian đã theo nhau chảy qua từng kẽ ngón tay bà. Bao nhiêu năm bà lận đận lo làm lụng nuôi con, nuôi chồng. Còn ông, gần như vô tích sự. Ngày trước sau mỗi chuyến hành quân, khi về lại nhà, thì bà thêm lu bu vì chuyện khách khứa, bè bạn của ông. Bao nhiêu lần vợ chồng ân ái, đôi cánh tay bà, đặc biệt những ngón tay bám siết, để lại cả dấu vết trên da thịt ông. Bà đam mê nhưng sợ hãi. Cái đam mê, tận hiến cho nhau từng giây phút. Cái sợ hãi, ông không còn trở về khi ra trận. Tâm lý mâu thuẫn quyện vào nhau, đan kết không rời. Rồi ngày ông đi tù, cũng vẫn những ngón tay nầy bươn chải ngược xuôi, lo cho con, cho chồng. Ông Hội nhìn bàn tay bà, đôi bàn tay kỳ diệu của đời ông. Gần trọn đời ông vô tích sự, chẳng lo được gì cho vợ con. Lòng ông Hội chùng xuống. Ông không còn hăng hái như lúc vừa ngồi vô bàn. Giọng ông dịu dàng:

- Em chỉ cho anh cách cắt, tỉa móng trước đã. Em nói đúng, có lẽ bàn tay của anh chỉ giỏi cắt bùm, nhưng cắt bùm cũng không được việc.

Ông nén tiếng thở dài. Bàn tay còn lại của bà đặt úp lên tay ông, vỗ nhè nhẹ:

- Cắt bùm như vậy cũng đủ để em yêu một đời rồi.

Ông xúc động, đánh trống lãng:

- Lại nói bậy rồi. Đang tính chuyện học nghề làm ăn mà!

Bà biết tánh ông. Chuyện gì liên quan đến chút tình cảm thì cứ làm như mình là một thanh sắt. Ngon lành. Nhưng thanh sắt đã hoen rỉ. Trái tim đã mềm nhão từ bên trong nhưng ông vẫn cố che giấu sự yếu đuối. Ông chỉ thích chứng tỏ sự cứng rắn theo kiểu nhà binh của ông.

Bà Hội đi làm, giờ ăn trưa có mấy bà bạn ngồi chung bàn. Mấy bà tinh mắt thiệt. Trước kia cả tháng không thấy bà Hội thay đổi màu móng tay, còn bây giờ, thì gần như là hằng ngày. Bà Hội đành kể sự thật. Bà Hoa sốt sắng góp ý:

- Tôi thấy được đó. Bà làm giữ bảo hiểm. Anh làm tiền mặt. Mau khá lắm. Để ổng đi trước thử. Nếu tốt đẹp không chừng tôi sẽ nói với ông xã tôi. Mình phải đi đường tắt.

Bà Hội cảm thấy vui vui nhưng cũng cứ áy náy trong lòng. Chuyện cắt, tỉa, sơn phết mấy ngón tay đã quen quen. Ông Hội cũng khéo tay nhưng là loại khéo tay ở tuổi già. Lần nầy ông Hội muốn bà đưa bàn chân cho ông thực tập. Cái cảm giác đặc biệt ban đầu khi đưa bàn tay cho ông vẫn còn đó. Bây giờ đến lượt bàn chân. Chỉ mới nghĩ đến thôi thì bà đã thấy nhột rồi. Nó nhột từ bàn chân chạy nhanh dần lên vế rồi chạy vô khắp người. Bà Hội thấy khó quá. Bà không thể ngồi trên bàn rồi để bàn chân xuống ghế cho ông tập. Bà cũng không thể ngồi trên ghế lại để bàn chân xuống sàn dù ông đã mua một đòn ngồi thấp thấp giống như của mấy người thợ. Bà không thể ngồi ở vị thế cao rồi để chân lên vế của ông. Cái cảm giác bà ngồi ở trên cao để ông lom khom bên dưới làm bà thấy vừa nhột nhạt, vừa khó chịu vô cùng. Bà tìm cách tránh né:

- Hay là em kêu con Thảo nó ngồi cho anh làm thử trước.

Bà không cần đợi ông đồng ý. Bà gọi ngay con gái:

- Thảo, ba có chút chuyện nhờ con.

Thảo ở trong phòng chạy ra. Vừa nhìn thấy thì nó đã biết là chuyện gì rồi. Nó lè lưỡi, giẫy nẫy:

- Thôi. Thôi, con chịu. Con không chịu được. Nó nhột lắm và kỳ lắm.

Thảo, con gái út của ông bà Hội, còn đang học ở high school. Thường ngày cha con ông Hội rất gần gũi nhau, ông muốn lợi dụng vào đó để chinh phục con gái:

- Take it easy. Ba chỉ làm đẹp cho con thôi mà.

- Sorry, Dad. I couldn't. Nó nhột lắm con không thể chịu được.

Quả thật chuyện nhột cũng một phần, nhưng phần khác là tâm lý mẹ con bà Hội chưa thể phá vỡ được giới hạn của phong tục Việt.

Ông Hội quay qua vợ buồn buồn, hươ hai tay lên không:

- Con không chịu, mẹ cũng không chịu.

Bà Hội nóng bừng cả mặt:

- Em thua. Phải để cho em chuẩn bị tinh thần trước đã!

Buổi tối lên giường ông lại nói với bà:

- Tối mai em ngồi trên giường ngủ của mình rồi thòng chân xuống để lên đùi anh. Mình làm ở phòng riêng, con cái chúng không thấy, thì có gì đâu mà mắc cỡ! Bộ cái bàn chân của em anh chưa bao giờ thấy hay sao?

Bà Hội dụi đầu vô chồng, giọng ướt sũng:

- Anh thì lúc nào cũng chinh phục em dễ dàng.

Ông Hội hôn bà rồi nói:

- Cứ xem như chuyện trong phòng the thôi, có gì đâu.

- Em nghĩ nó khác.

Hôm nay bà Hội tắm lâu hơn thường ngày.

Chắc hẳn là kỳ cọ đôi bàn chân bà kỹ hơn. Bà vẫn không thể tưởng tượng ra được cảnh ông săm soi mười ngón chân của bà. Nhất định là nó nhột nhạt cho dù bà đã chuẩn bị tâm lý. Bà cũng ngạc nhiên tại sao hồi còn trẻ bà không có cái cảm giác nầy. Phải chăng ngày đó cái trẻ trung, sôi bỏng đam mê đã làm bà quên hết mọi chuyện?

Móng ngón chân giữa bàn chân trái của bà Hội chỉ còn một nửa và không bình thường. Ông nhớ lần đó bà đi thăm ông ở tiền đồn, chiến trường Dakto trên Ban Mê Thuột, bà vấp vào tảng đá, té lộn nhào. Móng chân đó bung ra. Bà đau tái mặt. Hai tay bà bám lấy cổ ông, ông ẳm bà vô hầm chăm sóc. Và từ trong căn hầm đó thằng Cổn đã ra đời! Khi ông đưa bà ra phi trường quân sự để về lại Sài Gòn, chiếc giày chân trái của bà phải khoét một lỗ lớn để ngón chân băng bó có thể thở. Cái ngón chân kỷ niệm mà bao nhiêu trang thư sau đó ông đều viết: "Anh âu yếm hôn ngón chân đau của em."

Bà Hội cúi xuống trên mái tóc muối tiêu của ông, hai tay cố gỡ hai cánh tay của ông ra:

- Cho em nghỉ xả hơi cái đã! Nhột quá em hết chịu nỗi nữa rồi.

Ông ngước lên nhìn vợ. Sao khuôn mặt bà trẻ đẹp đến lạ lùng.

Mọi việc rồi cũng quen dần. Ông Hội đã làm được những động tác bình thường theo hướng dẫn của bà, còn chuyện kiểu cọ chuyên môn hơn thì bà không biết. Ông sẽ vừa làm vừa học thêm. Chịu tốn kém chạy mua cái bằng hay theo đuổi một khóa học đều có thể được nhưng ông muốn tìm chỗ làm tạm, nếu chắc ăn thì hợp thức hóa mọi chuyện sau. " Mình làm đẹp và tốt, khách hàng vừa lòng thì mấy ai đòi hỏi nầy nọ" ông nói với bà như vậy.

Đi chợ trời, tình cờ gặp ông Hiển, người bạn cũ. Ngày xưa học cùng khóa, cùng đi tù chung với nhau nhưng người về trước, người về sau, rồi lu bu đủ chuyện nên mất liên lạc. Thì ra hai ông chỉ khác nhau tên thành phố nhưng cũng ở gần.

Ông Hiển ghé thăm nhà ông bà Hội. Uống trà. Kể đủ thứ chuyện ngày trước. Câu chuyện lòng vòng, ông Hiển nhắc đến tên một ngươi bạn khác, khá thân:

- Thằng Luận cũng ở vùng nầy mầy biết không? Vợ chồng hắn khá lắm, làm chủ mấy cái tiệm nail.

Ông Hội mừng như bắt được vàng nhưng im lặng. Ông thăm dò chút chút về tính tình thằng bạn cũ. Kinh nghiệm cho ông biết, chuyện phú quí sinh lễ nghĩa, chuyện người qua trước, người qua sau né tránh nhau là thường. Ông Hội thật an tâm khi nghe ông Hiển nói một câu chắc nịch:

- Thằng Luận tốt lắm. Lúc nào cũng hỏi thăm bạn bè. Dân H.O. qua, chỉ cần chút quen quen là nó tìm cách giúp đỡ.

Ông Hội nói ra dự định của mình, ông Hiển phán một câu nghe mở cờ trong bụng:

- Tao gọi cho nó ngay.

Ông Hội ngăn lại:

- Giờ này chắc nó lu bu khách khứa. Đợi tối nó về mày hãy gọi.

Ông Hiển ừ, và cất lại cái cell phone.

Buổi tối hôm sau, ông Luận chở ông Hiển đến thăm nhà ông Hội. Chuyện vui đến nửa đêm.

Một tuần sau, ông Luận gọi cho ông Hội:

- Mày đến tiệm tao vào buổi sáng sớm vì lúc đó thường vắng khách. Tao sẽ bảo mấy đứa nhỏ ngồi cho mày làm móng thử. Mày làm cho quen và tụi nhỏ chỉ thêm, lúc nào tao thấy được thì bắt đầu. Chuyện dễ thôi.

Sở dĩ ông Hội phải khất ông Hiển thêm một tuần là để ông có đủ thời gian lo chuẩn bị chu đáo cho công việc mới. Ông lấy hẹn đi bác sĩ khám mắt lại. Mua cái kiếng hai tròng nhưng không có cái lần ngang. Đeo cái kiếng mới, kiểu gọng thời trang, trông ông trẻ hẳn ra. Mua thêm lọ thuốc nhuộm, five minutes for men, khi tắm nhuộm thử, kết quả khá tốt nhưng không thể che giấu được cái đầu hói. Ông suy nghĩ tiếp, rồi mua cái nón lưỡi trai có hình cái đầu lâu trên hai lưỡi kiếm, màu nâu đỏ, của đội football Buccaneers. Dân địa phương đều thích đội Bucs. Ông muốn hợp với sở thích khách hàng chứ thực sự ông không thích football. Ông chỉ muốn che cái đầu hói. Rồi chuyện trồng hai cái răng cửa bị gãy, nha sĩ đòi tới hơn sáu trăm nên tạm thời ông có cái khẩu trang che lại. Mặc đủ lễ bộ đứng trước kiếng, ông thấy mình lạ hẳn. Bà Hội chọc quê ông:

- Ngày xưa anh đi đánh trận cũng đâu có cẩn thận đến như thế nầy.

Ông lườm bà:

- Công việc nầy đâu có giống như hãng xưởng. Mình lớn rồi, cần phải lịch sự để khách vừa lòng.

Qua một tuần thực hành và quan sát cách làm việc của bọn trẻ, ông Hội rất tự tin. Ông Luận cũng OK:

- Tuần tới mày bắt đầu làm chính thức. Xoay tua, nhưng nếu gặp khách đòi móng bột thì có ngươi khác lo. Còn móng chân nước, mày còn

chút lọng cọng, nhưng rất có ăn, một bộ 45 đô, chia tứ lục, cộng tiền tip nữa, mày cũng kiếm được hơn 30. *Phẻ re!*

Ông Hội phấn chấn về kể với vợ:

- Mọi việc tốt cả rồi. Chỉ có cái nón lưỡi trai còn lướng vướng nhưng không bỏ ra được. Anh cố gắng chịu một tháng nếu vẫn không quen thì mua cái đầu tóc giả là yên mọi chuyện. Cứ thế mà đi, *phẻ re như con bò kéo xe!*

Ông Hội chính thức bắt đầu công việc dù có chút căng thẳng, nhưng khá thuận lợi. Ngày thứ ba của tuần kế tiếp, cũng không phải lễ hội gì, nhưng tiệm bỗng đông khách. Lúc nào cũng có ba, bốn người ngồi đợi. Hôm đó lại có một thợ nghỉ nên công việc bề bộn hẳn lên. Ông Luận, chủ tiệm, cũng nhào vô một ghế làm liên tục. Ông Hội vừa xong mối khách thì đến một bà Mỹ đen cỡ gần 300 pound ngồi vào ghế làm chân nước. Cái ghế rộng, đẹp đã biến thành nhỏ hẹp, vừa vặn ôm lấy cơ thể bà. Bà lại mặc cái áo đầm ngắn khoe đôi ống chân to gần bằng cả thân người ông. Ông Hội ngồi dưới chân, bỗng thấy hết cái nhỏ nhoi của mình. Điều ông cố xua đuổi ra khỏi đầu óc ông từ lâu, lại quay về! Ông muốn hội nhập một cách trọn vẹn, không phân biệt một công việc nào, miễn có tiền và không đụng chạm đến tư cách thì ông làm. Bây giờ ông mới hiểu thêm cái ánh mắt không được vui của bà Hội khi ông thu nhập được hơn 400 ở tuần lễ đầu làm việc. Có cái tế nhị thật kín đáo trong ánh mắt đó! Lúc đó ông chỉ nghĩ thoáng qua cái ghen nhẹ nhàng của người đàn bà khi hàng ngày chồng lo o bế làm đẹp bàn tay, bàn chân cho những ngươi đàn bà khác. Bây giờ ông mới thấy nó sâu hơn thế nữa! Bà đang che giấu chút chịu đựng mới. Chồng bà phải "hạ mình" lo cái móng tay, móng chân cho nhiều người đàn bà khác, mà đôi khi, họ là những thành phần bất lương ai biết được? Cái ghen thật nhẹ nhàng sâu lắng. Cái ghen có thêm thứ bậc. Móng chân cái của bà Mỹ, nhỏ và lún sâu, vì bị hai mép da dày hai bên lấn chiếm tạo nên hai cái khe sâu hoắm và đen ngòm. Muốn kỳ cọ và làm sạch hai cái mương nầy thật không dễ dàng. Ông Hội nghĩ thương vợ, chưa bao giờ ông để ý đến những việc tỉ mỉ của riêng bà. Chắc chắn cái ngón chân của bà

CAO THỊ NGUYỆT LĂNG

Mùa Hạ Của Tôi

Anh về mang mùa hạ
Nắng chín ửng tà dương
Vai tròn gió mười phương
Tôi thêm lần thơ ấu

Hàng cây cao bóng lá
Tiếng chim chuyền dục giã
Tay tìm tay năm trước
Hồn chợt đẫm phong sương

Anh về mang mùa hạ
Võng đưa tiếng trưa bay
Mùa đi qua mùa tới
Cánh áo đã vàng phai

Quỳnh hương xanh thấp thoáng
Môi ai thềm trăng xưa
Dịu dàng mùi đêm thâu
Nồng thơm thêm lần nữa

Anh về mang mùa hạ
Bên kia cánh đồng non
Đâu rồi dấu chân ngoan
Đâu những bước rộn ràng

Tìm mùa hạ tinh mơ
Bên phố người xôn xao
Tìm nhành hoa rực rỡ
Ngày đã xuống ngàn sao

Anh về mang mùa hạ
Núi vẫn xanh bên trời
Ôi! mùa hạ tôi ơi!

vừa đẹp vừa dễ chăm sóc gấp bao nhiêu lần cái ngón chân trước mặt. Ông vụng tay, hích ngược cái que cong, nhọn, đang lèn trong cái mương, bà Mỹ giựt mạnh cái chân và hét lên. Ông Hội giật mình, kéo cái khăn trắng quấn bàn chân bà lại. Chút máu đỏ thấm qua khăn. Bà Mỹ tru tréo ông không hiểu kịp. Ông chỉ lặp lại, rồi lặp lại, sorry, sorry. Nguyên cả tiệm, khách lẫn thợ, đều nhìn vào bàn chân bà Mỹ. Ông Hội vỗ vỗ bàn chân bà, ngước lên nói vội vàng mấy câu Anh ngữ mà chính ông Luận nghe cũng không hiểu. Ông Luận đứng dậy chạy qua ghế ông Hội, nói nhỏ và thật nhanh:

- Mày để tao giải quyết. Đứng dậy, ra phía sau và lẻn về nhà đi.

Ông Hội chạy vội về nhà. Căn nhà vắng hoe. Bà đi làm chưa về. Cô con gái út còn ở trường. Ông căng thẳng. Muốn đánh tan cái yên vắng, ông mở TV. Chưa nghe được câu nào ông lại tắt. Ông sợ tiếng TV ồn làm ông không nghe được tiếng điện thoại reng. Ông chờ điện thoại. Ông mong ông Luận báo cho ông biết. Rồi ông sợ tiếng điện thoại. Có thể cảnh sát đang lập biên bản. Họ cần gọi ông ra tiệm để khai. Họ sẽ hỏi cái bằng hành nghề của ông. Ông muốn điện thoại reng. Ông không muốn điện thoại reng. Ông muốn gọi ra tiệm. Ông không dám. Ông căng thẳng hơn cả sợi dây đàn. Chỉ một tiếng động bất ngờ, cũng là tiếng "phựt," đứt sợi dây. Ông đi tới, đi lui trong căn nhà. "Người Mỹ ưa kiện tụng lắm. Chuyện gì có vấy tí máu là dễ kiếm tiền. Họ kiện để kiếm tiền." Ông nghĩ lung lắm, quên cả đói.

Buổi trưa đã lặng lẽ trôi qua lâu lắm rồi.

Ông thở phào. Chắc mọi chuyện đều yên rồi. Bây giờ tiếng điện thoại reng thì chắc không phải là của cảnh sát.

Ông Luận trong vai chủ tiệm, trực tiếp chăm sóc cho bà Mỹ. Ông chỉ cho bà vết thương không nặng lắm, nó chỉ rách tí da. Ông xin bà thứ lỗi "vì mọi người không ai tránh khỏi lỗi lầm." Ông xin bà để cho ông hoàn tất công việc và không tính tiền. Bà Mỹ vẫn giữ bộ mặt giận nhưng ngồi yên để ông làm. Khi tiễn bà Mỹ ra về, ông Luận cười tươi rói, nói thêm lời xin lỗi để câu khách trở lại, nhưng không tỏ ra khúm núm. "Khúm núm quá, bà ấy lại tưởng mình sợ nên dễ có tác dụng ngược." Ông nghĩ như vậy.

Không phải đợi cho đến tối, điện thoại đã reng. Ông Hội lấy bình tĩnh, nhấc điện thoại lên. Nghe giọng ông Luận phía bên kia đầu dây, tự dưng ông Hội cảm thấy sờ sợ ông Luận:

- Thế nào rồi ông?

- Tao làm cho bả free. Bả còn làm mặt giận, nhưng chắc yên rồi. Bả chỉ chờ có thế. Cũng may là bả không biết là mày chưa có bằng chứ không thì cũng mệt dữ à nghe! Đó là lý do tao biểu mày trốn về gấp, nhỡ có chuyện lớn thì tao nhờ thằng có bằng thế vai cho mày. Dưới mắt bả thì tụi mình thằng nào cũng giống như thằng nào.

Ông Hội vừa trút được gánh nặng ngàn cân:

- Chuyện riêng của tôi, tôi không ngán. Chỉ sợ liên lụy đến cái tiệm của ông.

Ông Luận chợt nhận ra ông Hội đã đột ngột thay đổi cách nói chuyện với mình:

- Sao mày lại thay đổi cách xưng hô với tao?

- Ừ, tôi đâu có biết. Nó đâu từ trong bụng tuôn ra đó ông ạ!.

Tìm đọc:

SUY TƯ VÀ ƯỚC VỌNG
của NGUYỄN THANH GIANG

Do Quê Hương xuất bản.

Gồm các bài viết của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang (Hà Nội), đề cập từ những vấn đề lý thuyết chính trị xã hội, đến những hiện tượng sai trái bất công trong đời sống người dân do nhà cầm quyền Cộng sản gây ra.

Giá 14 Mỹ kim.

Liên lạc:
Hội Pháp Việt Tương Trợ
(Association France-Vietnam d'Entraide AFVE)
240 rue de Tolbiac – 75013 Paris, France.
Tel: (33) 1 45 89 58 32.
E-mail: AFVE@ifrance.com

Học làm gì?

NGUYỄN BÁCH VIỆT

- Học xong anh sẽ làm gì?

Tôi chợt dừng lại. Đang tập trung điền tờ đơn cho thằng Xuân tôi có cảm giác hình như nó hỏi gì đó. Không ngoảnh đầu lại và mắt vẫn dán vào màn hình máy tính tôi hỏi:

- Mày hỏi cái gì, Xuân?

- *Em muốn hỏi, học xong thì anh sẽ định làm gì?* Nó nhắc lại câu hỏi.

Tôi bực tức dừng lại và quay sang nhìn nó. Đó là câu hỏi mà thỉnh thoảng tôi thường được nghe và nhiều khi miễn cưỡng phải trả lời. Người quen, bạn bè và cả những người lạ hoắc hỏi lấy được hay xã giao thỉnh thoảng cũng đặt ra cái câu hỏi triết lý đấy. Ngay cả bố, mẹ tôi cũng chưa bao giờ hỏi như vậy. Ông bà chỉ thường nhắc nhở tôi phải học cho giỏi. Bản thân tôi càng ít khi nghĩ đến chuyện đó. Tôi vốn cho nó là câu hỏi vớ vẩn và là tương lai xa mặc dù đôi khi cái câu hỏi đó cũng hiện ra trong đầu, nhưng chỉ khi tôi chán nản hay mệt mỏi lúc học thi. Tất nhiên không phải là câu hỏi rõ ràng và thẳng thừng tàn nhẫn như vậy. Những lúc đó tôi chỉ thắc mắc: *"Mẹ kiếp, học hành mệt và khó thế này rồi để sau sẽ làm 'chó' gì?"*

Nhìn thằng Xuân như một thứ vật kỳ lạ, tôi cân nhắc và trả lời nó chân thực những gì hiện ra trong đầu tôi lúc đó: *"Học xong thì chắc anh sẽ kiếm một công việc gì đó để làm và sẽ sống như mọi người, chứ thế nào nữa!"*

Nói xong tôi quay lại máy tính để làm nốt cái đơn xin chuyển địa chỉ kinh doanh cho chính nó, cho thằng Xuân.

- Thế anh học làm gì? Anh biết ngoại ngữ, thà đi kiếm tiền mấy năm đó sau đó có vốn làm ăn buôn bán có sướng hơn không? Anh biết tiếng làm gì chẳng dễ, đi buôn hàng, buôn thuốc lá như mấy anh sinh viên hay chỉ cần đi bán hàng là đủ. Anh học làm quái gì?

Tôi ngạc nhiên quay ngoắt lại phía nó. *"Ô, thằng này hỏi hay thật!"* Chợt nhìn thấy vẻ mặt bình thường "nghiêm túc" của nó tôi chợt bình tâm lại. Nó hỏi chân thực như một người quen biết, như người em và không hề pha ý diễu cợt hay trêu chọc gì. Mà nó cũng có mấy khi biết trêu chọc hay diễu cợt kiểu "chữ nghĩa" này bao giờ đâu. Nó chỉ thường quen kiểu đùa cợt "quần chúng" ngoài chợ như trêu mấy cô bán hàng xung quanh hay khen các cô Tiệp đi mua hàng là Sexy và gạ sẽ hạ giá, hay rủ các cô đi quán, đi nhảy Disco với phong cách, theo tôi, rất "thô thiển" và dân dã mà thôi.

Tôi căng đầu nghĩ xem nên trả lời nó thế nào. Chưa ai hỏi tôi đơn giản và thẳng tuột như vậy. Cũng chưa bao giờ tôi tự đặt ra câu hỏi đó cho bản thân. Người ta, trong đó có cả bố, mẹ tôi cũng thường chỉ nhắc, chỉ bảo tôi phải học đi, học cho giỏi mà thôi. Trong trường, ở đoàn thể thì chúng tôi có nhiệm vụ và vinh dự phải học giỏi để sau này góp phần xây dựng tổ quốc, quê hương v.v. Bố mẹ tôi thì hơi khác quan điểm một chút, chúng tôi cần phải học giỏi và ít nhất cũng phải học xong đại học để cuộc sống đỡ vất vả. Các cụ thường nhắc đi, nhắc lại là nếu không có bằng đại học thì sẽ chẳng làm nên trò chống gì. Trong thâm tâm, tôi cảm giác cả Bố và Mẹ tôi đều mong tôi học giỏi để sau thành ông này bà nọ hay cũng sẽ có cuộc sống an nhàn và sung sướng. Chưa ai hỏi thế cả! Thế mà thằng Xuân, mẹ cha cái thằng chưa học hết trung học lại hỏi tôi một câu oái ăm thế.

Căng đầu một lúc mệt mỏi vì không biết phải trả lời nó thế, nào tôi đành đầu hàng và thú nhận chân thực với nó như tôi thường làm: *"Mẹ kiếp! Bây giờ anh chịu không biết giải thích với mày như thế nào? Anh cũng chưa bao giờ nghe ai hỏi vậy. Có dịp anh sẽ giải thích hay trả lời cho,"* và tôi còn lưu ý thêm cho nó: *"Bây giờ im mồm đi và đừng hỏi linh tinh kiểu đó nữa, nếu không anh sẽ không kịp làm xong mấy thứ giấy tờ cho mày."*

Thằng Xuân không hỏi linh tinh nữa, nó quay sang ngắm nghía căn phòng sinh viên đơn giản của tôi. Tôi quay lại viết nốt mấy tờ đơn liên quan đến việc chuyển nơi kinh doanh của nó. Xong xuôi tôi kiểm tra lại một lần nữa và in ra giấy. Phòng tôi ở ký túc xá sinh viên nhỏ nên máy tính đặt một nơi, máy in ở nơi khác cách nhau một đoạn.

Chiếc máy in mực cũ nhấp nháy khởi động kêu xoèn xoẹt kéo giấy và những tờ giấy từ từ trồi ra ngoài giá đỡ. Thằng Xuân ở gần máy in

cầm lên xem và ngạc nhiên: *"Ồ, hay thật! Em có thấy anh động gì vào máy in đâu mà tự nhiên nó lại in ra đúng mấy tờ giấy anh viết ở đằng kia. Nó in từ đâu ra vậy?"*

Tôi định giải thích qua cho nó, nhưng tôi chợt nghĩ chắc nó sẽ không hiểu và mất thời gian trong khi chúng tôi đang vội. Chợt nhiên rất vô ý thức tôi bảo nó: *"Mày thấy đấy, lúc nãy mày hỏi anh học làm gì? Anh chịu không biết trả lời sao. Nếu không học thì không thể làm chuyện đó được, viết văn bản ở đằng kia và không cần chạm vào máy in mà in được nó ra đằng này."* Hóa ra câu hỏi lúc nãy của nó vẫn vướng mắc trong đầu tôi !!! *"Học ít nhất cũng để làm được chuyện đó."* Nó thốt lên: *"Ừ thế chứ!"*

Chuẩn bị xong xuôi giấy tờ, nó chở tôi ra phòng kinh doanh. Nó mới sang gần hai năm đã có xe, tôi ở đây gần năm năm thì toàn phải đi nhờ. Chúng tôi khẩn trương đi về phòng kinh doanh ở Praha 4. Trên đường đi qua mấy chân cầu đồ xộ ở khu Nusle thằng Xuân lại bảo: *"Bọn Tiệp 'ngố' giỏi thật anh nhỉ! Bọn nó xây được cái cầu kinh thế, trên cầu có hẳn bốn năm làn xe xa lộ đi lại."* Tôi bổ xung thêm kiến thức cho nó bằng một vẻ hiểu biết: *"Chưa hết đâu, tàu điện ngầm còn đi cả trong thân cầu nữa."*

- Thế cơ à! Tài thật, sao bọn nó giỏi thế!

- Bây giờ anh mới trả lời phần nào cho câu hỏi lúc nẫy của mày. Nếu không học thì làm sao dựng được những cái cầu như thế. Ai cũng đi bán hàng cả thì lấy ai thiết kế, lấy ai xây được những cái cầu như vậy. Vứt cho mày hàng triệu đô la, liệu mày có thiết kế xây được cái cầu như thế không?

- *Ừ nhỉ, cũng phải có người biết những cái khác chứ.* Thằng Xuân gật gù.

Hoá ra tôi vẫn chưa quên câu hỏi chết tiệt lúc nãy của nó.

*

Sau cú sốc nhẹ với thằng Xuân hôm đó, câu hỏi quỷ ma tha bắt của nó vẫn vấn vương mãi trong đầu tôi. Cứ mỗi lần có việc đi ngang qua chợ nhìn thấy thằng Xuân là tôi lại nghĩ đến câu hỏi của nó.

Nó hỏi vậy cũng đúng thôi và hoàn toàn hợp với con người nó. Nó không cần cái sự học hành làm gì. Kém tôi khoảng ba tuổi nhưng nó đã lăn lộn trong đời chút ít. Khi còn ở Việt Nam đã kịp thôi học trung học, đi làm thuê, đi buôn và chạy mánh. Sau đó nghe người ta nói đi Tây làm ăn dễ và nhanh giàu nó đã xin Mẹ nó và vay một số tiền để đi sang châu Âu. Nó định đi Đức nhưng sau khi sang đến Tiệp người ta bỏ rơi nó và một vài người khác trong đoàn cùng đi ở lại sau khi đã nhận hết tiền dịch vụ như đã thỏa thuận. Những người khác trong đoàn có người nhà, anh em đến đón đi. Nó và vài người khác sót lại được ở nhờ nhà một trong những người liên quan đến nhóm "cán bộ" đã đưa nó sang bên này.

Lúc đầu nó nghĩ đã sang đến Đức và cứ hỏi tại sao không dẫn nó và những người kia vào trại tị nạn. Rất nhanh sau đó nó hiểu ra rằng nó đang ở Tiệp và để sang Đức nó cần trả thêm một khoản tiền nữa. Mà tiền thì nó đã trả hết sạch cho chi phí chuyến đi nên nó đành ở lại đây và kiếm cách sống. Về hai tay trắng thì nó không muốn, mà hơn nữa nó cũng cần ít nhất tiền mua vé máy bay nếu muốn về.

Sau đó nó lân la ra chợ, làm quen với mọi người. Có người lúc đó muốn mở rộng "kinh doanh" mua thêm quầy mới và thuê nó bán hàng và hứa sẽ trả nó một khoản tiền hàng tháng, tuy không nhiều. Nó còn được gia đình anh chị đó bảo về ở cùng để tiện việc đi lại bán hàng. Tôi cũng biết anh chị đó và có đôi lần qua lại chơi thăm. Tôi biết nó từ đó. Ngoài ra sau đó mới phát hiện ra là nó là "đồng hương" với nơi dạy học của mẹ tôi. Chúng tôi ít nhất cũng có điểm gì đó chung.

Sau một thời gian bắt đầu xuất hiện những mâu thuẫn giữa thằng Xuân và anh chị ân nhân của nó. Tôi trở thành cái bồ hứng những lời than phiền của hai phía. Anh chị Thuận kêu ca là nó gian lận và hay để mất hàng. Vợ anh Thuận còn nghi ngờ nó bán hàng và không đưa lại tiền. Thằng Xuân thì than thở với tôi là anh chị Thuận không sòng phẳng, lúc trả tiền nó thường cắt xén những khoản do mất mát hàng hóa tự nghĩ ra. Anh Thuận còn bảo tôi: *"Lúc đầu nó chăm chỉ thế mà bây giờ chểnh mảng và nhiều khi bỏ mặc quầy hàng đấy đi tán chuyện với mọi người."*

Khổ thân tôi chẳng biết ai đúng, ai sai. Hơn nữa tôi có phải là cái thùng vô vị để chứa những lời than phiền, nói xấu lẫn nhau của thiên hạ đâu. Với bản tính trí thức bẩm sinh muốn yên thân, tôi hạn chế đến chơi nhà họ.

Một thời gian sau ra chợ tôi gặp lại nó ở quầy hàng. Nó trông vẫn vậy, có phần tươi tỉnh hơn ít nhiều. Tôi hỏi thăm về tình hình của nó, về anh chị Thuận và cả về những uẩn khúc giữa nó và anh chị Thuận. Nó nói: *"Em thôi không bán hàng cho anh chị ấy nữa. Bây giờ em có quầy của em. Lúc nào nhỡ em có cần gì anh giúp em nhé."* Tôi cũng không ngạc nhiên lắm, tôi chỉ hỏi nó xem

mọi chuyện sau đó ra sao. Nó kể, sau đó cả hai bên không chịu được và nó được người khác cùng chợ thuê bán hàng. Nó bỏ anh chị Thuận và được thanh toán một số tiền không nhiều sau khi trừ đi những mất mát hao tổn cùng với ấm ức của nó và cảm giác bực bội của anh chị Thuận. Sau đó tôi được anh chị Thuận than vãn là đã ôm rơm giặm bụng khi giúp đỡ nó. Sau đó chợ mở rộng, nó vay được ít tiền thuê quầy, mua hàng ra bán riêng. Từ nay nó sẽ là ông chủ của chính nó. Tôi thành thật chúc mừng và hơi cảm thấy tủi thân.

*

- Cái thằng ấy gian lắm, em chơi với nó phải cẩn thận và đừng tin nó.

Mặc dù thằng Xuân đã thôi không ở cùng và bán hàng cho vợ chồng anh Thuận nhưng tôi vẫn được nhắc nhở lưu ý mỗi khi gặp anh chị. Và anh chị cũng thường xuyên than phiền về chuyện đã cưu mang nó. Than phiền cả về việc nó thay đổi và láo lếu nhiều khi với anh chị ở chợ. Khác với thằng Xuân, anh chị Thuận có dáng trí thức và thích nói về chuyện văn hoá, chuyện học hành. Anh Thuận thường bảo tôi: *"Nói chuyện với bọn ở chợ chán lắm, bọn nó chẳng hiểu biết gì cả. Chẳng qua vì hoàn cảnh mình phải rơi vào môi trường 'vô học' này."*

Anh rất thích tiếp xúc với sinh viên nghiên cứu sinh. Anh thường khoe với mọi người là anh đã học ở bên Đức và ngoài tiếng Đức biết cả tiếng Anh. Vợ anh cũng đồng tình với anh và để lộ ra là chị cũng biết hai thứ tiếng đó. Sự thật theo tôi biết thì anh tốt nghiệp Đại học kinh tế quốc dân ở nhà và sang Đức tị nạn một thời gian. Trong thời gian đó anh có học ít nhiều tiếng Đức và tham gia một vài khóa học thêm ở đó. Sau đó anh được chị làm giấy tờ hợp pháp hóa sang Tiệp. Nhưng quả thật anh chị Thuận là người cũng ham hiểu biết và chịu khó mua đọc báo chí. Anh than phiền thường xuyên với tôi về việc tốn tiền mua báo để đọc. Anh Thuận thường nói: *"Dù sao mình cũng là người có học, có văn hóa hơn nên tiếp xúc với môi trường chợ búa chán lắm. Gặp những người hiểu biết như em còn được mở mang và dễ chịu hơn."*

Chị vợ anh Thuận cũng thích nói về chuyện văn hoá, nhưng thường chỉ được một lúc sau đó mọi câu chuyện lại quay về chuyện người này, người nọ hay chuyện quần áo.Tuy nhiên chị cũng thích đọc báo chí, khác hẳn hoàn toàn với thằng Xuân. Tôi hoàn toàn không hiểu nó đi học biết chữ để làm gì, hầu như tôi chẳng mấy khi thấy nó cầm tờ báo bao giờ cả.

- Anh nên cẩn thận với anh chị ấy, có quan hệ gì thì anh phải thật rõ ràng, sòng phẳng vì anh chị ấy hay lợi dụng lắm.

Thằng Xuân bao giờ cũng chân tình nhắc mỗi lần gặp khi biết tôi vẫn quan hệ với anh chị Thuận. Với tôi thằng Xuân ít nhiều chân thành và ít dấu diếm. Lý do vì tôi không bán hàng và "vô tư" trong mọi chuyện.

Thái độ của anh chị Thuận với tôi cũng như vậy. Cả hai rất "quý" cái tính "vô tư- vô hại" của tôi. Hai anh chị rất thích nói chuyện về học hành, về những ý tưởng của mình. Ngoài ra cả hai mỗi dịp gặp đều giới thiệu về "học vấn" của tôi với mọi người quen ít hay quen nhiều của anh chị. Tôi được giới thiệu mỗi lần một khác, lúc là luật sư tương lai, khi là sinh viên trường kinh tế, hay khi khác rất giỏi toán và sẽ là kỹ sư học tin học... Tóm lại qua sự giới thiệu của anh chị Thuận tôi tự nhận thấy mình là "thiên tài"- Cái gì cũng học, cái gì cũng biết. Lúc đầu tôi còn đính chính lại, sau thấy vô hiệu và vô nghĩa nên tôi không cải chính nữa. Anh chị muốn hãnh diện với mọi người là có một người quen trí thức toàn năng, tại sao không để anh chị có được hạnh phúc nhỏ bé đó.

*

"Chú bảo học để làm gì?" Tôi hỏi khi nghe chú hét cậu con chú vào học và chuẩn bị bài cho ngày mai đến trường.

"Học để cháu hiểu biết và về sau sẽ có thể làm các chức vụ quan trọng. Như thế cháu sẽ có cuộc sống hạnh phúc, nhàn và được mọi người kính trọng...", chú người quen, Tiến sĩ đã học ở Tiệp đã trả lời tôi như vậy.

"Thiếu gì người không có học vẫn làm to đấy thôi! Họ còn giàu gấp vạn lần ông và cần gì phải học...", vợ chú phản đối và kể ra hàng loạt các ví dụ chứng minh cho ý kiến của cô ấy.

"Nhưng có học vẫn hơn, biết cách sống hơn ...", chú đuối lý dần.

"Cháu còn trẻ thì cứ học, học xong lấy cái bằng cấp rồi sẽ tính sau," vợ chú quay sang tôi và kết luận vậy.

"Vâng, bố mẹ cháu cũng bảo thế," tôi gật đầu đồng tình.

Tôi chào ra về để cô chú còn đi ngủ, sáng mai dậy sớm đi chợ bán hàng.

Mẹ kiếp thằng Xuân, tôi vẫn chưa quên câu hỏi chết tiệt của nó!

*

PHƯƠNG MỸ HOA

Bằng Không

quên luôn áo lụa qua cầu
anh mang lưới chụp cần câu để chờ
mang thêm cả đó cả lờ
chờ xuân qua hạ hết trưa hết chiều
qua cầu khỉ bắc xiêu xiêu
chờ đây dưới lá chuối tiêu nhạt ngày
qua cầu bông bưởi thơm lây
em chưa trở lại bàn tay ai cầm?
ngồi hoài câu cũng bằng không!

"Anh bảo học để làm gì?" Tôi hỏi anh Thành, người quen mà tôi rất quý và tôn trọng. Anh rất ham hiểu biết và thỉnh thoảng nhờ tôi giải thích những từ tiếng Tiệp mà anh đọc ở sách, báo mà anh không hiểu rõ. Một trong số những người Việt hiếm có trên đất Tiệp.

"Học để hiểu biết cho bản thân. Học để có kiến thức làm mọi việc đúng và hợp lý. Học để biết làm việc, để biết sống. Học để biết cái gì hay cái gì xấu ...," anh liệt kê một loạt những mục đích của việc học.

Tôi ngẫm nghĩ.

"Học để có hiểu biết, để biết làm điều tốt, tránh những điều xấu ...," anh tiếp tục.

"Thế những ai không muốn, không cần những điều đó thì sao?" Tôi hỏi.

"Nói chung là nên học để hiểu biết. Ai không muốn thì thôi, không ép được. Những người đó thì cứ để họ ngu dốt vậy. Biết làm sao được," Anh tặc lưỡi.

Thằng Xuân hỏi khó thật!

*

"Anh bảo học để làm gì?" Tôi hỏi một anh, khi là nhà văn thì "gai góc, xương xẩu," là nhà thơ thì "mượt mà, tinh tế" như lời một cô hâm mộ anh đã phát biểu.

"Học để làm người chứ còn làm chó gì?" anh trả lời súc tích và rõ ràng.

"Sakra! (Mẹ kiếp!), giải thích thế thì có mười thằng Xuân cũng không hiểu," tôi thốt lên.

"Thằng Xuân nào?" anh tò mò.

Tôi giải thích cho anh xuất xứ câu hỏi đơn giản vừa rồi. Nghe xong anh cười khoái trí:

"Em gặp toàn những người hay thật! Thảo nào hôm trước anh nghe một thằng nó bảo em là điên."

"Anh không biết chuyện đó hay sao mà phải đợi nghe ai bảo!" Tôi phản ứng lại, hơi chút tự ái.

"Anh không biết nhưng cũng không ngạc nhiên. Anh cũng bị mọi người bảo là điên," và anh nói thêm:

"Còn học để làm gì? Học để hiểu biết, để làm người. Ai muốn ngu lâu thì không cần phải học, thế thôi! "

"Anh giải thích cũng đơn giản không kém gì thằng Xuân hỏi," tôi kết luận.

"Từ thời xưa, từ thời phong kiến qua thời thực dân cho đến nay, lớp lãnh đạo ai cũng muốn dân không biết nhiều. Đám trí thức, nhất là trí thức cứng đầu có bao giờ được ưa đâu," anh bực bội tiếp tục.

*

Câu hỏi đơn giản của thằng Xuân thật khó trả lời. Không thỏa mãn lắm với những câu trả lời đã được nghe, tôi tiếp tục "tra hỏi" thêm. Nhờ đó tôi phát hiện ra bao điều kỳ lạ khác nữa. Có thể làm cả luận văn tiến sĩ khoa học về câu hỏi "ngu xuẩn" của thằng Xuân nêu ra. Anh Tiến cũng đồng ý với tôi về chuyện đó. Anh trước kia học cùng trường nơi tôi hiện nay đang theo học. Thỉnh thoảng mỗi khi qua Praha anh vẫn lang thang quay lại quán sinh viên mà trước kia chúng tôi thường đi uống bia.

Một lần tôi rất ngạc nhiên khi gặp anh tại đó. Hôm đó tôi cùng hai anh chị nghiên cứu sinh ở trường ra quán "nghỉ ngơi," với tôi mục đích trước tiên là những cốc bia. Rất ngạc nhiên và cả rất mừng khi gặp anh ở đó. Khá lâu tôi ít khi có dịp gặp lại người cũng thích nói những chuyện "vô bổ" và triết lý như anh.

Khi anh còn ở cùng khu sinh viên chúng tôi thường hay tập trung và gặp nhau ở đó. Thời đó anh có một "cá tính" rất hay mà mãi sau tôi mới phát hiện ra. Mỗi khi uống bia, lúc đầu anh uống rất từ tốn, chậm rãi. Trong lúc đó chúng tôi trẻ hơn, chúng tôi uống hừng hực theo cơn khát tự nhiên. Lúc cuối, mỗi đứa chúng tôi đã kịp dốc vào người bốn năm vại bia thì anh mới đang ở vại thứ hai hay thứ ba. Lúc đó anh gọi cho mỗi người

một chầu nữa và ra tay làm chủ sự. Tôi còn nhớ câu nói quen thuộc của anh khi có ai không muốn cạn cốc ngay với lý do đã chuếnh choáng: *"Mày không uống là bằng chửi vào mặt anh."* Không ít người ra về trong trạng thái "say khướt," phần vì không muốn ân hận và không muốn chửi vào mặt anh. Sau đó tôi bắt được "cá tính" đó của anh và tuyên bố trong những dịp đó: *"Em xin lỗi là chửi vào mặt anh còn hơn bị nôn, sáng dậy mệt lắm."*

Bên cốc bia người ta thường cởi mở và thật tâm hơn. Không phải vô cớ có câu: Người già, trẻ em và những người say thường hay nói thật. Sau một hồi ôn lại chuyện xưa nay, câu chuyện vào kỳ "sôi nổi." Câu hỏi đơn giản của thằng Xuân đã làm nảy sinh ra hàng loạt những tư tưởng thú vị khác nhau.

Anh Tiến tuyên bố:

- Học để hiểu biết cho bản thân. Dù sao hiểu biết cũng hơn không hiểu biết.

Và anh kể thêm:

- Dù sau khi tốt nghiệp anh không dùng gì đến cái bằng và anh cũng chỉ đi bán hàng như mọi người, nhưng anh cũng biết Kant (một nhà triết học Đức) là ai và ông đã nghĩ gì, hay cũng biết Smetana (nhà soạn nhạc người Tiệp) không phải là kỹ sư hoá chất như nhiều người tưởng.

Với anh có lẽ đúng như vậy. Ngoài cá tính kể trên khi uống bia anh là một người ham hiểu biết. Mặc dù bận rộn buôn bán thuốc lá anh vẫn quyết tâm tốt nghiệp nghành "vô bổ" của mình, đáng quý hơn là trong lúc nhiều người đã hoàn toàn bỏ hẳn việc học hành. Và sau đó vợ cùng hai con anh đã vinh dự được dự những giây phút trang trọng ngày anh nhận bằng ở một trong những trường đại học lâu đời nhất Đông Âu. Cho đến nay anh vẫn rất thường xuyên quan tâm đến việc học hành của con cái.

Chị Hoa, Tiến sĩ giáo dục học tương lai, thực tế hơn, không xa vời như anh Tiến. Chị chỉ có nguyện vọng nhỏ: *"Mong vợ chồng chị làm xong luận án tiến sĩ, tranh thủ kiếm thêm tiền đủ để về Việt Nam mua được căn hộ nhỏ, xe máy cho hai vợ chồng. Sau đó có được việc làm phù hợp và anh chị sẽ chỉ còn quan tâm đến công việc khoa học, gia đình và không phải bon chen trong xã hội."*

Chị cũng kể về chuyện nhiều người đối xử tốt với vợ chồng chị. Thắc mắc của chúng tôi về việc những người đó đối xử không hay với người khác chị có quan điểm rõ ràng: *"Kệ họ, chỉ cần biết họ đối xử tốt với mình tốt là được, còn việc đối xử của họ với những người khác làm sao quan tâm hết được."*

"Chính vì người ta cũng đối xử tốt như thế với Hitler nên mới sinh ra đại chiến thế giới lần thứ hai," tôi cười bảo chị vậy.

Anh Tiến ngồi im uống bia, không ý kiến. Sau anh mới nói riêng với tôi:

- Quan điểm của nó là quan điểm đã lạc hậu của trí thức Việt Nam những năm 80, trước thời mở cửa. Hồi đó, đám trí thức cũng chỉ muốn có nhà cửa, xe cộ ổn định và chỉ quan tâm đến công việc, đến "khoa học" và tránh bon chen, đấu đá trong cơ quan, trong xã hội. Thỉnh thoảng làm chuyến đi hội nghị, thực tập sinh cải thiện. Không quan tâm đến xã hội, thỉnh thoảng chửi, cười sự ngu giốt, vô học của cấp trên mình.

Anh ngạc nhiên thật sự: *"Ngày nay vẫn có nhiều người nghĩ vậy, hay thật!"*

Anh Thái, Tiến sĩ khoa học xã hội tương lai, không tranh luận mấy.

Anh chỉ nói: *"Anh cóc quan tâm, học để làm gì, anh chỉ biết cố làm xong luận án tiến sĩ để sau này có điều kiện tăng lương và cũng để có uy tín hơn ở nhà vợ. Mọi người thường trách anh không biết làm kinh tế, khi anh đã là Tiến sĩ thì ít nhất cũng không ai coi thường anh."*

Còn chuyện có thể bao giờ ứng dụng gì những điều anh nghiên cứu hay không? Anh cho biết:

Lần đầu khi anh xây dựng đề án đề nghị cải tiến hệ thống thông tin ở viện, anh đã được ông viện trưởng hỏi: *"Cậu định đạp đổ hết công lao xây dựng của những người đi trước à?"*

Lần thứ hai anh chỉ dám trình bày đề nghị cải tiến cách thức bố trí công việc, anh được hỏi lại lần nữa: *" Cậu định phủ nhận và vô hiệu hoá chúng tôi hay sao?"*

Anh rất tự tin, nghe anh nói: *"Với anh cũng dễ, cái gì anh cũng biết."*

Nói chuyện với anh tôi cảm thấy được an ủi là trí thức Việt Nam mình giỏi thật.

Sau khi hai tiến sĩ tương lai đi khỏi, tôi và anh Tiến lại có dịp triết lý "vô bổ" một dịp. Dù sao cũng có người không bảo tôi hâm khi nói những chuyện "vớ vẩn."

*

Vẫn chưa ai trả lời câu hỏi đơn giản của thằng Xuân để tôi hài lòng.

Cái sự học rắc rối thật! Và những kẻ có học cũng thật rắc rối !

Tôi nhớ chuyện các tiến sĩ tương lai ở trường nọ rèm pha, kèn cựa và để ý lẫn nhau từng tí. Bao giờ gặp mặt, liên hoan cũng cãi nhau và khích

bác nhau thật sự. Nhiều lúc nghĩ lại tôi vẫn thấy ghê. Không ít người trong số họ là thầy cô, là bố mẹ (chắc lúc trên giảng đường hay ở gia đình là những bậc phụ huynh rất gương mẫu). Thế nhưng những lần họ khoe ra với nhau những chuyện quan hệ ăn nằm với học sinh, với các đồng nghiệp thật ghê. Đúng như một chị Tiến sĩ tương lai, người quen đã nói: *"Đã ngủ với con cái người ta rồi lại còn đem ra khoe, thật là bỉ ổi."*

Về mặt này, tôi thấy họ kém xa thằng Xuân. Nó tán đổ ngay một cô Tiệp lang thang ở ngoài chợ, làm cô có thai nhưng không hề khoe và sau đó còn chuyển về ở hẳn nhà cô ấy. Dù mọi người trêu trọc, khích bác, nó không hề đem những chuyện đó ra khoe. Những tiến sĩ ở trường đó ai cũng có vẻ lịch sự với nhau. Thế nhưng ai đó đều giấu ngày họ bảo vệ tiến sĩ của mình trước mọi người để tránh khỏi bị dèm pha, bị chọc phá.

*

"Em không biết, bố mẹ em bảo học thì em học. Học làm gì thì em chịu, không biết." Đó là câu trả lời thành thật của nhiều em ít tuổi hơn tôi.

"Thế bọn em học làm gì? Thời gian ấy đi chơi, đi nhảy, đi quán ... có sướng hơn không?" Tôi hỏi y hệt như thằng Xuân đã hỏi.

"Bọn em nhiều lúc cũng muốn thế. Nhưng chỉ thỉnh thoảng thôi, còn đâu phải học."

"Thế học xong bọn em sẽ định làm gì?" Tôi vẫn cố hỏi thêm.

"Chưa biết được. Có thể bố, mẹ sẽ xin cho bọn em một công việc gì đó tốt, nhàn và nhiều tiền để làm," cậu sinh viên kinh tế năm dưới trả lời chân thành.

Và cậu ta thổ lộ thêm:

"Em lắm lúc cũng thắc mắc, như bố, mẹ em học đại học rồi cũng đi bán hàng như mọi người, thậm chí kiếm tiền còn kém hơn. Thế nhưng luôn muốn bọn em học và không hề giải thích hay chỉ cho bọn em một tương lai gì khác."

Tôi mỉm cười cảm thông. Đó cũng là tình trạng của tôi.

*

Bẵng đi một thời gian tôi cũng quên dần câu hỏi của thằng Xuân. Bỗng nhiên một hôm nó gọi điện thoại cho tôi:

- Anh Trung, em gọi cho anh mấy lần không được. Anh phải giúp em, hôm trước em bị đập cửa xe, bị lấy cắp hết giấy tờ, cả Hộ chiếu. Anh giúp ra giải thích ở chỗ cảnh sát cùng em với. Con 'vợ'Tiệp em nói vẫn chưa đủ.

Tôi phải cùng nó ra giải thích cho cảnh sát. Nó hỏi tôi có biết ai có thể xin cấp hộ chiếu mới nhanh được không vì nó phải xin lại thẻ cư trú. Tôi hứa sẽ hỏi chuyện đó. Nhưng ngay tối ngày hôm sau nó gọi điện bảo tôi: *"Anh không cần hỏi chuyện hộ chiếu nữa đâu. Bà bán hàng cạnh chỗ em là bồ của một ông cán bộ trên sứ quán hứa sẽ giúp, nhanh và rẻ thôi."*

Tôi nghĩ bụng, số thằng này sướng thật, đúng là "ngu si hưởng thái bình."

Chưa đầy hai tuần sau, lại một cú điện thoại gấp của thằng Xuân và ngay sau đó nó đích thân đến tận chỗ tôi. Tôi cứ tưởng lại liên quan đến chuyện hộ chiếu, bà kia chắc là không xin được hộ chiếu mới cho nó. Nhưng không, nó đã có hộ chiếu mới, nhưng lại bị chuyện khác. Nó bị cảnh sát bắt vì bán hàng giả mang các nhãn hiệu nổi tiếng như Addidas, Nike v.v.. Nó đem đến biên bản khai để nhờ tôi xem khai thế có ổn không và ông phiên dịch nọ dịch có đúng không?

Hóa ra tôi có uy tín ra phết! Nó giải thích là nó nghe rất nhiều người kể chuyện là phiên dịch thường hay dịch sai để rồi ra tay cứu, kiếm tiền. Những nỗi lo của nó quả không sai. Trong biên bản nó khai: *"....Tôi biết đấy không phải là hàng bản quyền, nhưng tôi nghĩ vì giá rẻ và khách hàng cũng muốn mua những hàng hợp mốt nên tôi bán và nghĩ rằng khách hàng sẽ hài lòng..."* Dịch lại cho nó nghe xong, nó trợn mắt: *"Em có khai thế đâu! Em bảo là em không biết, chỉ thấy hàng trông đẹp và khách hỏi mua nhiều thì em lấy về để bán thôi,"* nó cũng giải thích thêm cho tôi: *"Anh phiên dịch bảo em nên nói thật thì sẽ nhẹ tội hơn."*

Tôi giải thích cho nó là khai như thế nghĩa là đã công nhận tội của mình. Tôi cũng lắc đầu bảo nó: *"Ông phiên dịch tuy dịch khác với em trả lời nhưng là phiên dịch quốc gia, có bằng cấp. Còn anh không có bằng phiên dịch, cảnh sát sẽ tin ông ta hơn. Trong chuyện này anh rất khó có thể giúp em được."*

Nghe xong nó chửi: *" Đ. m., mấy thằng biết chữ mất dạy thật !"*

Tôi nóng mặt, nhưng kịp trấn tĩnh lại. Nó đúng, không thiếu gì những người có học hành nhưng vẫn làm nhiều điều tồi tệ và thậm chí còn tai hại hơn những kẻ vô học.

*

Thằng Xuân sau đó bị phạt 60,000 đồng (cỡ 2,000 USD), trả gần 30,000 tiền luật sư và phiên dịch và năm sau không được cảnh sát kéo dài thẻ cư trú. Nó phải bỏ ra một khoản tiền lớn để hợp

pháp hoá một bộ giấy tờ khác. Cô bồ Tiệp cũng không cứu được nó. Sau đó nó chuyển lên biên giới bán hàng với hy vọng sẽ giầu nhanh hơn. Nó bỏ lại cô bồ cho một đứa bạn. Cứ mỗi dịp gặp tôi nó lại hỏi sao tôi không thi và xin bằng phiên dịch chính thức. Tôi phải giải thích không biết bao lần: Dù thi tôi cũng không thể thành phiên dịch vì tôi không có quốc tịch Tiệp và cũng không có có thẻ thường trú. Cũng không biết bao lần nó bảo: *"Anh dại bỏ mẹ và và sao nghiêm chỉnh thế! Sao anh không mua lấy cái bằng giả như ở Việt Nam bán đầy. Còn để có thẻ thường trú thì đưa đám làm dịch vụ lo cho hay lấy một cô Tiệp 'làm vợ.' Mà anh biết ngôn ngữ khó gì."* Nghe nó kêu trách, tôi chỉ biết ậm ừ ...

*

"Cho đáng đời nó. Cái thằng ấy láo lắm, hồi trước anh xuýt đánh nhau với nó," anh Thuận phản ứng vậy khi nghe tôi kể về chuyện không may của thằng Xuân. Hóa ra trong một lần tranh chấp giữa anh và thành Xuân, nó có nói năng gì đó mà anh Thuận cho là hỗn láo, và họ xuýt đánh nhau. May mà người trong chợ can. Người Việt hay thật! Ôi thôi, không giải quyết được mâu thuẫn bằng phương cách văn hoá thì bằng chân tay vậy. Tôi nghĩ thầm.

Anh chị Thuận vẫn không thay đổi mấy. Vẫn ngày đi bán hàng, vẫn tự hào và thường chơi với đám sinh viên, nghiên cứu sinh. Vẫn thường xuyên nói sẽ về Việt Nam làm gì đó xứng đáng với trình độ của mình và bảo với tôi rằng, việc buôn bán hàng hiện nay chỉ là tạm thời, là do hoàn cảnh (đã năm thứ sáu). Anh chị cũng cho tôi biết là anh chị vẫn học tiếng Anh, tiếng Đức vì tiếng Tiệp học làm gì. Tất nhiên mỗi khi cần gì đó thì nhờ tôi đi dịch hộ giúp đỡ "như" là bạn bè - nghĩa là đưa tôi rất ít tiền hay không mất tiền. Nhìn anh chị, tôi lại chán chuyện học hành của mình và chỉ muốn mơ đến những chuyện khác dễ dàng và tươi đẹp hơn.

*

Gần hai năm nữa trôi qua. Thằng Xuân mất tích và đang bán hàng ở trên biên giới. Anh Thuận và vợ vẫn tạm thời đi bán hàng và mỗi năm đều tính sẽ về hẳn Việt Nam. Anh Tiến có một quầy hàng ổn định ở một thành phố ngoài Praha và thỉnh thoảng vẫn dừng chân ở quán bia gần trường ngày nào.

Chị Hoa, Tiến sĩ Giáo dục học tương lai, chăm chỉ đi kiếm tiền và tiếp tục làm tiến sĩ, chắc sẽ phải kéo dài thời hạn vì không kịp viết luận án.

Anh Thái, Tiến sĩ Xã hội học tương lai, đi làm thêm cho một công ty người Việt Nam, và cái gì anh cũng vẫn biết.

Việt Nam đã có thêm một loạt tiến sĩ mới trong nhiều nghành tốt nghiệp ở nước ngoài.

Anh Thành vẫn cặm cụi đi làm kiếm sống, thời gian rỗi mò mẫm các hiệu sách và thỉnh thoảng gọi điện hỏi tôi những từ, câu mà anh không hiểu.

Nhà văn "gai góc" nọ vẫn gai góc và không thay đổi.

Một số đông con của một số người Việt Nam được bố mẹ đưa sang thi đỗ vào trường đại học kinh tế Praha, hy vọng chúng nó sẽ có dịp giúp nền kinh tế nước nhà trở nên bình thường.

Còn tôi, sau hai năm tôi cũng đã tốt nghiệp xong Đại học, thoả mãn nguyện vọng của cha, mẹ tôi. Tuy nhiên tôi vẫn chưa trả lời nổi câu hỏi đơn giản của thằng Xuân dù đã hỏi nhiều người, đã tìm nhiều trong sách vở. Mỗi người trả lời một khác. Nhưng quan trọng hơn cả, tôi đã thực hiện đúng mong muốn của cha, mẹ tôi: Học xong có cái bằng cấp.

Thằng Xuân chắc cũng không ngờ là câu hỏi của nó thật khó, ngay đến Lê Nin, lãnh tụ cách mạng Nga cũng không biết.

Lê Nin vốn là một người rất coi thường tầng lớp công nhân, nông dân Nga. Sự thật này mãi sau mới được biết đến khi công bố những văn bản, tài liệu mật do ông viết. Trong những văn bản đó ông có nói: *"... chỉ ở một nước lạc hậu với tầng lớp công nhân, nông dân kém hiểu biết thì cách mạng mới có thể thành công"*... Về chuyện học hành ông ta cũng chỉ biết biết kêu gọi, kêu gào: *"Học, học nữa và học mãi."* Có lẽ gần với tôi hơn là ý tưởng của Khổng Tử: *"Học để thành đạt nhân biết làm việc nghĩa, việc phải cho đời."* Nó cũng gần gũi với câu trả lời súc tích của nhà văn gai góc nọ: *"Học để làm người."* Và hơn cả, tôi tâm đắc nhất với suy nghĩ của ông Masaryk, Tổng thống đầu tiên của Tiệp Khắc khi nói rằng: *"Học để biết cách suy nghĩ."*

Sau một thời gian làm thuê tôi cũng có ít tiền và kiếm được một cửa hàng đẹp, có khoản thu nhập ổn định và chắc sẽ cưới cô người yêu của mình.

Thỉnh thoảng tôi sẽ gọi điện thoại cho anh Tiến lên cái quán bia gần trường ngày nào để uống bia và nói những chuyện "vô bổ." Hy vọng là anh vẫn chưa thay đổi.

Nếu quý vị, ai biết được câu trả lời: Học làm gì? Xin hãy làm ơn cho tôi được biết, tôi sẽ rất biết ơn và hậu tạ. Xin cứ gọi thẳng đến số mobil cho tôi, bất kỳ khi nào và tôi sẵn sàng trả lại tiền điện thoại quý vị trả để gọi.

Ngày Quốc Tế Các Nhà Giáo
Prachatice, ngày 20.11.1999

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Ông TRƯƠNG PHÚ

Pháp danh THANH TUỆ

Giám Đốc nhà xuất bản AN TIÊM

Đã qua đời tại Garden Grove, Orange County,
California – Mỹ Quốc
ngày 16 tháng Tám năm 2004,
tức ngày Mồng Một tháng Bảy Giáp Thân

Thọ 69 tuổi

Chúng tôi chân thành chia buồn cùng
chị Đỗ Ngọc Lệ và tang quyến.
Nguyện cầu Hương Linh ông sớm về cõi Phật.

Gia đình LƯƠNG NGỌC CHÂU – PHẠM THỊ HOÀN
Yerres - France

SÁCH MỚI MÙA HÈ !!!

*** BÍ ẨN QUYỀN LỰC VÀ TÌNH ÁI CỦA HỒ CHÍ MINH**
Biên khảo của Trần Viết Đại Hưng *(sách dày 210 trang, giá 12 dollars)*

*** PHE TALIBAN VÀ TỔ CHỨC KHỦNG BỐ AL-QAEDA**
Biên khảo của Trần Viết Đại Hưng *(sách dày 210 trang, giá 12 dollars)*

*** CHUYỆN TRÒ TRƯỚC LÚC ĐI XA**
Sách nói về tình thầy trò và cái chết *(dày 180 trang, giá 12 dollars)*

*** SÁNG TRĂNG (Hà Sĩ Phu)**
Tuyển tập gồm thơ, văn, câu đối, bài chính luận mới nhất của HÀ SĨ PHU
Sách dày 350 trang, giá 16 dollars

Thư từ liên lạc:
TRAN
14805 S. Hawthorne, Apt E, Lawndale, CA 90260 - USA
E-mail: dalatogo@yahoo.com

Ở Quận Cam có thể tìm mua ở các nhà sách:
- **Văn Nghệ: (714) 934-8574**
- **Tự Lực: (714) 531- 5290**
- **Tú Quỳnh: (714) 531-4284**

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

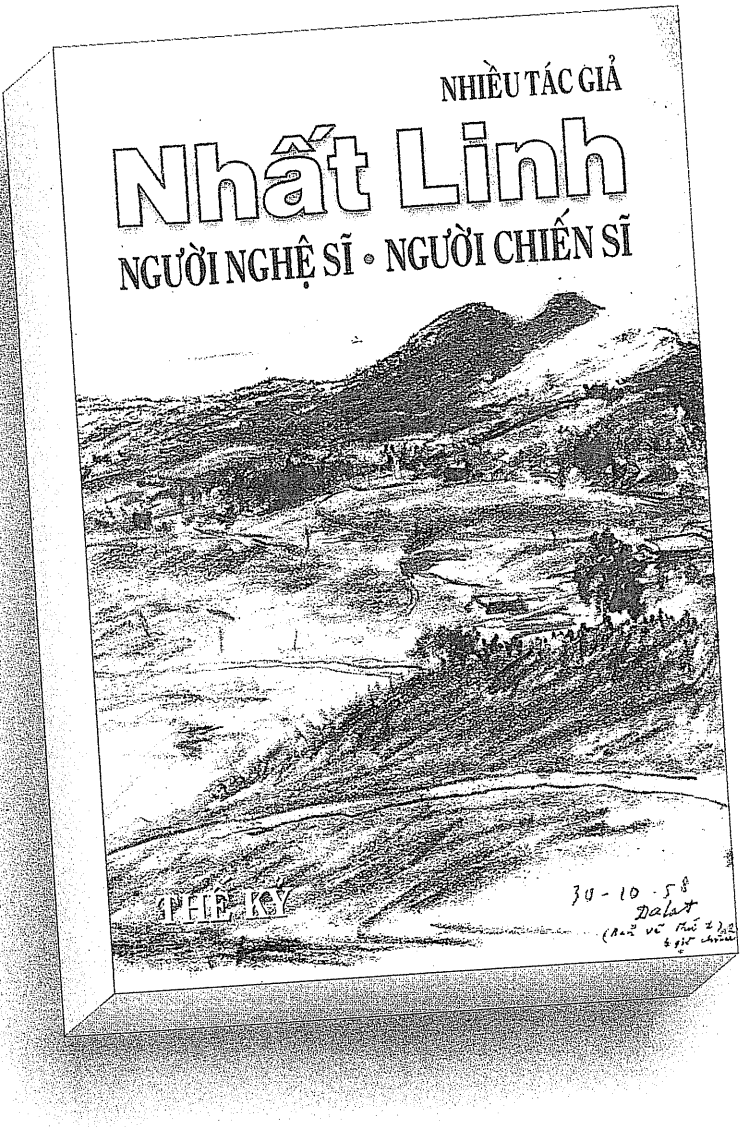

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của: **Nguyễn Tường Bách, Trương Bảo Sơn, Võ Phiến, Đông Hồ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Trần Khánh Triệu, Tú Mỡ, Anh Thơ, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Lê Đình Thông, Trương Kim Anh, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh.**

Văn phẩm của **Nhất Linh** và **Hoàng Đạo.**

Rất nhiều tài liệu thuộc về cuộc đời của nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam: hình ảnh, bản thảo, thủ bút, họa phẩm... **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

Sách phát hành vào đầu tháng Bảy, 2004. Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 **không tính cước phí.** Chi phiếu, bưu phiếu xin đề:

Thế Kỷ 21
14781 Moran Street
Westminster CA 92683 USA

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim